

KỸ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC

**LÊ TRUNG ĐÌNH
&
PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG
Ở QUẢNG NGÃI**

SỞ VĂN HÓA - THÔNG TIN QUẢNG NGÃI, 1997

989. 00355.092

K 600 7

KỸ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC
LÊ TRUNG ĐÌNH
& PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG
Ở QUẢNG NGÃI

Thư viện

THƯ VIỆN T. QUẢNG NGÃI
142 684
ĐỊA CHỈ 793

SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN QUẢNG NGÃI 1997

LỜI NÓI ĐẦU

Từ lâu, tên tuổi của Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi đã gắn bó thiết thân với truyền thống chiến đấu chống ngoại xâm của nhân dân trong tỉnh, được ghi nhận như một vết son trong lịch sử dân tộc. Tuy nhiên, suốt trong một thời gian dài, việc nghiên cứu về phong trào yêu nước đáng tự hào và người thủ lĩnh đầu tiên này không khỏi có những hạn chế - do chiến tranh, do hoàn cảnh kinh tế của quê hương, đất nước.

Rất may là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo tỉnh, sự giúp đỡ nhiệt tình của các ban ngành hữu quan, của các bậc cách mạng lão thành, đặc biệt là sự phối hợp và giúp đỡ chuyên môn một cách tận tình của Viện sử học Trung ương, của Trung tâm Nghiên cứu lịch sử TP. Hồ Chí Minh, sự hưởng ứng tích cực của nhiều nhà khoa học khắp nơi trong nước, cuộc hội thảo khoa học về Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi đã được tổ chức với quy mô lớn trong các ngày 15 và 16.7.1996 tại Thị xã Quảng Ngãi và đã gặt hái được những thành công rất tốt đẹp.

Để phát huy các thành quả đã đạt được trong cuộc hội thảo, góp phần cho công tác giáo dục truyền thống, và cũng để giúp việc đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu đề tài này trong tương lai, Sở Văn hóa thông tin Quảng Ngãi xin giới thiệu với bạn đọc tập kỷ yếu này.

Phương châm của chúng tôi là giữ nguyên các bản báo cáo, tham luận để bạn đọc dễ sống lại với không khí trong hội thảo. Tuy nhiên, đây là một xuất bản phẩm với mục đích như đã nói, chúng tôi xin lược bớt một số ít tham luận hoặc một số đoạn trong một số bài xét ra không giúp ích nhiều cho việc tìm hiểu, nghiên cứu. Tuy vậy, trong nhiều trường hợp, mặc dù có nhiều tư

liệu trùng lặp nhau nhưng chúng tôi vẫn giữ lại để đảm bảo tính hệ thống, tính lô-gích ở nhiều tham luận. Đối với những điểm không thống nhất giữa các tham luận, khi thấy thật cần thiết, chúng tôi sẽ có chú thích thêm ở cuối trang để bạn đọc tiện đối chiếu, tham khảo. Mặt khác, đây là một tập kỷ yếu khoa học gồm các tham luận của nhiều tác giả, mỗi người có lối trình bày, hành văn riêng nên chúng tôi hết sức tôn trọng và chỉ sửa chữa trong trường hợp thật cần thiết để văn phong trở nên trong sáng hơn, dễ dàng cho bạn đọc tiếp nhận.

Trong quá trình tổ chức hội thảo cũng như ấn hành tập kỷ yếu này, Sở VH TT Quảng Ngãi đã nhận được sự động viên, giúp đỡ thiết thực và quý báu của lãnh đạo Viện sử học TW, Trường ĐHSP Hà Nội I, GS. Phan Ngọc Liên và trực tiếp là PTS. Trần Hữu Đính, PTS. Nguyễn Minh Tường, của Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử TP. Hồ Chí Minh do PTS. Đinh Văn Liên (Giám đốc Trung tâm) dẫn đầu cùng rất nhiều trường học, cơ quan và cá nhân tha thiết với truyền thống dân tộc nói chung và truyền thống của quê hương Quảng Ngãi nói riêng. Một lần nữa, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu tập sách và mong nhận được những ý kiến góp ý quý báu của bạn đọc.

Quảng Ngãi, tháng 8 năm 1997
Sở VH TT Quảng Ngãi

BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC VỀ LÊ TRUNG ĐÌNH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG NGÃI.

(Do đồng chí Tạ Hiến Minh, Nghệ sĩ ưu tú, Giám đốc Sở VH TT

Quảng Ngãi, Trưởng ban tổ chức hội thảo, trình bày).

Kính thưa các vị khách quý

Kính thưa các nhà nghiên cứu khoa học

Thưa hội nghị

Không phải đến sau này mà từ rất lâu, dấu ấn cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình và phong trào Cần vương chống xâm lược đã in sâu trong lòng nhân dân ta - bất chấp sự phong tỏa, cấm đoán của phong kiến - thực dân, bất chấp sự xói mòn do dòng chảy của thời gian trên một thế kỷ nay. Dấu ấn ấy một lần nữa tỏ rõ lòng yêu nước sâu thẳm trong tim người Việt nói chung và người dân xứ Quảng nói riêng. Cũng phát sinh từ ấy, mà trước kia, trong bối cảnh hai cuộc chiến vệ quốc vô cùng khốc liệt, việc nghiên cứu về phong trào Cần vương cũng có bước tiến khá dài với các bài nghiên cứu đăng trên các sách, báo. Hai mươi năm qua, công việc ấy vẫn tiếp diễn. Chúng ta vô cùng biết ơn những người đi trước đã không quản chống gai để khai sơn phá thạch, dọn quang con đường đi đến những chân lý khoa học. Song cũng phải thấy dù đã tiến bước khá dài, công việc nghiên cứu Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi - vị thủ lĩnh đầu tiên của phong trào này - vẫn chưa đầy đủ, có hệ thống, do vậy cũng chưa đánh giá thỏa đáng về tầm vóc của nhân vật ấy, phong trào ấy ở cả chiều rộng đại (lúc trong mối quan hệ với phong trào chung ở Trung kỳ) lẫn lịch đại (lúc trong mối tương quan thời gian trước và sau đó - trong dòng yêu nước của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi). Đó là tình trạng chung của nhiều lĩnh vực trong nước. Một số tỉnh đã có những cố gắng soi sáng lại phong trào này, như ở Hà Tĩnh có hội thảo về Phan Đình Phùng, ở Bình Định có hội thảo về Tăng Bạt Hổ v.v... Mỗi nơi mỗi ít, trong chủ trương khơi sáng truyền thống để đủ sức để kháng với các loại văn hóa ngoại lai, không chỉ giúp ích cho đời sống tinh thần ở mỗi địa phương mà còn góp phần khơi dậy truyền thống của cả dân tộc, cả đất nước.

Ở Quảng Ngãi, chúng ta cũng sớm nhận thấy những hạn chế đó nên từ giữa năm 1995, Sở VHTT Quảng Ngãi được sự giúp sức của Viện Sử học, đã tham mưu với Tỉnh ủy, UBND tỉnh và xin phép được tổ chức Hội thảo khoa học về Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi đúng vào dịp 110 năm ngày phong trào khởi phát (1885). Công việc chuẩn bị được xúc tiến, song do tình hình bão lụt và một số công tác khác cấp bách hơn cần giải quyết nên cuộc hội thảo dời đến hôm nay. Tuy có chậm so với dự kiến ban đầu, song điều đáng mừng là trước Hội thảo hôm nay - đúng 111 năm ngày Lê Trung Đình hy sinh vì nước - Ban tổ chức (BTC) đã nhận được tổng số 43 bản tham luận (có 40 bản gửi kịp thời hạn) của các nhà nghiên cứu, không chỉ trong tỉnh mà còn ở nhiều tỉnh khác gửi về, đặc biệt là từ Thủ đô Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Huế, TP. Qui Nhơn, TP. Nha Trang... với các tác giả là các Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú, Giáo sư, phó Giáo sư, Tiến sĩ, phó Tiến sĩ, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu ở các trường và các viện như: Trường ĐHSB Hà Nội I, ĐHSB và ĐHTH Huế, ĐHSB Qui Nhơn, Viện Sử học (Hà Nội), Phân viện Sử TP. Hồ Chí Minh v.v... Điều ấy vừa chứng tỏ rằng đề tài này có sức hấp dẫn rất lớn đối với công tác nghiên cứu, vừa biểu hiện tấm lòng ưu ái, mối thiện cảm của các nhà nghiên cứu dành cho phong trào, cho quê hương Quảng Ngãi. Cho phép tôi được thay mặt BTC bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các nhà nghiên cứu, các vị khách quý và hy vọng rằng cuộc hội thảo của chúng ta nhất định sẽ thành công tốt đẹp.

Kính thưa các vị khách quý

Kính thưa các nhà nghiên cứu khoa học,

Như dự kiến ban đầu của BTC, các tham luận khoa học mà BTC nhận được hầu hết đã nhằm đúng mục đích, yêu cầu mà đề cương nghiên cứu đã đề ra. Hơn thế, một số bản tham luận còn dài hơn nhiều so với quy định, nội dung ở một số bài còn bàn đến một số vấn đề qui mô của cả vùng, cả nước, lại cũng có một số bài còn hướng tới giải quyết những vấn đề không chỉ của Quảng Ngãi, nhiều bài không chỉ đề cập đến một mà nhiều vấn đề có liên quan. Mặt khác, cũng có thể thấy trong nội dung của nhiều bản tham luận có sự trùng lặp nhau về tư liệu trích dẫn. Đó là điều tất nhiên. Tôn trọng ý kiến của người nghiên cứu, chỉ trong một số ít trường hợp, BTC tạm lược bớt một số đoạn xét ra có vẻ xa rời với nội dung chính, còn hầu hết các bài đều được in nguyên văn để đảm bảo tính lô-gic và chỉnh thể của nó và được tạm xếp theo 4 nhóm vấn đề chính như sau:

- Nhóm 1: Gồm một số bài đề cập đến bối cảnh, một số vấn đề phương pháp luận về việc nghiên cứu Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi, những vấn đề về bối cảnh chung.

- Nhóm 2: Gồm một số bài tập trung đề cập đến Lê Trung Đình và phong trào Cần vương dưới thời ông lãnh đạo, việc chuẩn bị, diễn tiến cuộc khởi nghĩa chiếm thành Quảng Ngãi, những nguyên do thành công và thất bại, ý nghĩa, tầm vóc của nhân vật và phong trào dưới thời này...

- Nhóm 3: Gồm một số bài đề cập tập trung đến các nhân vật khác của phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi thời sau Lê Trung Đình, một số bài đánh giá tổng quan về cả phong trào.

- Nhóm 4: Gồm một số bài đề cập đến vài vấn đề liên quan khác.

Tất nhiên, chúng tôi tạm phân nhóm như vậy chỉ để dễ cho chúng ta thảo luận, còn trên thực tế ở từng bài nghiên cứu rất khó có thể phân định một cách rạch ròi.

Ở nhóm 1, có thể kể đến tham luận của các tác giả: PGS. PTS. Nguyễn Đình Vỹ - PTS. Trịnh Tùng (Trường ĐHSP Hà Nội I) GS. Đinh Xuân Lâm (ĐHSP Hà Nội I), PTS. Nguyễn Văn Diệu (Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử TP. HCM), Trần Viết Ngạc (CBGD-ĐHSP TP. HCM), Lê Hồng Khánh (CV. Sở VH-TT Quảng Ngãi) và một phần trong các tham luận khác. Trong tham luận "*Về việc nghiên cứu Lê Trung Đình*", hai tác giả Nguyễn Đình Vỹ - Trịnh Tùng đặt vấn đề cần nghiên cứu Lê Trung Đình và phong trào Cần vương Quảng Ngãi cho tương xứng với tầm vóc, ý nghĩa của nó, trong mối tương quan và tác động qua lại với truyền thống yêu nước, truyền thống văn hóa của nhân dân tỉnh nhà. Cũng theo hướng này, GS. Đinh Xuân Lâm lại điểm qua từ phong trào Cần vương Quảng Ngãi đến "đặc điểm phát triển và sự chuyển biến của phong trào Nam Trung kỳ hồi đầu thế kỷ XX", tức từ Cần vương đến Duy tân và Chủ nghĩa Cộng sản, để thấy sự lan tỏa và đi vào chiều sâu của phong trào yêu nước ở Quảng Ngãi. PTS. Nguyễn Văn Diệu (Hội Sử học TP. Hồ Chí Minh) đề cập đến bối cảnh lịch sử đầy "sống động và bi tráng" diễn ra ngay đêm hôm trước cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình, dẫn đến kinh đô Huế thất thủ và Lê Trung Đình khởi sự khởi nghĩa ở Quảng Ngãi. Tác giả Trần Viết Ngạc đặt vấn đề "*Chiếu hay dụ Cần vương?*", một vấn đề tưởng rất nhỏ nhưng lại có ý nghĩa lớn vì nó góp phần đánh giá tầm vóc, tính chất của cuộc khởi nghĩa. Tác giả Lê Hồng Khánh đề xuất một giải pháp phân kỳ triều Nguyễn làm 2 (thời kỳ "triều Nguyễn tự chủ" và thời kỳ "triều Nguyễn bù nhìn") nhằm tránh sự nhầm lẫn trong đánh giá và cũng

để lý giải một trong những nguyên nhân thất bại của phong trào Cần vương một cách sáng rõ hơn. Nhiều bài tham luận ở các nhóm sau cũng có những vấn đề chung liên quan với nhóm này, như tham luận của các tác giả Nguyễn Đình Thắng, Trần Văn Thân. Trong tham luận của mình, tác giả Trần Văn Thân (nguyên CBGD - ĐHSPT Hà Nội I, Hiệu phó ĐHSPT Quy Nhơn) nhìn nhận phong trào Cần vương ở khoảng không gian rộng (cả Trung kỳ), và xem khoảng thời gian tồn tại của phong trào cũng dài hơn, ở đó còn cần phải kể đến phong trào Nghĩa hội, được thành lập từ ngày Nam kỳ mất vào tay Pháp (dưới sự ủng hộ của phái chủ chiến trong triều đình Huế) và kéo dài đến hết thế kỷ XIX, chứ không đợi đến triều Cần vương mới tổ chức và hành động. Từ đó mới lý giải được linh chủ động của giới sĩ phu yêu nước cả trước và sau khi triều đình hoàn toàn đầu hàng và nổi giáo cho giặc. Tham luận của tác giả Nguyễn Hồng Sinh (Chủ tịch Hội Bảo vệ văn hóa truyền thống, TP. Nha Trang) thậm chí còn đi xa hơn, mô tả phong trào Cần vương ở Trung kỳ như một tổ chức chặt chẽ, có hệ thống và chỉ mượn danh Cần vương để thực hiện hành động cứu nước v.v...

Rõ ràng ngay ở nhóm bài thứ nhất này đã có nhiều vấn đề rất lớn cần bàn bạc, thảo luận và nếu như cuộc hội thảo của chúng ta làm sáng tỏ được thì nó sẽ giúp ích rất nhiều cho việc đánh giá trường hợp Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi.

Ở nhóm 2 là nhóm lập trung đánh giá về Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của ông nên được nhiều tác giả đề cập. Trước hết, như tham luận của tác giả Lê Mạnh Tiến (*Lê Trung Đình qua một số sách đã xuất bản*) đã nói, nếu chỉ riêng về nhân vật Lê Trung Đình thì thư tịch và sử sách không biên chép nhiều, bên cạnh những tương đồng vẫn có những điểm dị biệt như năm sinh Lê Trung Đình (1857 hay 1863?), năm Lê Trung Đình đỗ Cử nhân (1882 hay 1884?), thân sinh Lê Trung Đình là Lê Trung Lượng đỗ Tiến sĩ hay Cử nhân v.v... Chưa kể tác giả Nguyễn Hồng Sinh trong tham luận của mình (*Lê Trung Đình - một ngôi sao rạng ngời nghĩa khí từ đất Cẩm Thành*) còn khẳng định Lê Trung Đình thuộc dòng dõi Lê Ý Đà (một vị tướng từng chinh với vua Lê Thánh Tông và được ở lại trấn nhậm). Không rõ tác giả dựa vào nguồn sử liệu nào và nguồn tư liệu ấy có đủ độ tin cậy hay không...

Rõ ràng, thư tịch, tài liệu vẫn còn là một vấn đề cần làm rõ hơn, bàn kỹ hơn và tìm kiếm nhiều hơn nữa. Cùng từ thư tịch, hai tác giả Trần Minh

Tân - Nguyễn Thu Vân (Trung tâm Sử học, TP. HCM) khẳng định rõ: Lê Trung Đình không thể là kẻ "phiến loạn" như sách vở triều Nguyễn đã biên chép. Đó cũng chính là vấn đề mà tác giả Chế Linh (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi) đề cập: Vấn đề thái độ của triều đình Huế đối với cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và phong trào Cần vương (qua sách sử triều Nguyễn). Không đề cập nhiều tới bản thân Lê Trung Đình, nhưng tham luận của tác giả Nguyễn Đắc Xuân, nhà nghiên cứu triều Nguyễn (*Lê Trung Đình, nhà ái quốc trẻ tuổi của phong trào Cần vương...*) lại dẫn ra một số tư liệu đáng chú ý về phẩm cách cụ Lê Trung Lượng và việc đội quân Phấn nghĩa gồm rất nhiều người dân Quảng Ngãi tham gia trận huyết chiến ở cửa Thuận An (Huế) như thế nào; nói cách khác, là dấu ấn của gia đình và quê hương trong hành động cứu nước của Lê Trung Đình. Trong cố gắng làm sáng rõ hơn tính chất chính nghĩa, tích cực của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình, tác giả Quách Thị Nguyệt (NXB Trẻ - TP.HCM) còn thực hiện một cuộc đối chiếu giữa ông với Nguyễn Thân - một nhân vật phản diện, ở một thái cực khác, đầy tính gian ngoan, xảo quyệt.

Về diễn tiến của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình, đa số các tham luận đều không đưa ra điều gì mới, ngoài những thư tịch đã có. Riêng trong tham luận của mình *Góp phần tìm hiểu phong trào Văn thân Quảng Ngãi và cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình*, Nhà giáo Ưu tú Nguyễn Đình Thăng (ĐHTH Huế) lại đưa ra nhiều ý kiến khác. Tác giả cho rằng những nhận định trước đây nói Nguyễn Tự Tân lủ trận là không chính xác. Bằng lời nghe kể lại, tác giả khẳng định không hề có chuyện Nguyễn Thân kéo binh vào thành giả phối hợp rồi đặt quân mai phục đánh úp, mà là Nguyễn Thân đóng binh ở ngoài thành, Lê Trung Đình - Nguyễn Tự Tân vội ra đón thì bị Thân bắt và chém Nguyễn Tự Tân ngay sau đó, để vừa uy hiếp tinh thần Lê Trung Đình, vừa cho Lê Khiết (lúc này còn theo Nguyễn Thân) đến dụ hàng ông, mưu đồ lôi kéo sĩ phu Quảng Ngãi theo y v.v...

Trên hành trình đi tìm những nét đặc thù, tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình, tác giả Hồng Nhân (nguyên Giám đốc Sở VH TT Quảng Ngãi) cho rằng đây là một phong trào yêu nước "hợp lòng dân", chính nhờ "tinh thần dân" nên thu hút được đông đảo quần chúng tham gia. Hai tác giả PTS. Phạm Quang Trung (Viện Sử học) và Bùi Thị Thu Hà (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy An Giang) trong tham luận *Mấy nhận xét về cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình* cho rằng cuộc khởi nghĩa này thuộc loại "sớm nhất" trong phong trào Cần vương của cả nước. Ý kiến này trùng

hợp với ý kiến của nhiều tác giả khác. Lý giải vì sao cuộc khởi nghĩa Cần vương ở Quảng Ngãi nổ ra sớm đến như vậy, có nhiều ý kiến khác nhau: có ý kiến cho rằng Lê Trung Đình và các lãnh tụ Cần vương chưa hề nhận được chiếu (hay dụ?) Cần vương mà nhờ phỏng đoán đúng linh hình nên phát động khởi nghĩa; lại có ý kiến khác cho rằng chiếu này đã đến Quảng Ngãi một cách sớm sủa, thậm chí được Tôn Thất Thuyết khởi thảo và truyền đi các tỉnh ngay trước khi có sự biến ở kinh thành. Một vấn đề khác cũng xảy ra ở đây là, dù có nhận được chiếu, thì trong chuyển biến linh hình mau lẹ như vậy, có sẵn lực lượng ở đâu để phát động khởi nghĩa? Về điểm này, các tác giả Trần Văn Thận, Nguyễn Đình Thảng, Nguyễn Hồng Sinh... đều cho rằng việc chuẩn bị chống xâm lược đã có từ trước đi đôi với việc thành lập Nghĩa hội; trong khi có ý kiến khác cho rằng nó chỉ bắt đầu khi có chiếu Cần vương. Tuy có những điểm dị biệt như vậy, song nhiều tham luận đều thống nhất ở chỗ: cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình là cuộc khởi nghĩa sớm nhất ở Trung kỳ (dưới ngọn cờ "Cần vương") và cũng chiếm được thành sớm nhất. Trong tham luận *"Về tính liên phong của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình"*, PTS Đinh Văn Liên (Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử - TP.HCM) còn phân tích thêm: cuộc khởi nghĩa này mang tính liên phong xét ở nhiều mặt - không chỉ là sớm nhất, cuộc khởi nghĩa còn là sự kết hợp đầu tiên giữa sĩ phu và nhân dân, lần đầu tiên thành lập một chính quyền "độc lập, tự do" thật táo bạo và mới mẻ; Lê Trung Đình lại là một lãnh tụ Cần vương trẻ nhất lúc bấy giờ. Ý kiến của tác giả Trần Văn Thận cho rằng, cuộc khởi nghĩa tuy nhanh chóng bị lật ngược, nhưng nó đã có tác dụng gây "hiệu ứng dây chuyền" cho các cuộc khởi nghĩa khác ở nam Trung kỳ trong khi các sĩ phu các nơi còn đang lung chùng chờ đợi chủ trương "chiến, hòa" từ triều đình Huế. Nhìn ở chiều lịch đại, nhóm tác giả ĐHSP Hà Nội I, tác giả Nguyễn Đình Thảng (ĐHTH Huế), Lê Văn Sách (Huế), Nguyễn Quang Trung Tiến (ĐHTH Huế)... đều cho rằng đó là kết quả tất yếu của truyền thống yêu nước, truyền thống hiếu học của nhân dân Quảng Ngãi từ trước. Nhìn xa hơn, cuộc khởi nghĩa là sự khởi đầu cho một dòng chảy yêu nước liên tục không hề đứt đoạn của nhân dân Quảng Ngãi. Về nguyên nhân của thành công và thất bại của cuộc khởi nghĩa, nhiều tham luận cũng đề cập khá cận kề, từ nhiều giác độ, nhiều khía cạnh khác nhau. Riêng có ý kiến cho rằng phong trào Cần vương Quảng Ngãi bị "thất bại" sau khi Lê Trung Đình bị giết, tác giả Trần Văn Thận không đồng tình vì cho rằng cuộc chiến đấu còn tiếp tục giằng co mãi về sau.

Nhiều bản tham luận cũng có sự nhất trí khi đánh giá cao tầm vóc của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình. Đó là ý kiến chung không chỉ của những người có tham luận đã nhắc ở trên hay chưa nhắc đến: Nguyễn Thị Huyền Mai (Bảo làng Bình Định), Anh Thư, Nguyễn Tuấn Triết v.v... Khẳng định tính liên phong của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình, tác giả Nguyễn Hồng Sinh gọi ông là "một ngôi sao rạng ngời nghĩa khí từ đất Cẩm Thành", tác giả Phạm Nhơ cho rằng Lê Trung Đình mang "đặc trưng" của sĩ phu Quảng Ngãi. Ở một góc độ khác, tác giả Cao Chư thử phác họa chân dung của Lê Trung Đình qua giai thoại, đối sánh với tên bán nước Nguyễn Thân để làm rõ hơn cả tính, phẩm cách của Lê Trung Đình trong đặc tính chung của người dân đất Quảng. Tác giả PTS. Nguyễn Minh Tường (Viện Sử học) lại liên hệ phẩm cách Lê Trung Đình với khí tiết của Văn Thiên Tường (Trung Quốc). Xác định rõ tầm vóc lớn, tính tiêu biểu cao ở nhân vật Lê Trung Đình và phong trào Cần vương dưới thời ông lãnh đạo, cũng như nhóm tác giả ĐHSP Hà Nội I và nhiều tác giả khác, tác giả Phạm Hồng Việt (ĐHSP Huế) nêu ra ý kiến Lê Trung Đình chưa được ghi chép tương xứng với tầm vóc thực tế của ông trong lịch sử và cần phải bổ sung đầy đủ cho sự thiếu vắng này. Nhiều ý kiến nêu trên cũng trùng hợp với tham luận rất công phu của hai tác giả: GS. Phan Ngọc Liên (ĐHSP Hà Nội I) và Trương Công Huỳnh Kỳ (CĐSP Quảng Ngãi) khi bàn về "*Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và phong trào Cần vương chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX*", ở đó hai tác giả còn khơi gợi ra nhiều vấn đề cần phải quan tâm nghiên cứu.

Vấn đề nguyên nhân thành công và thất bại của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình cũng được nhiều tác giả đề cập, như tác giả Hồng Nhân trong tham luận *Vài suy nghĩ về Lê Trung Đình và phong trào Cần vương chống Pháp*, tác giả Lê Hồng Khánh (như trên đã kể), tác giả Trương Quang Văn (Trường PTTH Sơn Mỹ, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi), tác giả Đỗ Hữu Nghiễm (Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử - TP.HCM) v.v... Các nguyên nhân thì có nhiều và bài học nổi rõ nhất là sự chủ động, sáng tạo, chớp lấy thời cơ; bài học này được lặp lại trong khởi nghĩa Ba Tơ (11.3.1945), khởi nghĩa Trà Bồng (28.8.1959), thể hiện như một truyền thống của nhân dân Quảng Ngãi.

Ở nhóm 3, nhóm đề cập đến các thủ lĩnh Cần vương Quảng Ngãi sau Lê Trung Đình và nhìn bao quát cả phong trào Cần vương của tỉnh. Tham luận của 2 tác giả Nguyễn Văn Đăng - Nguyễn Quang Trung Tiến (Huế) đề cập đến một số nhân vật của phong trào Cần vương Quảng

Ngài, trong khi cũng với nội dung ấy, tác giả Lê Văn Quát còn đưa ra những nhận xét đáng chú ý. Đó là dù liên tiếp thất bại và con đường phía trước cũng đầy hiểm nguy, các sĩ phu yêu nước Quảng Ngãi vẫn kế tiếp nhau lỗ lú chức lại phong trào Cần vương mà không sợ đầu rơi, máu đổ. Sau Lê Trung Đình, khởi nghĩa của Nguyễn Bá Loan đã có sự chuyển biến về khẩu hiệu hành động, nêu cao mục đích của phong trào là "Tiểu lặc, trừ gian, Bình quốc loạn" và đến Trần Du thì đó là "cứu quốc, hộ dân". Phương lược hành động cũng diễn tiến dần: từ Lê Trung Đình đến Nguyễn Bá Loan, Thái Thú, phong trào đã chú ý khắc phục không ngừng những nhược điểm ở buổi đầu: chú trọng hơn đến việc liên kết với Bình Định và Quảng Nam, chú ý vận động binh lính địch nhiều hơn. Những điều này càng củng cố thêm nhận định cho rằng ngọn cờ Cần vương có thể chỉ là danh nghĩa, còn cứu nước mới là mục đích chính của phong trào. Điều này cũng cho thấy sự chủ động, trách nhiệm cao của các sĩ phu yêu nước Quảng Ngãi, đặc biệt, đó quả là "kho báu về lòng yêu nước và nghĩa khí của tri thức Nho học Quảng Ngãi". Về Nguyễn Bá Loan còn có thể kể tham luận của tác giả Nguyễn Quang Trung Tiến và một phần quan trọng trong tham luận của tác giả Lê Văn Quát. Về Trần Du, có tham luận của tác giả Hoài Hà (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy) trong đó, ngoài việc nêu ra các chi tiết xung quanh lãnh tụ cuối cùng này của phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi, tác giả còn đề cập đến việc lập căn cứ miền núi Ba Tư như là một sáng tạo từ trong truyền thống. Các tác giả Lê Văn Quát, Nguyễn Quang Trung Tiến đều rất chú trọng đến Nguyễn Bá Loan và xem ông là một nhân vật "liều biểu", có tài thao lược, nhạy bén, quả cảm và quyết hy sinh đến cùng vì nước. Về phối hợp với phong trào Cần vương Bình Định, tham luận của tác giả Phan Văn Cảnh đã đề cập khá rõ. Về phối hợp với nghĩa quân Quảng Nam, có thể xem tham luận của tác giả Võ Phú Hưng (huyện Bình Sơn) là một bổ sung đầy ý nghĩa cho tham luận của tác giả Nguyễn Đình Thắng và nhiều tác giả khác ở trước: quân Nam - Ngãi đã từng sát cánh và có lúc đã làm bọn Nguyễn Thân phải thất điên bát đảo. Từ các tư liệu tại chỗ, tác giả Võ Phú Hưng đi sâu vào các sự kiện ở Bình Sơn: lập chiến khu Tuyên Tung, chiến khu Đồng Lớn - Cả Ty, cuộc đấu tranh cam go với bọn bán nước đội lốt tôn giáo ở nhà thờ Trung Tín v.v... Các tham luận ở nhóm này tuy không nhiều như ở nhóm trước nhưng cũng khá phong phú về nội dung và dĩ nhiên cũng có một số dị biệt về sự kiện và đánh giá sự kiện, rất cần cho hội thảo xem xét.

Nhóm 4 là nhóm cuối cùng, ở đây, tác giả Nguyễn Mạnh (Bảo tàng Tổng hợp Quảng Ngãi) điểm qua các nhân vật tiêu biểu của phong trào Duy tân ở Quảng Ngãi như là một sự tiếp nối đầy ý nghĩa với phong trào Cần vương ở trước. Tác giả Cao Thị Hồng Hạnh (Bảo tàng Tổng hợp Quảng Ngãi) nêu lên việc sưu tầm các di tích liên quan đến phong trào Cần vương trên đất Quảng Ngãi. Chắc chắn các nhân vật và các di tích ấy cũng chưa đầy đủ và chưa hoàn toàn chính xác, nhưng đây là những việc rất cần thiết để hội thảo tham khảo và xem xét.

Kính thưa các vị khách quý

Kính thưa các nhà nghiên cứu

Thưa hội thảo.

Chúng tôi chỉ mới lược qua một số vấn đề chính yếu mà các bản tham luận đã đề cập, chắc chắn không thể thay thế được phần trình bày của từng tác giả. Song rất mong hội thảo tập trung nghiên cứu và thảo luận. Với tinh thần khoa học, chúng tôi sẽ lắng nghe mọi ý kiến phát biểu, thảo luận và trân trọng với từng đóng góp, dù nhỏ, của mỗi người. Ở đây, không riêng gì những điểm dị biệt mà ngay cả những điểm tương đồng, chúng ta vẫn có thể xem xét lại đã có đủ luận cứ khoa học, đủ sức thuyết phục hay chưa. BTC sẽ tôn trọng mọi ý kiến tranh luận khác nhau (tất nhiên là trong khuôn khổ thời gian cho phép) song rất mong trong tranh luận sẽ thật sự thẳng thắn, cởi mở, tôn trọng nhau và không lặp lại những ý kiến trước mà người sau đã nhắc lại.

Tất nhiên, trong hội nghị hôm nay, chúng ta sẽ không thể giải quyết được hết những tồn nghi khoa học, nhưng chúng tôi vẫn hy vọng rằng, trong nỗ lực chung của mỗi người, chúng ta sẽ giải quyết đến mức độ tối đa.

Một lần nữa, thay mặt BTC, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến các vị khách quý, các nhà khoa học.

Kính chúc các đồng chí sức khỏe !

Kính chúc Hội thảo của chúng ta thành công tốt đẹp !

VÀI Ý KIẾN BAN ĐẦU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NGHĨA HỘI QUẢNG NAM VÀ CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA LÊ TRUNG ĐÌNH Ở QUẢNG NGÃI

(Phát biểu của đồng chí NGUYỄN THANH VÂN
PGĐ Sở VH TT Quảng Nam - Đà Nẵng)

(...) Ngay sau khi hịch Cần vương được ban ra, phong trào chống Pháp của nhân dân do tầng lớp sĩ phu yêu nước lãnh đạo đều dưới danh nghĩa ủng hộ hịch Cần vương và được gọi là phong trào Cần vương.

Tại Quảng Nam, cuộc vận động thành lập phong trào Cần vương được hình thành nhanh chóng. Phong trào do các sĩ phu yêu nước đứng ra thành lập, thu hút nhiều người tham gia và được nhân dân ủng hộ mạnh mẽ. Người dân Quảng Nam gọi là phong trào này là Nghĩa hội Quảng Nam. Lãnh đạo Nghĩa hội là quan Chánh sứ Sơn phòng Quảng Nam Trần Văn Dư, cùng các sĩ phu yêu nước khác như Nguyễn Duy Hiệu, Nguyễn Thành...

Trần Văn Dư hiệu là Hoán Nhược, sinh năm 1839 tại làng An Mỹ Tây huyện Hà Đông (nay là xã Tam An, thị xã Tam Kỳ) trong một gia đình nho giáo, là người thông minh hiếu học. Ông đỗ tú tài năm 19 tuổi, tiến sĩ năm 35 tuổi (1875). Ông đã từng nhậm chức sơ khảo trường thi Bình Định, rồi làm Hành tẩu Cơ mật viện, Tri phủ Ninh Giang, Tri phủ Quảng Oai. Ông cũng đã từng dạy học cho

vua Đồng Khánh và Dục Đức. Trước khi làm Chánh sứ Sơn phòng Quảng Nam, ông đã làm Án sát đạo An Bình, Án sát tỉnh Hà Tĩnh rồi Biện lý bộ Lại sung Thương bạc Sự vụ.

Khi làm Chánh sứ Sơn phòng Quảng Nam, ông đã tích cực củng cố, tu bổ sơn phòng, chuẩn bị lực lượng chống Pháp. Khi hịch Cần vương được phát đi khắp nơi, Trần Văn Dư là người đứng ra vận động tổ chức thành lập Nghĩa hội (cuối tháng 5 đến đầu tháng 7 năm Ất Dậu 1885).

Triều đình Huế và thực dân Pháp dò biết ông là người thành lập Nghĩa hội nên tìm mọi cách ngăn cản bằng cách chuyển ông đi làm quan Bố chánh Quảng Ngãi, thay vào đó là đưa Nguyễn Văn Tự (người của triều đình Huế) về làm Sơn phòng sứ Quảng Nam.

Để thuận lợi cho hoạt động của mình, Trần Văn Dư đã từ bỏ con đường quan lại, trở về tiếp tục sự nghiệp chống thực dân Pháp, lãnh đạo Nghĩa hội Quảng Nam.

*

* *

Về mặt tư liệu để phục vụ nghiên cứu cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình, chúng tôi có rất ít. Nhưng qua những tư liệu đọc được, chúng tôi có vài ý kiến về Nghĩa hội Quảng Nam và cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình ở Quảng Ngãi như sau:

- Nghĩa hội Quảng Nam và cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình đều do những sĩ phu yêu nước lãnh đạo, cùng chung mục đích là chống lại thực dân Pháp, hưởng ứng

hịch Cần vương do vua Hàm Nghi khởi xướng.

- Ở Quảng Nam, phong trào Cần vương được sự tham gia mạnh mẽ của nhân dân và các sĩ phu, quan lại yêu nước khác. Đặc biệt, nó được chính viên Chánh sứ Sơn phòng Quảng Nam là Trần Văn Dư đứng ra trực tiếp vận động thành lập và lãnh đạo, được chuẩn bị chu đáo về mặt lực lượng, binh lực... Chính vì vậy mà nghĩa hội Quảng Nam đã thu nhiều thắng lợi như việc chiếm đóng sơn phòng Quảng Nam, trận Trà Kiệu, trận Phú Thượng...

- Cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình phát khởi đột ngột hơn. Nó bắt đầu từ chỗ xin cấp khí giới sang thành cuộc khởi nghĩa, chưa chuẩn bị chu đáo để thu hút rộng rãi tầng lớp sĩ phu, quan lại tham gia như ở Quảng Nam^{*}. Trong khi ở Quảng Nam viên chánh sứ Sơn phòng là người lãnh đạo phong trào, thì tại Quảng Ngãi, cuộc khởi nghĩa lại bị chính viên Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nguyễn Thân ra tay đàn áp.

- Cuộc khởi nghĩa chưa tạo được một trung tâm vững chắc để lãnh đạo phong trào như Nghĩa hội Quảng Nam đã có sơn phòng Dương Yên.

- Cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình, cũng như Nghĩa hội ở Quảng Nam, mặc dù đã chịu sự thất bại trước sự đàn áp của thực dân Pháp, nhưng khí tiết của những người lãnh đạo phong trào đã có tác động thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân tại địa phương, là những tấm gương

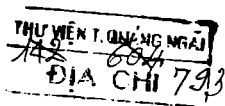
^{*} : Về điểm này, hội thảo có nhiều ý kiến khác nhau. Xem các bài khác trong tập kỷ yếu (Người biên tập).

sáng để các thế hệ sau tự hào noi theo, tiếp tục cuộc đấu tranh đánh đuổi thực dân, giành độc lập cho dân tộc.

Trên đây chỉ là một vài ý kiến riêng của chúng tôi khi nghiên cứu phong trào Cần vương tại Quảng Nam và Quảng Ngãi. Mong rằng qua cuộc hội thảo này, chúng ta sẽ có thêm nhiều tư liệu bổ sung cho đề tài nghiên cứu này.

Tài liệu tham khảo:

- Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam.
- Nguyễn Duy Hiệu và Nghĩa hội Quảng Nam.
- Đại Nam thực lục chính biên tập 36
- Nghiên cứu lịch sử địa phương và chuyên ngành Quảng Nam - Đà Nẵng tập 3.



VỀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG VÀ CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH Ở QUẢNG NGÃI

GS. PHAN NGỌC LIÊN
(ĐHQG Hà Nội)

Phong trào đấu tranh vũ trang yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam từ sau kinh thành Huế thất thủ (Áp đảo 1885) đến cuộc khởi nghĩa Hương Khê của Phan Đình Phùng thất bại (1896) mang mục tiêu vừa chống tư bản Pháp xâm lược, vừa chống giai cấp phong kiến đầu hàng. Đó là *phong trào Cần vương*, tiếp theo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và chuyển sang thời kỳ mới của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Phong trào Cần vương còn nằm trong phạm trù phong kiến, vì mục tiêu đấu tranh của nó vẫn là **phò tá một ông vua** và lập lại chế độ phong kiến độc lập, song đây là một ông vua yêu nước chống Pháp, chứ không phải là triều đình Huế với Đồng Khánh được thực dân Pháp dựng lên làm tay sai cho chúng.

Vì vậy, cần khẳng định rằng, phong trào Cần vương thực chất là một phong trào yêu nước chống Pháp xâm lược và phong kiến đầu hàng của nhân dân Việt Nam. Đây là phong trào của nhân dân, vì lực lượng chủ yếu là đông đảo quần chúng nông dân, bên cạnh các chỉ huy văn thân sĩ phu phong kiến có các chỉ huy xuất thân là nông dân, như Cao Thắng trong khởi nghĩa Phan Đình Phùng, Cao Điền trong khởi nghĩa Hùng Lĩnh của Tống Duy Tân và Thái Thú ở Quảng Ngãi. Suy tôn một ông vua yêu nước để

dựng cờ khởi nghĩa là điều không tránh được khi xã hội chưa có lực lượng mới, tiến bộ, lãnh đạo cuộc đấu tranh chống Pháp theo đường lối mới. Đó là một hạn chế lịch sử, song không vì thế mà làm giảm ý nghĩa và giá trị truyền thống to lớn của phong trào Cần vương.

Nhân dân ta, Đảng ta, các nhà sử học Việt Nam đã đánh giá cao "tính chất yêu nước và chính nghĩa của phong trào Cần vương"¹. Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử nước ngoài như Charles Fourniau (Pháp), David Marr (Mỹ) cũng khẳng định vai trò của phong trào Cần vương trong lịch sử chống Pháp của nhân dân Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX: "Thật là dễ dãi đối với một số nhà quan sát, đặc biệt là những người không thể hoặc không muốn hiểu lòng tự hào mạnh mẽ của nhân dân Việt Nam, về bản thân và lịch sử của họ để phủ nhận toàn bộ sự kiện Cần vương, xem đó chỉ đơn giản là sự kháng cự cuối cùng của một lý tưởng lỗi thời và mù quáng. Tuy nhiên đó lại là một sự tiếp tục, một sợi dây nối liền cuộc kháng chiến "lỗi thời" này với những cố gắng có kết quả hơn vào thế kỷ XX"².

Trình bày một số nét có tính chất phương pháp luận về phong trào Cần vương của cả nước là để tìm hiểu về phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi.

Nếu so sánh với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương lan rộng khắp Trung kỳ và Bắc kỳ, thì cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình, mở đầu cho phong trào Cần vương Quảng Ngãi, lại nổ ra sớm nhất sau khi kinh thành

¹ : Ủy ban KHXH Việt Nam - *Lịch sử Việt Nam*, tập II, NXB KHXH, Hà Nội, 1985, trang 76.

² : David Marr - *Phong trào chống chủ nghĩa thực dân của Việt Nam 1885 - 1925*, Berkeley and Los Angeles, Ed University California, 1971.

thất thủ và đúng vào ngày Hàm Nghi ra chiếu Cần vương ở sơn phòng Quảng Trị. Đó là ngày 13.7.1885. Charles Fourniau xem cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình là "cuộc chiến đấu đầu tiên, 8 ngày sau khi kinh thành Huế bị thất thủ, vào ngày 12.7.1885 (đúng ra là ngày 13.7 - PNL chú)"⁽¹⁾. Sự bùng nổ sớm, nhanh này có nguồn gốc ở truyền thống lịch sử và sự nhạy bén của những người lãnh đạo phong trào đấu tranh chống Pháp.

Nhân dân Quảng Ngãi vốn có truyền thống đấu tranh chống phong kiến áp bức, thống trị trong nước và đấu tranh chống xâm lược. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược từ giữa thế kỷ XIX nhân dân Quảng Ngãi đã có những người con đóng góp đầu tiên vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Hộ đốc Vũ Duy Ninh là một trong những tướng lĩnh đầu tiên của triều đình Huế đã hy sinh vì nước. Trương Định là người đầu tiên giương cao ngọn cờ "Bình Tây" mà nhân dân Gò Công, Tân An ở Nam kỳ trao cho và đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu ngày 20.8.1863 ở rừng Tân Phước (Gò Công, nay thuộc Tiền Giang).

Chiếu Cần vương đến với Quảng Ngãi sau ngày 13.7.1885, song vốn có tinh thần yêu nước và dự Cần vương của Hàm Nghi trước đó đã được loan truyền, nên nhân dân Quảng Ngãi đã đứng lên đấu tranh. Khi biết tin kinh thành thất thủ, hàng trăm sĩ tử Quảng Ngãi đã đậu kỳ nhất ở trường thi hương Bình Định nghe tin "kinh thành có biến, kéo nhau về quê" tụ nghĩa chống Pháp⁽²⁾.

¹ : Charles Fourniau - *Annam - Tonkin 1885-1896 - Lethés et paysans Vietnamiens face à la conquête coloniale*, Ed. L'Harmattan, Paris, 1989, trang 17.

² : Cao Xuân Dục - *Quốc triều hương khoa lục*, NXB thành phố Hồ Chí Minh, 1993, trang 484.

Phong trào phát triển mạnh mẽ với các tổ chức của quân Đoàn kiệt và nhất là Hương binh, do Cử nhân Lê Trung Đình làm Chánh quân và Tú tài Nguyễn Tự Tân làm Phó quân. Tuy nhiên các tinh thần Quảng Ngãi đã khước từ yêu cầu của nghĩa quân được cấp khí giới, lương thực với lý do "hương binh chỉ canh giữ nơi làng xóm, không thể ví với lính tinh được, không dám tự tiện cấp, dợt chạy giầy mồi những quan viên tại quán, bàn nghị sẽ làm"⁽¹⁾. Thực chất đây là biểu hiện của thái độ bạc nhược, muốn đầu hàng quân giặc, một khi chúng kéo đến Quảng Ngãi.

Trước tình hình ấy, các thủ lĩnh nghĩa quân Cần vương Quảng Ngãi đã quyết định khởi nghĩa chiếm tỉnh thành, chuẩn bị đánh Pháp khi chúng đến xâm lược. Đây là sự nhạy bén về chính trị: nhận thấy nguy cơ mất nước đã bày ra trước mắt, quan quân triều đình đã hoàn toàn bất lực, trong đó có một số người đã hoặc sẵn sàng hàng Tây. Sự nhận thức đúng đắn về tình hình, sự kiên quyết khởi nghĩa đã thể hiện ở câu nói của Phó quân Nguyễn Tự Tân: " Tây chưa tới, nhưng triều đình đã theo Tây, dâng cả nước ta cho giặc rồi... nếu ta không giành lấy mảnh đất này làm chỗ đứng chung để chống lại chúng thì còn đợi chừng nào nữa"⁽²⁾.

Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình tuy chỉ tồn tại 5 ngày (13-17.7.1885) nhưng có ý nghĩa to lớn, vì đây là một cuộc khởi nghĩa sớm nhất trong phong trào Cần vương của cả nước (chủ yếu ở Bắc kỳ và Trung kỳ) nổ ra đầu tiên ở

¹ : Theo *Đại Nam thực lục chính biên*, Đế ngũ kỳ (bản dịch) NXB KHXH, Hà Nội, tập 36, tr 238

² : Trích Hồng Sinh - *Sao sáng sóng Trà*, Hội Văn nghệ Nghệ An xuất bản, 1975, trang 16.

miền nam Trung kỳ. Nó góp phần đáng kể vào phong trào Cần vương chung của cả nước, đặt mối liên hệ chung với cuộc đấu tranh của các tỉnh bạn. Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình mở đầu cho truyền thống yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi trong 60 năm thuộc Pháp ở tỉnh nhà (1885-1945). Cuộc đấu tranh chống Pháp trong thời gian này nổ ra *liên tục, mạnh mẽ* với nhiều cuộc khởi nghĩa chống Pháp trong phong trào Cần vương, kết thúc bằng sự hy sinh anh dũng của Nam phương Bình Tây Đại tướng quân Trần Du, tiếp đó là phong trào Duy tân, phong trào khất sưu, thuế, cuộc khởi nghĩa 1916 và nhiều cuộc đấu tranh bất khuất của đồng bào các dân tộc miền núi. Tinh thần yêu nước, sự đấu tranh anh dũng của nhân dân Quảng Ngãi là một cơ sở, một cơ sở rất quan trọng cho sự ra đời của tỉnh Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong điều kiện cụ thể của Quảng Ngãi lúc bấy giờ, một tỉnh nông nghiệp là chủ yếu, văn hóa, giáo dục không phát triển lắm thì yếu tố yêu nước đã nổi trội hơn hai nhân tố khác là phong trào công nhân và sự truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin; dĩ nhiên vẫn có sự kết hợp ở mức độ nào đó trong sự kết hợp chung của ba nhân tố trên đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì vậy, một trong những bài học lịch sử mà chúng ta rút ra trong công cuộc xây dựng quê hương trên con đường xã hội chủ nghĩa là coi trọng, phát huy sức mạnh của lòng yêu nước, tinh thần dân tộc trên quan điểm lập trường của giai cấp công nhân.

Tinh thần yêu nước của nhân dân Quảng Ngãi thể hiện rõ nét trong lao động cần cù, thông minh, sáng tạo, trong đấu tranh anh dũng chống mọi sự áp bức, bóc lột, bảo vệ và phát triển bản sắc dân tộc, tiêu biểu là những

anh hùng, chiến sĩ hết lòng vì dân, vì nước, vì địa phương. Đánh giá đúng, phát huy sức mạnh của truyền thống dân tộc, truyền thống địa phương là một điều kiện quan trọng cho công cuộc dựng nước, giữ nước ngày nay. Trong điểm chung của Đảng, Đảng bộ Quảng Ngãi đã coi trọng truyền thống, kính yêu các anh hùng chiến sĩ qua các giai đoạn lịch sử. Bằng chứng hùng hồn là sau Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Đảng đã có một chủ trương được nhân dân nhiệt liệt hoan nghênh: Quảng Ngãi mang tên Lê Trung Đình, các huyện, tổng, xã, các trường học, cơ sở sản xuất... đều mang tên các chiến sĩ yêu nước, cách mạng của địa phương. Điều này có tác động rất lớn đối với việc giáo dục thế hệ trẻ. Bởi vì, lịch sử, truyền thống dân tộc và địa phương là bằng chứng hiển nhiên về sự toàn thắng của công cuộc xây dựng, sáng tạo đối với sự tàn phá và lạc hậu, là bệ phóng đi vào tương lai.

Qua những tổ chức hội thảo khoa học và kỷ niệm danh nhân, anh hùng, chiến sĩ, chúng ta tạo nên những kết quả rất thực tiễn cho nhân dân. Học truyền thống không phải chỉ để biết quá khứ mà để hiểu hiện tại, góp phần vào sự nghiệp ngày nay và mai sau. Vì vậy, chúng tôi xin đề nghị tìm hiểu và phổ biến rộng rãi trong nhân dân (trong và ngoài tỉnh) về các danh nhân, chiến sĩ yêu nước, cách mạng, có những hành động thiết thực (như tu sửa phần mộ, các di tích lịch sử, đặt tên đường phố, cơ sở giáo dục, sản xuất... - Lê Trung Đình chưa được đặt tên cho một phố nào ở Hà Nội; ở Huế có một phố nhỏ mang tên Lê Trung Đình), biên soạn lịch sử địa phương giảng dạy ở trường phổ thông theo quy định của chương trình lịch sử do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành là điều cấp thiết. Việc biên

soạn và xuất bản tập danh nhân Quảng Ngãi, một bộ phận quan trọng của địa chí tỉnh cũng nên xúc tiến và sớm hoàn thành.

Làm tốt công việc này là chúng ta thực hiện được một phần lời dạy của Bác Hồ:

Dân ta phải biết sử ta,
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam⁽¹⁾

Và lời căn dặn gần đây của Tổng Bí thư Đỗ Mười: "...phải coi trọng việc giáo dục lịch sử dân tộc, lịch sử cách mạng, lịch sử quân đội, phải in nhiều sách lịch sử, phổ biến rộng, phải coi lịch sử là tài liệu giáo khoa số một trong nhà trường... phải có trách nhiệm giáo dục lịch sử cho thế hệ trẻ, dùng lịch sử để giáo dục một cách thuyết phục và có hiệu quả. Nếu không làm tốt giáo dục lịch sử, thanh niên sẽ chạy theo đồng tiền, chạy theo lợi ích khác, có hại cho sự nghiệp chung"⁽²⁾.

¹ : *Hồ Chí Minh, toàn tập*, tập 3, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1982, trang 215.

² Trích theo tạp chí *"Xưa và nay"*, số 28, tháng 6.1996, trang 4.

VỀ VIỆC NGHIÊN CỨU LÊ TRUNG ĐÌNH, KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG NGÃI.

PGS. PTS NGHIÊM ĐÌNH VỸ

PTS TRỊNH TÙNG

(Đại học Quốc gia Hà Nội)

(...) Chúng tôi cho rằng việc nghiên cứu, đánh giá Lê Trung Đình, khởi nghĩa Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi chưa tương xứng với vị trí, ý nghĩa cần có của nó. Trong tập II "Lịch sử Việt Nam" của Ủy ban KHXH Việt Nam, xuất bản năm 1985, chỉ nhắc qua, đúng hơn là kể tên Lê Trung Đình cùng với Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan, bên cạnh nhiều nhân vật khác của phong trào Cần vương. Trong "Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam" tập II của Ban Nghiên cứu văn - sử - địa, tài liệu về cuộc khởi nghĩa này cũng được nêu rất ít. Tài liệu nước ngoài, chủ yếu của Pháp, trình bày trong luận văn của Charles Fourniau cũng chỉ đề cập sơ lược về khởi nghĩa Lê Trung Đình khi nghiên cứu về phong trào Cần vương ở Nam

Trung bộ¹. Ở thủ đô Hà Nội không có đường phố mang tên Lê Trung Đình.

Vì sao có hiện tượng như vậy trong nghiên cứu và đời sống ?

Trước hết, tư liệu về Lê Trung Đình và khởi nghĩa Lê Trung Đình quá ít. Ngoài một số tài liệu truyền miệng ở địa phương, còn có tài liệu của Quốc sử quán triều Nguyễn. Chúng tôi cho rằng, Quốc sử quán triều Nguyễn chủ yếu trong bộ "Đại Nam thực lục" (tiền biên và chính biên), không thể nào ghi chi tiết những cuộc kháng chiến chống Pháp trái với tinh thần và chủ trương của triều đình. Các sĩ quan thực dân Pháp, những người ghi chép tương đối đầy đủ về cuộc xâm lược, bình định lúc bấy giờ, lại chưa trực tiếp đánh chiếm Quảng Ngãi, khi mà cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình mới nhằm lật đổ bọn quan lại triều đình, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống xâm lược. Vì vậy việc tiếp tục sưu tầm tài liệu về Lê Trung Đình, khởi nghĩa Lê

¹ : C. Fourniau viết: "Chính tại Quảng Ngãi, cuộc vận động Cần vương đã khởi đầu hành động tám ngày sau ngày 13.7, ngày chiếm kinh đô. Hưởng ứng lời hiệu triệu của nhà vua ban bố vào ngày 7, các sĩ phu văn thân của tỉnh này đã tụ tập lại chiếm cứ tỉnh lỵ với sự ủng hộ của quần chúng và bắt giam các quan đầu tỉnh không chịu theo họ. Một hiệp hội yêu nước được thành lập trước đó ít lâu, đã đề ra những điều kiện cho một hành động tức khắc. Các thủ lĩnh chỉ là các sĩ phu cấp dưới, một tù tài và một cử nhân cũng cảm thấy sự cần thiết phải tôn một người cầm đầu phong trào và hiệp hội. Đó là Tuy Lý vương, một người hoàng tộc bị Pháp an trí ở vùng này hai năm trước đây với thái độ ngạo mạn hơn là tình nghi. Ngày 26.7, Nguyễn Thân đã chiếm lại tỉnh lỵ. Nhân vật còn trẻ nổi bật này, vốn đã tụt xuống hạng bè trong đám thân Pháp nay ngai lên tột đỉnh vinh quang nhờ công lao cầm đầu hệ thống đồn lũy trấn áp các dân tộc "mọi", bảo toàn được vùng này". (Charles Fourniau, *Annam - Tonkin 1885 - 1896*, Paris 1982, *Phong trào Cần vương*, p.47. Ở đây có một vài niên đại chưa chính xác).

Trung Đình và phong trào Cần vương Quảng Ngãi là trách nhiệm chủ yếu của các cơ quan văn hóa, giáo dục và những người làm công tác lịch sử ở địa phương. Việc sưu tầm tài liệu, hiện vật trong nhân dân cần sớm tiến hành có tổ chức, hệ thống.

Vì thiếu tài liệu nên không có tư liệu để tìm hiểu sâu sắc, toàn diện, chính xác về Lê Trung Đình, cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi. Chúng tôi cho rằng trên cơ sở tài liệu hiện có và bổ sung đầy đủ hơn cần phải đi sâu tìm hiểu một số vấn đề chủ yếu, ngoài diễn biến của cuộc khởi nghĩa.

1. Truyền thống dân tộc, địa phương và tinh thần bất khuất của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình:

Như trên đã nói, Quảng Ngãi là vùng đất có truyền thống đấu tranh yêu nước chống áp bức. Truyền thống này đã xuyên suốt trong lịch sử của địa phương, góp phần làm rạng rỡ truyền thống dân tộc. Không có truyền thống ấy không thể có những Lê Trung Đình, khởi nghĩa Lê Trung Đình trong ngày đầu chống Pháp và trong 90 năm chống ngoại xâm (1885-1975) ở Quảng Ngãi. Trong dòng chảy của truyền thống lịch sử dân tộc, mỗi sự kiện, nhân vật có một vị trí, ý nghĩa nhất định. Lê Trung Đình và cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình đánh mốc sự bắt đầu của phong trào Cần vương của Quảng Ngãi và nam Trung bộ. Cuộc khởi nghĩa thể hiện sự tiếp tục tinh thần yêu nước của Trương Định, đứng hẳn về phía nhân dân, vượt lên trên quan hệ vua tôi - thực sự đã bị lung lay, đặc biệt từ sau cuộc khởi nghĩa Tây Sơn. Nếu Trương Định không chịu nhận lệnh của triều đình rút khỏi vùng Pháp chiếm để thực hiện sứ mệnh "Bình Tây Đại nguyên soái" mà nhân dân trao cho

thì Lê Trung Đình cùng Nguyễn Tự Tân đã cùng nhân dân nổi lên chiếm thành Quảng Ngãi (13.7.1885) lật đổ bọn quan lại phong kiến, chuẩn bị lực lượng đón đánh quân Pháp đến xâm chiếm tỉnh nhà. Như vậy Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân không chỉ không tuân lệnh triều đình mà cao hơn nữa, quyết tâm lật đổ những thế lực chống lại cuộc kháng chiến của toàn dân. Điều này càng chứng tỏ rằng, từ sau cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi và Nguyễn Trãi lãnh đạo, đặc biệt sau cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn, giai cấp phong kiến Việt Nam không còn có khả năng tổ chức, lãnh đạo nhân dân, chủ yếu là nông dân, tiến hành các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thắng lợi như các triều đại Lý, Trần, Lê trước. Vì vậy có thể nói rằng *hành động cứu nước của Lê Trung Đình và nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa 1885 làm nổi lên ý thức dân tộc, kết hợp chặt chẽ với ý thức giai cấp*. Ở đây cần nhìn nhận, đánh giá đúng khả năng, bản chất của giai cấp phong kiến - tiêu biểu là bọn quan lại ở Quảng Ngãi - và hành động quyết tâm khởi nghĩa chiếm thành. Sự kết hợp tinh thần dân tộc với ý thức giai cấp đã tạo nên sức mạnh cho cuộc khởi nghĩa.

Di nhiên, ý thức hệ phong kiến vẫn còn ăn sâu trong tầng lớp nho sĩ, dù là những sĩ phu yêu nước, không có quan tước như Lê Trung Đình; hơn nữa chưa có con đường cứu nước mới, dựa trên một tầng lớp xã hội mới vào cuối thế kỷ XIX ở Việt Nam. Cho nên, các sĩ phu yêu nước Quảng Ngãi lại muốn tôn một hoàng thân triều Nguyễn - Miên Trinh Tuy Lý vương - làm "minh chủ". Ý thức "Cần vương" thể hiện ở chỗ dựng một ngọn cờ của triều đình để tập hợp lực lượng kháng chiến - còn là ý thức chung của nhân dân ta lúc bấy giờ. Song chọn một người làm "minh

chủ" không phải chủ yếu vì họ là hoàng thân mà trước hết họ là người yêu nước, biết cùng nhân dân đấu tranh. Ở Quảng Ngãi, Miên Trinh Tuy Lý vương được chọn đứng đầu cuộc khởi nghĩa vì ông là nhà thơ nổi tiếng lúc bấy giờ, bị triều Nguyễn lưu đày ở đây, lại là con rể của Trương Đăng Quế. Tiếc rằng ông không đủ chí khí để dám nhận trọng trách mà nghĩa quân giao cho. Một điều cần nhìn nhận rõ là phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi có điểm khác biệt với phong trào chung là nó nổ ra trên cơ sở tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ Tổ quốc, tự động đấu tranh của nhân dân Quảng Ngãi. Nó không phải do các quan lại dương chức, không tuân lệnh của triều đình buộc phải đầu hàng Pháp lãnh đạo, mà hầu hết những người lãnh đạo và tham gia cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình cũng như phong trào Cần vương Quảng Ngãi sau này đều là những người không đỗ đại khoa, không làm quan to, thậm chí không ra làm quan. Chống lại cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình cũng chưa phải là thực dân Pháp và tay sai trực tiếp của chúng lúc bấy giờ, mà là những quan lại triều đình, thậm chí có người còn tham gia vô hội, đoàn kết. Song họ vốn mang nặng tư tưởng đầu hàng, tinh thần bạc nhược và rắp tâm theo giặc để chống lại nhân dân. Trường hợp tiêu biểu là Nguyễn Thân.

Đó là những nét chung và riêng của khởi nghĩa Lê Trung Đình trong phong trào Cần vương của cả nước vào hơn 10 năm cuối thế kỷ XIX.

2. Tác dụng, ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình đối với phong trào yêu nước của dân tộc và nhân dân Quảng Ngãi:

Đặt cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình vào bối cảnh

lịch sử chung cả nước, chúng ta thấy rằng, nó nổ ra gần 30 năm sau khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, hơn 20 năm sau khi Trương Định thoát khỏi sự ràng buộc của triều đình Huế và lãnh đạo nghĩa quân xây dựng một chính quyền kháng chiến, phát động nhiều cuộc tiến công địch. Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình nổ ra ngày 13.7.1885, đúng vào lúc từ sơn phòng Quảng Trị, Hàm Nghi ban bố chiếu Cần vương hô hào nhân dân ra sức phò vua cứu nước. Như vậy, cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình không chỉ có ý nghĩa hưởng ứng chiếu Cần vương diễn ra sôi nổi khắp Trung kỳ, Bắc kỳ và phần nào ở Nam kỳ, mà có thể xem như một trong không nhiều cuộc khởi nghĩa mở đầu phong trào Cần vương của cả nước, nhất là ở nam Trung bộ. Có cuộc nổi dậy mau lẹ, kịp thời như vậy là vì trước đó hịch Cần vương của phái chủ chiến ở triều đình do Tôn Thất Thuyết cầm đầu, đã sớm đến Quảng Ngãi, phù hợp nguyện vọng đánh giặc cứu nước của nhân dân Quảng Ngãi. Vì vậy, có thể nói rằng cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình đã hưởng ứng, tán thành chủ trương kháng chiến, phản đối chủ trương cầu hòa và nhất là phản đối việc đầu hàng. Thấu suốt tư tưởng chỉ đạo như vậy, nên Lê Trung Đình và các nhà yêu nước Quảng Ngãi đã có kế hoạch kịp thời đánh chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi, sau khi kinh đô Huế bị thất thủ ngày 5.7.1885. Các nhà yêu nước và nhân dân Quảng Ngãi hiểu rõ rằng thực dân Pháp đã đánh chiếm kinh thành thì sớm muộn gì chúng cũng đem quân chiếm nốt các tỉnh còn lại ở miền nam Trung kỳ, mà Quảng Ngãi lại nằm giữa Quảng Nam và Bình Định là những nơi thực dân Pháp đã đánh chiếm, hoặc có cơ sở tay sai rồi.

Chủ trương khởi nghĩa trong điều kiện như vậy là kịp thời, đúng lúc, chuẩn bị một cách thiết thực cho cuộc kháng chiến lâu dài. Quá khứ lịch sử của khởi nghĩa Lê Trung Đình làm cho chúng ta liên tưởng đến cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (11.3.1945) nổ ra lúc Nhật đảo chính Pháp (09.3.1945) và Cách mạng tháng Tám cũng sớm nổ ra ở Quảng Ngãi, lúc 16 giờ ngày 14.8.1945 khi được tin Nhật đầu hàng Đồng minh vào sáng ngày ấy. Cả hai cuộc khởi nghĩa đều nổ ra khi chưa nhận được lệnh của Trung ương (Chi thị *Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* ngày 12.3.1945, và *Quân lệnh số 1* của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ban hành đêm 13.8.1945). Sở dĩ có sự nhạy bén như vậy là do lãnh đạo nhân dân và những người lãnh đạo Quảng Ngãi - các sĩ phu yêu nước năm 1885 và Tỉnh ủy Quảng Ngãi 1945 - đã nắm được tình hình, chủ trương chung và nhất là đáp ứng tinh thần, nguyện vọng đấu tranh của quần chúng.

Từ cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình 13.7.1885 đến Cách mạng tháng Tám nổ ra ngày 14.8.1945 vừa tròn một giáp (60 năm) dường như có sự ngẫu nhiên - cũng năm Ất Dậu, chỉ xê dịch ngày 13 tháng 7 và ngày 14 tháng 8 dương lịch. Sau những ngẫu nhiên ấy là cái tất yếu lịch sử, thể hiện trong những sự kiện trọng đại của lịch sử Quảng Ngãi, góp phần vào cái vĩ đại của lịch sử dân tộc. Đó là truyền thống đấu tranh bất khuất của nhân dân Quảng Ngãi trong truyền thống chung của dân tộc. Mệnh lệnh cao nhất của cuộc đấu tranh là đánh giặc cứu nước, khi có xâm lược thì phải kháng chiến chống lại, thực hiện kế hoạch đấu tranh phải chọn thời cơ và đánh nhanh, đánh đúng lúc, đánh trúng chỗ hiểm, đầu não của giặc và quyết định

sự thành công của cuộc khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình nổ ra đúng lúc quan quân triều đình Huế bị thất bại, tinh thần suy sụp, giặc Pháp chưa đến. Thời cơ của khởi nghĩa Ba Tơ và cách mạng tháng Tám 1945 cũng nổ ra lúc quân địch đang hoang mang, chưa kịp chấn chỉnh tổ chức chống cự. Việc Tỉnh ủy và nhân dân Quảng Ngãi quyết định lấy tên Lê Trung Đình đặt cho Quảng Ngãi sau khi cách mạng tháng Tám 1945 thành công là biểu hiện tinh thần biết ơn người lãnh đạo tiên phong của phong trào đánh Pháp giải phóng dân tộc ở tỉnh nhà và truyền thống đấu tranh bất khuất của nhân dân Quảng Ngãi. Về mặt phân kỳ lịch sử Quảng Ngãi, chúng tôi cho rằng cần phải tô đậm sự kiện khởi nghĩa Lê Trung Đình, đánh dấu cuộc đấu tranh trực tiếp của công cuộc giải phóng dân tộc ở tỉnh nhà. Nếu mốc 1858 mở đầu cuộc xâm lược của thực dân Pháp, dần dần biến nước ta thành một thuộc địa nửa phong kiến thì mốc 1885 lại đánh dấu cho việc khởi đầu phong trào chống Pháp trực tiếp xâm lược Quảng Ngãi.

Đối với lịch sử dân tộc, cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và Lê Trung Đình cần được xác định đúng vị trí, ý nghĩa của nó đối với phong trào Cần vương trong cả nước. Phong trào Cần vương tiếp tục cuộc kháng chiến của nhân dân cả nước chống thực dân Pháp xâm lược, không phải bắt đầu sau khi có chiếu Cần vương (13.7.1885) mà đã được chuẩn bị ngay sau triều đình Huế ký hiệp ước 1883, hoàn toàn đầu hàng. Đáp lại việc ký hiệp ước đầu hàng và lệnh bãi binh của triều đình Huế, phong trào kháng chiến bùng nổ sôi nổi khắp nơi. Sự phân hóa trong giới quan lại của triều đình Huế về "kháng chiến" hay "đầu hàng" dẫn tới cuộc tấn công quân Pháp đóng ở kinh thành Huế ngày

05.7.1885. Tuy là sự tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp trong phạm trù lãnh đạo của phong kiến, song phong trào Cần vương mở ra một thời kỳ mới của cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta, với mục tiêu vừa chống thực dân tư bản Pháp xâm lược, vừa chống giai cấp phong kiến đầu hàng. Phong trào Cần vương đã khẩn trương và sôi nổi chuẩn bị trước khi kinh thành thất thủ và bùng lên mạnh mẽ khi có chiếu Cần vương. Như vậy có thể nói rằng, về thực chất phong trào Cần vương là phong trào yêu nước của nhân dân chống xâm lược và tay sai phong kiến, với danh nghĩa tôn phù một nhà vua yêu nước. Trong quá trình phát triển của phong trào Cần vương, bên cạnh các quan lại, các nhà khoa bảng, dần dần nổi lên vai trò của những người chỉ huy phong trào xuất thân từ nông dân. Ở Quảng Ngãi nổi lên với Thái Thú.

Tất cả những đặc điểm bản chất nêu trên về phong trào Cần vương của cả nước được phản ánh đầy đủ trong phong trào đấu tranh ở Quảng Ngãi. Vì vậy, ngay từ lúc mới nổ ra, phong trào đấu tranh ở Quảng Ngãi là một bộ phận hữu cơ của phong trào Cần vương chung với những nét đặc trưng của mình, làm cho phong trào Cần vương chung thêm phong phú, đa dạng. Hơn nữa phong trào Cần vương Quảng Ngãi, mở đầu bằng cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình, lại nổ ra sớm nhất khi nhận được chiếu Cần vương. Nó có ảnh hưởng, tác dụng đến phong trào của vùng nam Trung bộ. Những điều này cần được nghiên cứu sâu sắc, đầy đủ hơn để khôi phục đúng chân dung của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và phong trào Cần vương Quảng Ngãi, làm rõ hơn lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc trong thời kỳ này.

Nhân dân Quảng Ngãi vốn có truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm nói chung, chống thực dân Pháp nói riêng. Truyền thống này nằm trong truyền thống chung của dân tộc và phát huy mạnh mẽ trong cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và phong trào Cần vương. Nhưng phong trào chống Pháp đầu thế kỷ XX, đặc biệt từ khi có Đảng lãnh đạo ở Quảng Ngãi cũng như chung cả nước đã tiếp tục truyền thống dân tộc. Tinh thần Lê Trung Đình, cũng như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám đã sống với nhân dân Quảng Ngãi trong cuộc đấu tranh chống Pháp, đặc biệt trong những ngày khởi nghĩa Ba Tơ và cách mạng tháng Tám. Tinh thần ấy sống mãi qua 30 năm đấu tranh chống thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ xâm lược và ngày nay trong xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Cuộc sống hiện tại luôn nhắc chúng ta trân trọng, học tập quá khứ. Riêng về phong trào Cần vương cần tìm hiểu sâu sắc hơn. Một nhà nghiên cứu nước ngoài đã nói về phong trào Cần vương như sau: "Thật là dễ dãi đối với một số nhà quan sát, đặc biệt là những người không thể hoặc không muốn hiểu lòng tự hào mạnh mẽ của nước Việt Nam, về bản thân và lịch sử của họ, để phủ nhận toàn bộ sự kiện Cần vương, xem đó chỉ đơn giản là sự kháng cự cuối cùng của một lý tưởng lỗi thời và mù quáng. Tuy nhiên đó là sự tiếp tục một sợi dây nối liền cuộc kháng chiến "lỗi thời" này với những cố gắng có kết quả hơn vào thế kỷ XX"¹¹.

Một số nét về phương pháp luận nêu trên mong đóng góp phần nào vào việc nghiên cứu về Lê Trung Đình và

phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi, không chỉ để hiểu rõ hơn về lịch sử của Quảng Ngãi mà lịch sử chung của dân tộc trong thời kỳ này. "Ôn cố tri tân" là phương châm nghiên cứu lịch sử của cha ông, vẫn còn giá trị đối với chúng ta ngày nay. Vì vậy, nghiên cứu về Lê Trung Đình và phong trào Cần vương Quảng Ngãi không chỉ để biết quá khứ, mà trên cơ sở hiểu quá khứ, hiểu sâu sắc hiện tại, đoán định sự phát triển tương lai mà hành động hợp quy luật. Truyền thống Lê Trung Đình và phong trào Cần vương đã được sống trong hơn một thế kỷ qua, tiếp tục sống trong công cuộc dựng nước và giữ nước của chúng ta dưới sự lãnh đạo của Đảng quang vinh, theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đã khẳng định.

Xuân Bình Tý (1996).

PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI - ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA PHONG TRÀO NAM TRUNG KỲ HỒI ĐẦU THẾ KỶ THỨ XX.

G.S. ĐINH XUÂN LÂM
(Đại học Quốc gia Hà Nội)

Cho tới những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XIX, thực dân Pháp với sức mạnh của tàu chiến và đại bác đã buộc triều đình Huế liên tiếp ký hai hiệp ước vào các ngày 25.8.1883 và 6.6.1884. Hai hiệp ước ký trước sau cách nhau chỉ có hơn 9 tháng, đã đánh dấu sự đầu hàng của giai cấp phong kiến Việt Nam trước chủ nghĩa tư bản Pháp. Từ đây giai cấp phong kiến đã mất vai trò trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, đồng thời cũng cấm mốc cáo chung cho nhà nước phong kiến độc lập. Triều Nguyễn kể từ Đồng Khánh được thực dân Pháp dựng lên tại Huế sau khi vua Hàm Nghi xuất bôn lên đường cứu nước (7.1885) cho đến tận ông vua cuối cùng Bảo Đại bị cách mạng lật đổ (tháng 8.1945) tuy còn tồn tại 60 năm nữa, nhưng đó là một triều đình bù nhìn tàn tạ, sống thoi thóp những năm tháng cuối cùng trong vòng tay êm như nhung, nhưng cũng rắn như thép của kẻ thù dân tộc.

Hiệp ước năm 1884 - quen gọi là hiệp ước Nhâm Tuất hay hiệp ước Patenôtre - đã đặt cơ sở lâu dài và chủ yếu cho quyền đô hộ của Pháp ở Việt Nam. Thế nhưng bất chấp tình thế muôn ngàn bất lợi đó, nhân dân ta trong cả

nước vẫn ra sức đấu tranh chống thực dân Pháp, kể cả chống bọn phong kiến đầu hàng cam tâm làm khuyển mã cho giặc. Tiếng súng vang nổ tại kinh thành Huế trong đêm mồng 4 rạng sáng mồng 5.7.1885. tiếp theo đó là lời kêu gọi thống thiết của vua Hàm Nghi trẻ tuổi có phụ chính đại thần Tôn Thất Thuyết phò tá, đã tức thời phát động trong cả nước một cao trào đấu tranh yêu nước chống xâm lược Pháp và phong kiến tay sai, bao gồm cả Nam kỳ lục tỉnh đã bị Pháp chiếm rất sớm, từ 18 năm về trước (1867)¹⁾.

Nói riêng về phong trào Cần vương tỉnh Quảng Ngãi thì đã bùng nổ rất sớm, ngay sau khi sự biến kinh thành xảy ra, đi trước các tỉnh khác phía nam kinh thành Huế. Chỉ hai ngày sau khi Huế bị quân Pháp chiếm, ngày mồng 7.7 đã có lời kêu gọi văn thân sĩ phu và nhân dân trong tỉnh đứng dậy đánh Pháp. Rồi tới ngày 13.7 văn thân trong tỉnh đã cầm đầu dân chúng đánh chiếm thành Quảng Ngãi và bắt giam các quan đầu tỉnh thân Pháp. Sở dĩ có được hành động quyết liệt và kịp thời như vậy vì trước đó ít lâu, tổ chức yêu nước Nghĩa hội đã được thành lập, đã xúc tiến một số công việc chuẩn bị như thành lập các đội hương binh, đoàn kiệt, do Cử nhân Lê Trung Đình đứng đầu.

¹⁾ Trước đây người ta thường cho rằng Nam kỳ lúc đó đã là thuộc địa của Pháp với bộ máy kềm kẹp, đàn áp khốc liệt nên không có điều kiện hưởng ứng phong trào Cần vương. Nhưng với các tư liệu mới được công bố thì phong trào Cần vương các vùng Bảy Núi (Thất Sơn, An Giang, Mỹ Tho, Gò Vấp, Sài Gòn v.v...) phát triển mạnh trong các năm 1885 - 1886 và kéo dài mãi đến tận năm 1894, trước khi chuyển sang thời kỳ mới (tham khảo: Nguyễn Phúc Nghiệp - *Có một phong trào Cần vương ở Nam kỳ hồi cuối thế kỷ XIX*. Kiến thức ngày nay, số 120 (tháng 10.1993).

Thắng lợi của nghĩa quân Quảng Ngãi quá ngắn ngủi, chỉ không đầy hai tuần sau thì một phần tử thân Pháp triệt để là Nguyễn Thân¹ đã đưa quân tới đánh chiếm lại thành (26.7). Ngay sau đó, một cuộc tàn sát đẫm máu, khốc liệt đầu tiên ở miền trung Trung bộ bắt đầu. Nghĩa quân bị đánh bật khỏi thành và bị truy lùng ráo riết đã phản công lại bằng các cuộc tấn công vào các khu tập trung dân Công giáo được một số giáo sĩ Pháp dựng ra tổ chức phòng thủ. Tại Quảng Ngãi hình thành một tình thế đặc biệt: tỉnh thành đặt dưới quyền viên quan đầu tỉnh (Tuần phủ thân Pháp), các khu Công giáo được quân Pháp bảo vệ, còn lại là thuộc quyền kiểm soát của nghĩa hội. Tình hình đặc biệt của Quảng Ngãi lúc đó với tất cả các yếu tố bi kịch của nó đã nhanh chóng có ảnh hưởng tới phong trào các tỉnh nam Trung kỳ. Ở các tỉnh Quảng Nam phía bắc, Bình Định, Phú Yên chạy dài vào tỉnh Bình Thuận phía cực nam, liên kể xứ Nam kỳ đã là thuộc địa Pháp, phong trào bùng nổ chậm hơn chút ít, và tùy từng địa phương mà có một số biểu hiện khác nhau, nhưng về đại thể tiến trình phát triển phong trào giống nhau. Tất nhiên trong phong trào tự phát đó, không thể tránh khỏi có một số lệch lạc, sai lầm đáng tiếc, như việc đưa ra khẩu hiệu "Sát tả" đã đẩy những người dân Công giáo yêu nước về phía kẻ thù dân tộc. Chính đây là một nguyên nhân quan trọng làm suy yếu lực lượng đoàn kết yêu nước chống Pháp ở các tỉnh phía nam kinh thành Huế, dẫn tới sự tan rã sớm của phong trào Cần vương vùng này. Trong khi đó

¹ : Tay sai đắc lực của thực dân Pháp. Quê huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Theo lệnh Pháp, dân áp đẫm máu phong trào Cần vương các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Hà Tĩnh.

thì các tỉnh phía bắc kinh thành Huế, từ Quảng Trị ra đến Thanh Hóa, có lúc, có nơi khẩu hiệu sai lầm "Sát tả" cũng đã được đưa ra, ghép liền với khẩu hiệu đúng đắn "Bình Tây" và cũng đã gây một số tổn thất, nhưng nhờ một số người lãnh đạo phong trào như Phan Đình Phùng ở Nghệ Tĩnh, Tống Duy Tân ở Thanh Hóa, đã sớm nhận thức được tác hại to lớn của chính sách đó đến việc tập hợp lực lượng dân tộc chống Pháp nên sớm có những uôn năn, hạn chế kịp thời. Nhờ đó phong trào khu vực này đã có thể vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ để kéo dài cuộc chiến đấu tới đỉnh cao khởi nghĩa Hương Sơn - Hương Khê (Hà Tĩnh) với chủ soái là nhà văn thân tiêu biểu Phan Đình Phùng, quy tụ đông đảo các lực lượng yêu nước chống Pháp với sự thiết lập 15 quân thứ trên địa bàn các tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa.

Sau khi phong trào Cần vương phía nam kinh thành Huế bị kẻ thù dập tắt trong biển máu, thực dân Pháp đã có điều kiện củng cố, ổn định bộ máy cai trị, kềm kẹp trên toàn vùng. Quan tâm đầu tiên của chúng lúc này là tăng cường bóc lột nhân dân bằng phương tiện đánh thuế rất nặng, gần một nửa triệu phở-răng/vàng bồi thường chiến phí đã phải nộp cho xứ Nam kỳ thuộc địa với lý do ngân sách Nam kỳ đã phải chi phí tốn kém cho các cuộc hành quân đàn áp ở các tỉnh cực nam Trung bộ.

Phong trào Cần vương nam Trung kỳ thất bại, nhiều chỉ huy nghĩa quân kiên cường bất khuất như Lê Trung Đình, Mai Xuân Thưởng, Nguyễn Duy Hiệu... tiếp bước nhau ra pháp trường, các toán nghĩa quân tan rã, nhưng có một sự thực hiển nhiên mà thực dân Pháp cũng nhận thấy, đó là dù cho bị đánh bại, phong trào dân tộc vẫn tồn

tại mảnh mề trong toàn xứ đến mức đã quyết định thái độ của các nhà cầm quyền Pháp. Khâm sứ Trung kỳ Bilhourd trong công văn gửi Thống đốc Nam kỳ Filippini ngày 6.5.1887 viết: "Vào lúc này mà thúc đẩy nhanh (ý muốn nói là làm cho phát triển mạnh - ĐXL) tinh thần yêu nước của đa số nhân dân An Nam, đây là tước bỏ đi của vua An Nam chút ít uy tín còn sót lại của ông ta"¹). Căn cứ vào tình hình diễn biến phong trào như trên giới thiệu, có thể khẳng định trong sự bùng nổ mạnh mẽ của phong trào Cần vương nam Trung kỳ sau sự biến kinh thành Huế tháng 7.1885, Quảng Ngãi đã đóng vai trò châm ngòi và khởi động đầu tiên cho cả một chuỗi dài các cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh cùng lúc bùng nổ, làm cho kẻ thù và tay sai hốt hoảng lo sợ. Cuối cùng dù rằng thất bại - điều đó cũng dễ hiểu trong lực lượng so sánh đôi bên quá ư chênh lệch có lợi cho kẻ thù được phong kiến tay sai cùc cung tận tụy giúp sức - phong trào đấu tranh vũ trang yêu nước chống xâm lược Pháp của nhân dân Quảng Ngãi và các tỉnh nam Trung bộ vẫn để lại một số bài học quý về xác định mục tiêu đấu tranh, về yêu cầu tăng cường khối đoàn kết dân tộc, về xu thế của cuộc đấu tranh trong tình hình mới. Trên cơ sở đó, phong trào chỉ tạm lắng xuống, bề ngoài tưởng đâu ngọn lửa yêu nước chống bè lũ cướp nước và bán nước đã tắt, nhưng nó vẫn âm ỉ trong tâm khảm mọi người, chỉ chờ thời cơ mới xuất hiện là sẽ cháy bùng lên.

Lịch sử đã diễn ra đúng như vậy. Ngay từ những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trong hoàn cảnh tư

¹ Hồ sơ lưu trữ tại kho lưu trữ hải ngoại của Pháp. (A.O.M). số 12346.

bán Pháp đẩy mạnh cuộc khai thác lần thứ nhất, đã có một số biến đổi trong cơ cấu kinh tế và xã hội trên phạm vi cả nước cũng như ở Quảng Ngãi. Cùng với sự du nhập một cách hạn chế phương thức bóc lột mới tư bản chủ nghĩa kết hợp chặt chẽ với thủ đoạn duy trì phương thức bóc lột cũ phong kiến, cơ cấu xã hội Việt Nam - trong đó có Quảng Ngãi - cũng bắt đầu phân hóa. Bên cạnh hai giai cấp cũ là nông dân và địa chủ phong kiến, các lực lượng xã hội mới như công nhân, tư sản, tiểu tư sản cũng ngày càng tập trung về số lượng, để tới trước chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) thì giai cấp công nhân đã ra đời - tuy còn ở trình độ "tự phát", chưa trở thành một lực lượng chính trị độc lập, còn tư sản và tiểu tư sản thì chỉ mới là hai tầng lớp xã hội.

Mặc dù có những hạn chế trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội, từ những năm đầu thế kỷ XX, Quảng Ngãi đã có những điều kiện cần thiết để tiếp nhận những luồng tư tưởng mới mang tính chất tư sản bên ngoài dội vào, từ Nhật Bản và Trung Quốc tới, thông qua các "tân thư", kể cả từ Pháp sang, thông qua các tài liệu dạy trong nhà trường Pháp - Việt hay các báo chí quốc ngữ đầu tiên của thuộc địa Nam kỳ. Đứng ra tiếp nhận tư tưởng mới để đưa vào trong nhân dân là một số nhà nho yêu nước tiến bộ bắt đầu có xu hướng tư sản. Phong trào đấu tranh của nhân dân ta, trong đó có nhân dân Quảng Ngãi, đã có một sự chuyển hướng mới. Đặc điểm của thời kỳ này là song song với sự khai thác bóc lột của tư bản Pháp, phong trào đấu tranh của nhân dân ta cũng chuyển từ phạm trù phong kiến sang phạm trù tư sản. Tại Quảng Ngãi, bên cạnh xu

hướng bạo động do Duy tân hội chủ trì còn có xu hướng cải cách song song tồn tại và phát triển trong những năm 1905-1908. Đặc biệt cuộc vận động cải cách bắt đầu từ Quảng Nam ở phía bắc từ cuối tháng 2.1908 đã nhanh chóng lan vào Quảng Ngãi, và khi đi vào quần chúng nông dân đang uất ức căm thù vì sưu thuế nặng nề, phu phen tạp dịch liên miên thì chuyển hướng, mang tính chất kịch liệt, huy động hàng vạn nông dân lên đường đấu tranh, chống thuế, trừng trị bọn tham quan ô lại (1908). Phong trào Quảng Ngãi cùng phong trào các tỉnh lân cận lên mạnh làm cho bọn thực dân và tay sai phong kiến vô cùng bối rối hoảng sợ. Chúng đã quyết định dùng quân đội đàn áp, đẩy mạnh bắt bớ càn quét, đóng đồn binh khắp nơi trong tỉnh. Hai người cầm đầu là Nguyễn Bá Loan và Lê Khiết đã từng hoạt động trong phong trào cuối thế kỷ XIX nay chuyển sang phong trào mới đều bị bắt, rồi bị xử tử, nhiều sĩ phu khác bị đày ra Côn đảo. Phong trào Quảng Ngãi - cũng như phong trào các tỉnh khác, sau đó sa sút, nhưng vẫn âm ỉ trong nhân dân. Đến thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918) nhân dân Quảng Ngãi lại sôi nổi hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của binh lính ở Huế (5.1916), nhưng cũng thất bại. Có điều quan trọng là qua thực tế phát triển và cũng qua sự tan rã nhanh chóng của phong trào, những người Việt Nam yêu nước lúc đó đã nhận thức được rằng con đường cứu nước tư sản sớm bộc lộ những hạn chế trong nhận thức về lực lượng cách mạng, về phương pháp và mục tiêu cách mạng.

Chính vào lúc đó, tư bản Pháp sau chiến tranh ra sức tăng cường khai thác bóc lột nhân dân ta trên quy mô lớn,

với tốc độ nhanh hơn. Phương thức bóc lột thuộc địa được đưa vào sâu rộng hơn, xã hội Việt Nam phân hóa nhanh hơn so với trước, cùng với sự trưởng thành của giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng để trở thành một lực lượng chính trị độc lập và sự ra đời muộn màng của hai giai cấp tư sản và tiểu tư sản.

Trong bối cảnh lịch sử đó, chủ nghĩa Mác-Lênin, ánh sáng của Cách mạng tháng mười Nga đến với Quảng Ngãi theo hai con đường và do hai lực lượng yêu nước khác nhau phụ trách.

Trước tiên đó là một số sĩ phu yêu nước từng hoạt động trong các phong trào cũ. Có người từng đứng dưới là cờ Cần vương cuối thế kỷ XIX như cụ Trần Kỳ Phong đã có một số hiểu biết về chủ nghĩa Mác-Lênin, về Cách mạng tháng mười Nga (1917) trong thời gian ngồi tù ở Côn đảo; đến khi ra tù đã tìm cách phổ biến, truyền bá tư tưởng mới đó tới một số sĩ phu và thanh niên trí thức trong tỉnh. Đồng thời nhiều học sinh, sinh viên Quảng Ngãi ra học các trường tại Huế, Hà Nội, cũng bắt đầu tiếp xúc với sách báo tiến bộ nước ngoài, chủ yếu là của Pháp. Từ nhóm lửa hồng đầu tiên đó, ngọn lửa cách mạng vô sản ngày càng lan rộng, nhất là từ năm 1927 trở đi, khi một số thanh niên học sinh Quảng Ngãi (như Đặng Tông, Nguyễn Thiệu, Trương Quang Trọng v.v...) học xong các lớp huấn luyện chính trị do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc mở ở Quảng Châu (Trung Quốc) về nước hoạt động thì việc tuyên truyền huấn luyện chủ nghĩa Mác - Lênin trong cán bộ và nhân dân Quảng Ngãi tương đối có hệ thống và sâu sắc hơn, cũng như phong trào mới dần đi vào tổ chức chặt chẽ hơn. Để trên đà đó dẫn tới sự ra đời Đảng bộ Cộng

sản tỉnh Quảng Ngãi ngay sau khi nghe tin Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập ở Trung Quốc (3.2.1930) để kịp thời đón đầu phong trào cách mạng trong tỉnh đang trên đường phát triển, đòi hỏi một sự lãnh đạo thống nhất và mạnh mẽ.

Căn cứ vào các chặng đường đi lên của phong trào yêu nước cách mạng tỉnh Quảng Ngãi, có thể thấy rõ đó là một quá trình phát triển biện chứng, đi từ thấp lên cao, từ hẹp đến rộng, từ yếu đến mạnh, để cuối cùng chiến thắng mọi thế lực thù địch đen tối là đế quốc và phong kiến tay sai. Đó cũng là kết quả của một quá trình tích lũy gian nan, chuẩn bị kiên trì về các điều kiện, về tư tưởng và tổ chức. Bao trùm lên tất cả, đó là sự kế thừa và phát huy truyền thống chủ nghĩa yêu nước Việt Nam một cách khoa học và sáng tạo, phục vụ cho yêu cầu cách mạng ngày càng được nâng cao và đổi mới. Cho nên có đầy đủ cơ sở tình cảm và khoa học để khẳng định rằng từ các chiến sĩ Cần vương đến các chiến sĩ cộng sản không hề có một sự cách tuyệt, đứt quãng, mà đó là một sự tiếp tục, một sợi dây nối liền, không có cái trước thì không có cái sau, và chính sự "liên tục, "gắn bó" của các cao trào qua các thời kỳ như vậy đã bảo đảm cho cách mạng thắng lợi ngày nay.

Kỷ niệm danh nhân Lê Trung Đình chính là để làm rõ ý nghĩa cao quý của tấm lòng cùng hành động cứu nước, sự đóng góp của ông - cũng như của cả một thế hệ văn thân trí thức dân tộc cùng thời với ông - vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Đó là ý nghĩa chân chính của cuộc hội thảo khoa học về Lê Trung Đình ngày hôm nay vậy.

KHOI NGHIA LÊ TRUNG ĐÌNH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG NGÃI (1885)

PTS. ĐỖ ĐỨC HÙNG

(Viện Sử học)

(...) Quảng Ngãi là một địa bàn nổ ra cuộc khởi nghĩa Cần vương sớm nhất - khởi nghĩa Lê Trung Đình. Từ trước đến nay, các công trình biên soạn lịch sử chưa đặt đúng vị trí của cuộc khởi nghĩa này trong bối cảnh chung của vùng nam Trung bộ và cả nước ở khía cạnh thời gian mở đầu có ý nghĩa khơi mào và qui mô của nó. Bài viết này mong góp phần khắc phục những thiếu sót trên.

Trong cái nhìn địa - chiến lược của những người thuộc phe chủ chiến hồi cuối thế kỷ XIX, Quảng Ngãi giữ một vị trí cực kỳ trọng yếu. Đó là một vùng đất hẹp, không chỉ có rừng núi mà còn có bờ biển với hệ thống quần đảo Hoàng Sa ở ngoài khơi vô cùng lợi hại. Vì thế, trong hệ thống sơn phòng được xây dựng từ Ninh Bình vào đến Bình Thuận thì Quảng Ngãi luôn được các nhà quân sự coi trọng đặc biệt để có thể tiếp viện cho miền Nam và đề phòng quân Pháp đổ bộ lên miền Trung. Thành tỉnh Quảng Ngãi xây từ năm Gia Long thứ 14 (1815), bằng đá ong có chu vi 200 trượng 2 thước (hơn 800m), cao 1 trượng (4m), có 3 cửa, hào rộng 5 trượng (20m), sâu 1 trượng (4m) ở địa phận xã Chánh Mông huyện Chương Nghĩa⁽¹⁾, đến lúc này được đắp thêm những chiến lũy bằng đất dọc theo bãi cát sông Trà Khúc, thuộc các xã Chánh Mông, Ba La, Vạn Tượng, Hồ

¹ : Đại Nam nhất thống chí. Bản dịch, NXB KHXH, Hà Nội 1970, tr.355, 356, 357.

Khiếu (nay là Hồ Tiểu) ở bên ngoài tỉnh thành. Ngoài ra nhân dân còn đắp thêm 3 lũy đất ở các ngã ba bến đò Xuân Quang để khống chế đường bộ. Những cơ sở vật chất và con người cũng được tăng cường. Hưởng ứng chủ trương cứu nước của phái chủ chiến, văn thân và sĩ phu Quảng Ngãi đã tổ chức ra các nghĩa hội, tham gia đoàn kiệt và hương binh, chia nhau canh giữ xóm làng và sẵn sàng chống giặc. Nghĩa hội Quảng Ngãi thường xuyên giữ mối liên hệ với phái chủ chiến và lực lượng yêu nước ở các tỉnh bạn như Quảng Nam và Bình Định. Có thể nói, trước khi xảy ra sự biến ở kinh thành và sự ra đời chiếu Cần vương, lực lượng kháng Pháp dưới ngọn cờ phò vua cứu nước đã được tổ chức một cách có hệ thống và chặt chẽ ở các tỉnh nam Trung kỳ, trong đó có Quảng Ngãi. Đó là một điều kiện thuận lợi để khi thời điểm chiếu Cần vương còn chưa kịp ban hành thì ở Quảng Ngãi đã nổ ra cuộc khởi nghĩa đầu tiên theo ngọn cờ Cần vương. Lực lượng tham gia đông đảo ban đầu là các văn thân sĩ phu vốn rất nhạy cảm với thời cuộc và đất nước.

Các sĩ tử ở trường thi hương Bình Định nghe tin kinh thành thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn liền bỏ dở kỳ thi, về quê tụ nghĩa chống Pháp, vì họ xác định rằng:

Cửa trường tiếng dạ miêng còn hơi,

Cờ nghĩa treo lên đã ngất trời.

Đạo trọng vua tôi, mình dám quân,

Oán hờn người Pháp có đâu vơi.⁽¹⁾

Lê Trung Đình quê xã Phú Nhơn, huyện Bình Sơn

¹ : Cao Xuân Dục: *Quốc triều hương khoa lục*. Bản dịch, NXB TP.Hồ Chí Minh 1993 tr 485, 484

Chu Thiên - Đặng Huy Văn - Đào Tấn (chuyển ngữ) - *Thơ Văn Việt* (1820 - 1920) - Tập 1 - Nhà xuất bản Văn học - Hà Nội

(nay thuộc xã Tịnh Ấn huyện Sơn Tịnh) tỉnh Quảng Ngãi. Ông cũng xuất thân từ con đường cử tử, đỗ cử nhân âm khoa năm Giáp thân 1884 tại trường Bình Định⁽¹⁾. Chấn cảnh triều đình mục nát, ông không ra làm quan mà trở về quê cùng các sĩ phu Quảng Ngãi lập ra nghĩa hội, tổ chức đoàn kiệt và hương binh sẵn sàng chống giặc (Nguyễn Lân, Nguyễn Quý giữ chức chánh phó quản quân đoàn kiệt; Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân làm chánh phó quản hương binh).

Trước sự biến chuyển mới của tình hình trong nước, Lê Trung Đình (Bình Sơn tả vệ hương binh chánh quản) và Nguyễn Tự Tân (Tú tài, hữu vệ hương binh phó quản) cùng Vũ Hội và Thương biện Nguyễn Văn Hoàn cho rằng xe vua dâ ra, lại nghe có dụ Cần vương, liền tới tỉnh thành Quảng Ngãi xin cấp khí giới và lương thảo cho hương binh để dấy quân chống Pháp. Nhưng tỉnh thành lại lần chần chờ mệnh lệnh của cấp trên, không dám tự tiện hành động. Biết rằng những người cầm đầu chính quyền tỉnh không sẵn sàng theo phe chủ chiến, Lê Trung Đình và Nguyễn Tự Tân bèn chia phát hương binh làm 3 đạo, tất cả hơn 3000 người tiến đến tỉnh thành cướp chính quyền, giành lấy chỗ đứng chân để tổ chức chiến đấu lâu dài. Được sự nội ứng và tiếp sức của những người ở trong thành như Trần Tu và Nguyễn Côn, nghĩa quân đã nhanh chóng chiếm được tỉnh thành, bắt giam hai viên Bố chánh

¹ Cao Xuân Dục. *Quốc triều hương khoa lục*. Bản dịch, NXB TP.Hồ Chí Minh 1993, tr 483-484.

Châu Thiên - Đảng Huy Văn - Nguyễn Bình Khả: *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX (1855 - 1900)*. NXB TP.Hồ Chí Minh 1996.

sứ Lê Duy Thụy và Quyền án sát sứ Nguyễn Văn Dụ, thu lấy ấn triện, binh trượng, tiền lương, thả tù phạm và tổ chức một bộ máy chính quyền mới đáp ứng yêu cầu của cuộc kháng chiến. Để lấy thanh thế và uy tín cho nghĩa binh, họ đã mời nguyên Tuy Lý vương là Miên Trinh - vốn là người trong hoàng tộc nhà Nguyễn đang bị giáng xuống tước công và an trí ở Quảng Ngãi - làm Phụ chính Quốc vương. Nhưng Miên Trinh không chịu hợp tác. Sách *Thực lục* chép: "Miên Trinh không theo, giả làm có bệnh nằm lý không dậy"¹.

Theo sách *Đại Nam liệt truyện chính biên*, trước đó, "khi Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết chuyên quyền phế lập, vương không yên lòng bèn lên đến đồn Thuận An cùng ở tạm với quan Đại Pháp rồi sau quan Pháp đưa vương về, Tường và Thuyết vin cơ ấy để bắt tội ông, giáng làm huyện công, giam giữ ở trại lính phủ Thừa Thiên. Sau an trí ở Quảng Ngãi, chia đem con cháu ông cho ở Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên"².

(Với thái độ đó, Miên Trinh không chịu cộng tác với quân khởi nghĩa. Thời gian sau Miên Trinh và các con của ông đã được triều đình Đồng Khánh chuẩn cho trở về kinh và khai phục tước cũ)³.

Một bộ máy chính quyền mới đáp ứng yêu cầu của cuộc kháng chiến gồm thống đốc, tham tán, đề đốc, lãnh binh đã được lập ra. Ngày 17.7.1885 (tức ngày 6 tháng 6

¹ : Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, bản dịch, NXB KHXH, Hà Nội 1976, tập 36, tr.238, 239.

² : Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam liệt truyện chính biên*, bản dịch của Viện Sử học, NXB Thuận Hóa, Huế 1993, T3, tr.110.

³ : *Thực lục*, đã dẫn, T36, tr.240; T37, tr.61

năm Ất Dậu) quyền Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nghĩa - Định (Quảng Ngãi - Bình Định) là Nguyễn Thân cùng với Đề đốc sơn phòng Đinh Văn Hội đem 900 binh tinh nhuệ đánh chiếm lại tỉnh thành Quảng Ngãi. Bị tấn công bất ngờ, nhất là do hương binh mới nhóm họp chưa quen chiến đấu nên thành bị vỡ, quân đội triều đình đã chiếm lại được tỉnh thành. Nhiều thủ lĩnh của nghĩa quân (*Thực lục* chép là 7 người) đã hy sinh, trong đó có Nguyễn Tự Tân. Những người sống sót đều chạy trốn và gia nhập các đội quân khác. Riêng thủ lĩnh Lê Trung Đình bị giặc bắt sống. Nguyễn Thân ra sức dụ hàng Lê Trung Đình, nhưng ông một mực giữ khí tiết, khảng khái hy sinh ngày 23.7.1885 (tức 12 tháng 6 năm Ất Dậu). Trước khi bị giặc hành hình, ông còn kịp để lại bài thơ "Lâm hình thời tác" nổi tiếng.

Cuộc khởi nghĩa chỉ duy trì được trong một thời gian ngắn, nghĩa quân chỉ làm chủ được tỉnh thành trong 5 ngày và chưa có cuộc giao chiến nào trực tiếp với quân Pháp. Nhưng đây là một cuộc khởi nghĩa nổ ra sớm nhất, cuộc chiến đấu đầu tiên, 8 ngày sau khi kinh thành Huế thất thủ¹¹.

Theo báo cáo của Nguyễn Văn Tường vào tháng 6 năm Ất Dậu lên Từ Dũ Hoàng thái hậu thì "từ ngày 23, 24 tháng 6, những xã ở gần kinh thành thẳng hoặc có bọn cướp nổi lên, đến ngày 26 tháng 6 (âm lịch), thần sức cho các viên huyện rộng đi tuần tra, bắt được 2, 3 tên phạm, đem chính pháp ngay. Từ đấy trở đi, bọn côn đồ sợ uy lệnh triều đình, cần phải liêm chấp ... *Tin tức các tỉnh Nam Bắc gần đây đều được thông suốt, không có việc gì khác.*

¹¹ Charles Fourniau - *Annam - Tonkin 1885 - 1886. Lettres et Paysans Vietnamiens face à l'occupation coloniale*, Edition L. Harmattan, Paris, 1989, p.47.

Duy có Lê Trung Đình ở tỉnh Quảng Ngãi nổi loạn, rồi cũng yên tĩnh"¹).

Nếu điểm lại thời điểm bùng nổ các cuộc khởi nghĩa khác ở miền Trung, chúng ta càng khẳng định được rằng khởi nghĩa Lê Trung Đình ở Quảng Ngãi nổ ra sớm nhất (khởi nghĩa Lê Ninh ở Hà Tĩnh tháng 8 năm Ất Dậu, khởi nghĩa Nguyễn Xuân Ôn và Lê Doãn Nha ở Nghệ An) và khởi nghĩa Nguyễn Phạm Tuân ở Quảng Bình nổ ra tháng 10 năm Ất Dậu; khởi nghĩa Mai Xuân Thưởng, Bùi Điền ở Bình Định nổ ra tháng 11 năm Ất Dậu...).

Mặc dù bị đàn áp, nhưng những văn thân và nhân dân đất Quảng Ngãi vẫn tiếp tục cuộc chiến đấu với sự đồng lòng hiệp sức của văn thân và sĩ phu các tỉnh bạn.

Nguyễn Duy Cung (? - 1885), cũng là một người con sinh ra ở đất Quảng Ngãi, khi kinh thành thất thủ, ông đang làm Án sát tỉnh Bình Định. Được tin Lê Trung Đình và Nguyễn Tự Tân khởi nghĩa chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi rồi bị giặc bắt, ông đem quân cứu viện nhưng không kịp, thành đã lọt vào tay giặc. Ông trở về tham gia phong trào chống Pháp ở Bình Định do Mai Xuân Thưởng lãnh đạo. Tháng 8 năm 1885, quân Pháp đổ bộ lên Qui Nhơn, ông cùng văn thân trong tỉnh đem quân chống giữ, bị thua, phải rút về An Nhơn. Sau ông bị bọn phản bội lừa bắt và bị giặc sát hại ngày 1 tháng 7 năm Ất Dậu (tức tháng 8 năm 1885). Trước khi bị hành hình, ông cắn ngón tay lấy máu viết một bài hịch kêu gọi đánh Tây, trong đó có những câu:

... *Thà làm ma có hồn trung vía nghĩa,*

¹ *Thức lục*, tập 36, tr.233

Không làm người đeo mặt ngựa đầu trâu.

*Chín phần chết thê quyết chẳng từ, sống dầu nấu
vạc xanh không núng chí,*

*Xin trong tay sắp sẵn qua mau, lòng địch khái hây
còn chưa mất,*

*Xin cùng nhau gợn găng giáp trụ, chí Cần vương
còn mạnh chưa quên⁽¹⁾.*

Thanh thế của cuộc kháng chiến ở Quảng Ngãi đã làm rung chuyển triều đình Đồng Khánh. Tháng 7 năm Ất Dậu 1885, Từ Dũ đã ban ý chỉ dụ các thân hào ở các địa phương bằng giọng đầy rắn đe như sau:

" Gần đây xe vua xuất hành, trong ngoài bàng hoàng, dân sĩ Nam Bắc ngờ sợ, không biết theo đâu. Nghe có dụ Cần vương ở hành tại, phần nhiều bảo quan Pháp bội với lời minh hồng toan gây việc... Có kẻ lấy việc Cần vương làm danh nghĩa, có kẻ lấy binh Tây làm phận sự... dám đem thân ra thử với pháp luật... bèn đến họp đảng làm nổi loạn như ở Quảng Ngãi, Bình Định... rất là quái gở đáng giận, cần nên tỏ rõ điển hình để răn bảo..."⁽²⁾.

Mặc dù vậy, tháng Giêng năm Bính Tuất 1886, Nguyễn Bá Loan (quê huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi, con của Tổng đốc đã mất là Nguyễn Bá Nghi) cùng với Bùi Điền, Đặng Đề ở Bình Định chia quân làm ba đường tiến về định chiếm lại Quảng Ngãi. Cuộc chiến đấu đã diễn ra ác liệt tại Trà Câu và huyện Mộ Đức, Thiết Trường. Quân triều đình huy động toàn lực đón đánh, nghĩa quân bất lợi phải rút lui về Bình Định⁽³⁾. Cho đến tháng 3 năm Đinh Hợi

¹ Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX. Sđd. tr. 336-342.

²³ Thực lục. Sđd. T.36, tr.244-245; T.37, tr.103-104; T.37, tr.79.

1887, Nguyễn Thân vẫn phải lo đối phó với nghĩa quân Mai Xuân Thưởng trong đó có nhiều người là con em đất Quảng Ngãi¹⁾.

*Chuyện đâu có chuyện lạ đời,
Quan đi theo giặc bắt người lành ngay.
Nghìn năm nhớ mãi nhục này,
Theo Tây được thả, đánh Tây bị tù²⁾.*

Trong suốt hơn 10 năm sau khi triều đình Huế đã đầu hàng thực dân Pháp vẫn phải huy động tất cả binh lực và sử dụng bộn tay sai tàn ác khét tiếng Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải, Lê Hoan vào việc "bình định". Kẻ thù dùng nhiều thủ đoạn đàn áp, dụ dỗ, mua chuộc, chia rẽ rất thâm độc, kể cả sát hại cha mẹ người thân của các thủ lĩnh Cần vương, đẩy họ vào sự lựa chọn giữa đạo hiếu và chữ trung khiến nhiều người buộc phải bó tay qui hàng để cứu người thân như trường hợp Nguyễn Tự Như ở Quảng Trị (tháng 11 năm Mậu tý 1888)... Trong cuộc chiến đấu đầy cam go và quyết liệt đó, trước cái chết, những thủ lĩnh văn thân Cần vương Quảng Ngãi đã thể hiện đầy đủ bản lĩnh, khí tiết của mình mà tiêu biểu nhất là Lê Trung Đình và Nguyễn Duy Cung. Họ đều là những người được đào luyện trong trường học Nho giáo, họ luôn tâm niệm rằng đáng nam nhi sinh ra ở đời phải có danh gì với núi sông. Muốn vậy họ chỉ có ba cách: lập đức, lập công và lập ngôn. Quả vậy, khi còn sống họ đã làm hết sức mình để lập công cứu quốc, phò vua, khi sa vào tay giặc, trước cái chết họ vẫn còn muốn để lại cho ngàn đời sau những lời tâm huyết. Đó là tài sản tinh thần vô giá không chỉ của quê hương Quảng Ngãi mà còn của cả nước.

¹⁾ : *Thực lục*, Sđd, T.36, tr.244-245; T.37, tr.103-104; T.37, tr.79

²⁾ : *Thơ văn yêu nước nửa cuối thế kỷ XIX*, Sđd, tr.579.

NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ ĐÃ DIỄN RA NGAY TRONG ĐÊM HÔM TRƯỚC CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH NGÀY 1.6 NĂM ẤT DẬU 1885

PTS. NGUYỄN VĂN ĐIỀU
(Hội Sử học thành phố Hồ Chí Minh)

Ngày 16.8.1883, một đơn vị hải quân Pháp do thủy sư đô đốc Courbet chỉ huy lại kéo tới cửa biển Tourance (Đà Nẵng) với 7 tàu chiến, trong đó có hai thiết giáp hạm Bayard và Atalante, một tàu vận tải, hai tuần dương hạm Drance, Chateau Renaud, hai pháo hạm Vipère và Lynx. Sau khi tới cửa biển Tourance thị uy, chúng liền kéo ra Thuận An - cửa ngõ của kinh thành Huế - và gửi tối hậu thư đòi triều đình phải nộp ngay cho chúng các pháo đài của ta ở cửa Thuận An.

Hành động xấc xược đó của quân xâm lược Pháp đã làm cho triều đình Huế một lần nữa hoang mang lo sợ. Phái chủ hòa trong triều đình muốn nộp ngay cửa biển Thuận An cho giặc Pháp để giữ "thế bình yên". Vua Hiệp Hòa thì do dự.

Trước hành động ngang ngược đó của bọn xâm lược Pháp, Tôn Thất Thuyết, phụ chính đại thần, người đại diện cho phe chủ chiến của triều đình, cùng với con trai của mình là Tôn Thất Đám đã đích thân đốc thúc đại quân chở thêm súng ống ra các đồn lũy ở cửa Thuận An hiện còn chưa được chuẩn bị chống giặc Pháp xâm lược.

Vào 5 giờ rưỡi chiều ngày 18.8.1883, hạn chót phúc

thư của triều đình cho quân Pháp đã hết. 5 giờ 05 phút, đại bác, súng liên thanh từ các chiến hạm của giặc Pháp bắn xối xả vào đồn Trấn Hải của ta. Quân ta cũng nã đạn bắn trả về phía các chiến hạm của giặc Pháp. Suốt 3 ngày 18, 19 và 20.8.1883, cuộc đọ súng không cân xứng giữa ta và địch diễn ra một cách quyết liệt. Nhưng hỏa lực áp đảo của quân Pháp đã làm cho một phần lực lượng đồn trú của ta hy sinh ngay trên bệ súng. Lê Sĩ, Lê Chuẩn, Lâm Hoàn và Nguyễn Trung - bốn tướng quân của ta hy sinh anh dũng trên trận địa.

Sáng ngày 21.8.1883, quân Pháp xông vào chiếm được Hải Đài và đổ bộ lên bờ đánh chiếm nhiều đồn lũy của ta ở cửa biển Thuận An. Quân trấn giữ tại cửa Thuận An dâng sớ lên triều đình xin thêm khí giới và viện binh để tiếp tục chặn từng bước tiến của giặc Pháp. Nhưng kho tàng và viện binh của nhà vua đã cạn; ý chí chống giặc của triều đình cũng chẳng còn. Trước tình hình đó, vua Hiệp Hòa thiết triều, và phần lớn đình thần đều chủ trương nghị hòa với giặc Pháp.

Chiều ngày 21.8.1883, triều đình cử Thượng thư Bộ lại Nguyễn Trọng Hợp ra cửa Thuận An xin đình chiến. Để cho cuộc điều đình giữa triều đình với giặc Pháp được dễ dàng, trôi chảy, triều đình còn nhờ cha cố Caspard (Kim Long) cùng đi.

Ra đến cửa Thuận An, Nguyễn Trọng Hợp ra lệnh cho quân đội của triều đình ngừng bắn. Nhưng từ ngoài khơi cửa Thuận An, các chiến hạm của Pháp vẫn lướt sóng tiến vào. Thượng thư Nguyễn Trọng Hợp và cha cố Caspard phải dốt được viết hai chữ "miễn chiến" lên tấm vải trắng

rồi căng lên mạn thuyền của mình và lái thuyền đến Hải Đài vừa rơi vào tay giặc Pháp. Phái đoàn của triều đình xin giảng hòa với Harmand - một đại diện có thẩm quyền của Pháp hồi bấy giờ. Harmand ưng thuận đình chiến trong 2 ngày 2 đêm liền, với những điều kiện vô cùng khắc nghiệt như sau:

- Một là, quân đội triều đình phải rút lui khỏi 7 đồn chính và 5 đồn phụ ở dọc sông (từ kinh thành Huế ra đến cửa Thuận An) và hủy bỏ thuốc súng chứa trong 12 đồn ấy.

- Hai là, triệt bỏ những bãi chông cấm ở cửa sông.

- Ba là, trả lại cho nước Pháp 2 pháo thuyền (mà trước đó nước Pháp đã giao lại cho vua Tự Đức theo Hiệp ước 1874) và trả luôn pháo thuyền mà quân ta đã chiếm được của Francis Garnier.

Quan Thượng thư Nguyễn Trọng Hợp thay mặt cho triều đình chấp thuận các điều kiện nêu trên của Pháp.

Ngày 22.8.1883, hai bên đình chiến. Kết quả là một hiệp ước mới đã được kẻ thù soạn thảo xong. Nội dung tóm lược của hiệp ước như sau:

- Triều đình phải thừa nhận quyền "bảo hộ" của nước Pháp trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Việc bang giao của Việt Nam với nước ngoài do Pháp chủ trương.

- Tỉnh Bình Thuận sẽ sát nhập vào xứ Nam kỳ thành thuộc địa của Pháp.

- Quân Pháp giữ dải núi từ Đèo Ngang cho đến Vũng Chùa cùng các đồn ải của triều đình ở Thuận An và cửa sông Hương. Và trên các địa bàn chiến lược nói trên, quân Pháp được tự do xây dựng thêm các căn cứ quân sự của

mình.

- Triều đình phải lập tức thu hồi quân đội của mình còn lại trên đất Bắc và hạn chế quân số của triều đình theo những điều khoản chi tiết và cụ thể trong hiệp ước này của Pháp.

- Triều đình phải hạ lệnh cho các quan lại của mình ở Bắc kỳ về nhận chức, cử quan lại mới cho những nơi còn thiếu và thừa nhận các quan lại do Pháp bổ nhiệm.

- Nước Pháp có quyền kiểm soát về thương chính và công chánh trên địa bàn các tỉnh từ Bắc Bình Thuận đến đèo Ngang (Hà Tĩnh).

- Khâm sứ Pháp đóng tại Huế, còn các tỉnh Bắc kỳ thì có công sứ Pháp. Tất cả hệ thống quan lại của triều đình đều nằm dưới quyền điều khiển của các Khâm sứ và Công sứ người Pháp tại mỗi địa phương.

Ngày 25.8.1883, đại diện của hai bên ký vào bản hiệp ước. Chiều ngày 25.8.1883, Harmand cùng với De Champeaux lên tòa Lãnh sự Pháp tại Kinh đô Huế đổi làm tòa Khâm sứ, tọa lạc ở hữu ngạn sông Hương.

Quả hiệp ước Harmand đã đi ngược lại với tư tưởng cương quyết chống giặc của các sĩ phu yêu nước và các vị quan lại cao cấp thuộc phái chủ chiến trong triều đình nhà Nguyễn mà Tôn Thất Thuyết là người đại diện. Đối với họ, thì hiệp ước đó chỉ là một kế hoãn binh.

Do vậy, đến ngày 30.9.1883, ngay sau khi đô đốc Courbet và thượng sứ Harmand ra khỏi cửa Thuận An, Tôn Thất Thuyết đã phát động một phong trào kháng Pháp trong hàng ngũ các sĩ phu yêu nước ở vùng phụ cận kinh

thành hồi bấy giờ... Phong trào kháng Pháp đó đã nổi lên ở Cầu Hai, Nước Ngọt, Châu Mới, Buông Tầm, Truôi, làm cho khâm sứ Pháp ở Huế bị rơi vào tình thế bị bao vây... Khâm sứ Pháp tại đây là De Champeaux phải yêu cầu tổng binh Pháp ở cửa Thuận An chi viện thêm 50 lính lê dương để bảo vệ an toàn cho tòa Khâm sứ. Tiếp theo đó, lệnh chuẩn bị kháng chiến chống giặc Pháp, giúp vua từ viên quan đại thần Tôn Thất Thuyết đã bí mật truyền đến các sĩ phu yêu nước trên toàn lãnh thổ Việt Nam, nhất là ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định là những tỉnh nằm gần kinh đô Huế. Cử nhân yêu nước Lê Trung Đình ắt hẳn đã nhận được mật lệnh đó và bí mật xây dựng chiến khu, chuẩn bị kháng chiến. Triều đình Huế cũng cho hai chiếc tàu nhỏ vượt biển đưa sứ đoàn của mình sang Bắc Hải, cầu viện quân Tàu để đánh Pháp, nhưng khi đi ra khỏi cửa Thuận An, thì hai chiếc tàu nói trên đã bị quân Pháp đón đánh.

Trước tình hình đó, ngày 13.12.1883, phái chủ chiến trong triều đình lại bí mật truyền đi cho các sĩ phu yêu nước tại các tỉnh thành trong cả nước rèn đúc khí giới, chuẩn bị xây dựng chiến khu, chờ lệnh đứng lên chống giặc. Đơn cử như các sĩ phu ở Quảng Trị bí mật làm đường xuyên sơn và xây dựng các vùng căn cứ kháng chiến ở Tân Sở, Cam Lộ, Vạn Xuân v.v...

Ngày 1.5.1884, Lý Hồng Chương ký hiệp ước Thiên Tân. Patenôtre - đại diện của Pháp đã ghé vào Huế, ép buộc triều đình phải thực thi nghiêm chỉnh hiệp ước Harmand và để cho quân Pháp chiếm đóng tại đồn Mang Cá, nằm sát ngay sau kinh thành Huế. Tôn Thất Thuyết -

người đại diện cho phái chủ chiến trong triều đình, trước sau vẫn không muốn thực thi hiệp ước Harmand. Vì nếu thừa nhận hiệp ước này là tự tay mình trao toàn bộ chủ quyền của nước Việt Nam cho giặc Pháp, là phải chịu trách nhiệm với lịch sử...

Ngày 31.7.1884, triều đình Huế báo cho Pháp biết, vua Kiến Phúc bị trọng bệnh và đã băng hà, nghĩa là người chịu trách nhiệm thực thi Hiệp ước Harmand không còn nữa.

Mồng 1.8.1884, Hàm Nghi mới 14 tuổi lên ngôi vua với sự hỗ trợ của Tôn Thất Thuyết - phụ chính đại thần.

Cuối năm 1884, quân Pháp thất bại trước cuộc kháng chiến của quân ta ở Lạng Sơn, tướng Négrier bị thương.

Vào hồi 01 giờ sáng ngày 05.7.1885, Tôn Thất Thuyết cùng người con trai là Tôn Thất Đám hạ lệnh cho Phán nghĩa quân của triều đình đánh vào tòa Lân sự Pháp ở hữu ngạn sông Hương và đồn Mang Cá của giặc...

04 giờ sáng cùng ngày, quân Pháp từ đồn Mang Cá tổ chức tấn công kinh thành Huế. Vào 8 giờ sáng ngày 05.7.1885, kinh thành thất thủ. Tôn Thất Thuyết hộ tống vua Hàm Nghi bí mật rời khỏi kinh thành lên chiến khu Tân Sở và sau đó đã chính thức hạ chiếu Cần vương, kêu gọi sĩ phu trong cả nước đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Những sự kiện lịch sử sống động và bi tráng đó đã dội vào tư tưởng và tình cảm của người sĩ phu yêu nước trẻ tuổi Lê Trung Đình, thôi thúc ông đứng lên khởi nghĩa...

Chỉ 8 ngày sau khi kinh thành thất thủ, đêm ngày 13.7.1885, Lê Trung Đình cùng các đồng chí của mình đã

kéo 3000 quân từ chiến khu Tuyên Tung, thuộc Bình Sơn, chia làm 03 mũi, vượt sông Trà Khúc tấn công trực diện vào thành Quảng Ngãi. Với lối đánh bí mật, bất ngờ, táo bạo, kết hợp nhịp nhàng giữa "nội công, ngoại kích", nên chỉ sau 04 tiếng đồng hồ, nghĩa quân của Lê Trung Đình đã chiếm được thành. Nghĩa quân tịch thu ấn, triện, binh khí, tiền lương, giải phóng số tù phạm mà chính quyền phong kiến thân Pháp ở Quảng Ngãi đã bắt giam trước đó.

Lê Trung Đình - vị thủ lĩnh trẻ tuổi của nghĩa quân, ra lệnh chiêu an bá tánh, bổ nhiệm các chức vụ của chính quyền mới như: thống đốc, tham tán, đề đốc, lãnh binh. Ông cũng mời vị hoàng thân của triều đình nhà Nguyễn hồi bấy giờ là Tuy Lý vương Miên Trinh lên làm Phụ chính Quốc vương nhằm làm sáng tỏ mục đích chính nghĩa (giúp vua, cứu nước) của mình. Lê Trung Đình còn cho nghĩa quân tiến về các tổng, xã trong tỉnh Quảng Ngãi để trừng trị bọn quan lại làm tay sai cho giặc Pháp.

Phong trào dâng lên mạnh, thì đến ngày mùng 5.6 năm Ất Dậu (1885), thực dân Pháp và bọn tay sai của chúng là Nguyễn Thân, đã huy động toàn bộ lực lượng quân sự có mặt tại địa phương để đàn áp khốc liệt cuộc khởi nghĩa. Các thủ lĩnh của nghĩa quân: Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Viên, Vũ Hội, Nguyễn Hoàn, Trần Tu và Nguyễn Côn đã chiến đấu đến cùng và đã anh dũng hy sinh trước lưỡi gươm và họng súng của kẻ thù, nêu cao tấm gương nghĩa liệt trong cuộc khởi nghĩa, mở đầu cho phong trào Cần vương và có ảnh hưởng tích cực đối với phong trào kháng Pháp của các sĩ phu ở các tỉnh miền trung Trung bộ hồi bấy giờ.

CHIẾU HAY DỰ CẦN VƯƠNG ?

TRẦN VIẾT NGẠC

(Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh)

Hiệp Hòa, vị vua muốn hòa với Pháp bằng mọi giá và thông mưu với khâm sứ Pháp De Champeaux để loại bỏ các vị phụ chính Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết, đã bị triều đình phế bỏ.

Kiến Phúc lên ngôi, mở đầu một thời kỳ mới với nhiều chính sách tích cực nhằm chuẩn bị cơ sở vật chất, nhân sự và tinh thần cho một cuộc chống Pháp lâu dài. Có thể nói đây là một bước ngoặt trong đối sách kháng Pháp của triều đình Huế.

Cầm đầu nhóm chủ chiến là Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết, Phạm Thân Duật đã nắm giữ ba bộ then chốt: bộ Lại, bộ Binh và bộ Hộ. Khi vua Kiến Phúc băng hà vì bạo bệnh, cả ba đã trở thành phụ chính cho vị tân vương Hàm Nghi.

Trong thời gian Kiến Phúc và Hàm Nghi trị vì, nhiều chính sách tích cực đã được thi hành:

- Triều đình cho về quê lính già yếu, nâng cao tiêu chuẩn luyện tập bắn súng, cấp tuất cho quan quân thất lạc hoặc tử trận ở Bắc kỳ và Thuận An trước đây, cho chế tạo súng máy kiểu Hoa Kỳ và Đức. Nguyễn Hanh và Hồ Văn Hiến được phân công nắm giữ quân đội. Quân Phấn nghĩa mới thành lập được giao cho Trần Xuân Soạn chỉ huy.

- Hệ thống sơn phòng được củng cố, mở rộng và

xây dựng thêm. Mở rộng đường thương lưu từ kinh đô Huế với các sơn phòng phía nam và phía bắc. Xây dựng căn cứ Tân Sở và mở rộng sơn phòng Dương Yên (Quảng Nam) để làm hai trung tâm điều hành công cuộc kháng Pháp một khi vua phải rời kinh thành Huế để bắt đầu cuộc kháng chiến. Lương thực, khí giới, tiền và vàng bạc được chuyển từ Huế ra Tân Sở, vào Dương Yên.

- Triều đình chọn lựa để bổ dụng các chánh sứ sơn phòng, chuẩn bị khung nhân sự cho bộ máy Cần vương; ban hành nhiều chính sách khích lệ các dân tộc miền núi; mộ quân sơn cước để làm lực lượng kháng chiến.

- Đối với sĩ phu, văn thân, triều đình mở các ân khoa hương và hội. Đặc biệt là triều đình đã động viên nhân lực qua việc "Triệu dụng các tiến sĩ, phó bảng và ấn quan tại quán" (Dụ được ban hành đầu năm Giáp thân - 1884). Chính Phan Đình Phùng, Nguyễn Duy Hiệu... đã được giao nhiệm vụ trong thời gian này.

- Tinh giản bộ máy hành chính trung ương từ 539 quan xuống còn 291 vị, để tăng hiệu lực quản lý, đồng thời để có điều kiện tăng lương bổng.

- Các phần tử thân Pháp bị kết án, bị an trí hoặc bị gián chức như Tuy Lý, Hồng Hưu, Nguyễn Trọng Hợp, Trần Văn Chuẩn... Nguyễn Hữu Độ bị khiển trách vì lạm quyền ở Bắc kỳ.

Tất cả công việc đó đều bị các giáo sĩ Tây phương theo dõi, Puginier ở Bắc kỳ và Camelbeck ở Quy Nhơn tường trình rất chi tiết cho Pháp.

Trước tình hình chuẩn bị của nhóm chủ chiến, Pháp quyết tâm loại bỏ nhóm chủ chiến mà Tôn Thất Thuyết là

linh hồn. Chính sách của chúng là gây sức ép và nếu cần, tạo điều kiện để nổ ra cuộc xung đột quân sự không cho nhóm chủ chiến hoàn tất quá trình chuẩn bị. De Courcy đã được gửi đến Huế để thực hiện nhiệm vụ đó.

Những yêu sách "không thể chấp nhận được", thái độ hống hách của De Courcy không phải do tính tình nóng nảy của y như nhiều người biện giải. Đó là một thái độ và hành động có chủ tâm. De Courcy yêu cầu các vị phụ chính phải hội kiến với y ở tòa khâm để bàn bạc nghị lễ yết kiến vua Hàm Nghi trong khi y âm mưu bắt Tôn Thất Thuyết. De Courcy đòi tất cả phái đoàn của Pháp (cả những binh nhì) phải được di vào đại nội bằng cửa chính ở Ngọ Môn, trong khi cửa này chỉ dành riêng cho Đại Nam hoàng đế. Để làm dịu tình hình, triều đình Huế đề nghị De Courcy thảo luận thêm với Viện Cơ mật và bà hoàng thái hậu Từ Dũ gửi quà tặng đến De Courcy. De Courcy gạt bỏ cả hai hành động thiện chí. Trước tình thế đó, để tránh xung đột, Tôn Thất Thuyết đã đề nghị một giải pháp khá nhún nhường: viết thư cho De Courcy biết Tôn Thất Thuyết sẽ từ chức Thượng thư bộ Binh, triều đình sẽ cử người khác thay thế và vị tân Thượng thư sẽ cùng với Nguyễn Văn Tường sang tòa Khâm phó hội¹⁾. Sự kiện rất quan trọng đó đã xảy ra vào chiều 1.7.1885 (22.5 Ất Dậu) nhưng không được các tác giả đề cập đến khi viết về biến cố kinh thành Huế thất thủ. Nội dung bức thư được Nguyễn Văn Tường tóm tắt trong bức thư gửi cho thống đốc Tahiti và cũng được nhắc đến trong hai tư liệu gốc *Đại loạn năm Ất Dậu* và *Dậu tuất Niên gian phong hỏa ký*

¹ : Nguyễn Văn Mai - *Lê Giang tiểu sử*, nguyên văn chữ Hán, bản dịch của Nguyễn Huy Xước, in ronéo. Tài liệu của gia đình họ Nguyễn.

sự⁽¹⁾.

*Tôn gửi qua, xin lỗi một tờ
Toàn trả lại không thềm ba chữ.*

(Đại loạn năm Ất Dậu)

*Thuyết e sinh sự chẳng hiền
Gởi thư tạ lỗi, toàn quyền không coi !*

(Dậu tuất Niên gian...)

Trước thái độ bức bách của De Courcy, Tôn Thất Thuyết, Phạm Thân Duật, Trần Xuân Soạn đã phải chọn giải pháp tấn công quân Pháp để rước vua Hàm Nghi rời kinh thành, ra lệnh cho cuộc Cần vương bắt đầu. Nguyễn Văn Tường ngay sau sự kiện De Courcy trả lại thư của Tôn Thất Thuyết vẫn chủ trương thương thuyết với Pháp và vì vậy đã không được thông báo về kế hoạch tấn công Mang Cá và toà Khâm vào lúc nửa đêm.

Kinh thành Huế thất thủ. Nguyễn Văn Tường vào đại nội rước vua và tam cung tạm lánh lên Khiêm Lăng để tiếp tục thương thuyết. Khi Tường được lệnh bà Từ Dũ ở lại, vào nhà thờ Kim Long để qua giám mục Caspard, thương thuyết với De Courcy thì Tôn Thất Thuyết kịp đuổi theo ngự giá và chuyển hướng vòng ra ngã Trường Thi (La Chừ) để rồi theo con đường thiên lý đưa vua ra Tân Sở, thực hiện kế hoạch Cần vương tuy việc chuẩn bị chưa được hoàn tất.

Ngay từ khi ngự đạo đến Văn Xá, Tôn Thất Thuyết đã

¹ Đại loạn năm Ất Dậu và Dậu tuất niên gian phong hóa ký sự được in trong Lam Giang - Võ Ngọc Nhã, Đặng Đức Tuấn - Tinh hoa công giáo ái quốc Việt Nam, tác giả xuất bản, Sài Gòn, 1970.

gởi phái viên vào các tỉnh phía nam để thông báo về sự biến 23 tháng 5 năm Ất Dậu.

Sau đó, từ căn cứ Tân Sở, ngày mồng 2.6 Ất Dậu (13.7.1885), dụ Cần vương được thảo và ban hành cùng lúc với dụ cho Nguyễn Văn Tường và tiếp theo là dụ cho hoàng tộc, ngày 7 tháng 6.

Dụ Cần vương được nói đến trong *Đại Nam thực lục*, đệ ngũ kỷ (1883-1885) nhưng không ghi lại nội dung vì quyển này được hoàn thành vào năm Thánh Thái thứ 14 (1902) trong khi dụ cho Nguyễn Văn Tường và dụ cho hoàng tộc được ghi lại nội dung đầy đủ.

Nguyên văn dụ này chỉ do một nguồn tư liệu duy nhất cung cấp, đó là *Trung - Pháp chiến tranh tư liệu* (tập 7), được Chu Thiên dịch và in trong cuốn *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX* dưới nhan đề *Hàm Nghi đế chiếu*. Cũng từ nguồn tư liệu trên, Lê Thuớc đã dịch một bản khác dưới nhan đề *Chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi*, in trong phần phụ lục cuốn *Bài ngoại liệt truyện* của Phan Trọng Mưu.

Cả hai bản dịch đều bắt đầu bằng "dụ" hoặc "dụ rằng", là hình thức mở đầu của một *dụ* chứ không phải của một *chiếu*.

Gần đây Trần Đại Vinh và Lê Văn Sách có phát hiện một bản khác có nhan đề là *Cần vương chiếu* nhưng không có phần mở đầu của dụ hay chiếu.

Theo hình thức quy định, dụ bao giờ cũng bắt đầu bằng hai chữ "dụ viết", còn chiếu được bắt đầu bằng cụm từ: *Thừa thiên hưng văn, hoàng đế chiếu viết...* hoặc

Phụng thiên thừa vận, hoàng đế chiếu viết...⁽¹⁾. Về tính chất, dụ là một lệnh, sắc lệnh có giá trị như một sắc luật mà sự thi hành và tuân thủ có tính cách bắt buộc. Chiếu là một tuyên cáo, một lời kêu gọi như Chiếu dời đô, Chiếu lên ngôi, Chiếu cầu hiền v.v...

Ngoài Đại Nam thực lục ghi là Dụ thiên hạ Cần vương, Dụ Cần vương⁽²⁾, ta có thể tìm thấy những chỉ dẫn tương tự trong hai tư liệu gốc Dụ tuất niên gian phong hỏa ký sự và Đại loạn năm Ất Dậu⁽³⁾:

*Tôn Thất Thuyết lánh thân thoát khỏi
Tống dụ ra giục hồi thân hào.*

(câu 67-70)

và sau đó là 22 câu, tóm tắt nội dung dụ Cần vương:

*Giặc Tây đến cõi Nam giao,
Tham tàn, kiêu lộng người nào chẳng hay?
Nó từ hòa ước đến nay,
Cậy tài lấn thế một ngày một hơn,
Quan quân ai chẳng giận hờn,
Ghét loài quỷ trắng bắt nhơn vô nghì
Vua cực chẳng đã phải đi,
Trăm quan sĩ thứ vậy thì tính sao?
Thiếu chí trí cả tài cao,
Thiếu chí vật lực phú hào nước Nam.*

¹ : Xem Tự Đức thánh chế văn tam tập, nguyên văn chữ Hán, bản dịch của Bùi Tấn Niên và Trần Tuấn Khải. Phủ QVKDT văn hóa (Sài Gòn) xuất bản, 1973.

² : Quốc sử quán (Nguyễn) - Đại Nam thực lục, nguyên văn chữ Hán, bản dịch của Nguyễn Ngọc Tình, tập 36, NXB KHXH, Hà Nội, 1976. trang 225, trang 241, 244.

³ : Dụ Tuất niên gian... gồm 860 câu, là một bài thơ trường thiên do một trí thức công giáo soạn vào thập kỷ 80 thế kỷ XIX. Đại loạn năm Ất Dậu, gồm 420 câu.

*Rày đã gặp hội phải làm,
Những người khi khái chực hằm đã lâu.
Đến nay còn ẩn nơi đâu
Sao không dẹp loạn ngô hầu sửa an?
Bình Tây sát tả đã toan,
Ấy là hảo hội phục hoàn cố cương
Dẹp trừ xong lũ Tây dương
Nước ta mới dựng cửa trường an ninh.
Bằng ai đầu ám khí mình,
Trong lòng cảm thú, ngoài mình áo xiêm
Triều đình đã có phép nghiêm.
Mặc loài phản quốc..., biểu niêm trung quân*
(câu 71 đến câu 92)

và kết luận:

Văn thân thấy dụ vui mừng.
(câu 93).

Đại loạn năm Ất Dậu cũng ghi:

*Dụ Hàm Nghi mới tống đạt các nơi
Mưu Tôn Thuyết đã vẽ bày đủ lối.*
(câu 145-146)

Ở một đoạn khác:

*Việc gây loạn tại ai đã biết,
Tú Dịch về là Thuyết sai vô.
Khi đà thất thủ kinh đô,
Mượn danh hồi quán, thăm dò phía trong
Trải qua Nam Ngãi một vòng
Truyền miệng dụ mới giục lòng văn thân*
(câu 254-258)

Như vậy bản văn mà chúng ta quen gọi là *Chiếu Cần vương, Hàm Nghi đế chiếu...* đúng ra là *Dụ Cần vương*, một mệnh lệnh của vua Hàm Nghi gửi cho toàn dân để thực hiện nhiệm vụ Cần vương cứu nước mà cơ sở vật chất, nhân sự và tinh thần đã được chuẩn bị từ cuối năm Quý mùi (1883).

Chúng tôi cũng rất băn khoăn về cái được gọi là *Chiếu Cần vương 2*, mà theo Gosselin trong *Le Laos et le protectorat Francais* (Paris, 1990), được ban hành ngày 11 tháng 8 năm Ất Dậu (19.9.1885). Gosselin gọi bản văn đó là *proclamation*, Vũ Văn Tỉnh dịch là *chiếu*¹⁾. Về nội dung có nhiều chỗ rất đáng ngờ:

1. Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây hai năm sau khi ta nhượng ba tỉnh miền Đông (1862).

- Đúng ra là năm năm (1862-1867)

2. Hội đồng Cơ mật đã họp và quyết định thử một trận khởi công ở Huế. Nếu thắng Nguyễn Văn Tường sẽ hộ tống nhà vua ra Nghệ An còn Tôn Thất Thuyết ở lại để bài trừ bọn giáo dân.

- Sự thực không có cuộc họp của Cơ Mật viện và Nguyễn Văn Tường không hay biết gì về cuộc tấn công lúc nửa đêm.

3. Bài chiếu ban hành ngày 19.9.1885 cùng ngày với bài *Chiếu lên ngôi* của Đồng Khánh (11.8 Ất Dậu) mà Gosselin đề cập trong cuốn *L'Empire d'Annam* xuất bản 4 năm sau đó (1904). Trong cuốn sau, Gosselin không hề đề

¹⁾ : Vũ Văn Tỉnh - *Chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi* - Tạp chí NCLS số 140 (1971) hàng 54-56.

cập đến bài chiếu Cần vương này.

4. Nội dung chính của bài chiếu là mạt sát Nguyễn Văn Tường thậm tệ (tên yêu quái ấy, tên gian xảo, tên Tường hèn mạt và giả dối kia, tên Tường gian trá, tên Tường phản phúc) vào một thời điểm mà Nguyễn Văn Tường đã bị De Courcy đày đi Côn Lôn và sau đó Tahiti. Ngày Tường bị đày là 28 tháng 7 năm Ất Dậu, tức là ngày 6.9.1885. Trước đó, ngày 6 tháng 8, Ứng Kỷ đã được đưa vào cung để nối ngôi. Vậy mà nội dung bài chiếu không hề đề cập gì đến Đồng Khánh cả.

5. Thường thường, cuối bài chiếu kết thúc bằng câu: *bá cáo xa gần, đều được nghe thấy*, hoặc: *Vậy, đặc biệt báo cáo khắp nơi, khiến cho mọi người đều nghe biết. Khâm thủ*¹. Từ "chiếu" nói trên kết thúc bằng một lời phân trần, rất có hại cho uy tín đế vương: "Trẫm nói toàn sự thực, không giả dối chút nào".

6. Ngoài nguồn thông tin từ Gosselin trong cuốn sách đã dẫn, hầu như không thể tìm thấy ở một nguồn tư liệu nào khác như *Đại Nam thực lục*, *Dậu tuất niên gian...*, *Đại loạn năm Ất Dậu* hay về *Thất thủ kinh đô* và cả trong cuốn *L'Empire d'Annam*, cùng một tác giả, xuất bản 4 năm sau đó. Đó là một điều bất thường dưới khía cạnh khảo chứng tư liệu và sự khả tín của tư liệu ấy vì thế càng rất đáng ngờ.

¹ : Xem *Đại Nam thực lục*, tập 36 trang 22, tập 37 trang 28.

VỀ PHÂN KỲ TRIỀU NGUYỄN VÀ MỘT NGUYÊN NHÂN THẤT BẠI CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG NGÃI

LÊ HỒNG KHÁNH
(Sở VHTT Quảng Ngãi)

I. TỪ MỘT THỰC TẾ NGHIÊN CỨU TRIỀU NGUYỄN:

Do những điều kiện khách quan, đã có thời kỳ chúng ta nhận định về triều Nguyễn (1802-1945) có phần nặng nề, khắc nghiệt. Điều đó phải chăng có những lý do sau đây:

1. Lòng dân, nhất là nhân dân Đảng Trong rất nặng nợ với nhà Tây Sơn, một triều đại ra đời từ phong trào nông dân Tây Sơn, có sự tham gia sâu rộng của những người dân cày cùng khổ, thu hút nhiều thành phần tiến bộ trong giai cấp phong kiến và đã mang lại cho dân tộc hào quang rạng rỡ của những chiến thắng ngoại xâm oai hùng, đồng thời đem đến cho người nông dân những quyền lợi nhất định mà trước đó họ chưa hề có.

2. Trong những năm dài sống dưới ách thống trị thực dân phong kiến, nhân dân ta đã phải chịu đựng sự đè nén bóc lột hết sức nặng nề của giai cấp phong kiến mà tiêu biểu là triều đình bù nhìn của các ông vua cuối triều Nguyễn, những kẻ đã trắng trợn cấu kết với bọn thực dân, hèn nhát, sa đọa và tàn bạo; trong khi đó đám quan lại

công bộc của cái gọi là “triều đình” này như Hoàng Cao Khải, Trần Bá Lộc, Nguyễn Thân... thực sự đã trở thành bọn đầu sai của quân cướp nước, trắng trợn phản bội Tổ quốc, phản bội đồng bào. Nhận thức được sự phát triển tất yếu của lịch sử cũng như sự băng hoại, suy đồi của giai cấp phong kiến, các phong trào yêu nước của nhân dân ta, mà rõ ràng nhất là từ phong trào Duy tân, Việt Nam Quang phục hội, Đông Kinh nghĩa thực, ... và đặc biệt là phong trào ái quốc dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản Việt Nam, đứng đầu là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đã khẳng định sự cần thiết phải lật nhào ách thống trị phong kiến, địa chủ cùng lúc với cuộc đấu tranh đánh đuổi thực dân xâm lược, giành độc lập cho dân tộc. Yêu cầu đập tan xiềng xích phong kiến trong giai đoạn quyết liệt của lịch sử không cho phép những người cách mạng chậm chân để phân tích một cách toàn diện, đầy đủ về giai đoạn đầu của triều đình nhà Nguyễn, một giai đoạn mà bản thân nó đã chứa đựng nhiều vấn đề hết sức phức tạp, tích cực và tiêu cực, công và tội lẫn lộn, khó có thể trình bày một cách rạch ròi, tỉ mỉ trong điều kiện thời cuộc chuyển biến cực kỳ mau lẹ và nhân dân đang quần quai rèn xiết dưới ách thống trị thực dân phong kiến.

3. Trong bối cảnh đó, hùa theo chiêu bài “khai hóa”, “Pháp - Việt đề huê”, bọn học giả thực dân cũng như đám bồi bút người Việt, giả danh nghiên cứu lịch sử đã lên tiếng công bố những cái gọi là “công trình sử học”, cố tình vẽ mặt bôi mày cho những con bù nhìn trên ngai vàng, mượn nho giáo để hô hào cho cái mảnh khoe mà nhà yêu nước Phan Chu Trinh đã gọi đích danh là “tôn bậy quân quyền”, cố tình đánh lộn sòng giữa những kẻ đốn mạt như

Đồng Khánh, Khải Định với những ông vua dầu sao cũng còn ít nhiều ý thức dân tộc ở đầu triều Nguyễn.

Để kịp thời vạch mặt những “học... giả nhân” này, trong điều kiện lúc bấy giờ, đòi hỏi chúng ta phải tập trung vũ khí lý luận chỉ rõ những thói nát, ung nhọt của triều đình và giai cấp phong kiến, đại diện cho nó là đám vua quan triều Nguyễn và bọn địa chủ chúa đất cũng là một kẻ thù, nguy hiểm không kém bọn thực dân xâm lược. Nói cách khác, chính cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt, cuộc đấu tranh vì sự tồn vong của dân tộc đã tác động, chi phối đến nghiên cứu lịch sử. Và, sự chi phối, tác động này là tất yếu.

4. Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời ngày 2.9.1945, một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc đã bắt đầu. Tuy vậy cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh vì độc lập dân tộc chưa phải đã khép lại. Một nửa đất nước ở miền Nam vẫn còn nằm trong tay thực dân xâm lược và bọn phong kiến tư sản tay sai; trong khi đó ở miền Bắc, những di chứng của chế độ phong kiến cũng không phải đã tiêu hủy một sớm một chiều. Vì vậy, chúng ta cũng không thể lập tức xem xét lại nhà Nguyễn với tất cả những vấn đề có liên quan, chỉ ra những yếu tố tích cực, những đóng góp của nó đối với lịch sử dân tộc.

Trong giai đoạn hiện nay, nước ta đã hoàn toàn độc lập, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, dưới ánh sáng đường lối của Đảng, bằng vũ khí lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các nhà sử học đã có điều kiện để nghiên cứu, đánh giá về nhà Nguyễn một

cách khách quan, công bằng, để từ đó rút ra những kết luận, những bài học cần thiết, có ích.

Thực tế cho thấy rằng, những năm gần đây, nhiều công trình nghiên cứu, hội thảo khoa học đã đi theo hướng này và có được sự ủng hộ thích đáng của giới khoa học và công luận. Việc làm này đáng được hoan nghênh và cần phải tiếp tục. Song, cũng cần nhận thấy một sự thật là, tuy không nhiều, nhưng cũng có một đôi ý kiến, chủ quan hoặc khách quan đi từ sự khẳng định những yếu tố, những mặt tích cực của nhà Nguyễn, những thành tựu mà dân tộc ta đã đạt được trong giai đoạn này, dẫn đến sự khen ngợi hoặc biện bạch thái quá cho những sai lầm, tội lỗi của nhà Nguyễn đối với Tổ quốc. Điều này, vô hình trung đã thể hiện một thái độ hữu khuynh khi xem xét lịch sử mà chúng tôi cho rằng trong một vài tham luận tại hội thảo về Trương Đăng Quế năm 1993 đã mắc phải.

II. THỬ ĐƯA RA MỘT Ý KIẾN VỀ PHÂN KỲ NHÀ NGUYỄN:

“Trả lại cho César những gì thuộc về César”, đó là một trong những nguyên tắc căn bản của khoa học lịch sử. Những đánh giá thiên lệch về triều Nguyễn cả từ hai cực đều cần khắc phục.

Quả thật là những biến động trong hai năm 1884 và 1885 có tác động rất lớn đến vận mệnh dân tộc nói chung và tập đoàn thống trị nhà Nguyễn nói riêng, bởi vì nếu với Hiệp ước Giáp thân (1884) triều đình Nguyễn ở vị thế là một chính quyền trung ương của một quốc gia đã chấp nhận đầu hàng, trao chủ quyền đất nước cho quân xâm lược, thì với việc Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương (1885), nó đã là kẻ bị lịch sử, nhưng oái oăm thay lại qua bàn tay

của ngoại bang, hất xuống dòng nước xoáy và phải kêu gọi sự cứu vớt, thương xót của sĩ phu và nhân dân. Từ chỗ còn ít nhiều đại diện cho quyền lợi dân tộc, cho dù là kẻ đại diện bạc nhược, triều Nguyễn đã trở thành vật chứng bị dìm vùi về thân phận của một tập đoàn thống trị bị vắt ra ngoài rìa lịch sử.

Vì vậy, vấn đề là phải tiếp cận hệ quả, ý nghĩa của các sự kiện xảy ra trong hai năm 1884 và 1885 đã nói trên, đồng thời xem xét vị trí vai trò của các lực lượng, các tập đoàn chủ yếu chi phối cán cân quyền lực trong bối cảnh lịch sử xã hội Việt Nam trước, trong và sau đó (triều đình Nguyễn, quân xâm lược Pháp, nhân dân, sĩ phu yêu nước) để có thể đưa ra những nhận định khách quan, khắc phục những đánh giá thiên kiến, nặng nề và mơ hồ, hữu khuynh về triều Nguyễn.

Tồn tại 143 năm (1802-1945), trong một thời gian đầy biến động của lịch sử dân tộc và trong một bối cảnh thế giới, khu vực có những chuyển biến rất phức tạp, bản thân lại đan xen, chồng chéo nhiều mâu thuẫn, vì vậy việc nghiên cứu, đánh giá toàn diện để đi đến những kết luận thỏa đáng về triều Nguyễn là một việc làm vừa cần thiết, vừa hết sức khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải tiến hành một cách thận trọng, nghiêm túc.

Bản thân chúng tôi có những hạn chế rất lớn về điều kiện, thời gian và nhất là kiến thức, phương pháp để có thể làm bàn đến vấn đề này, nên chỉ xin nêu ra ở đây một ý kiến nhỏ về phân kỳ lịch sử triều Nguyễn, cụ thể là đề nghị chia 143 năm tồn tại của vương triều Nguyễn thành 02 giai đoạn chính.

Sự phân chia này, như trên đã trình bày, là dựa vào

những cố gắng tiếp cận những sự kiện lịch sử của hai năm 1884 - 1885, cụ thể như sau:

A. GIAI ĐOẠN I: Tạm gọi là nhà Nguyễn tự chủ, với 8 vị vua từ Gia Long đến Hàm Nghi.

Trong giai đoạn này các ông vua Nguyễn và triều đình cai quản một quốc gia có chủ quyền, tiến hành các chính sách đối nội và đối ngoại tự chủ, tuy có sự chi phối ít nhiều của phong kiến Trung Hoa và về sau là những hành vi thực dân của đế quốc phương Tây. Chủ quyền này dần dần mất hẳn theo đà những thất bại liên tiếp trước cuộc xâm lăng của thực dân Pháp. Thất bại liên tục trong cuộc đấu tranh Việt- Pháp lần thứ I (1858-1884) đã dẫn đến việc triều đình nhà Nguyễn tự chủ thể hiện một hành động mang tính “nhà nước” cuối cùng là ký hiệp ước Giáp thân (6.6.1884), tức hiệp ước Patenôtre, khai tử chủ quyền của nước Việt Nam.

Nước Việt Nam mất chủ quyền, song triều đình vẫn tồn tại trong sự trói buộc hoàn toàn của quân Pháp xâm lược. Nhưng dẫu sao đó vẫn còn là triều đình của người Việt vì trong thế trói buộc, nó (hay đúng hơn là một bộ phận quan trọng của nó là phe chủ chiến) vẫn chống Pháp, cụ thể là ngấm ngấm ủng hộ các tổ chức Nghĩa hội và làm một cuộc vùng vẫy cuối cùng tức cuộc tiến công thảm bại ở kinh thành Huế đêm mồng 4 rạng ngày mồng 5 tháng 7 năm 1885. Triều đình này tiếp tục tồn tại theo đường trốn chạy của Hàm Nghi và kết thúc vào tháng 11 năm 1888 khi ông vua này bị phản bội và bị bắt ở Quảng Bình, trong khi ở Huế, Ứng Đường dùng niên hiệu “Đồng Khánh Ất Dậu” thay cho niên hiệu Hàm Nghi vẫn còn dùng trước đó.

Như vậy là trong thời gian 86 năm, các ông vua của “triều Nguyễn tự chủ” đã đi vào việc đánh bại triều đình Tây Sơn, lên ngôi, thống nhất đất nước, tạo dựng một thời kỳ phục hưng ngắn ngủi ở những năm đầu nhưng vẫn đầy rẫy mâu thuẫn trong giai đoạn phong kiến muộn màng, dần dần sâu vào vũng lầy của sự suy đồi, bạc nhược, lúng túng trước cuộc xâm lăng của ngoại bang, để đất nước rơi vào tay giặc và bản thân bị mất ngôi.

B. GIAI ĐOẠN II(1885-1945): Nhà Nguyễn bù nhìn, với 5 vị vua từ Đồng Khánh đến Bảo Đại, kể cả thời kỳ Thọ Xuân vương Miên Định làm Nhiếp lý Quốc chính (tháng 7- tháng 9 năm 1885).

Giai đoạn này các ông vua Nguyễn và triều đình thực chất đã mất hết mọi quyền hành về đối nội lẫn đối ngoại, ngoại trừ “quyền” được ban bố những chỉ dụ theo lệnh của quân Pháp nhằm truy nã những quan lại theo phe chủ chiến, kể cả vua Hàm Nghi; đàn áp các cuộc nổi dậy, các phong trào yêu nước của đồng bào.

Triều đình này càng đúng ý nghĩa bù nhìn khi bộ máy tổ chức và nhân sự được cắt đặt, sắp xếp theo đúng kịch bản của bọn xâm lược để lừa bịp nhân dân và những quan lại yêu nước, vừa thực thi chính sách đàn áp, bóc lột của ngoại bang, duy trì những đặc quyền, đặc lợi phong kiến trong khuôn khổ mà chủ nghĩa thực dân muốn có.

Tháng 8 năm 1845, nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản và Mặt trận Việt Minh đã vùng lên giành độc lập dân tộc, lật nhào luôn cả ngai vàng phong kiến, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chiếc đuôi quái dị và bẩn thỉu của giai cấp phong kiến Việt Nam bị chặt đứt và vứt vào sọt rác của lịch sử.

Sự phân kỳ lịch sử nhà Nguyễn như thế, ít nhất có 2 vấn đề đặt ra cần được biện giải đầy đủ.

1. Vấn đề Thành Thái và Duy Tân:

Hai cha con Thành Thái và Duy Tân ngồi trên ngai vàng một thời gian khá dài (Thành Thái 1889-1907, Duy Tân 1907-1916) và qua những hành động được lịch sử và nhân dân ghi nhận, họ là những vị vua có lòng yêu nước, có ý thức dân tộc, không cam chịu sự bức chế của ngoại bang. Song, dù thế nào, họ vẫn là những ông vua bù nhìn, do người Pháp sắp đặt. Chắc chắn là họ đã không muốn và không đồng tình, nhưng những cuộc đàn áp đẫm máu đối với phong trào yêu nước kháng Pháp của sĩ phu và nhân dân Bắc, Trung kỳ vẫn được thực hiện với danh nghĩa tuân thủ các chỉ dụ của triều đình.

Hành động phản.kháng của họ đối với xâm lược Pháp phải được hiểu là những hành động cá nhân, đi trái với guồng quay của triều đình và được hành xử một cách bí mật đằng sau sự dò xét thường xuyên của thực dân và đám quan lại bán nước.

Cuộc mưu khởi năm 1916 mà ta quen gọi là khởi nghĩa Duy Tân, thực chất là một mưu đồ cứu nước do Trần Cao Vân và Thái Phiên lãnh đạo, có sự can dự của vua Duy Tân và tên tuổi của ông được nêu lên như một sách lược cần có để hiệu triệu quần chúng.

Điều này cũng giải thích vì sao khi phát hiện việc làm của Duy Tân, và trước đó là Thành Thái, cha ông, thực dân Pháp đã không ngần ngại hất họ ra khỏi ngai vàng và đưa đi đày biệt xứ ở Réunion.

2. Khoảng thời gian chống lấn 1885-1888 hiểu như thế nào?

Nhà Nguyễn tự chủ, như trên đã trình bày kéo dài đến năm 1888 khi vua Hàm Nghi bị bắt, trong khi đó triều đình nhà Nguyễn bù nhìn lại bắt đầu từ tháng 7 năm 1885. Như vậy có một khoảng thời gian chống lấn 1885-1888 mà theo chúng tôi cần hiểu là thời kỳ song song tồn tại hai chính quyền. Một chính quyền triều đình do những quan lại chủ chiến chỉ phối, chống lại xâm lược Pháp, có ảnh hưởng mạnh ở những vùng đất chưa bị Pháp chiếm đóng và là nơi hướng về của những người Cần vương. Một chính quyền triều đình khác, chấp nhận nghe theo thực dân, sử dụng đám quan lại vong bản để chống lại những người kháng chiến và cùng với giặc đàn áp, bóc lột nhân dân.

Chính trong giai đoạn này, sự phân hóa trong nội bộ giai cấp phong kiến đã diễn ra từ trước, tiếp tục một cách nhanh chóng và nghiệt ngã hơn. Một bộ phận còn ít nhiều giữ được ý thức dân tộc mà tiêu biểu là những người ứng nghĩa Cần vương với các tên tuổi lớn Lê Trung Đình, Mai Xuân Thuồng, Nguyễn Duy Hiệu,... những kẻ bị lịch sử đời đời nguyền rủa.

Phân kỳ lịch sử về 13 đời vua nhà Nguyễn như trên, theo thiên ý chúng tôi, có thể tạo điều kiện để đánh giá về vương triều này một cách cụ thể hơn. Trong khi khẳng định một cách dứt khoát về bản chất dê tiện, đốn mạt, can tâm làm bù nhìn, tay sai cho thực dân xâm lược của triều đình Nguyễn bù nhìn (1885-1945), chúng ta cũng đồng thời công bằng hơn khi đánh giá những tích cực và tiêu cực đối

với lịch sử dân tộc của nhà Nguyễn tự chủ (1802-1888). Dĩ nhiên, nhìn nhận thỏa đáng những đóng góp của các ông vua đầu triều Nguyễn chúng ta vẫn không quên lưu ý những tội lỗi và sai lầm của họ mà rõ nhất là sự trả thù tàn bạo đối với nhà Tây Sơn, sự đàn áp dã man phong trào nổi dậy của nông dân, những bất lực, yếu kém trong việc tổ chức chống xâm lăng, ... kể cả việc Nguyễn Ánh vì quyền lợi của một tập đoàn phong kiến đã ký hiệp ước Versailles ô nhục.

Sự phân chia này cũng góp thêm cơ sở để phân tích sự phân hóa, giao động trong nội bộ giai cấp phong kiến mặt kỳ, một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của phong trào Cần vương.

III. SỰ PHÂN HÓA VÀ CHIA RẼ CỦA GIAI CẤP PHONG KIẾN, MỘT TRONG NHỮNG NGUYÊN NHÂN THẤT BẠI CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG:

Sự khủng hoảng của ý thức hệ phong kiến bộc phát từ nhiều thế kỷ trước đến cuối thế kỷ 19 đã trở nên gay gắt. Không kể những phần tử cơ hội, sa đọa, nhiều sĩ phu, văn thân vốn trung thành với lý tưởng Nho giáo đã ngày càng trở nên hoang mang, yếm thế. Một thứ yếm thế không còn dấu sao cũng yên bình như Nguyễn Khuyến, Dương Khuê ngày trước.

Nỗi u sầu hoài cổ trong thơ Bà huyện Thanh Quan, cái chán nản đã len lỏi nét hư vô trong thơ chữ Hán Nguyễn Du đã hiện hình ngày càng rõ nét. Ngay cả Trương Đăng Quế, một tôi thần mẫn cán của triều đình, một hình mẫu của nhiều nho sĩ đương thời, cũng đã bắt đầu phát lộ tư tưởng bi quan, hay ít ra cũng là một nỗi niềm ngổn ngang

khó nói:

*Khinh khinh phác khứ hoàn kinh thế
Phương tiện giao tha đảo nhập hoài.*

(Phác điệp)

*(Nhẹ nhàng rong ruổi rồi ngơ ngác
Lòng rộn trao ai mối tơ vò).*

hoặc:

*Quảng hàn cung lý thâm thâm bế
Nhất phiến thanh quang bất tá thâm*

(Trung thu bất kiến nguyệt tác)

*(Quảng hàn tiếng lặng hơi im
Tiếc chẳng, ánh sáng chẳng tìm người trao)*

Tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp nổ ra ở cửa Hàn (1858) rồi nhanh chóng lan ra cả nước. Những giếng mối cương thường ràng buộc giai cấp phong kiến - nho sĩ để gọi là xứng đáng với tư thế của kẻ sĩ, của lớp người tự cho mình có vai trò gánh vác vận mệnh quốc gia, đã bắt đầu rối tung và nhiều nơi bị bọn cơ tâm bức phá không thương xót mà điển hình là những Tôn Thọ Tường, Huỳnh Công Tấn ở Nam kỳ, Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải ở Trung, Bắc kỳ. Trong khi đó, những người có lương tri tìm cách giữ lấy những giếng mối này, lại đứng trước hai khả năng: hoặc khư khư thủ cự, bài ngoại và tả đạo mù quáng, hoặc hoang mang chứng kiến sự mục ruỗng, hư đốn của triều đình, bối rối trước những chuyển biến phức tạp của thời cuộc.

*Nhất giang lương quốc nan phân thuyết
Tứ nguyệt tam vương triều bất tường.*

Sự phân chia thành hai phái chiến và hòa, vừa thể hiện thái độ không nhất quán của triều đình Nguyễn trước âm mưu xâm lược của thực dân Pháp, vừa thể hiện sự lúng túng chao đảo của tầng lớp quan lại cao cấp trong việc phân tích và đánh giá thời cuộc.

Vì thế, nếu chỉ căn cứ vào thái độ hòa hay chiến ở thời điểm nào đó của một vị đình thần để đánh giá ông ta là tích cực hay tiêu cực, yêu nước hay không yêu nước, rất nhiều khi sẽ là chưa thỏa đáng. Số phận bi thương của Phan Thanh Giản và nổi loạn đặng, gian truân của Nguyễn Bá Nghi sẽ phải được giải thích ra sao khi hai "Khâm sai đại thần" này một người đã tự vẫn sau khi ký thỏa ước nhường đất cho giặc, còn người kia nắm trong tay một lực lượng quân đội tương đối đông nhưng kém về trang bị và khả năng chiến đấu đành chấp nhận lui binh, thủ hòa trước một đối phương được trang bị hùng hậu, khả năng tác chiến cao, để rồi bị giáng chức một cách sỉ nhục.

Trường hợp ngược lại là Nguyễn Văn Tường, một trong hai phụ chính đại thần đứng đầu phe chủ chiến, nhưng thực ra chỉ chủ chiến khi chiêu bài này giúp ông ta thao túng được đình thần, và rồi sẵn sàng trở giáo khi nhận ra triều đình bôn tẩu của Hàm Nghi không còn khả năng hiện thực để có thể dung túng những mưu đồ vị kỷ của một con người cơ hội.

Trở lại thời điểm 1858-1888, với hai triều đình đứng đầu là hai ông vua họ Nguyễn cùng tồn tại, mà chúng ta đã đề cập ở phần trên, và cả hai đều nhận là người đại diện chân chính của vương triều. Trong lúc Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết lặn lội trên vùng núi Quảng Bình, Quảng

Trị, ban chiếu Cần vương, thì ở Huế, triều đình bù nhìn với ban đầu là Thọ Xuân vương Miên Định và sau đó là Đồng Khánh, theo lệnh quân xâm lược, khoác chiếc áo bù nhìn lên bộ xương khô của Tam Cung, Lục Viện, liên tiếp ban hành các chiếu chỉ vừa phỉnh nịnh, vừa đe dọa thần dân.

Thời điểm của sự phân hóa mãnh liệt trong đám quan lại, sĩ phu đã bắt đầu: một số hưởng ứng hịch Cần vương, cùng nhân dân phát cờ kháng Pháp, một số khác, không phải là ít, nhanh chóng bộc lộ bản chất đê hèn của một giai cấp ăn bám gấp đôi mạnh vắn, một mặt nhấn nhe mối quan hệ với quân cướp nước, một mặt ra sức xung tưng triều đình bù nhìn ở Huế để đánh lừa nhóm người nhẹ dạ và ngu trung, lấy đó làm vật cớ dâng lên cho lũ ngoại bang. Đứng ở giữa và đầy hoang mang giao động là lớp người thiếu hiểu biết về thời cuộc, lại quần quanh trong vòng kim hãm của tam cương ngũ thường, hoặc giả là những người e dè sức mạnh của "tàu đồng, tàu sắt" nhưng chưa phải đã là phản bội Tổ quốc. Thực tế cho thấy những người này, từ thời kỳ Cần vương trở về sau, ngày càng ngã dần về phía những kẻ bán nước và quay ra làm tay sai đàn áp, bóc lột nhân dân.

Bên cạnh những nguyên nhân khác như sự so sánh lực lượng quá chênh lệch giữa quân khởi nghĩa và quân đội viễn chinh Pháp, sự yếu kém về tổ chức của lực lượng kháng chiến, tình hình chính trị quốc tế và quốc nội không thuận lợi, v.v... thì chính sự suy đồi và phân hóa gay gắt trong hàng ngũ giai cấp phong kiến đã là một nguyên nhân hết sức quan trọng dẫn đến sự thất bại của phong

trào Cẩn vương và phong trào Văn thân tiếp sau đó, trong đó có cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình ở Quảng Ngãi.

Xin được dừng lại nhiều hơn một ít ở cuộc khởi nghĩa nổ ra đầu tiên ngay sau khi có chiếu Cẩn vương này để làm rõ hơn nguyên nhân nói trên. Có thể 3000 hương binh của Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Tấn Kỳ không phải là một đội quân thiện chiến, có thể các thủ lĩnh khởi nghĩa không phải là những người giỏi binh pháp và cơ mưu, nhưng nếu như quyền Bố chánh Lê Duy Thụy và quyền Án sát Nguyễn Văn Dụ đồng ý cấp khí giới và lương thực và nhất là nếu như Nguyễn Thân, một người của nghĩa hội, nắm trong tay một lực lượng lớn quân binh của sơn phòng Nghĩa - Định, không phải là kẻ phản bội, gian hùng thì cục diện chiến trường Quảng Ngãi nói riêng và nam Trung bộ nói chung đã có thể xoay chuyển theo hướng khác, nhất là khi các cánh quân của Nguyễn Duy Cung, Bùi Điền, Nguyễn Bá Loan ở phía nam, Trần Văn Dự, Nguyễn Duy Hiệu ở phía bắc đã sẵn sàng phối hợp hành động với nghĩa quân Quảng Ngãi.

Thái độ của Tuy Lý vương Miên Trinh cũng là một điểm cần bàn để thấy được thái độ của tầng lớp chóp bu phong kiến lúc bấy giờ. Là một hoàng thân có uy tín và đang bị triều đình quản thúc ở Quảng Ngãi, nhưng ông ta đã giả bệnh để từ chối lời mời đứng ra làm minh chủ của các lãnh tụ nghĩa quân. Căn bệnh của ông ta có gì khác hơn là sự xa lánh, ngại ngần nhân dân, tiếc rẻ quyền lợi và hư danh, thờ ơ với vận mệnh của Tổ quốc.

Còn những lãnh tụ cuộc khởi nghĩa và những nghĩa

quân dưới cờ của họ là ai? Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Tấn Kỳ đều là những người chưa đỗ đại khoa, giữ những chức vụ thấp, hoặc không giữ chức vụ gì trong bộ máy quan lại nhà Nguyễn, 3000 tráng sĩ theo họ thì không phải là "lính tinh", lính sơn phòng, mà chỉ là những đội hương binh, dân phòng, được Nghĩa hội tổ chức cấp thời trước nguy cơ xâm lược ngoại bang. Phải chăng chính sĩ phu, quan lại cấp thấp, là tầng lớp ít bị trói buộc bởi tư tưởng ngu trung, nên sẵn sàng giương cao ngọn cờ yêu nước để tập hợp lực lượng. Điều này sẽ còn rõ hơn nếu ta xét đến trường hợp Thủ úy Trần Côn, Hiệp quản Trần Tu và một số binh lính đã bất chấp thái độ của các quan tỉnh Lê Duy Thụy và Nguyễn Văn Dụ, nhận làm nội ứng và mở cửa thành để quân khởi nghĩa tràn vào chiếm lĩnh và làm chủ tỉnh thành.

Trong điều kiện quân Pháp chưa đủ khả năng đưa quân chiếm đóng dải đất từ phía nam đèo Ngang đến Bình Thuận, cuộc tiến công chiếm thành Quảng Ngãi của Lê Trung Đình và trận phản kích của Nguyễn Thân, trong thực tế là sự đối đầu quyết liệt, trực tiếp không khoan nhượng giữa hai lực lượng phân rẽ từ sự rạn vỡ của xã hội phong kiến Việt Nam buổi hậu kỳ. Đoạt được phần thắng, bọn phong kiến, chúa đất phản bội Tổ quốc sẽ nhanh chóng cấu kết với quân thù, đàn áp và bóc lột nhân dân. Trong khi đó các sĩ phu yêu nước, chịu những thất bại tạm thời nhưng bất chấp gian khổ, hy sinh lại cùng với nhân dân mình tiếp tục tiến hành cuộc kháng chiến, truyền ngọn lửa bất khuất cho những thế hệ nối tiếp. Và ngọn lửa

này đã bùng cháy dữ dội vào tháng 8.1945 với cuộc tổng khởi nghĩa của quần chúng công nông và các tầng lớp nhân dân yêu nước dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh đánh đổ thực dân phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân, đưa nước Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới.

Và quả là một sự tri ân sâu sắc, một thái độ ứng xử đậm đà truyền thống đạo đức Việt Nam, khi ngay sau cuộc cách mạng vĩ đại này, chính quyền cách mạng đã đổi tên Quảng Ngãi thành tỉnh Lê Trung Đình, theo nguyện vọng của nhân dân Quảng Ngãi, những người dân vẫn tin rằng ông đang sống trong sự nghiệp của quê hương, đất nước.

Quảng Ngãi, 2.6.1996

LÊ TRUNG ĐÌNH

QUA MỘT SỐ SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN

TRẦN MẠNH TIẾN

(Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử TP.HCM)

Nhà yêu nước Lê Trung Đình là thủ lĩnh phong trào kháng Pháp tại Quảng Ngãi. Nhưng trong tiểu sử của ông vẫn có nhiều sách tham khảo có những khác biệt nhỏ như:

Về năm sinh, nơi sinh,...

Các sách đa số cho rằng ông sinh năm *Nhâm Tuất 1863*, tên thân phụ ông là *Lê Trung Lượng* và học vị của thân phụ ông là *tiến sĩ*.

Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam của Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Bá Thế có ghi Lê Trung Đình như sau:

Lê Trung Đình (*Nhâm Tuất 1863* - Ất Dậu 1885) - Nhà yêu nước, quê làng Phú Nhuận, phủ Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, con thứ 6 của *Tiến sĩ Lê Trung Lượng*⁽¹⁾.

Trong *Non nước xứ Quảng - tân biên* của Phạm Trung Việt cho rằng ông sinh năm 1862, là con của *Cử nhân Lê Trung Lượng* ở xã Phú Nhơn (Sơn Long) quận Sơn Tịnh, Cụ Lượng là người rất mực thanh liêm có tài kinh bang tế thế, lúc làm Tri huyện ở Nam Đàn (Nghệ An) đã có công khẩn hoang, lập 12 xã, được nhân dân các xã ấy tôn làm

¹ : *Từ điển Nhân vật Lịch sử Việt Nam* - Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Bá Thế - NXB KHXH - 1992 trang 382.

Phước Hiền⁽¹⁾.

Thành ngữ Điển tích - Danh nhân Tự điển của Trịnh Văn Thanh ghi:

"Ông sinh năm 1863 quê làng Phú Nhuận, phủ Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (xã Phú Nhơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi), con của tiến sĩ Lê Trung Lượng, một danh thần dưới triều vua Tự Đức"⁽²⁾.

Danh nhân lịch sử Việt Nam của Đinh Xuân Lâm - Chương Thâu - ghi:

"Lê Trung Đình người làng Phú Nhơn, huyện Bình Sơn, tỉnh Nghĩa Bình. Ông thi đậu cử nhân khoa Nhâm ngo (1882)"⁽³⁾.

Xem trong tất cả 32 tấm bia tiến sĩ nhà Nguyễn thì không thấy có tên Tiến sĩ Lê Trung Lượng, nên theo tôi ông sinh năm Nhâm tuất 1863, cha ông chỉ đỗ cử nhân.

Ông là người đề xướng ra Nghĩa hội?

Non nước xứ Quảng cho ông và Nguyễn Tự Tân là người đề xướng phong trào Nghĩa hội.

"Lúc bấy giờ Pháp đã chiếm xong Nam kỳ, Bắc kỳ, Kinh đô Huế thất thủ. Trước âm mưu xâm lăng của quân Pháp, *Cử Đình* lo nghĩ, căm hờn và quyết định cùng *Nguyễn Tự Tân* đề xướng phong trào *Nghĩa hội*, tập hợp những nhân sĩ yêu nước để cướp chính quyền tại tỉnh rồi

¹ : *Non nước xứ Quảng - tấn biên* của Phạm Trung Việt - Khai trí - Sài Gòn - 1968, trang 103.

² : *Thành ngữ Điển tích - Danh nhân Tự điển* - Trịnh Văn Thanh - quyển Thượng - Sài Gòn 1966, trang 678.

³ : *Danh nhân Lịch sử Việt Nam* - Đinh Xuân Lâm - Chương Thâu - Tập 2 - NXB Giáo dục - 1988, trang 31, 32.

sẽ dùng lực lượng tiến về kinh đô giúp vua Hàm Nghi khôi phục lại kinh thành Huế".

Cũng có sách theo quan điểm này, như *Thành ngữ Điển tích - Danh nhân từ điển* ghi:

"Sau khi kinh thành Huế thất thủ vào ngày 25.5.1885, ông liền đề xướng việc thành lập một đội nghĩa quân kháng Pháp để giành lại chủ quyền đất nước".

Nhưng cũng có sách thì nghĩa hội do các sĩ phu đề xướng và ông là người tham gia, như:

Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam ghi:

" Năm Giáp thìn 1884, ông đỗ cử nhân, không ra làm quan, ông cùng các đồng chí chuẩn bị lực lượng chống giặc Pháp. Sĩ phu Quảng Ngãi tổ chức nghĩa hội, ông được cử làm chánh quản hương binh".

Danh nhân lịch sử Việt Nam cùng quan điểm với sách này nhưng có ghi thêm:

"Theo lệnh của Tôn Thất Thuyết, ông đã cùng các sĩ phu trong tỉnh chuẩn bị lực lượng để chờ ứng nghĩa dấy binh. Sĩ phu Quảng Ngãi lập nghĩa hội, tổ chức các đoàn kiệt và hương binh để chống giặc, ông được cử làm chánh quản hương binh".

Tóm lại, từ trước ngày kinh thành thất thủ, theo lệnh của Tôn Thất Thuyết, ông cùng các sĩ phu trong tỉnh đã chuẩn bị lực lượng chờ ứng nghĩa dấy binh. Cùng với các sĩ phu Quảng Ngãi lập nghĩa hội, tổ chức các đoàn kiệt và hương binh, ông được cử làm chánh quản hương binh.

Những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình:

Ngoài nhân vật chính của cuộc khởi nghĩa này, các

sách còn nhắc đến các nhân vật khác cùng ông khởi nghĩa, nhưng có số lượng, tên tuổi không trùng với nhau.

Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam của Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Bá Thế ghi:

"Kinh thành thất thủ, Hàm Nghi di lánh nạn (1885), ông cùng *Nguyễn Tri Tấn* khởi binh kháng chiến".

Non nước xứ Quảng - tân biên của Phạm Trung Việt thì ghi:

"Ông Lê Trung Đình đã cùng *Nguyễn Tự Tân* (tức Tú Tân sinh năm 1848 tại Phước Thọ, Trung Sơn, Bình Sơn, Phó tướng của ông Đình) chính thức đứng ra lãnh đạo phong trào Cần vương ra mắt quốc dân, tuyên cáo chống Pháp". Và sau đó có ghi thêm các tên "Trần Tu, Nguyễn Viện".

Danh nhân lịch sử Việt Nam ghi:

"... Ngày 26.7.1885, chúng giết được Nguyễn Tự Tân và chỉ huy khác của nghĩa quân, đồng thời bắt luôn Lê Trung Đình".

Thành ngữ Điển tích - Danh nhân Từ điển ghi:

"... Nguyễn Tự Tân và Nguyễn Viện bị giết, Lê Trung Đình cũng bị bắt và bị hành quyết".

Đại Nam thực lục chánh biên, *Đệ ngũ kỷ*⁽¹⁾ ghi:

"Bình Sơn tả vệ hương binh chánh quản là Cử nhân Lê Trung Đình, hữu vệ phó quản là bọn tú tài Nguyễn Tự Tân, Vũ Hội và thương biện Nguyễn Văn Hoàn cho rằng

¹ : *Đại Nam Thực lục chính biên - Đệ ngũ kỷ* (1883 - 1885) tập 36, NXB KHXH Hà Nội, 1976, trang 233.

xe vua đã ra, lại nghe có dụ Cần vương, nhân đó muốn dấy binh... hiệp quân là Trần Tu, thành thủ úy là Nguyễn Côn mở cửa nội ứng".

Tóm lại, Lê Trung Đình cùng với Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Viện, Vũ Hội, Nguyễn Văn Hoàn, Trần Tu và Nguyễn Côn là những người lãnh đạo chính cuộc khởi nghĩa này.

Ngày giờ khởi nghĩa:

Các sách đều thống nhất với nhau là ngày 1.6 Ất Dậu (13.7.1885).

Non nước xứ Quảng ghi:

"Ngày 1.6 Ất Dậu (7.1885) từ chiến khu Tuyên Tung (Bình Sơn) Chánh tướng Lê Trung Đình cùng Phó tướng Nguyễn Tự Tân kéo quân về tỉnh lỵ. Nghĩa quân tập hợp làm lễ tế cờ tại bãi cát trước Văn Thánh".

Danh nhân lịch sử Việt Nam chép:

"Khi phong trào Cần vương bùng nổ, ông đã cùng với Nguyễn Tự Tân lãnh đạo nghĩa quân đánh chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi ngày 13.7.1885,..."

Thành ngữ Điển tích - Danh nhân Từ điển:

" Vào ngày mùng 1 tháng 6 năm Ất Dậu (1885) lúc 12 giờ khuya, truyền hóp nghĩa quân làm lễ tế cờ tại bãi cát trước đền Văn Thánh ở Phú Nhơn".

Nguyên nhân thất bại:

Trong *Non nước xứ Quảng* cho nguyên nhân thất bại là nội bộ khởi nghĩa không thống nhất, nghi kỵ.

"Trong thời gian ngắn ngủi chiếm được thành Quảng

Ngài, phó tướng Nguyễn Tự Tân xem thiên văn thấy sát khí nổi từ phía tây-nam, ngờ có nội phản. Sau khi thị sát 4 vệ quân, Tự Tân nghi vệ hữu do Đội Hùng chỉ huy có ý làm phản nên lập tức đem Đội Hùng ra xử tử. Do đó, nghĩa binh thuộc vệ hữu bất mãn, thuộc hạ của Đội Hùng trả thù bằng cách ngấm ngấm liên lạc cấu kết với quân sơn phòng, gây mâu thuẫn trong nội bộ quân Cần vương".

Thành ngữ Điển tích - Danh nhân Từ điển cho là "quân địch quá đông, yếu thế nên bị chúng tiêu diệt".

Tóm lại, do nội bộ nghĩa quân chưa có sự chuẩn bị kỹ cho cuộc khởi nghĩa, nên còn nghi kỵ và thiếu sự phối hợp tiếp ứng của nghĩa hội các tỉnh lân cận và lực lượng nhỏ, yếu, không chính quy mà phải chống với lực lượng tinh nhuệ chính quy sơn phòng do triều đình tổ chức.

LÊ TRUNG ĐÌNH QUA CÁI NHÌN CỦA SỬ GIA TRIỀU NGUYỄN

TRẦN MINH TÂN - NGUYỄN THU VÂN

(Trung tâm Sử học, TP. Hồ Chí Minh)

Qua nghiên cứu một số tác phẩm có đề cập tới Lê Trung Đình như *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam* của Nguyễn Q. Thắng; *Thành ngữ điển tích - danh nhân tự điển* của Trịnh Văn Thanh; *Danh nhân lịch sử Việt Nam* của Đình Xuân Lâm; *80 năm kháng Pháp* của Trần Huy Liệu; *Non nước xứ Quảng* của Phạm Trung Việt; *Việt sử Tân biên* của Phạm Văn Sơn, v.v... ta thấy tất cả đều cùng một quan điểm khẳng định Lê Trung Đình là một sĩ phu yêu nước, chống thực dân Pháp, là người đầu tiên ở Quảng Ngãi khởi nghĩa hưởng ứng hịch Cần vương của vua Hàm Nghi.

Song, chính sử nhà Nguyễn trong *Đại Nam thực lục chính biên đệ ngũ kỷ (1883-1885)*, tập 36⁽¹⁾, có ghi: "...Duy có Lê Trung Đình tỉnh Quảng Ngãi nổi loạn, rồi sau cũng yên...", "...bọn Đình, Tân bèn chia phát phu binh làm 3 đạo, tất cả hơn 3.000 tên, trước ngày 12 tháng này, tiến đến tỉnh thành, Hiệp quản là Trần Tu, Thành thủ úy là Nguyễn Côn, mở cửa nội ứng, bọn ấy sấn vào nội thành, đem hai viên bố, án ra thành giam trói, thu lấy ấn triện, binh tượng, tiền lương, buông tha tù phạm, trước chém một

¹ : Bản dịch của NXB KHXH, Hà Nội, trang 223.

tên suất đội, hai tên dân đạo. Cát nguyên Tuy Lý vương là Miên Trinh làm Phụ chính Quốc vương (ông nguyên được giáng tước công, an trí ở tỉnh thành này). Miên Trinh không theo, giả có bệnh nằm lỳ không dậy, bọn ấy bèn đặt các chức danh nguy là thống đốc, tham tán, đề đốc, lãnh binh... Việc làm ngang ngược không kiêng nể ai..."

Vì sao sách sử triều Nguyễn lại có cái nhìn lệch lạc như trên về Lê Trung Đình và cuộc khởi nghĩa do ông lãnh đạo?

Một là, sự phân liệt của triều đình Huế giữa phái chủ chiến và phái chủ hòa, dẫn tới sự đầu hàng địch và sự hòa nhập quan điểm nhìn nhận và đánh giá của thực dân Pháp với triều đình Huế. Do đó các sử gia lúc bấy giờ chia sẻ quan điểm lịch sử trên. Sử liệu cho thấy 05.6.1862, bản đồ Việt Nam bị cắt đứt ba tỉnh miền Đông cho Pháp, ngày 25.6.1867 ta lại mất nốt ba tỉnh miền Tây. Như vậy Nam kỳ đã mất trọn trong tay người Pháp, chỉ còn giữ lại được 200 mẫu ruộng ở hai xã Linh Trung và Tân Mỹ thuộc tỉnh Biên Hòa làm của hương hỏa để tế lễ họ Đỗ và họ Phạm là họ của bà Từ Dũ thái hậu, mẹ đẻ của vua Tự Đức.

Trung kỳ và Bắc kỳ tuy vẫn còn là của nhà Nguyễn nhưng theo hiệp ước 18.3.1874 thì vua nước Nam không được phép ký thương ước với bất cứ một nước nào không hợp với thương ước Pháp - Việt. Mỗi lần giao thiệp với một nước nào, đều phải trình trước đại biểu chính phủ Pháp. Như vậy, trên thực tế, Trung kỳ và Bắc kỳ cũng không hoàn toàn độc lập.

Chính vua Tự Đức cũng không chịu nổi cảnh bảo hộ trên, cho nên ngày 25 tháng Chạp năm 1880, vua đã cho người bí mật liên hệ với quân đội nhà Thanh, mượn quân

đội nhà Thanh chống Pháp.

Pháp biết tin đã viết thư khiển trách vua Tự Đức. Thiếu tá Pháp Henry Riveière đã tấn công chiếm thành Hà Nội. Ngày 14.5.1883, Henry Riveière bị quân Cờ Đen giết chết ở Ô Cầu Giấy. Ngày 19.7.1883, vua Tự Đức băng hà. Chính trong giai đoạn này trở đi, nội bộ triều đình Huế bị phân liệt rõ rệt giữa phái chủ chiến và phái chủ hòa, đã xảy ra tình trạng: một năm ba vua bị giết (Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc), bốn tháng phải thay ba vua (Hiệp Hòa, Kiến Phúc, Hàm Nghi).

Ngày 16.8.1883 (ba mươi ba ngày sau khi vua Tự Đức mất), hải quân Pháp trước khi tấn công của Thuận An, Pháp đã đưa tối hậu thư đòi chính phủ Nam triều chiều 18.8 phải nộp cho quân Pháp các pháo đài ở Thuận An. Triều đình Huế lúc đó tỏ ra hoảng sợ, phái chủ hòa muốn nộp ngay của Thuận An cho Pháp để giữ thế bình yên. Phái chủ chiến do Tôn Thất Thuyết đứng đầu vẫn cương quyết. Tôn Thất Thuyết cùng với con trai là Tôn Thất Dạm đích thân đốc thúc binh lính, chỉnh đốn trang bị, và phát thêm súng ống quyết tiếp chiến với Pháp.

Năm giờ rưỡi chiều, hạn phúc thư của triều đình Huế đã hết, Pháp nổ đại bác tấn công, cuộc chiến đấu ác liệt đã diễn ra đêm 18, 19 và ngày 20. Cuối cùng quân triều đình do Tôn Thất Thuyết chỉ huy bị thất bại, cửa Thuận An bị mất. Hòa ước 25.8.1883 được ký kết. Nước Việt Nam phải thừa nhận quyền bảo hộ của Pháp, triều đình phải thu quân ở Bắc kỳ về và hạn chế quân tối thiểu... Pháp kiểm soát thương chánh và công chánh.

Sự thất bại ở cửa Thuận An đã làm cho triều đình Huế phân liệt cao độ. Giữa triều đình, con trai Tuy Lý

vương là Hồng Sâm giữ chức Sung biện Nội các, đã công kích Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường, gọi hai người là gian thần và buộc cho hai người các tội làm mất nước; đồng thời dâng mật sớ xin vua Hiệp Hòa giết hai quyền thần trên. Vua Hiệp Hòa xem sớ xong phê "Giao Trần Khanh phụng duyệt" (Trần Tiễn Thành). Việc bị lộ, Tường cho thảo sớ xin chữ các quan, xin thái hậu bỏ vua Hiệp Hòa, lập người khác. Và Tường sai Ông Ích Khiêm giết vua Hiệp Hòa (bằng thuốc độc). Hồng Phi bị giết, Hồng Sâm tống giam, Trần Tiễn Thành bị giết, Tuy Lý vương bị dày vò Quảng Ngãi. Vua Hiệp Hòa chết, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết tôn Dương Thiện (con trai Kiên Thái vương, con nuôi Tự Đức), lên làm vua hiệu là Kiến Phúc.

Hiệp ước 15.8 là một liều thuốc đắng, Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường không thể nuốt được với danh nghĩa triều đình. Tường đã mật lệnh cho các đảng Văn thân, khuyến dân đúc khí giới, đốc thúc các quan địa phương chiêu mộ hương binh, khai thác các đường núi, sửa sang các nơi như Vạn Xuân, Cam Lộ, Tân Sở... để chuẩn bị cho chiến tranh, trừ bọn "thù chung".

Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết trước sau vẫn không thừa nhận hiệp ước, nhưng bị lãnh sự quán Pháp luôn luôn thúc ép, kế hoãn binh chỉ là cách tạm thời. Vậy muốn làm cho người Pháp không thúc nữa chỉ còn một cách là làm cho người có trách nhiệm phải thừa nhận hiệp ước chết và tuyên bố hiệp ước không còn hiệu lực. Ngày 31.7.1884, Nam triều báo cho Rheinart biết rằng vua Kiến Phúc bị trọng bệnh băng hà (thực ra không bị bệnh). Ngày 1.8.1884, Nam triều lập Ưng Lịch lên ngôi, lấy hiệu là vua

Hàm Nghi (lúc này mới 14 tuổi).

... Ngày 5.7.1885, kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn ra dụ Cần vương kêu gọi các sĩ phu và nhân dân đứng lên 'cứu nước'. Lúc bấy giờ trong suốt dải miền Trung các sĩ phu nhiệt liệt hưởng ứng, đứng ra lập các nghĩa hội chống Pháp. Nghĩa quân Lê Trung Đình là một trong những phong trào khởi nghĩa này. Tất nhiên, đối với thực dân Pháp và triều đình tay sai Đồng Khánh sau này thì nghĩa quân Lê Trung Đình là phiến loạn. Nhưng đối với người nghe hịch Cần vương của vua Hàm Nghi đứng lên xuất binh chống Pháp thì là một nghĩa cử cao đẹp, một nhà yêu nước thiết tha và là một người con trung hiếu của nhân dân.

Hai là, lý tưởng, tính chất của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình quy định cuộc khởi nghĩa của ông là yêu nước hay phiến loạn.

Lê Trung Đình là một con người khoa bảng, một cử nhân của triều đình Huế. Bạn bè, chiến hữu của ông như Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Viện, Vũ Hội, Nguyễn Văn Hoàn, Trần Tu và Nguyễn Côn, đều là những tú tài, thương biện, nghĩa là những trí thức đương thời ở địa phương. Thế nhưng lá cờ khởi nghĩa của các ông được phát lên vào lúc 12 giờ khuya ngày 1.6 năm Ất Dậu (tức là ngày 13.7.1885), 6 ngày sau khi kinh thành Huế thất thủ, đã được sự hưởng ứng nhiệt liệt của nhân dân, là những nông dân kiên cường của đất Quảng Ngãi. Cuộc khởi nghĩa đã quy tụ được trên ba ngàn nghĩa quân và trong vòng một đêm đã chiếm được thành Quảng Ngãi.

Cuộc khởi nghĩa còn chính nghĩa ở chỗ Lê Trung Đình

đã tôn hoàng thân Tuy Lý vương Miên Trinh lên làm phụ Quốc vương trong lúc vua Hàm Nghi đang trên đường bỏ tẩu. Hành động này cho thấy nghĩa quân Lê Trung Đình không phản nghịch triều đình mà vẫn giữ đạo quân thần, vẫn trung với Tổ quốc - triều đình khi mà triều đình còn đứng về phía nhân dân.

Nghĩa quân Lê Trung Đình thể hiện thái độ chống Pháp ở chỗ kiên quyết đập tan chính quyền tay sai của Pháp ở địa phương, giết bỏ những người theo Pháp như một tên suất đội, hai tên phản động theo đạo Thiên chúa. Lê Trung Đình còn dựng lên ở Quảng Ngãi một chính quyền của nghĩa quân, những người đại diện cho nhân dân để quản lý tỉnh thành.

Khi bị quân sơn phòng của tên tay sai Nguyễn Thân đàn áp và chìm cuộc khởi nghĩa trong bể máu, Lê Trung Đình không nghe những lời dụ hàng về với triều đình tay sai của thực dân Pháp để được chết một cách oanh liệt và thủy chung với đất nước. Như vậy, với lý tưởng vì dân vì nước chống quân xâm lược và tay sai, với lòng mong muốn dựng lên ở Quảng Ngãi một chính quyền địa phương độc lập, tự do, với tính cách một thanh niên xả thân vì nước, Lê Trung Đình thực sự là nhà yêu nước, là người con kiệt xuất của đất Quảng Ngãi và cũng thực sự là "phiến loạn" đối với quân xâm lược Pháp và tay sai của chúng.

Ba là, chính sử nhà Nguyễn do những sử gia cung đình của nhà Nguyễn viết lên với một tư tưởng phong kiến rập khuôn và cứng nhắc. Đối với họ, vua là "Thiên tử", là người đại diện cho "Trời", cho Tổ quốc, cho dân tộc. Do đó nhân dân phải tuyệt đối trung thành với vua mà họ cho là

trung thành với Tổ quốc, với dân tộc, dẫu rằng vị vua đó là một tên hôn quân, một tên bán nước hay một tên tay sai.

Nhưng với một quan điểm nhìn nhận khác, quan điểm nhìn nhận của dân tộc, của nhân dân thì cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình là cuộc khởi nghĩa của những người yêu nước dưng cảm, cuộc khởi nghĩa của những người sĩ phu và nông dân ở một vùng bất khuất dám đứng lên chống lại cả một hệ thống triều đình tay sai, dám đứng lên vì đại nghĩa, và Tổ quốc, khi kinh thành Huế bị quân xâm lược xâm chiếm. Lê Trung Đình và những hương binh của ông tuy mới tập hợp vội vã, chưa được huấn luyện trang bị, nhưng họ là đại diện cho ý chí của nhân dân, của dân tộc là bảo vệ đất nước và làm trong sáng đất nước bằng việc loại trừ những bè lũ tay sai.

THÁI ĐỘ CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ ĐỐI VỚI CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG NGÃI

CHẾ LINH

(Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi)

Sau sự kiện kinh thành Huế thất thủ (5.7.1885) vua Hàm Nghi xuất bôn ra Tân Sở, hạ chiếu Cần vương, chống Pháp, triều đình Huế chính thức phân liệt hai phái. Phái chủ chiến do Hàm Nghi - Tôn Thất Thuyết đứng đầu. Phái chủ hòa (thực chất là đầu hàng giặc) do Đồng Khánh, ông vua bù nhìn, do Pháp dựng lên, đại diện. Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi sinh ra trong bối cảnh lịch sử đó.

Bàn về cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình (1885) và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi (1885-1896) đã có nhiều tài liệu sách, báo đề cập, nhất là các tác phẩm *Khuôn mặt Quảng Ngãi* của Phạm Trung Việt, *Tìm hiểu phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Nghĩa 1885-1945* của Bùi Định, *Lịch sử Việt Nam* tập II - phần "phong trào Cần vương" của Viện Sử học - 1985. Thông qua Hội thảo này, chúng tôi chỉ đề cập đến thái độ của triều đình Huế đối với cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi.

1. Án binh bất động:

Sau khi Hàm Nghi xuất bôn, hạ chiếu Cần vương, theo

lệnh của De Courcy, vua Đồng Khánh ra đạo dụ "án binh bất động", nghiêm cấm các tướng sĩ không một ai hưởng ứng chiếu Cần vương. Ai không tuân theo (kể cả sĩ phu) thì ghép vào tội "khởi quân". Cộng thêm hòa ước Harmand (1883), Patenôtre (1884), triều đình Huế ra lệnh bãi binh, vì vậy khi Lê Trung Đình dựng cờ khởi nghĩa (13.7.1885) có yêu cầu quyền Bố chánh Quảng Ngãi là Lê Duy Thụy và quyền Án sát Nguyễn Văn Dụ cùng tham gia hợp binh chống Pháp. Nhưng Lê Duy Thụy và Nguyễn Văn Dụ từ chối, lấy cớ "hương binh chỉ có nhiệm vụ phòng thủ, chứ không có nhiệm vụ đánh Pháp như quân tỉnh"¹ (thực chất là án binh bất động theo lệnh của triều đình Huế). Trước tình thế đó, Lê Trung Đình - Nguyễn Tự Tân quyết định đem quân đánh chiếm tỉnh thành, đồng thời vận động Nguyễn Côn (Thành thủ úy), Trần Tu (Hiệp quản) hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, kết quả bắt giam Lê Duy Thụy, Nguyễn Văn Dụ, tịch thu ấn triện, trừng trị bọn giáo dân... phát động phong trào Cần vương trong toàn tỉnh, mở đầu cho phong trào chống Pháp đầu tiên ở Quảng Ngãi.

Việc quyền Bố chánh Quảng Ngãi Lê Duy Thụy và quyền Án sát Nguyễn Văn Dụ từ chối đánh Pháp (theo lệnh triều đình) chứng tỏ triều đình Huế đã tiếp tay cho giặc.

2. Theo lệnh Pháp, đàn áp cuộc khởi nghĩa:

Lo sợ trước sự lớn mạnh của phong trào Cần vương nói chung cũng như cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi nói riêng, thực dân

¹ : Dương Kinh Quốc - *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1945*. Tập I (1858-1896). NXB KHXH Hà Nội - 1981 - tr.265.

Pháp và triều đình Huế đã thẳng tay đàn áp.

Tại Quảng Ngãi, sau khi thất thủ thành Quảng Ngãi, triều đình Huế chỉ thị cho Nguyễn Thân (nguyên là một thành viên của nghĩa hội Cần vương đã phản bội) lúc đó giữ chức Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nghĩa - Định, phải dập tắt cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và Nguyễn Tự Tân.

Sau khi lừa giết ông Nguyễn Tạo (nguyên Tri phủ Đoan Hùng - được Tôn Thất Thuyết bổ nhiệm vào làm Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nghĩa - Định, thay Huỳnh Quang), Nguyễn Thân đã tập trung lực lượng đối phó.

Qua môi giới của tên cha cố Đặng Đức Tuấn ở nhà thờ Tam Quan (Bình Định) và mật lệnh của triều đình Huế, Tuấn vũ Bình Định Lê Bá Thận đã cung cấp cho Nguyễn Thân 500 súng nạp hậu (do Pháp chuyển vào) để đánh bại nghĩa quân.

Chính nhờ sự hỗ trợ của Pháp và triều đình Huế cung cấp vũ khí (súng đạn, xét về thời điểm đó cũng là một ưu thế quân sự so với giáo mác) nên Nguyễn Thân mới có cơ hội dẹp được cuộc khởi nghĩa.

3. Ra lệnh bãi binh, không tổng động viên quân đội:

Như trên đã đề cập, sau hòa ước Harmand (1883), theo yêu cầu của Pháp, triều đình Huế đã ra lệnh bãi binh⁽¹⁾. Bên cạnh đó, triều đình Huế lại cho phép những ai có của, có thể bỏ của ra để khởi đi lính (Dương Kinh Quốc - *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách mạng tháng*

¹ : *Lịch sử Việt Nam*. Tập II(1858-1945). Nguyễn Khánh Toàn chủ biên - NXB KHXH Hà Nội - 1985. tr.72.

8.1945 - trang 60). Đúng là hậu quả tai hại ! Đang lúc Tổ quốc lâm nguy "Quốc gia hữu sự, sĩ phu hữu trách", triều đình Huế lại có thái độ bán nước như vậy ! Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình nói riêng, phong trào Cần vương nói chung bị thất bại cũng vì trách nhiệm nhà Nguyễn không chịu chống Pháp, vì quyền lợi của một dòng họ mà bán rẻ Tổ quốc. Đây cũng là một vết nhơ trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam.

4. Mua chuộc đến áp dụng luật Gia Long (xử trảm):

Bắt được Lê Trung Đình, theo lệnh của triều đình Huế, Nguyễn Thân đã tìm cách dụ dỗ, mua chuộc Lê Trung Đình, nhằm lôi kéo các tầng lớp sĩ phu (bởi bản thân Lê Trung Đình đỗ cử nhân khoa Nhâm Ngọ 1882 tại trường thi Bình Định - thân phụ ông là Lê Trung Lượng cũng là nhà khoa bảng). Triều đình Huế rất lo sợ trước ảnh hưởng của tầng lớp sĩ phu, linh hồn của các cuộc khởi nghĩa chống Pháp (Trần Văn Giàu - *Hệ tư tưởng phong kiến Việt Nam*). Nếu lôi kéo được Lê Trung Đình cũng như một số sĩ phu yêu nước khác, thì mới hạn chế được phong trào Cần vương chống Pháp đang dấy lên mạnh mẽ. Nhưng đáng thương thay, triều đình Huế và Nguyễn Thân không thể làm được điều đó, bởi khí tiết cao cả của Lê Trung Đình và các tầng lớp sĩ phu yêu nước.

Việc sử dụng luật Gia Long (ra đời năm 1815) để xử trảm Lê Trung Đình và một số sĩ phu Quảng Ngãi sau này (như Nguyễn Duy Cung, Nguyễn Bá Loan, Thái Thú...) càng chứng tỏ thái độ hèn hạ của triều đình Huế lúc bấy giờ.

5. Thường "công" cho những kẻ phản bội, đàn áp cuộc khởi nghĩa:

Theo *Đại Nam thực lục* - chính biên - Đế lục kỷ II (1886-1888) tập XXXVIII của Quốc sử quán triều Nguyễn⁽¹⁾, thì sau khi đàn áp cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và các cuộc khởi nghĩa khác, Nguyễn Thân được triều đình Huế (cụ thể là ông vua bù nhìn Đồng Khánh 1885-1889) thưởng:

"Cho khâm sai đại thần ở tả trực là Nguyễn Thân, thưởng gia hàm Thượng thư, vẫn sung Sơn phòng tiểu phủ ở Quảng Ngãi - Bình Định, giải binh về Sơn phòng Quảng Ngãi nhận chức. Gia thưởng cho một cái kim khánh hạng lớn 4 chữ "Lao năng khả thưởng" (Khó nhọc tài năng đáng khen) để ghi công lao. Lại đặc cách cho một bức ảnh của nhà vua thân di đánh giặc. (Trên đóng ấn: *Đại Nam thiên chi chi bảo*, mặt sau viết bài luận "*Hưng lợi trừ hại*" của vua làm, nhan đề sắc rằng: *Phàm phi quân công, không được dự thưởng*).

Lời dụ rằng: "*Đó là tấm lòng yêu tài của Trẫm, đặc cách gia ơn, người nên nhớ lời răn bảo của trẫm, thể theo lòng trẫm, sớm khuya kính cẩn, để tiếng khen lâu dài...*" và sai thông lục cho các quan tỉnh đều biết⁽²⁾.

Xử trăm những người yêu nước, thưởng công cho kẻ phản bội, hàng Pháp, rõ ràng triều đình Huế thực sự cam tâm làm tay sai cho giặc, chống lại nhân dân, để mưu cầu cuộc sống "vinh thân phì gia".

¹ : Quốc sử quán triều Nguyễn. Sđd tr.10-11. NXB KHXH Hà Nội - 1978 (do Trương Văn Chính dịch và Nguyễn Trọng Hán hiệu đính).

² : Quốc sử quán triều Nguyễn. Sđd

6. Hạn chế vai trò sĩ phu - lấy tư tưởng "trung quân" nho giáo chi phối:

Dân tộc Việt Nam có truyền thống hiếu học và "tôn sư trọng đạo", nhất là đối với tầng lớp sĩ phu (khoa bảng). Thực dân Pháp và triều đình Huế cố gắng tìm mọi cách lôi kéo các sĩ phu yêu nước, "linh hồn của phong trào Cần vương", mới có thể dập tắt được sự phản kháng của quần chúng đối với ách thống trị của chúng, mặt khác đề cao chủ nghĩa "trung quân" (đã lỗi thời) để hạn chế vai trò sĩ phu.

Nhưng sau Hòa ước Harmand (1883) và Hòa ước Patenôtre (1884), nhất là sau sự kiện kinh thành Huế (7.1885) thất thủ, Hàm Nghi xuất bôn ra Tân Sở, hạ chiếu Cần vương, thì tư tưởng "trung quân" bị đảo lộn giữa hai vị vua đối lập. Trong dân gian thời đó có câu ca dao:

*Hàm Nghi chính thực vua trung
Còn như Đồng Khánh là ông vua xằng.*

Tư tưởng "trung quân" đã minh bạch. Trung vua đồng nghĩa với yêu nước. Vai trò Đồng Khánh bị nhân dân phỉ nhổ, nói chi đến tầng lớp sĩ phu ! Chính vì vậy trong nội bộ triều đình Huế bị phân liệt trước và sau phong trào Cần vương.

Có một số quan lại không chịu làm việc cho Pháp, như Tổng đốc Nguyễn Khuyến, sung Quân thứ Sơn Tây Nguyễn Đức Thuận, Thị độc Thành Ngọc Uẩn; hay tử tiết như Bố chánh Hải Dương Nguyễn Vũ Túc, hoặc mộ quân khởi nghĩa, như Tán lý quân thứ Sơn Tây Nguyễn Thiện Thuật, Đề đốc Nam Định Tạ Hiện, Tiểu phủ sứ Cao Bằng - Thái Nguyên Lương Tuấn Tú, Án sát Thái Bình Phạm Vũ Mẫn,

Tri phủ Kiến Xương Hoàng Văn Hòe, Bố chánh Sơn Tây Nguyễn Văn Giáp, Tuần vũ Hưng Hóa Nguyễn Quang Bích, Tán lý quân thứ Bắc Ninh Nguyễn Cao, Tuần vũ Lạng Sơn Lê Xuân Uy, Tham biện các vụ Đỗ Huy Liệu.

Khi phong trào Cần vương cũng như cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình nổ ra mạnh mẽ, thì ở Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Bình Định có cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng, Nguyễn Duy Cung, Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận, Phạm Tuấn. Ở Quảng Ngãi, Quảng Nam có Nguyễn Bá Loan, Trần Văn Dự, Nguyễn Duy Hiệu, Nguyễn Hàm. Ở Quảng Trị, Quảng Bình, Thừa Thiên có Nguyễn Phạm Tuấn, Lê Trực, Nguyễn Tự Như, Trương Đình Hội, Đặng Hữu Phổ, Hoàng Văn Phúc. Ở Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa có Lê Ninh, Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nhạ, Phạm Cát Thu, Nguyễn Đôn Tiết, Nguyễn Phương, Phan Đình Phùng, Cao Thắng, Phạm Bằng, Trần Xuân Soạn, Đinh Công Tráng, Tống Duy Tân. Ở Hải Dương thì có Nguyễn Thiện Thuật. Ở Tây Bắc có Nguyễn Quang Bích v.v... Trong đó có những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu, rộng lớn cho phong trào Cần vương là: cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật (1885-1892), cuộc khởi nghĩa Ba Đình của Đinh Công Tráng (1886-1887), cuộc khởi nghĩa Tây Bắc của Nguyễn Quang Bích (1886-1892) và cuộc khởi nghĩa Hương Khê của Phan Đình Phùng (1885-1886)⁽¹⁾.

Điểm qua hàng loạt cuộc khởi nghĩa như vậy để chúng ta thấy ảnh hưởng vai trò của các sĩ phu rất lớn (kể cả Lê Trung Đình) đối với phong trào quần chúng, cũng như sự thất bại của Pháp và triều đình Huế trong việc lôi kéo các

¹ : *Lịch sử Việt Nam* tập II (1885-1945) Mục "Phong trào Cần vương". Sđd tr.72-75.

sĩ phu yêu nước. Cái chết của các vị khoa bảng như Lê Trung Đình, Nguyễn Duy Cung, Nguyễn Tự Tân, Lê Đình Cẩn (sau này) đã chứng minh điều đó. Chính Giám mục Puyginiê (Puginier) đã từng nhận xét: "Rõ ràng là vì bọn sĩ phu có quyền hành to lớn... nên chúng ta cần phải loại trừ bọn chúng nó đi. Chừng nào bọn sĩ phu còn tồn tại, chừng đó chúng ta còn lo"⁽¹⁾. Họ rất có uy tín trong nhân dân. Nếu không ra làm quan, họ trở về làng xóm làm "thầy đồ", "thầy lý-số", "thầy lang" cứu nhân độ thế. Ở đâu họ cũng được mọi người kính nể, tin theo; và đều được gọi là "thầy" với tất cả ý nghĩa cao đẹp của từ đó. Bởi vậy, chúng ta không lấy gì làm ngạc nhiên khi thấy tên gián điệp đội lốt thầy tu Puyginiê gợi ý cho bọn cầm quyền thực dân là phải loại trừ những người "có học" ! Ngay trước đó, Hòa ước Patenôtre (1884) có quy định: công sứ Pháp (đứng đầu cấp tỉnh) có quyền buộc Nam triều phải cách chức những viên quan lại Việt Nam nào tỏ thái độ chống đối Pháp⁽²⁾.

Phécnăng Becna - đại úy, sĩ quan quân đội viễn chinh Pháp lúc bấy giờ, cũng đưa ra một nhận xét về vai trò của lớp "kẻ sĩ" ở Việt Nam, đồng thời cũng đề ra cho giới cầm quyền thực dân một thái độ đối với lớp kẻ sĩ đó như sau:

"- Kẻ nào nắm được những phần tử có học, sẽ nắm được vương quốc, bởi vậy phải sử dụng họ chứ không phải chống lại họ"⁽³⁾.

Bởi vậy, đi đôi với chính sách đàn áp, sau này thực dân Pháp và triều đình Huế đã cho thành lập Trường Hậu Bổ (École d'Apprentis Mandarins) tại Hà Nội (1903), sau đổi là trường Sĩ hoạn (École des Mandarins) 1912 và một trường Hậu bổ tại kinh đô Huế (1914) để đào tạo đội ngũ

^{1,2,3} : Dương Kinh Quốc - *Việt Nam những sự kiện lịch sử...* Sdd tr.224-226

Tri phủ, Tri huyện, Huấn đạo, Giáo thụ... làm tay sai cho chúng; thành lập trường tiểu học Pháp - Việt, loại bỏ chữ Hán (1903-1918)¹, tiến tới thành lập trường Trung học Pháp-Việt (1917) đào tạo quan lại theo "ngạch Tây", "phục vụ Tây". Chính sách nô dịch chính là ở chỗ đó.

Thiết nghĩ, việc nhắc lại chế độ thi cử và đào tạo quan lại (sĩ phu) của chính quyền thực dân và triều đình Huế chính là qua bài học cay đắng của phong trào Cần vương (trong đó có các lãnh tụ khởi nghĩa, sĩ phu Quảng Ngãi, như Cử nhân Lê Trung Đình, Nguyễn Duy Cung...) mà Pháp và triều đình Huế vấp phải. Thông qua đó để thấy rõ vai trò to lớn của các sĩ phu đối với vận mệnh dân tộc và thái độ của Pháp - triều đình Huế trong phong trào Cần vương nói chung, cũng như cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi nói riêng.

Tóm lại, việc phân tích thái độ của triều đình Huế đối với cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi cũng như đối với cả nước để chúng ta thấy rõ "mất nước không phải là tất yếu" mà chính là thái độ bán nước, vô trách nhiệm của triều đình Nguyễn - một triều đại bạc nhược, không tin vào sức mạnh quần chúng, sức mạnh của dân tộc, dung túng những kẻ cơ hội, phản bội, đầu hàng Pháp "Tây chưa tới đã dâng đất cho giặc..."⁽²⁾. Đây là những bài học lịch sử khi chúng ta nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi, cũng như phong trào Cần vương trong cả nước.

¹ : Dương Kinh Quốc - *Việt Nam những sự kiện...* Sđd 227-229. Năm 1918 (Mậu ngọ) khoa thi Hương cuối cùng ở Trung kỳ bị bãi bỏ. Các kỳ thi Hội, thi Đình cũng mặc nhiên bị thủ tiêu (Sđd - 228).

² : Lời của Nguyễn Tự Tân (1849-1885) nêu rõ lý do khi cùng với Lê Trung Đình đánh chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi (Xem: *Sao sáng Sông Trà* - Hội Văn nghệ Nghệ An xuất bản. 1975, tr.16)

VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH Ở QUẢNG NGÃI

LÊ VĂN SÁCH

(TP Huế)

NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN

(Khoa Sử ĐHTH Huế)

Công cuộc xây dựng và củng cố hệ thống sơn phòng ở miền Trung, chuẩn bị lực lượng đánh Pháp từ cuối năm 1883 trở đi của Tôn Thất Thuyết và phái chủ chiến ở kinh thành Huế đã được quan lại, sĩ phu và dân chúng trên cả hai miền Nam - Bắc hưởng ứng tích cực.

Theo chủ trương chống Pháp của phái chủ chiến, nhân sĩ Quảng Ngãi đã đứng ra thành lập "Văn hội" (thường được gọi là hội "Văn thân"), lôi kéo nhiều quan lại, các nhà khoa bảng và những người có chút phận "Nho gia" tham dự tổ chức trường hợp như Nguyễn Thân lúc ấy đang làm quyền Tiểu phủ sứ vùng sơn cước Nghĩa - Định cũng có chân trong hội, nên về sau người ta thường xem việc theo Pháp, đàn áp phong trào khởi nghĩa của Nguyễn Thân là hành động phản bội chứ không phải là một Việt gian bình thường).

Khí thế chuẩn bị đánh Pháp của các nhà Nho còn lan tỏa trong khắp dân chúng với việc thành lập các tổ chức "hương binh" ở nhiều địa phương. Thành phần võ sinh và những người am hiểu võ nghệ cũng được vận động tham gia vào đội quân "đoàn kiệt". Chính nhờ có sự chuẩn bị

trước cả về tinh thần lẫn lực lượng tại chỗ, nên khi vừa xảy ra sự biến tại kinh đô Huế, những người yêu nước Quảng Ngãi đã nhanh chóng xúc tiến cuộc đấu tranh vũ trang trực diện với kẻ thù.

Một trong những lãnh tụ lớn của phong trào Cần vương Quảng Ngãi lúc bấy giờ là ông Lê Trung Đình. Ông sinh vào năm Quý Hợi (1863)^{*}, quê ở làng Phú Nhơn (nay thuộc xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh), đỗ cử nhân năm Giáp thân (1884), lúc mới được 21 tuổi⁽¹⁾, thường được gọi là Cử Đình.

Sinh ra trong một gia đình theo nghiệp Khổng - Mạnh, thân sinh của ông là cụ Lê Trung Lượng cũng đỗ cử nhân, nên ông đã được hun đúc ý chí góp sức với đời từ thuở nhỏ. Tuy nhiên, ông trưởng thành nhằm lúc vận nước đã đến hồi đen tối, khi thành đạt chuyện công danh lại đúng vào thời điểm chủ quyền của quốc gia đã lọt vào tay giặc, vì thế ông không chịu ra làm quan, chấp nhận cuộc sống ẩn dật tại quê nhà vừa làm ruộng vừa dạy học, và tham gia xây dựng lực lượng hương binh địa phương để chờ cơ hội. Chính trong thời gian này, lòng tự tôn dân tộc, ý chí giết giặc cứu nước càng nung nấu mãnh liệt trong tâm can ông. Và như một tráng sĩ trước giờ ra trận tuốt gươm thiêng thốt lời thề rửa hận nước, ông đã tuôn những vần thơ ẩn chứa khí phách oai hùng của một nhà Nho trước đại nạn của quốc gia:

^{*} : Có một số ý kiến khác: Lê Trung Đình sinh năm 1857 (người biên tập).

¹ : Theo các tác giả Hồng Sinh, Hồng Phú - *Sao sáng sông Trà*. Hội Văn nghệ Nghệ An xuất bản, 1975, trang 10, thì Lê Trung Đình đỗ Cử nhân khoa Nhâm Ngọ (1882).

"Tổ quốc Đại Việt hê!
Giòng giống Lạc Hồng hê!
Trải bốn ngàn năm văn hiến
Há quên lời thề diệt xâm lăng..."⁽¹⁾

Cuộc tấn công quân Pháp rạng ngày 5.7.1885 của phái chủ chiến ở kinh đô Huế thất bại đã đưa đẩy vua Hàm Nghi bước vào cuộc tranh đấu đầy gian khổ, nhưng đó cũng là thời điểm khởi đầu của một phong trào rộng lớn ủng hộ ông vua kháng chiến.

Nhận được tin cấp báo từ Huế, Lê Trung Đình lập tức hợp cùng Tú tài Nguyễn Tự Tân (người làng Phước Thọ, nay thuộc xã Bình Phước, huyện Bình Sơn) tập hợp lực lượng hương binh phát cờ khởi nghĩa. Uy danh và nhiệt huyết giết giặc của Cử Đình đã được nhiều sĩ dân Bình Sơn (bao gồm cả Sơn Tịnh ngày nay) mến mộ, vì vậy các toán hương binh lẻ tẻ từ khắp nơi kéo về tụ nghĩa, như toán quân làng Trung Sơn của Tú Tích, toán quân làng Nam Yên của Tú Đàm Thanh, toán quân làng Châu Tử của Bang Cảnh, toán quân làng Bình An của "cậu Bảy" Nguyễn Đạt... Nhiều thủ lĩnh khác như Vũ Hội, Nguyễn Viện, Thương biện Nguyễn Hoàn... cũng tìm đến để tham gia.

Nghĩa quân đã tôn Lê Trung Đình làm Chánh Quản cơ, Nguyễn Tự Tân làm Phó Quản cơ để chỉ huy lực lượng hương binh Bình Sơn tiến hành khởi nghĩa. Lê Trung Đình cũng liên lạc với Nguyễn Bá Loan (con trai Tổng đốc Nguyễn Bá Nghi) ở làng Lạc Phố, huyện Mộ Đức đang gây dựng lực lượng phía nam Quảng Ngãi để phối hợp hoạt động.

¹ : Hồng Sinh, Hồng Phú - *Sao sáng sống Trà*. Sđd, trang 10.

Về phía quan lại cấp tỉnh đương chức lúc ấy, viên Tuần phủ Nam - Ngãi là Nguyễn Ngoạn thì ở khá xa (tại Hội An, trên đất phủ Điện Bàn cũ của Quảng Nam)⁽¹⁾, tại Quảng Ngãi chỉ có quyền Bố Chánh sứ Lê Duy Thụy và quyền Án Sát sứ Nguyễn Văn Dụ đóng quân ở lý sở phủ Tư Nghĩa (tức tỉnh thành Quảng Ngãi)⁽²⁾. Lê Duy Thụy, Nguyễn Văn Dụ khi biết tin vua Hàm Nghi đã rời bỏ kinh thành liền sức cho các địa phương thuộc Quảng Ngãi kiểm điểm hương binh, chia người canh giữ các nơi để nghe ngóng tình hình chứ không bày tỏ thái độ.

Lê Trung Đình và các thủ lĩnh dưới quyền ông đã đề nghị các quan hàng tỉnh cung cấp lương thực, khí giới cho lực lượng hương binh và bàn việc chống Pháp. Nhưng Lê Duy Thụy, Nguyễn Văn Dụ biết được vị đệ nhị phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường đã quay về với Pháp và đang nỗ lực đưa vua Hàm Nghi trở lại Huế, liền tìm cách thoái thác, không chịu thỏa mãn yêu cầu của Lê Trung Đình. Thụy và Dụ lấy cớ rằng lực lượng hương binh chỉ canh giữ nơi làng xóm, không thể đem bì với lính triều đình ở tỉnh, nên không dám tự tiện cung cấp đồ quân dụng, mà phải đợi mời các quan viên đang lưu trú ở Quảng Ngãi để bàn bạc lại.

Thấy rõ nếu không tiêu diệt những phần tử có tư tưởng đầu hàng Pháp thì sẽ bỏ lỡ thời cơ và rất khó phát triển thành một cuộc khởi nghĩa rộng khắp, Lê Trung Đình ngầm cho người ước hẹn trước với quân sơn phòng do Nguyễn Thân chỉ huy, tổ chức vận động 3 cơ binh của triều

¹ : *Annuaire de l'Indochine. 2^e partie: Annam - Tonkin*, 1893, trang 171-172.

² : *Quốc sử quán triều Nguyễn - Đại Nam thực lục*. Tập XXXVI. NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội, 1976, trang 238.

đình gồm 750 lính đóng trong thành ủng hộ quân khởi nghĩa, và chuẩn bị việc công thành.

Vào ngày 02 tháng 6 năm Ất Dậu (13.7.1885), trong khi Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm Nghi xuống dụ Cần vương ở thành Tân Sở (Quảng Trị), thì quân khởi nghĩa Quảng Ngãi dưới sự chỉ huy của Lê Trung Đình không hẹn mà cùng lúc mở cuộc tấn công vào phủ lý Tư Nghĩa. Lực lượng nghĩa quân ước khoảng 3.000 người từ Bình Sơn chia làm 3 hướng kéo vào vây thành.

Mặc dầu không có sự phối hợp của đội quân sơn phòng của Nguyễn Thân, lực lượng phía nam của Nguyễn Bá Loan cũng chưa hình thành, song khi các viên Hiệp quản Trần Tu, Thủ úy Nguyễn Côn và nhiều binh triều mở cửa thành theo quân khởi nghĩa, quyền Bố chánh sứ Lê Duy Thụy và quyền Án sát sứ Nguyễn Văn Dụ liền bị thất thế, nghĩa quân Lê Trung Đình xông vào chiếm tỉnh thành, bắt sống tướng giặc.

Sau khi chiếm xong thành, Lê Trung Đình cho tịch thu các ấn triện của những quan lại chống đối, trưng dụng binh khí, lương thực và tiền nong để cấp cho nghĩa quân, đồng thời mở cửa lao thả tự do cho các tù phạm của triều đình. Nghĩa quân cũng xử chém tại chỗ 3 kẻ chống cự quyết liệt (trong đó gồm một suất đội và hai giáo đồ Thiên chúa giáo) để làm gương răn đe những ai manh tâm theo Pháp.

Chiếm được phủ lý Tư Nghĩa, đập tan bộ máy cai trị cấp tỉnh ở đây, nghĩa quân Lê Trung Đình xem như đã làm chủ được phần lớn Quảng Ngãi. Nghĩa quân định đưa Tuy Lý vương Miên Trinh (vốn bị Tôn Thất Thuyết và triều đình Huế giam xuống tước công, đưa vào an trí trong tỉnh

thành Quảng Ngãi) lên làm phụ chính quốc vương, nhưng Miên Trinh không dám nghe theo, giả vờ mắc bệnh nằm yên trên giường không dậy. Nghĩa quân bèn thiết lập một mô hình chính quyền kháng chiến cấp tỉnh, với việc đặt ra những chức vụ mới như thống đốc, tham tán, đề đốc, lãnh binh... để tiến hành công việc của mình⁽¹⁾.

Cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình và các đồng sự của ông bước đầu đã thành công khá trọn vẹn. Tuy nhiên, thái độ do dự lúc ban đầu và sau đó là hành động ra mặt chống đối quyết liệt của Nguyễn Thân là một tổn thất lớn cho phong trào chống Pháp ở Quảng Ngãi cũng như khu vực Nam - Ngãi - Định, khiến phong trào không thể gặt hái được những thành quả lớn hơn.

Khi Lê Trung Đình chiếm thành Quảng Ngãi, người Pháp chưa hiện diện tại đó, và trong thời điểm ấy quân Pháp thực sự không đủ lực lượng để đàn áp các cuộc khởi nghĩa ở xa trung tâm Huế. Thế nhưng từ một người trong hội Văn thân Quảng Ngãi, Nguyễn Thân vì động cơ cá nhân ích kỷ đã vội vàng trở mặt tự nguyện làm tay sai cho giặc, trở thành tên đầu têu cho thực dân Pháp trong việc đàn áp những người đồng bào yêu chuộng độc lập tự do. Nguyễn Thân báo cho viên Tổng đốc Bình Định - Phú Yên là Lê Thận chuẩn bị lực lượng đối phó với phong trào khởi nghĩa, và sau đó điều Định Hội đem 900 binh kéo về Quảng Ngãi đối phó với Lê Trung Đình.

Ngày 5 tháng 6 năm Ất Dậu, tức 16.7.1885⁽²⁾, Nguyễn Thân chỉ huy đánh thành Quảng Ngãi với một đội quân

¹ : Như trên.

² : Như trên, trang 239.

chính quy thiện chiến, dày dặn kinh nghiệm trận mạc, có trang bị đầy đủ (chừng 2000 quân)⁽¹⁾; với sự tảo tợn của một tên chỉ huy quên hết tình dân nghĩa nước, cam tâm làm tay sai của ngoại bang. Nghĩa quân của Lê Trung Đình bị giáng một đòn quá sức bất ngờ về mặt tâm lý và không đủ thực lực để đối phó. Phó Quản cơ Nguyễn Tự Tân cùng sáu vị thủ lĩnh như Trần Tu, Nguyễn Viện... cùng nhiều nghĩa quân tử trận, bản thân Lê Trung Đình và 14 vị thủ lĩnh khác bị Nguyễn Thân bắt sống⁽²⁾, lực lượng khởi nghĩa hoàn toàn tan rã.

Việc tiêu diệt lực lượng nghĩa quân Lê Trung Đình là món quà đầu dâng lên "mẫu quốc đại Pháp", Nguyễn Thân đã không bỏ qua cơ hội để lấy lòng những kẻ Tây dương và tôn vinh công trạng của mình, bằng cách giam Lê Trung Đình vào ngục rồi dụ dỗ. Nhưng con người đầy khí tiết anh hùng như Lê Trung Đình thì không dễ gì chấp nhận đầu hàng.

Bực tức vì không gì có thể lay chuyển nổi tấm lòng yêu nước của Lê Trung Đình, Nguyễn Thân đã xử chém ông vào ngày 23.7.1885⁽³⁾.

Khởi nghĩa của Lê Trung Đình ở Quảng Ngãi là hành động sớm nhất, thiết thực nhất để ủng hộ lập trường chống Pháp của phái chủ chiến sau ngày thất thủ kinh đô

¹ : Số lượng 2.000 quân này dựa vào bức thư của Nguyễn Thân gửi cho Toàn quyền Paul Doumer vào năm 1902, Đào Trinh Nhất trích đăng trong *Phan Đình Phùng*, in lần thứ tư, NXB Tân Việt, Sài Gòn, 1957, trang 224-227.

² Con số 14 vị thủ lĩnh bị bắt sống cũng dựa vào bức thư của Nguyễn Thân nói trên.

³ Theo Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế - *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, NXB KHXH, 1992, trang 382 thì Lê Trung Đình bị xử tử ngày 18.7.1885.

Huế. Lê Trung Đình có chuẩn bị lực lượng từ trước, lại được sĩ phu và dân chúng trong tỉnh hưởng ứng tích cực, biết tranh thủ thời cơ mở cuộc tấn công khi bộ máy quan lại cấp tỉnh đang còn do dự, chưa dứt khoát thái độ đối phó, nên đã thành công khá nhanh chóng. Tuy nhiên cuộc khởi nghĩa vẫn có một số hạn chế, như dự tính đưa Tuy Lý vương Miên Trinh vào hàng phụ chính của một triều đình kháng Pháp là biểu hiện sự non kém về chính trị. Sức mạnh của phong trào vì thế phần nào giảm sút. Thêm vào đó, khi thế lực theo Pháp phản công, nghĩa quân của Lê Trung Đình chiến đấu một cách lẻ loi, đơn độc vì các nơi khác trong tỉnh chưa kịp nổi dậy phối hợp, phong trào ở Bình Định và Quảng Nam cũng chưa có để hỗ trợ, nên cuối cùng không tránh khỏi thất bại.

Lê Trung Đình già từ còn thế lúc mới được 22 tuổi đời. Thời gian cống hiến của ông cho sự nghiệp chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi nói riêng, cả nước nói chung hết sức ngắn ngủi, tựa như chớp mắt so với chuỗi ngày dài cả thế kỷ. Song cuộc đời, tiết tháo, lòng yêu nước và đóng góp của ông vẫn vô cùng to lớn đối với cả dân tộc. Lê Trung Đình mãi mãi là nhà lãnh tụ ái quốc lớn ở Quảng Ngãi, là một trong những lãnh tụ có tầm cỡ đầu tiên hưởng ứng công cuộc chống Pháp dưới ngọn cờ của vị vua kháng chiến Hàm Nghi.

LÊ TRUNG ĐÌNH-NHÀ ÁI QUỐC TRẺ TUỔI CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CUỐI THẾ KỶ XIX

NGUYỄN ĐẮC XUÂN
(Nhà nghiên cứu triều Nguyễn)

Khoa thi Hương năm Giáp thân 1884⁽¹⁾ (ân khoa) tại trường Bình Định, có 4 người Quảng Ngãi trong số 18 người được lấy đỗ. Trong 4 người ấy có 3 người thuộc huyện Mộ Đức là Phạm Văn Chất (đầu thủ khoa), Phạm Văn Nga (thứ 7) xã Thi Phổ, Võ Dương (thứ 5) xã An Thổ và 1 người xã Phú Nhơn huyện Bình Sơn là Lê Trung Đình (thứ 17).

TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH KHOA GIÁP THÂN 1884

Lấy đầu 18 người, có 4 người Quảng Ngãi

Phạm Văn Chất	Thi Phổ	Mộ Đức	Hành tẩu
Võ Dương	An Thổ	Mộ Đức	?
Phạm Văn Nga	Thi Phổ	Mộ Đức	?
Lê Trung Đình	Phú Nhơn	Bình Sơn [*]	Bị xử tử

Lê Trung Đình là con thứ sáu của Cử nhân Lê Trung

¹ : Nhiều sách như *Thành ngữ Điển tích* - *Danh nhân Tự điển* của Trịnh Văn Thanh (t.1, tr.678), *Tự điển Văn hóa Việt Nam* (VHTT, tr.229) viết Lê Trung Đình đầu Cử nhân năm Nhâm ngọ 1882 là không đúng.

^{*} : Thuộc huyện Bình Sơn cũ - sau này thuộc huyện Sơn Tịnh. Chủ thích của người biên tập.

Lượng⁽¹⁾ (Án sát thời Tự Đức), anh ruột Cử nhân Lê Trung Kinh và là chú của Cử nhân Lê Trung Khoản (Tri phủ Tam Kỳ)⁽²⁾.

BỐN ÔNG CỬ NHÂN GIA ĐÌNH HỌ LÊ PHÚ NHƠN - TAM HỘI - BÌNH SƠN*

Lê Trung Lượng	Lê Trung Đình	Lê Trung Kinh	Lê Trung Khoản
Xã Phú Nhơn	Xã Phú Nhơn	Xã Phú Nhơn	T(h)am Hội
TD.5(1852)	KP1(1884)	T.lh.6(1894)	T.th.12(1900)
Án sát bị giải	Nghĩa hội Chánh quản hương binh	Chưa kịp làm quan	Tri phủ Tam Kỳ

MỘT LÃNH TỰ CẦN VƯƠNG TRẺ TUỔI

Từ lúc thiếu thời Lê Trung Đình đã tỏ ra rất thông minh, cương trực, có tài văn chương, thụ giáo với quan Án sát Nguyễn Duy Cung. Ông đỗ Cử nhân khoa Giáp thân 1884⁽³⁾. Sau khi kinh thành thất thủ (24.5.1885), Cử nhân Lê Trung Đình xướng lập một đội nghĩa quân kháng Pháp để giành lại chủ quyền cho đất nước. Lời đề xướng của ông được các bậc danh sĩ ở tỉnh Quảng Nam - Quảng Ngãi -

¹ : Nhiều sách như *Thành ngữ Điển tích - Danh nhân tự điển* của Trịnh Văn Thanh (tr.678) *Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam* của Nguyễn Q. Thắng (KHXH, 1991, tr.379) viết ông Lê Trung Lượng đậu Tiến sĩ, nhưng trong *Quốc triều đăng khoa lục* không thấy tên ông Lê Trung Lượng.

² : *Hương khoa lục*, tr.579.

* : Huyện Bình Sơn cũ sau này là hai huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh. Chú thích của người biên tập.

³ : Không rõ năm sau, Ất Dậu (1885), ông có ra Kinh thi Hội hay không.

Bình Định hưởng ứng nhiệt liệt. Ở Quảng Nam có ông Huỳnh Hiệu, Bùi Điền, ở Quảng Ngãi có Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Viện, ở Bình Định có Mai Xuân Thưởng, Nguyễn Duy Cung (thầy học của Lê Trung Đình).

Ngày 1 tháng 6 năm Ất Dậu (1885), vào lúc nửa đêm, Lê Trung Đình truyền họp nghĩa quân Quảng Ngãi, làm lễ tế cờ tại bãi cát trước đền Văn Thánh xã Phú Nhơn. Lễ xong nghĩa quân chia làm ba đạo vượt sông Trà Khúc tiến đánh tỉnh thành Quảng Ngãi. Trước khi thế dừng mãnh của nghĩa quân, thành Quảng Ngãi bị hạ ngay trong đêm.

Nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Lê Trung Đình hạ lệnh chiêu an trăm họ, tịch thu ấn triện, binh khí, lương tiền và thả tù chính trị, cất đặt các chức vụ mới như tham tán, đề đốc, lãnh binh, hỏi tội hai tên tay sai Nguyễn Văn Dụ và Lê Duy Thụy, bố trí việc phòng giữ, chuẩn bị mời Tuy Lý vương đang bị đày ở Quảng Ngãi làm Phụ quốc vương để làm sáng tỏ vấn đề cứu nước. Bọn chống đối bị bắt chém để làm gương như mấy tên suất đội và hai tên giáo dân.

Nghe tin nghĩa quân hạ thành Quảng Ngãi, ngày mùng 5 tháng 6 năm ấy, thực dân Pháp xua quân vào hãm thành, nghĩa quân chống trả rất dũng mãnh. Nghĩa quân Quảng Nam bôn tập vào cứu viện Quảng Ngãi bị quân Pháp chặn đánh tại Châu Ổ, Cầu Cháy. Nghĩa quân Quảng Nam lại thắng. Thực dân Pháp thấy nguy cơ liền sai phái một lực lượng đông gấp bội vào tăng viện, nên cuối cùng lực lượng của nghĩa quân thất bại. Ngày 26.7.1885, thành

* : Về diễn tiến cuộc khởi nghĩa ở tham luận này có một số điểm dị biệt với các tham luận khác. Chúng tôi ghi chú để bạn đọc tiện đối chiếu (người biên tập).

Quảng Ngãi mất, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Viện cùng 6 chỉ huy khác tử trận. Lê Trung Đình bị bắt. Ở trong tù ông đã làm bài thơ:

*Kim nhật lung trung điệu
Minh triều trở thượng ngư
Thử thân hà túc tích
Xã tắc ái kì khu*

Bản dịch:

*Nay là chìm trong lồng
Mai đã cá trên thớt
Thân này tiếc gì đâu
Gian nan tình đất nước.*

(Bản dịch của Nguyễn Q. Thắng)

Thực dân Pháp cho người dụ dỗ, nhưng Lê Trung Đình nhất quyết không chịu hàng nên ông đã bị hành quyết lúc mới 22 tuổi^{*}. Lê Trung Đình là một lãnh tụ Cần vương trẻ tuổi nhất thời bấy giờ.

ẢNH HƯỞNG CỦA GIA ĐÌNH VÀ QUÊ HƯƠNG

Để góp phần tìm hiểu về tinh thần yêu nước của nhà ái quốc trẻ tuổi Lê Trung Đình, xin nêu vài nét về cụ thân sinh của ông là Án sát Lê Trung Lượng dưới thời Tự Đức và tinh thần yêu nước của tuổi trẻ quê hương Quảng Ngãi cuối thế kỷ XIX.

Lê Trung Lượng thi đậu cử nhân trường Bình Định năm Nhâm tý (1852) cùng khoa với người đồng hương

^{*} : Tác giả tính theo năm sinh 1863. Hiện vẫn còn dị biệt về năm sinh của Lê Trung Đình, chưa rõ là 1857 hay 1863 (người biên tập).

Phan Văn Diễn (An Thổ - Mộ Đức). Ông được bổ nhiệm làm Án sát sứ tại Bình Thuận.

Vì tính tình ngay thẳng, không ăn cánh với thự Tuấn vũ Trần Diễn và Bố chánh sứ Nguyễn Văn Phương nên tháng 10 năm Tự Đức thứ 27 (1874), Trung Lượng bị hai ông Diễn, Phương mật tâu vu cho ông phạm vào mấy tội: *trong lúc hội giảng huấn điều (Lê Trung Lượng) lắc đầu không phục và trở nói chuyện ở trong cung, mắng nhục đại thần.*

Đọc tờ mật tấu, vua Tự Đức thấy có nhiều điều thù dết thêm cho Lê Trung Lượng. Nhưng vì kỷ cương phép nước vua Tự Đức phải sắc cho giải chức Trung Lượng và giao cho Bộ lại xét nghi.

Bị giải chức một cách oan ức, Trung Lượng không những không nhận tội mà ngược lại ông còn tố cáo các ông Diễn, Phương đã hành xử trái lệ như: *tự ý làm đàn ở Nhà Hội nghị, cho người lên đồng múa hát và giữ lính hạ ban đến 5, 6 ngày.* Trung Lượng cho rằng hai ông Diễn, Phương vì hiềm khích chê gièm ông chứ ông không có tội gì cả. Ông đề nghị nhà vua sai phái người đến hỏi nhân chứng, xét rõ sự thật trước khi luận tội.

Vua Tự Đức sai Biện lý bộ Lại Đoàn Văn Hội hội đồng với Giám sát Ngự sử Phạm Đăng Giảng đến tra xét. Án dâng lên đề nghị Lượng tội giảo giam hậu, Diễn, Phương phải phạt 100 trượng, đày 3 năm. Vua xem án bảo rằng:

- Án ấy không phải đạo làm tôi và phương pháp làm quan, cầu thả kết tào xong việc, chưa hợp.

Nhà vua lại giao cho Nội các và viện Cơ mật xét lại tâu lên. Lê Trung Lượng thấy việc không được xem xét

một cách công minh, ông lắng nghe những người thi hành công vụ. Cuối cùng ông phải tội trăm giam hậu, hai ông Diển, Phương vì *giảo quyệt; nham hiểm, hãm hại người phải 100 trượng, lưu 3.000 dặm, những người có liên quan hoặc cách chức hoặc giáng chức. Còn các phái viên đi điều tra vụ này vì định án lao thảo sơ suất đều bị cách chức và lưu lại làm việc*⁽¹⁾. Nhưng sau đó không hiểu vì lý do gì Trung Lượng không bị tội mà lại được chuyển đổi làm Bang biện ở sơn phòng Thanh Hóa.

Mùa hè năm 1880, Trung Lượng đang làm Bang biện thì cùng 85 người khác ở sơn phòng Thanh Hóa (trong đó có Sơn phòng sứ Tôn Thất Trắc) *chết vì khí núi độc*. Được tin này vua Tự Đức hết sức khó hiểu, lấy làm tiếc nhưng không còn biện pháp gì làm để rõ được sự thật⁽²⁾.

Tính cách cương trực và cuộc đời ngang dọc của Lê Trung Lượng đã ảnh hưởng lớn đến con ông là Lê Trung Đình và các lứa tuổi thanh niên con cháu ông.

Trước khi quân Pháp chiếm cửa Thuận An của kinh đô Huế, ông Tôn Thất Thuyết đã chọn 1.000 thanh niên Quảng Ngãi đưa về kinh lập đội Phấn nghĩa do đích thân ông chỉ huy và số còn lại giao cho hai tướng giữ hai đồn Hòa Duân và Hiệp Châu (cửa Thuận An) sai phái. Trong trận Pháp đánh chiếm cửa Thuận An năm 1883, quân lính gốc Quảng Ngãi đã chiến đấu rất dũng mãnh. Tiếc thay, những người này giỏi cung tên, giỏi bắn súng nhưng ít người biết bơi nên đã thất thế. Khi bị lính Pháp tấn công vào đồn họ đành phải tử thủ cho đến người cuối cùng.

¹ : *Đại Nam thực lục*, tập XXXIII HN.1995, tr.124-125

² : *Đại Nam thực lục*, tập XXXIV, KHXH, HN.1976, tr.349

Ngày nay ở Thuận An (Huế) vẫn còn đền Âm hồn thờ phụng những người chiến sĩ đã hy sinh trong trận Thuận An năm 1883 mà đa phần là người Quảng Ngãi cùng thế hệ với Lê Trung Đình.

Lê Trung Đình là hình ảnh tiêu biểu cho truyền thống yêu nước của người Quảng Ngãi. Nói cách khác, chính truyền thống yêu nước của Quảng Ngãi đã sản sinh ra Lê Trung Đình, sản sinh ra những người đã được Tôn Thất Thuyết chọn vào đội Phấn nghĩa, vào việc giữ Thuận An năm 1883. Và chắc chắn không có gì sai khi nói rằng truyền thống đó sản sinh ra Đội du kích Ba Tư lừng danh thời tiền Cách mạng tháng 8.1945.

VỀ TÍNH TIÊN PHONG CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH

PTS. ĐÌNH VĂN LIÊN

(Trung tâm Sử học - Viện KHXH tại TP.HCM)

Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình đã để lại một ấn tượng sâu đậm và một ý nghĩa lịch sử quan trọng trong lòng nhân dân Quảng Ngãi và nhân dân cả nước. Tìm hiểu về tính tiên phong của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình là để thấy rõ giá trị lịch sử đích thực của cuộc khởi nghĩa, của bản thân Cử nhân Lê Trung Đình đối với đất nước, đối với nhân dân, đồng thời qua đó thấy được cái oanh liệt, kiên trung của vùng đất và con người Quảng Ngãi - một quê hương nghèo của dải đất miền Trung nước ta.

Trước hết, *cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình là cuộc khởi nghĩa nổ ra sớm nhất* trong các phong trào Văn thân, Cần vương trên dải đất miền Trung khi kinh thành Huế thất thủ và vua Hàm Nghi xuất bôn. Kinh thành Huế thất thủ vào ngày 05.7.1885. Lúc bấy giờ lực lượng Pháp do tướng De Courcy chỉ huy đồn trú ở Huế rất hùng hậu: ở Mang Cá có hai đại đội bộ binh Phi châu, bốn thám kích, một trung đội thủy quân lục chiến và pháo đội; ở tòa khâm sứ có hai đại đội thủy quân lục chiến; các pháo hạm Javeline và Brionval cùng với một tiểu thủy đình bỏ neo ở phía bắc Mang Cá. Tổng số quân Pháp lúc này ở Huế là 31 sĩ quan, 1387 binh sĩ và 17 đại bác. Trong khi đó lực lượng hương binh của Lê Trung Đình chỉ mới tập hợp gồm 3.000

nông dân vừa mới rời bỏ ruộng vườn. Họ là những hương binh không có khí giới, lương hướng. Vậy mà chỉ 6 ngày sau, Lê Trung Đình đã phát cờ khởi nghĩa và trong một đêm đã tiến chiếm thành Quảng Ngãi, cách kinh thành Huế không xa.

Chúng ta biết là lúc bấy giờ, hưởng ứng lời kêu gọi của Tôn Thất Thuyết và hịch Cần vương của vua Hàm Nghi, nhiều cuộc khởi nghĩa đã nổ ra trong khắp cả nước. Ở Bình Định tháng 9.1885, Mai Xuân Thưởng cùng Đào Doãn Dịch phát động cuộc khởi nghĩa; ở Quảng Nam, Nguyễn Duy Hiệu cùng Trần Văn Dư, Phan Bá Phiến, Nguyễn Hào... hưởng ứng hịch Cần vương tập hợp nghĩa quân chống Pháp v.v... Trong các cuộc khởi nghĩa, cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình nổ ra sớm nhất. Nó là tiếng chuông đầu tiên đánh thức lòng yêu nước của nhân dân cả nước, là ý chí dũng cảm trước một lực lượng ngoại xâm hùng hậu, được trang bị khí tài, kỹ thuật tối tân.

Có thể nói, *cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình là cuộc khởi nghĩa kết hợp giữa sĩ phu trí thức và người nông dân*. Lê Trung Đình là một cử nhân, Nguyễn Tự Tân, Vũ Hội... là những tú tài, Nguyễn Văn Hoành là thương biện, nhưng họ từ bỏ quan phẩm triều đình, sách vở, thi cử để làm chánh quản hương binh, phó quản hữu vệ cùng với những người nông dân lập nên các nghĩa hội để chống quân xâm lược và tay sai. Lịch sử của chúng ta cho thấy, bao giờ đất nước lâm nguy thì mọi người dân đoàn kết một lòng. Trong các phong trào Văn thân, Cần vương, sự đoàn kết giữa sĩ phu và người nông dân là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, nổi rõ ở cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình.

Một điểm tiên phong nữa là lần đầu tiên một đội nghĩa quân chiếm lĩnh tỉnh thành Quảng Ngãi. Điều này không đơn giản vì nếu không hợp lòng dân và nếu không có Hiệp quân Trần Tu, Thành thủ úy Nguyễn Côn vì nghĩa mở cửa nội ứng thì điều này khó thành hiện thực. Việc chiếm giữ tỉnh thành Quảng Ngãi là một đặc điểm nổi bật của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình. Bên cạnh đó, nghĩa quân còn mời hoàng thân Tuy Lý vương Miên Trinh lên làm Phụ Quốc vương, trong lúc vua Hàm Nghi xuất bôn, là một việc làm chính nghĩa mang tính cân nhắc của Lê Trung Đình. Điều này có nghĩa là nghĩa quân chỉ có một lòng vì vua cứu quốc chống xâm lược chứ không có ý gì khác.

Đặc biệt hơn nữa là nghĩa quân Lê Trung Đình đã phế bỏ bộ máy chính quyền ở địa phương và lập nên một chính quyền "độc lập, tự do" do nghĩa quân đảm trách. Đó là những chức vụ thống đốc, tham tán, đề đốc, lãnh binh... để quản lý và lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi. Đây thực sự là một việc làm táo bạo trong giai đoạn lịch sử lúc bấy giờ. Việc thành lập chính quyền nhân dân tự phong và xóa bỏ chính quyền tay sai theo Pháp chỉ sáu ngày sau khi Pháp chiếm kinh thành Huế là một việc làm rất mới của nghĩa quân Lê Trung Đình.

Song, đây cũng là cuộc khởi nghĩa có thời gian hoạt động ngắn nhất, chỉ trong vòng 5 ngày từ ngày 01.6 năm Ất Dậu (13.7.1885) đến ngày 05.6 năm Ất Dậu. Giặc Pháp sai tên bán nước Nguyễn Thân đem 900 quân sơn phòng thiện chiến đến công hãm thành Quảng Ngãi. Tuy nghĩa quân chống trả quyết liệt, nhưng tổ chức còn đơn sơ, vũ khí trang bị không có gì nên lực lượng nghĩa quân yếu thế

dần và tan rã. Thời gian khởi nghĩa của nghĩa quân Lê Trung Đình tuy rất ngắn, chỉ vắn vắn có 5 ngày, nhưng ý chí và những sự việc nghĩa quân Lê Trung Đình đã làm đã lưu lại dài lâu trong lịch sử, và không bao giờ quên trong tâm trí và trái tim của nhân dân Quảng Ngãi và nhân dân cả nước ta.

Cuối cùng là về con người và tính cách của người lãnh đạo nghĩa binh Lê Trung Đình. Ông là con của một gia đình trí thức khoa bảng, bản thân ông là một con người thông minh xuất chúng, có tài văn chương thơ phú và đồ cử nhân. Nhưng với tính cương trực, ông không ra làm quan. Khi kinh thành Huế thất thủ và vua Hàm Nghi di lánh nạn, ông cùng bạn bè, chiến hữu lập nên nghĩa hội và làm chánh quản hương binh. Sau năm ngày thành Quảng Ngãi thất thủ, nghĩa quân tan rã, giặc dụ hàng nhưng ông bất khuất và bị chúng giết ngày 18.7.1885. Lúc bấy giờ Lê Trung Đình mới 22 tuổi^{*}. Có thể nói ông là một nhà lãnh đạo khởi nghĩa trẻ nhất lúc bấy giờ, có tấm lòng tâm huyết nhất và dám đem cả thân mình hy sinh cho nghĩa cả, mặc dù còn rất trẻ và mặc cho những lời dụ dỗ về bả vinh hoa phú quý của bọn tay sai.

Cuộc đời Lê Trung Đình thật là ngắn ngủi, nhưng người con ưu tú của nhân dân Quảng Ngãi này luôn sống mãi với sử sách, luôn tỏa sáng trong cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân ta vì một Tổ quốc độc lập tự do.

Tóm lại, cuộc đời của Cử nhân Lê Trung Đình tuy ngắn, cuộc khởi nghĩa của ông chỉ diễn ra trong sáu ngày,

^{*} : Tác giả tính theo năm sinh 1863. Vẫn chưa rõ Lê Trung Đình sinh năm 1857 hay 1863 (người biên tập).

nhưng những việc làm, tính tiên phong của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình đã để lại những dấu ấn không phai mờ trong lịch sử. Đó là cuộc khởi nghĩa Cần vương sớm nhất kể từ lúc vua Hàm Nghi xuất bôn, do một người trẻ tuổi nhất lãnh đạo, lập nên một chính quyền nhân dân ở địa phương sớm nhất, với lực lượng là những nông dân và sĩ phu yêu nước nổi dậy. Và đây cũng là cuộc khởi nghĩa ngắn nhất nhưng để lại dấu ấn sâu sắc nhất và nhiều ý nghĩa nhất trong lòng nhân dân Quảng Ngãi, miền Trung và cả nước.

LÊ TRUNG ĐÌNH - LÃNH TỰ TIỀN PHONG CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CHỐNG PHÁP Ở KHU VỰC TRUNG - NAM TRUNG BỘ.

NGUYỄN THỊ HUYỀN MAI

(Bảo tàng tỉnh Bình Định)

Ngày 1.9.1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng tấn công Đà Nẵng, mở đầu quá trình xâm lược nước ta. Đứng trước kẻ thù mới - tư bản phương Tây - nhà Nguyễn mà đứng đầu là vua Tự Đức đối phó một cách lúng túng. Quan đại thần Nguyễn Tri Phương cùng quân triều đình chống cự với Pháp từ Gia Định - Chí Hòa thất bại phải điều ra mặt trận Hà Nội. Thành Hà Nội hai lần thất thủ, Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương hy sinh. Triều đình nhà Nguyễn ký hòa ước với nhiều điều khoản nguy hại cho đất nước, ảnh hưởng đến tinh thần kháng chiến của nhân dân.

Ở khu vực từ Quảng Nam đến Bình Thuận, tuy thực dân Pháp chưa đưa quân đến, chiến sự chưa nổ ra, nhưng nhân dân lúc nào cũng sẵn sàng ủng hộ lực lượng quân đội kháng chiến của triều đình chống Pháp. Khi quân Pháp tiến đánh thành Gia Định, lính ở Quảng Ngãi, Bình Định mỗi tỉnh một vệ đưa vào Nam chiến đấu. Sau khi Gia Định thất thủ, Nguyễn Tri Phương lập chiến tuyến Chí Hòa, ở các tỉnh duyên hải miền Trung mỗi tỉnh tăng thêm 500 người⁽¹⁾. Ở các địa phương chia các vệ đóng giữ các cửa

¹. Đại Nam thực lục - Chính biên tập 29. NXB KHXH, 4/1774 - trang 13.

biển, sẵn sàng chiến đấu chống quân Pháp, ở hương thôn thì lập các hội dân binh, luyện tập sẵn sàng chiến đấu v.v...

Tinh thần kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta vẫn nằm trong khuôn khổ phong kiến, không thể vượt ra khỏi yêu cầu của nhà nước phong kiến đặt ra. Và chỉ khi nào người lãnh đạo cuộc kháng chiến kêu gọi nhân dân cầm vũ khí thì tinh thần chiến đấu vùng lên mạnh mẽ. Đặc biệt là từ khi Tôn Thất Thuyết được điều về Huế, được vua Tự Đức bổ nhiệm làm Thượng thư bộ Binh, việc chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến trở nên tích cực. Tôn Thất Thuyết bắt đầu cho xây dựng căn cứ kháng chiến, tích trữ lương thực, luyện tập lực lượng, cả quân đội chính quy của triều đình đến dân binh, dân đồng.

Tôn Thất Thuyết chọn vùng núi Thanh Hóa và Nghệ Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị làm cơ sở ở bắc Huế và Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định làm căn cứ nam Huế. Nhân dân vùng căn cứ tiếp tục luyện tập, tích trữ lương thảo chuẩn bị kháng chiến.

Đặc biệt, sau khi vua Tự Đức từ trần (7.1883) Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường trở thành những phụ chính đại thần, việc chuẩn bị chống Pháp càng trở nên tích cực hơn.

Tôn Thất Thuyết trước sau vẫn là người theo phái chủ chiến. Một khi được nắm binh quyền trong tay, ông loại trừ những người thuộc phái chủ hòa, tăng cường quân lính, súng đạn tại kinh đô, xây dựng vùng căn cứ kháng chiến ngày một kiên cố và tích trữ lương thực ngày càng nhiều, tích cực tổ chức lực lượng kháng chiến ở hương thôn của các tỉnh còn nằm trong sự chi phối của triều đình, lập ra

các nghĩa hội, dân binh và phong chức tước cho các quan lãnh đạo lực lượng này.

Nghĩa hội Quảng Ngãi được ra đời trên cơ sở ấy, chia ra làm văn hội và võ hội. Trong nghĩa hội tập hợp hầu hết các quan lại, các nhà khoa bảng, các cử nhân, võ sinh, võ sư có tiếng... được tổ chức làm hai đội quân đoàn kiệt và hương binh lại gồm những trai tráng khỏe mạnh, dũng cảm, mưu lược, v.v... Người đứng đầu hương binh lúc đó là Cử nhân Lê Trung Đình.

Trong lúc đó thì tại kinh đô có biến. Đêm mồng 4 rạng mồng 5.7.1885, Tôn Thất Thuyết và lực lượng kháng chiến triều đình tấn công vào tòa Khâm sứ, đồn Mang Cá, khu nhượng địa quân Pháp đang đóng quân. Cuộc tấn công tại kinh đô Huế không kết quả. Quân Pháp phản công và đàn áp đẫm máu.

Tôn Thất Thuyết phải đưa vua Hàm Nghi cùng đoàn tùy tùng của hoàng gia rời bỏ kinh đô lên vùng căn cứ tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Tối ngày 5.7.1885, vua Hàm Nghi cùng đoàn tùy tùng nghỉ tại nhà một bá hộ ở làng Văn Xá. Tại nơi đây, hịch Cần vương được gửi đi cả nước⁽¹⁾. Nếu như đây là hịch Cần vương đầu tiên được vua Hàm Nghi ban bố khắp nước kêu gọi dân chúng cầm vũ khí giúp vua chống lại thực dân Pháp, cứu nước, thì lực lượng kháng chiến Quảng Ngãi đứng đầu là Lê Trung Đình là lực lượng ứng nghĩa Cần vương đầu tiên của các tỉnh phía nam kinh thành Huế (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình

¹ : *Quân dân Việt Nam chống Tây xâm* - Tập III, Trung tâm ALAP/QLVNCH ấn hành - 1971, tr.238.

Thuận). Theo tài liệu *Annam - Tonkin (1885 - 1896)* của Giáo sư Charles Fourniau thì: "Ở Quảng Ngãi phong trào Cần vương phát động đầu tiên, tám ngày sau khi kinh thành Huế bị thất thủ, 13 tháng 7. Hưởng ứng lời kêu gọi của nhà vua đưa ra ngày 7, các nho sĩ trong tỉnh đã tập hợp và đánh chiếm thành với sự ủng hộ của nhân dân và giam giữ các quan lại không theo phong trào".

Sau khi nhận được hịch Cần vương, Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Vũ Hối... lãnh đạo "một hội yêu nước thành lập trước đó một thời gian đã đưa ra những điều kiện hành động tức tức", với hơn 3000 người, tổ chức lễ tế cờ, đọc lời kêu gọi của nhà vua tại một bãi cát trên dòng sông Trà (trước đồn Văn Thánh - Quảng Ngãi), có các ông Thủ úy thành Nguyễn Côn và Hiệp trấn Trần Tu làm nội ứng.

Ngày 13.7.1885, Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Vũ Hối đã lãnh đạo nghĩa quân Quảng Ngãi đánh chiếm tỉnh thành, tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và quân tay sai. Sau khi chiếm được tỉnh thành Quảng Ngãi, Lê Trung Đình cho người vào báo với Án sát Nguyễn Duy Cung ở tỉnh thành Bình Định nhằm phối hợp chiến đấu.

Sau khi quân Cần vương Quảng Ngãi chiếm giữ thành, quan sơn phòng Nghĩa - Định là Nguyễn Thân nhận súng đạn của Pháp từ Quy Nhơn, kéo quân sơn phòng về bao vây tỉnh thành Quảng Ngãi. Được tin Nguyễn Thân phản bội, Nguyễn Duy Cung cử lực lượng về Quảng Ngãi tiếp ứng. Nhưng chưa đến nơi, "ngày 26.7.1885 thành đã bị Nguyễn Thân tái chiếm"⁽¹⁾ và "Mười một nho sĩ lãnh đạo

¹ : Charles Fourniau - Tài liệu đã dẫn - Paris, 1989

phong trào không chạy thoát được, phải bị hành hình, lực lượng yêu nước bị đuổi khỏi thành"¹⁾. Trong số những người bị hành hình có Lê Trung Đình - lãnh tụ xuất sắc của phong trào Cần vương ở tỉnh Quảng Ngãi.

Lê Trung Đình hy sinh vì nước, thì phong trào kháng chiến của nhân dân Bình Định do Tú tài Đào Doãn Dịch cùng Án sát Nguyễn Duy Cung chiếm thành, chống Pháp vào ngày 21.7.1885. Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận cũng hưởng ứng tiếp theo.

Như vậy, từ khi Pháp nổ súng xâm lược nước ta (1.9.1858) đến trước vụ biến ở kinh đô Huế (5.7.1885), các tỉnh từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận chưa xảy ra chiến sự, nhưng nhân dân ta lúc nào cũng sẵn sàng cầm vũ khí chống thực dân Pháp, đặc biệt là từ khi lực lượng kháng chiến đứng đầu là Tôn Thất Thuyết tổ chức ở các tỉnh, dưới sự lãnh đạo của các nho sĩ ở địa phương, nhân dân đã tích cực và khấn trương hơn bao giờ hết.

Sau khi kinh đô xảy ra vụ biến, nhà vua truyền hịch Cần vương, hàng chục ngàn người trong tỉnh đã cầm vũ khí chống xâm lược, giúp vua cứu nước. Lực lượng kháng chiến Quảng Ngãi đã mở đầu cho phong trào Cần vương chống Pháp ở các tỉnh trung và nam Trung bộ.

Lê Trung Đình là lãnh tụ tiêu biểu, lãnh tụ tiên phong của phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi, đồng thời ông cũng chính là một lãnh tụ tiên phong, mở đầu cho phong trào chống Pháp của nhân dân các tỉnh trung và nam Trung bộ ở nửa sau thế kỷ XIX.

¹ : Charles Fourniau - Tài liệu đã dẫn - Paris, 1989

MỘT CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ HAI NHÂN VẬT - HAI THÁI ĐỘ: LÊ TRUNG ĐÌNH - NGUYỄN THÂN

QUÁCH THU NGUYỆT

(NXB Trẻ - TP. HCM)

Trong giai đoạn lịch sử từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, ở Quảng Ngãi xuất hiện hai con người, hai nhân vật nổi tiếng mà cho đến nay sử sách còn nhắc đến với hai thái độ trái ngược nhau. Một là nhà yêu nước, nhà trí thức, người thanh niên dũng cảm: Cử nhân Lê Trung Đình. Hai là tên bán nước, giết hại nhân dân và những người yêu nước, mưu đồ lợi riêng: Nguyễn Thân. Mỗi người đi vào lịch sử bằng một con đường riêng, để lại trong lòng nhân dân Quảng Ngãi những tình cảm và sự trân trọng riêng. Người thì ghi một vết son trên trang sử lầy lùnh của đất Quảng Ngãi, người thì để tiếng "nhơ" muôn đời. Tìm hiểu cuộc đời và hoạt động của hai con người này là tìm hiểu hai mặt trắng đen của một giai đoạn lịch sử oanh liệt của đất Quảng Ngãi.

Cuộc đời của Lê Trung Đình thật ngắn ngủi, ông chỉ sống vồn vện có 22 năm nhưng đã để lại dấu ấn không phai mờ trong suốt chiều dài lịch sử. Ông sinh năm 1863 ở quê làng Phú Nhuận^{*} phủ Bình Sơn (xã Phú Nhơn, huyện Sơn Tịnh) Quảng Ngãi, trong một gia đình khoa bảng danh

* : Đúng ra là Phú Nhơn hoặc Phú Nhân - Người biên tập

giá. Ông là con thứ sáu của Lê Trung Lượng, một danh thần dưới triều vua Tự Đức. Từ thuở bé ông đã tỏ ra thông minh, có tài ứng khẩu văn chương và thụ giáo với quan Án sát Nguyễn Duy Cung. Năm Nhâm ngo 1882 ông đỗ Cử nhân nhưng không ra làm quan^{*}.

Ngày 5.7.1885, kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi và triều đình di lánh nạn, Lê Trung Đình đề xướng thành lập một đội nghĩa quân kháng Pháp. Lời đề xướng của ông được các nhân sĩ trong vùng nhiệt liệt hưởng ứng. Ông cùng các chiến hữu chuẩn bị lực lượng kháng Pháp. Sĩ phu Quảng Ngãi lập nghĩa hội, bao gồm các tổ chức đoàn kiệt, hương binh, ông được cử làm chánh quản hương binh. Vào ngày 1.6 năm Ất Dậu tức ngày 13.7.1885, lúc 12 giờ khuya, ông cùng Tú tài Nguyễn Tự Tân, Vũ Hội và Thương biện Nguyễn Văn Hoàng làm lễ tế cờ khởi binh kháng chiến. Nghĩa binh được phân làm ba đạo vượt sông Trà Khúc, tiến đánh thành Quảng Ngãi. Nghĩa quân chiếm được thành ngay trong đêm, bắt quyền Bố chánh Lê Duy Thụy, quyền Án sát Nguyễn Văn Dụ giam giữ, tịch thu ấn triện, binh khí, tiền lương và thả tù phạm. Nghĩa quân Lê Trung Đình cương quyết đối với những tên phản động chống lại nghĩa quân, đồng thời ra lệnh chiêu an bá tánh, bố trí việc phòng giữ kinh thành. Đặc biệt nghĩa quân Lê Trung Đình còn cất đặt các chức vụ mới do người của nghĩa quân nắm giữ như: thống đốc, tham tán, đề đốc, lãnh binh; đồng thời mời hoàng thân Tuy Lý vương Miên Trinh đang bị giáng tước công và an trí ở trong tỉnh thành này lên làm Phụ chính Quốc vương, để làm rõ chính đạo

^{*} : Có người cho rằng ông đỗ cử nhân 1884 (người biên tập).

và lo việc mưu cầu cứu quốc. Phong trào khởi nghĩa của nghĩa quân Lê Trung Đình lan tỏa khắp nơi trong tỉnh Quảng Ngãi một cách mạnh mẽ thì đến ngày 5.6 năm Ất Dậu, nghĩa là 5 ngày sau, thực dân Pháp sai quyền Tiểu phủ sứ sơn phòng Nghĩa - Định là Nguyễn Thân đem 900 quân sơn phòng đến vây hãm thành Quảng Ngãi. Tuy nghĩa quân chống trả rất quyết liệt, nhưng quân sơn phòng được quân Pháp chi viện nhiều, lực lượng nghĩa quân yếu thế dần nên bị chúng tiêu diệt.

Thành Quảng Ngãi bị phá, những chỉ huy nghĩa quân như: Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Viện, Vũ Hội, Nguyễn Văn Hoàng, Trần Tu và Nguyễn Côn bị giết, nghĩa quân tan rã. Nguyễn Thân đàn áp bắt được Lê Trung Đình, dụ hàng nhưng không được nên đem chém ông vào ngày 18.7.1885. Lê Trung Đình chỉ sống có 22 tuổi và làm chủ thành Quảng Ngãi vỏn vẹn có 5 ngày, nhưng tinh thần yêu nước của ông, ý chí bất khuất trung liệt của ông đã sáng ngời trong lòng nhân dân Quảng Ngãi, đã tỏa sáng khắp các vùng núi non, sông biển của dải đất miền Trung.

Câu thơ để lại của ông, tuy ngắn ngủi, nhưng hàm chứa cái nhân cách lớn, cái tiết liệt trung trinh của một nhà trí thức, một nhân sĩ, một người con ưu tú của đất Quảng Ngãi:

*Thử thân hà túc tích
Xã tắc ái kỳ khu
(Thân này tiếc gì đâu
Giản nan tình đất nước).*

Trong khi đó người giết hại ông, tên tay sai đắc lực của thực dân Pháp trong việc đánh dẹp các phong trào Cần vương, Văn thân ở đất Quảng Ngãi và trên khắp miền

Trung nước ta là Nguyễn Thân, lại là một nỗi "nhức nhối" của đất Quảng Ngãi.

Khi kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn và xuống chiếu kêu gọi nhân dân chống Pháp, được sĩ phu và dân chúng khắp nơi hưởng ứng, thì Nguyễn Thân theo lệnh của Đồng Khánh và Pháp đem quân sơn phòng đánh dẹp các cuộc khởi nghĩa ở Quảng Ngãi và Bình Định. Trong những năm 1886, 1887, Nguyễn Thân đem quân phối hợp với tên bán nước Trần Bá Lộc từ Nam kỳ kéo ra đánh, tiêu diệt phong trào khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng.

Tiếp tục hành trình tội ác, Nguyễn Thân được Đồng Khánh phong làm khâm sai để cùng Pháp đàn áp cuộc khởi nghĩa Nguyễn Duy Hiệu ở Quảng Nam. Với bản tính cực kỳ dã man, Nguyễn Thân đã thẳng tay chém giết dân chúng trong vùng, đốt nhà cướp của, tiếng than oán ngút trời. Đau lòng trước cảnh tàn phá của quê hương, để tránh cho nhân dân khỏi bị giết chóc, Nguyễn Duy Hiệu đã phải ra nộp mình. Với những "thành tích to lớn" đó, Nguyễn Thân được nhà nước Pháp tặng thưởng huân chương Bắc đẩu bội tinh đệ ngũ rồi đệ tứ đẳng. Toàn quyền Pháp De Vanessan đề nghị Đồng Khánh cử Thân làm Tổng đốc Bình Định.

Năm 1895, Nguyễn Thân đem 2500 lính khố xanh ra Hà Tĩnh đàn áp cuộc khởi nghĩa do Phan Đình Phùng lãnh đạo. Cùng với thủ đoạn khủng bố dã man dân chúng, chém giết những ai đã giúp đỡ hoặc tình nghi giúp đỡ nghĩa quân, Nguyễn Thân đã "chiến thắng" rực rỡ và được thực dân Pháp tặng thưởng Bắc đẩu bội tinh đệ tam đẳng và

được đưa về triều đình Huế làm phụ chính đại thần cho vua Thành Thái. Nguyễn Thân từ một Tiểu phủ sứ sơn phòng ở vùng núi rừng Quảng Ngãi, bằng những "công trạng" tội ác đã leo đến nấc thang cao nhất trong hệ thống quan lại với chức Cần chánh điện Đại học sĩ năm 1901, được sang Pháp 1902 và được phong tước Diên Lộc Quận công trước khi về nghỉ hưu (1903) tại dinh thự của mình ở làng Thu Xà, tỉnh Quảng Ngãi. Cuối đời lương tâm cắn rứt, Nguyễn Thân diên loạn và chết năm 1914, ở tuổi 61. Đây là kết cục phải đến của một cuộc đời bán nước cầu vinh và mang nhiều nợ máu với nhân dân.

Nhắc đến Nguyễn Thân để thấy được cái trong sáng và vĩ đại của Lê Trung Đình và nhắc nhở với nhau về một bài học đau lòng của lịch sử, của một đời người.

VÀI SUY NGHĨ VỀ LÊ TRUNG ĐÌNH VỚI PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CHỐNG PHÁP

HỒNG NHÂN

(Nguyên Giám đốc Sở VH TT Quảng Ngãi)

Trong một số sách báo ở miền Nam thời Mỹ-ngụy, chúng ta gặp một số tác giả cho rằng các cuộc "nổi loạn" của nông dân đã phá hoại sản xuất, đã làm tiêu hao nhân tài vật lực của quốc gia, tạo điều kiện cho thực dân Pháp xâm lược nước ta. Theo họ, không có "khởi nghĩa nông dân" mà chỉ có "những đám loạn quân" tàn ác, phá phách, cướp bóc... làm cho lực lượng quốc gia suy yếu. Theo họ: "Giữa lúc nạn ngoại xâm đe dọa thì nội loạn nổi lên gần khắp nước làm cho vua Tự Đức phải ký hòa ước nhận những điều khoản của Pháp đưa ra để rảnh tay dẹp loạn"¹.

Nhưng lịch sử là lịch sử, không thể bóp méo hoặc vo tròn được.

Từ ngày giúp Nguyễn Ánh chống lại phong trào Tây Sơn, thực dân Pháp đã có dã tâm xâm chiếm Việt Nam. Ngày 27.6.1858, hạm đội Pháp đánh phá Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược nước ta bằng vũ lực. Lợi dụng sự uơ hèn và bất lực của triều Nguyễn, với chiến thuật vừa tấn công quân sự uy hiếp từ bên ngoài, vừa dùng tay sai phá

¹ Trích theo Phạm Cao Dương - Nguyễn Khắc Ngữ - *Sách Giáo khoa sử học - lớp II* - Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* - Viện Sử học - UBKHXH Việt Nam - số 2(227) - 1986 tr.37, 38.

rồi bên trong, thực dân Pháp đã thực hiện kế hoạch "tầm ăn dâu", "khuân từng gói nhỏ" mà cụ Đặng Thái Mai gọi là "Système de conquette par petits paquets"¹⁾.

Trước họa mất nước, nhân dân cả nước đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược. Tiêu biểu là chiến công của nhân dân các tỉnh miền Trung tại mặt trận Đà Nẵng từ tháng 10.1859 đến tháng 3.1860 dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương; chiến công của Gia Định, Định Tường, Gò Công, Biên Hòa từ 1861 đến 1864 dưới sự chỉ huy của Bình Tây đại nguyên soái Trương Công Định. Và nối tiếp là hàng loạt cuộc vùng lên của nhân dân cả nước chiến đấu chống Pháp xâm lược.

Nhưng triều đình Huế, vì quyền lợi ích kỷ của mình đã tróit tay cùm chân phong trào kháng Pháp của nhân dân. Sau hai bản hòa ước của triều đình Huế, đến năm 1883, về cơ bản nước ta trở thành thuộc địa của đế quốc Pháp.

Trước thảm trạng "*Phan, Lâm mãi quốc - Triều đình khi dân*", các tầng lớp sĩ phu yêu nước do Tôn Thất Thuyết, cầm đầu phe chủ chiến, đã tổ chức, sắp xếp lực lượng để kháng chiến chống thực dân Pháp. Công việc đang được chuẩn bị thì ngày 23.5 năm Ất Dậu (5.7.1885), Pháp đánh chiếm kinh đô Huế. Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra khỏi kinh đô, ban chiếu Cần vương ngày 13.7.1885 kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp.

Phong trào Cần vương phát triển mạnh: ở Bắc bộ và Trung bộ do Phan Đình Phùng, Phan Bành, Đinh Công

¹ : Đặng Thái Mai - *Thơ văn Cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ 20* - Văn học Giải phóng - 1976 - tr.13.

Tráng, Cẩm Bá Thuộc... chỉ huy; ở Quảng Nam do Nguyễn Duy Hiệu; ở Quảng Ngãi do Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân; ở Bình Định do Mai Xuân Thưởng, Bùi Điền... chỉ huy v.v...

Phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi có mấy điểm đáng chú ý:

1. Có chuẩn bị tốt và khi có thời cơ là khởi nghĩa ngay. Kinh thành Huế thất thủ ngày 5.7.1885, sau đó 2 ngày, Quảng Ngãi mới biết tin. Nhưng nhờ đã chuẩn bị căn cứ, nghĩa quân, nội ứng từ trước, nên khi biết tin này, Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân đã tổ chức khởi nghĩa. Vì vậy ngày 13.7.1885, vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần vương tại Quảng Bình thì chính trong ngày đó hai ông đã thành công trong việc xuất binh đánh chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi.

Những sự kiện trong lịch sử sau này như cuộc khởi nghĩa Ba Tơ ngày 11.3.1945, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi 28.8.1959 cũng là từ chuẩn bị tốt, nổ ra và giành thắng lợi sớm nhất ở miền Nam.

Những sự kiện lịch sử lặp đi lặp lại gần như có tính quy luật này, nói rõ khả năng nhận biết, nắm bắt thời cơ kịp thời, cũng như truyền thống cách mạng bất khuất, kiên cường của người dân xứ Quảng.

Đây là một phong trào yêu nước chống Pháp, giữ vững nền độc lập của đất nước, hợp lòng dân. Chính bản chất này quy định tính nhân dân của phong trào, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân trong tỉnh tham gia. Chỉ riêng việc đánh chiếm tỉnh thành ngày 13.7.1885 đã có 3000 nghĩa quân bên ngoài cộng với hàng ngàn binh lính và

đồng bào nội ứng bên trong. Thua keo này bày keo khác, người này ngã xuống, người khác tiếp tục chỉ huy. Sau Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan, đến Thái Thú, Trần Du⁽¹⁾, phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi kéo dài đến 11 năm (1885-1896)⁽²⁾. Các thủ lĩnh nghĩa quân Cần vương như Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan, Nguyễn Duy Cung... dù làm quan, hoặc con nhà quan lại, dù là trí thức được đào luyện từ cửa Khổng sân Trình, hoặc cầm quân ở sơn phòng, dù lúc đầu còn mang danh nghĩa và dựa vào phái chủ chiến trong triều đình... họ vẫn không đại diện cho thế lực phong kiến mà họ hoàn toàn đứng về phía nhân dân để chống bọn cướp nước và bán nước.

Ngoài các cuộc khởi nghĩa do các văn thân sĩ phu yêu nước trực tiếp lãnh đạo, còn có các cuộc khởi nghĩa nông dân do chính những người nông dân lãnh đạo. Tiêu biểu như phong trào nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám đứng đầu, cuộc khởi nghĩa của nhân dân Cổ Lũy (Quảng Ngãi) do Thái Thú chỉ huy.

Việc gì hợp lòng dân thì được dân hưởng ứng, nghe và làm theo. Ai đã vì dân mà hy sinh, chiến đấu thì sẽ trở nên thần tượng muôn thuở trong lòng dân. Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Duy Cung, Nguyễn Bá Loan, Thái Thú, Trần Du... dù đã hy sinh tròn thế kỷ, nhưng sự nghiệp, tên tuổi các ông vẫn sống mãi trong lòng dân núi

¹ : Xem *Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi 1885-1945* - Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng và Sở VH-TT Quảng Ngãi, 1985 - từ trang 18 đến trang 40.

² : Phong trào Cần vương chống Pháp ở Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh cũng kéo dài 11 năm.

Ấn sông Trà.

2. Phong trào "Cần vương" Quảng Ngãi cũng như cả nước bị thất bại do những nguyên nhân khách quan lẫn những nguyên nhân chủ quan.

Nguyên nhân khách quan lớn nhất là sự đầu hàng, cam tâm làm tay sai cho Pháp của triều đình Huế. Tự Đức ký hòa ước đầu hàng Pháp. Sau khi vua Hàm Nghi chạy khỏi kinh thành, Đồng Khánh đã huy động toàn bộ cận thần, một lũ Việt gian, tiếp tay cho Pháp, đàn áp khốc liệt các phong trào yêu nước của nhân dân.

Chính thực dân Pháp thú nhận rằng, việc đàn áp thành công các cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Cao ở Bắc bộ; của Phan Đình Phùng, Tống Duy Tân, Lê Trung Đình ở Trung bộ là công lao của các đội "thân binh" của triều đình Đồng Khánh do bọn Hoàng Cao Khải, Lê Hoan, Nguyễn Thân... chỉ huy⁽¹⁾. Ở Quảng Ngãi, chính Nguyễn Thân phản thầy, phản bạn, phản dân, giết thầy học Nguyễn Tạo, giết Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan... đàn áp phong trào Cần vương mà lúc đầu Nguyễn Thân có tham gia.

Trong năm 1942, trong bài diễn ca: "Lịch sử Việt Nam", Hồ Chủ tịch đã viết:

*Ngàn năm gấm vóc giang sơn
Bị vua nhà Nguyễn đem hàng cho Tây.
Tội kia càng đắp càng dày
Sự tình càng nghĩ càng cay đắng lòng⁽²⁾*

¹ : Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 6 (231) 1986 - tr.34.

² : *Hồ Chí Minh toàn tập* - tập III 1930-1945- NXB Sự thật - Hà Nội - 1983 - tr.221.

Và đồng chí Lê Duẩn cũng đã từng nhận định: "Nhân dân ta mất nước vào tay thực dân Pháp là do bọn phong kiến nhà Nguyễnươn hèn, đã vì quyền lợi ích kỷ của chúng mà đầu hàng Pháp. Trước lịch sử, triều đình nhà Nguyễn là kẻ phản bội dân tộc"¹.

Về mặt chủ quan, phong trào Cần vương thiếu hẳn một quyết sách đúng đắn, sáng suốt. Ngay như Tôn Thất Thuyết, từ đầu đã tính đến việc cầu viện nhà Thanh ở Trung Hoa để chống Pháp. Sau này cũng có người định nhờ Nhật giúp ta đánh đuổi thực dân Pháp, đã bị Nguyễn Ái Quốc phê phán: "Đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau". Cộng vào đó, trong chừng mực nhất định, nhiều sĩ phu yêu nước lúc đầu còn mang tư tưởng "trung quân" chống Pháp để bảo vệ sơn hà xã tắc, đồng thời để bảo vệ ý thức hệ phong kiến, bảo vệ ngôi vua, tất nhiên phải là ông vua độc lập. Ngay Lê Trung Đình, sau khi đánh chiếm được tỉnh thành Quảng Ngãi đã có ý định tôn Tuy Lý vương (một người trong hoàng tộc bị an trí tại Quảng Ngãi) làm minh chủ⁽²⁾.

Qua văn thơ yêu nước của các sĩ phu tiêu biểu cho phong trào như Phan Đình Phùng, Nguyễn Xuân Ôn, Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Duy Cung, Lê Trung Đình... chúng ta thấy họ vẫn còn mang nặng tư tưởng "trung quân"⁽³⁾.

Như vậy, phong trào Cần vương nội dung cốt lõi là yêu

¹ : Phát biểu trong hội nghị phổ biến nghị quyết Bộ Chính trị tại TP.HCM ngày 28.7.1976.

² : Phạm Trung Việt - *Khuôn mặt Quảng Ngãi* - NXB Nam Quang Sài Gòn, 1973 - tr.173.

³ : Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 6 - Số - tr.31.

nước chống Pháp, nhưng lại chưa thoát khỏi ý thức hệ phong kiến mà vẫn thuộc phạm trù phong kiến. Đây là mặt hạn chế của lịch sử quy định.

Có nhận thức cả hai mặt nội dung và hình thức ấy của phong trào Cần vương mới hiểu được vì sao chế độ phong kiến Việt Nam đã lụn bại, thối nát từ lâu, triều đình Huế đã dẫu hàng thực dân Pháp, song khẩu hiệu Cần vương vẫn còn có tác dụng tập hợp quần chúng. Điều đó giải thích vì sao phong trào Cần vương đã dấy lên rất sôi nổi, mạnh mẽ, rộng khắp nhưng cuối cùng đã bị thất bại.

Tóm lại, phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi vào cuối thế kỷ XIX do các sĩ phu Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan và những người khác lãnh đạo cũng như phong trào Cần vương cả nước, thực chất là phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược. Phong trào đã bùng lên trước khi có chiếu Cần vương. Chiếu Cần vương của Hàm Nghi chỉ có tác dụng thúc đẩy thêm phong trào mà thôi. Vua Hàm Nghi bị bắt năm 1888, không hề làm cho phong trào chấm dứt. Vì vậy, Cần vương chỉ là hình thức, danh nghĩa, còn nội dung thực chất của nó là yêu nước, chống xâm lược. Lực lượng chính của phong trào không chỉ có văn thân, sĩ phu mà còn có đông đảo các tầng lớp nhân dân, nhất là nông dân, tham gia. Quá trình chuyển biến của phong trào Cần vương cũng là quá trình mở rộng dần ý thức trung quân. Càng về sau, các sĩ phu yêu nước nho học và các nhà trí thức yêu nước tân học đã đi tìm kế sách cứu nước mới khi tình thế thay đổi. Các phong trào Duy tân, khát thế cự sưu, khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh, Việt Nam Quang phục đến Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội và các phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo ở Quảng Ngãi sau này đã chứng minh điều đó.

MẤY NHẬN XÉT VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH

PTS. PHẠM QUANG TRUNG
(Viện Sử học)

BÙI THỊ THU HÀ
(Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy An Giang)

Trong lịch sử phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân ta nửa cuối thế kỷ XIX dưới danh nghĩa *Cần vương*, cuộc khởi nghĩa của nhân dân Quảng Ngãi do Lê Trung Đình và một số văn thân sĩ phu lãnh đạo chỉ diễn ra một quãng thời gian không dài, nhưng lại có một vị trí và ý nghĩa cực kỳ to lớn. Trong khuôn khổ của cuộc hội thảo ngày hôm nay, chúng tôi xin được trình bày vài nét về vai trò của cuộc khởi nghĩa tiêu biểu này.

1. Tám bản đồ "*các cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp (1858 - 1918)*" nằm trong hệ thống atlas quốc gia cho chúng ta thấy Quảng Ngãi là một trong những nơi có nhiều phong trào yêu nước chống Pháp phong phú, liên tục và rầm rộ nhất. Chúng ta hiểu và giải thích như thế nào về hiện tượng này?

Nằm án ngữ giữa dải miền Trung nước ta, Quảng Ngãi là một trong những tỉnh có địa hình vừa đa dạng vừa phức tạp, có đủ cả ba vùng kinh tế: đồng bằng ven biển, trung du và rừng núi. Vị trí chiến lược của Quảng Ngãi thật quan yếu, nó không chỉ án ngữ con đường Bắc - Nam mà còn là cánh cửa mở ra để đi lên bắc Tây nguyên..., và quan trọng

hơn, ngay từ rất sớm, Quảng Ngãi vốn nổi tiếng là nơi có nhiều bậc hiền tài, trung nghĩa, tuấn kiệt. Sách *Đại Nam Nhất thống chí* chép về Quảng Ngãi như sau: "*Đất bạc, dân chăm, tính tần tiện, không xa hoa, người quân tử thích việc nghĩa, giữ khí tiết... Địa thế tuy hẹp mà khí mạch tốt, nên đời nào cũng có nhiều người làm đến quan to chức trọng, bước đường hanh thuận, trọn được danh vọng*"¹).

Gạt sang một bên những yếu tố phong thủy dị đoan, quả là các sử gia nhà Nguyễn đã không làm khi nhấn mạnh đến tính cách của người Quảng Ngãi: thích việc nghĩa, giữ khí tiết, trọn danh vọng. Là người con của quê hương, Lê Trung Đình đã sớm mang trong mình và phát huy được những đức tính như vậy. Trong danh mục những nhà khoa bảng nổi tiếng của Việt Nam, theo cách sắp xếp của một nhà sử học, xã hội học người Pháp, Lê Trung Đình là người đỗ đạt cao trong số những người thành đạt, và sớm nổi tiếng thuộc thế hệ 1862². Vào năm Giáp thìn (1884) Lê Trung Đình thi đỗ Cử nhân, ông có thể ra làm quan để được vinh thân phì gia, nhưng trong thực tế ông đã ở lại quê hương cùng các bạn bè, đồng chí chuẩn bị lực lượng chống giặc Pháp xâm lược. Ông trở thành tả vệ chánh quản hương binh, cùng các ông Tú tài Nguyễn Tự Tân, Tú tài Vũ Hội (Hữu vệ phó quản hương binh) và Nguyễn Văn Hoàn (Thương biện) phụ trách toàn bộ lực lượng hương binh ở địa phương.

Từ sau khi thực dân Pháp xâm lược, đánh chiếm Nam

¹ : *Đại Nam Nhất thống chí*, tập II, NXB KHXH, Hà Nội, 1970, tr.355-356.

² : *Vietnam du confucianisme au communisme*, Paris, Édi. L'Harmattant, 1991, p.24.

kỳ rồi kéo quân gây hấn ở miền Bắc và đi đến thôn tính, áp đặt sự thống trị của chúng lên toàn thể bờ cõi nước ta, trong nội bộ chính quyền nhà Nguyễn đã nảy sinh những mâu thuẫn gay gắt. Bên cạnh bộ phận - đáng tiếc là bộ phận này lại là số đông - chủ trương cầu hòa đi đến đầu hàng quân xâm lược Pháp, có những người chủ trương dựa vào dân quyết đánh giặc, khôi phục lại nền độc lập dân tộc. Chính là dưới ảnh hưởng và sức ép của phe chủ chiến mà lực lượng hương binh tại các địa phương được tổ chức. Theo sách *Đại Nam Thực lục chính biên*, từ cuối những năm bảy mươi của thế kỷ mười chín, để chuẩn bị bố phòng, chống giặc, tại địa bàn mỗi tỉnh đều có cho tổ chức ra các đạo quân hương binh¹⁾. Tuy nhiên, không phải ở đâu những đội binh này cũng có vai trò và ảnh hưởng như nhau. Chính nhờ uy tín lớn lao và đức độ của Lê Trung Đình, lực lượng hương binh tại Bình Sơn do ông đứng đầu với quân số trên 3000 người tình nguyện, được tổ chức và huấn luyện cẩn thận, sớm trở thành lực lượng chủ đạo của nhân dân Quảng Ngãi và khu vực trong việc chống giặc cứu nước. Có lẽ trong bất kỳ thời đại lịch sử nào, ở bất kỳ một phong trào nào, vai trò của người lãnh đạo, chỉ huy và tổ chức cũng có một ý nghĩa quan trọng, góp phần quyết định nội dung, tính chất hoạt động của phong trào đó.

2. Nếu chỉ tính về mặt thời gian có thể khẳng định mà không sợ sai lầm rằng cuộc nổi dậy đánh Pháp do Lê Trung Đình lãnh đạo ở Quảng Ngãi là một trong những cuộc khởi nghĩa - trong phạm trù (dưới danh nghĩa) Cần vương - sớm nhất trong phạm vi cả nước.

¹⁾ *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập XXXVI, NXB KHXH, Hà Nội, 1976, tr.57.

Như chúng ta đều biết, sau sự biến kinh thành Huế, vua Hàm Nghi xuất bôn và hạ chiếu Cần vương, cả một phong trào yêu nước chống Pháp dưới danh nghĩa Cần vương đã bùng lên mạnh mẽ trong cả nước ta. Cho đến nay, các nhà sử học trong và ngoài nước ta đều nhấn mạnh những trung tâm quan trọng nhất của phong trào này là ở các tỉnh Nghệ Tĩnh, Thanh Hóa, Hưng Yên... Dường như chúng ta quên rằng chính Quảng Ngãi với phong trào nổi dậy quyết liệt của Lê Trung Đình là nơi mở đầu cho phong trào rộng lớn đó. Trong thực tế chỉ sau sự biến kinh thành Huế (đêm 5.7.1885) có 8 ngày, và đúng vào lúc chiếu Cần vương ban ra ngày 13.7.1885, trước sự phản bội hèn nhát của bọn Lê Duy Thụy (quyền Bố chánh sứ) và Nguyễn Văn Dụ (quyền Án sát sứ), cuộc nổi dậy của Lê Trung Đình đã bùng lên mạnh mẽ.

Cuộc vùng dậy của nhân dân Quảng Ngãi đã bị binh đội của Nguyễn Thân và Đinh Hội đàn áp và thất bại, Lê Trung Đình đã bị chúng đem ra hành quyết (18.7.1885). Cuộc nổi dậy của nhân dân Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Lê Trung Đình đã làm nức lòng nhân dân miền Trung, nhân dân cả nước. Một cao trào đánh Pháp, cứu nước đã bùng lên, mở ra một cục diện mới, hoàn toàn bất ngờ, bất lợi đối với bọn xâm lược cướp nước và bọn tay sai...

3. Phải chăng những yếu tố về nhân văn cũng như vị trí địa lý chiến lược quan trọng của Quảng Ngãi như chúng tôi đã gợi ra ở luận điểm đầu đủ giải thích cho hiện tượng tiên phong, mở đầu của phong trào Lê Trung Đình? Nhiều dịp trao đổi với một số nhà nghiên cứu trong giới sử học, chúng tôi được biết có một số người cho rằng phong trào

Cần vương đã có sự chuẩn bị từ trước; có cả một danh mục các nhà khoa bảng, do các chí sĩ lập ra, sẽ tham gia phong trào; có ý kiến khẳng định chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi được truyền miệng xuống các tỉnh phía nam kinh thành Huế ngay từ trước khi công bố chính thức vào ngày 13.7.1885... Chính trên cơ sở các thông tin này, người ta đưa ra giả thuyết để lý giải việc xuất hiện sớm cũng như sự thất bại sớm của phong trào Lê Trung Đình. Bởi vì theo lôgic của những ý kiến như trên, các lãnh tụ Cần vương phải là các nhà khoa bảng có danh vọng. Lê Trung Đình chỉ là một cử nhân chánh quản hương binh nên phong trào do ông lãnh đạo khó có thể tồn tại lâu dài, v.v... Có lẽ cách đặt vấn đề và lý giải như trên, theo chúng tôi là chưa thể thuyết phục.

Chúng ta đều biết, việc chuẩn bị kháng chiến - với những qui mô và mức độ khác nhau, tùy theo từng thời kỳ - đã được triều đình Huế cho triển khai từ lâu. Đặc biệt, từ sau khi Pháp cho quân ra Bắc kỳ lần đầu, với việc lập ra hệ thống các sơn phòng ở nhiều địa bàn trong cả nước làm căn cứ và sau đó cho đặt lực lượng hương binh tại các tỉnh... thì công cuộc chuẩn bị ấy đã được triển khai mạnh mẽ. Rõ ràng, không phải chỉ riêng Quảng Ngãi được chuẩn bị trước cho cuộc vùng lên này. Nếu cho rằng quả thật chiếu Cần vương được truyền bằng miệng xuống các tỉnh phía nam kinh thành Huế thì có lẽ Quảng Nam chứ không phải Quảng Ngãi là nơi nhận được trước tiên. Còn như cho rằng vì Lê Trung Đình danh chưa trọng nên sớm thất bại thì có lẽ hoàn toàn thiếu căn cứ khoa học. Chúng ta đều

biết, trong phong trào Cần vương cuối thế kỷ 19, những phong trào lớn, tiêu biểu và kéo dài thực tế đều do những vị có danh vọng cao lãnh đạo. Tuy nhiên, chỉ cần liếc qua bản danh mục các lãnh tụ Cần vương trong cuốn *Phong trào Văn thân khởi nghĩa*¹⁾, cũng như trong một số công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước gần đây²⁾, chúng cũng đủ thấy các lãnh tụ Cần vương nhiều người còn thua kém Lê Trung Đình về danh vị, nhưng lại cũng ít có ai bị giặc đàn áp nhanh chóng như phong trào của Lê Trung Đình ở Quảng Ngãi...

Vậy là để đi đến những nhận xét xác đáng về phong trào Lê Trung Đình chúng ta cần phải có các tiếp cận nguồn tư liệu và cách đặt vấn đề khác. Có lẽ ngoài những nhân tố về nhân văn và địa lý Quảng Ngãi, những gì liên quan đến tư chất của Lê Trung Đình và các lãnh tụ xung quanh ông cần được đặc biệt xem xét. Mặt khác, theo chúng tôi nghĩ, quan trọng hơn cả là phải chú ý đến lôgích lịch sử của truyền thống yêu nước kiên cường bất khuất của nhân dân Quảng Ngãi. Điểm nổi bật trong cái lôgích lịch sử ấy là phong trào yêu nước, chống giặc ngoại xâm ở Quảng Ngãi, trong những thời kỳ lịch sử khác nhau, với những hoàn cảnh lịch sử khác nhau nhưng đã diễn ra liên

¹⁾ : Do Trần Huy Liệu, Văn Tạo. Nguyễn Khắc Đạm biên soạn, NXB Văn sử địa Hà Nội xuất bản.

²⁾ : Ngoài một số cuốn biên khảo như của Đinh Xuân Lâm - Trịnh Nhu: *Từ Ba Đình đến Hùng Lĩnh*, phần lớn các công trình trong nước đã đăng trong tờ Nghiên cứu Lịch sử. Các công trình nước ngoài trước tiên phải kể đến luận án tiến sĩ quốc gia của Charles Fourniau: *Les contracts Franco - Vietnamiens de 1885 à 1896 en Annam et au Tonkin*, Univ de Provence. 1983.

tục, bền bỉ. Không có một truyền thống ấy không thể có một Quảng Ngãi anh hùng với những Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Trần Kỳ Phong, Võ Quán, Võ Tòng, Trần Toại, Nguyễn Nghiêm, Nguyễn Chánh, v.v...

Dù chúng ta có nhận xét và đánh giá như thế nào chăng nữa thì phong trào do Lê Trung Đình lãnh đạo vẫn là cuộc nổi dậy ứng nghĩa sớm nhất, mở màn cho cả phong trào Cần vương rộng lớn và oanh liệt trong cả nước ta. Cái chết hiên ngang, bất khuất của Lê Trung Đình đã khiến ông trở thành một trong những người anh hùng bất tử, một tấm gương sáng chói về sự hy sinh cho độc lập dân tộc, tự do của Tổ quốc, về khí phách hiên ngang, bất khuất trước kẻ thù hung bạo.

CHÍ SĨ LÊ TRUNG ĐÌNH VỚI PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

THÁI NHÂN HÒA

(Hội Khoa học lịch sử TP.Hồ Chí Minh)

Nghiên cứu phong trào Cần vương, khẳng định lòng yêu nước của Tôn Thất Thuyết thảo chiếu Cần vương kêu gọi toàn dân đánh đuổi quân xâm lược, lịch sử nước nhà ghi nhận vai trò nhân vật Lê Trung Đình - một trong những tấm gương yêu nước của phong trào Cần vương cuối thế kỷ XIX.

Lê Trung Đình sinh năm Nhâm tuất 1863 trong một gia đình nhà nho và con thứ 6 của Lê Trung Lượng ở làng Phú Nhân, thuộc huyện Bình Sơn (tức bao gồm cả huyện Sơn Tịnh ngày nay) tỉnh Quảng Ngãi. Với truyền thống về vang của quê hương: "thích nhân nghĩa, trợn công danh, giữ khí tiết"¹, Lê Trung Đình sớm ý thức nghĩa vụ làm trai trong cảnh nước nhà đang cơn nguy biến.

Năm Giáp thìn 1884, Lê Trung Đình đỗ Cử nhân, thói thường là ra làm quan để hưởng "công danh phú quý", nhưng chàng trai Bình Sơn đã cùng bạn bè nơi quê nhà tổ chức lực lượng chống thực dân Pháp xâm lược vừa đặt nền thống trị của chúng trên cả ba kỳ năm 1884 (theo Hiệp ước Patenôtre).

Một năm trước đó, nước nhà có những biến động quan

¹ : *Đại Nam nhất thống chí*, tập II, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970, tr.355.

trọng, để lại trong lòng Lê Trung Đình những ấn tượng khôn nguôi. Hiệp ước Quý mùi 1883 triều đình nhà Nguyễn thỏa hiệp với Pháp, bất chấp lợi ích dân tộc, liên kết với Khâm sứ De Champeaux để loại trừ quan văn Nguyễn Văn Tường và quan võ Tôn Thất Thuyết, phụ chính tại triều đình, đàn áp những người có tinh thần yêu nước. Sự phân hóa giữa chủ hòa và chủ chiến tại triều ngày càng sâu sắc. Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết và quan viên trong triều, ngoài nội có tinh thần yêu nước đều căm phẫn. Phe chủ hòa và phe chủ chiến hình thành rõ rệt, đối lập nhau và sát phạt nhau không thương tiếc. Phe chủ chiến đương quyền là Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết đang nắm lực lượng yêu nước, quyết tâm chống Pháp đã truất phế ngôi vua Dục Đức, Hiệp Hòa, đưa Kiến Phúc lên thay được 8 tháng thì mất (13.7.1884). Hai ông đã đưa em Nguyễn Kiến Phúc là Nguyễn Phúc Ưng Lịch, tức Hàm Nghi lên chấp chính. Thực trạng triều đình đang nghiêng ngửa, đúng như nhận xét của Ông Ích Khiêm (1831-1884), một quan võ đương thời:

Nhất giang lương quốc nan phân thuyết

Từ nguyệt tam vương triều bất tường

Tạm dịch:

Một con sông hai nước biết nói sao

Bốn tháng ba vua điềm chẳng lành¹¹

(*Một con sông*: sông Hương; *hai nước*: ý nói một bên thuộc triều đình, một bên thuộc Pháp).

Trên cương vị phụ chính triều đình, Thượng thư bộ Binh Tôn Thất Thuyết đã kịp thời soạn thảo kế hoạch

Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam, NXB. KHXH, TP HCM, 1992, tr.705, 380

chuẩn bị chống Pháp lâu dài, kể cả chế tạo súng máy. Thành Tân Sở (Quảng Trị) là kinh đô dự bị, khi có sự biến sẽ là nơi chỉ huy lực lượng chống Pháp. Các sơn phòng được tu sửa và bổ sung lực lượng, nhất là sơn phòng Trà My (Quảng Nam) được chọn là trung tâm chỉ huy ở Tả kỳ. Tháng 2.1884, Tôn Thất Thuyết còn gởi một đạo luật đến các tỉnh đường triệu dụng các tiến sĩ, phó bảng và ấn quan tại chức, động viên tinh thần sẵn sàng chống Pháp.

Giữa lúc Hàm Nghi đang trị vì xứ sở trong tình thế thù trong giặc ngoài, nhân tâm dao động thì đêm 5.7.1885, kinh thành Huế thất thủ. Vua Hàm Nghi phải xuất biên, chạy ra Tân Sở và hạ chiếu Cần vương ngày 13.7.1885, kêu gọi văn thân, sĩ phu đứng lên chống Pháp. Từ đó phong trào Cần vương nổ ra và ngày càng lan rộng đến các tỉnh trong Nam, ngoài Bắc.

Tại Quảng Ngãi, mặc dù có sự phản bội hèn nhát của Lê Duy Thụy (quyền Bố chánh) và Nguyễn Văn Dự (quyền Ấn sát), cuộc nổi dậy của Lê Trung Đình vẫn nổ ra ngày 13.7.1885, đúng vào ngày chiếu Cần vương vừa ban ra. Cuộc nổi dậy dũng mãnh của Lê Trung Đình chỉ huy chống Pháp đã giành thắng lợi nhanh chóng. Từ đó lực lượng Nghĩa hội của Trần Văn Dự, của Nguyễn Duy Hiệu ở Quảng Nam, lực lượng của Mai Xuân Thưởng và kể cả Tăng Bạt Hổ ở Bình Định, Lê Thành Phương ở Phú Yên, Trịnh Phong ở Khánh Hòa, Bùi Giảng ở Bình Thuận v.v... đều hưởng ứng phong trào Cần vương, như hợp đồng với Lê Trung Đình ở Quảng Ngãi đẩy lên khí thế chống Pháp tại các tỉnh miền nam Trung bộ. Tại Hà Tĩnh, Phan Đình Phùng (1847-1895) với cương vị Tán lý Quân vụ, thống lĩnh các đạo nghĩa binh, đã dựng cờ khởi nghĩa, hưởng ứng

chiếu Cần vương chống Pháp (10.1885) và phát triển lực lượng nghĩa quân, phiên thành 15 quân thứ, hợp đồng khắp vùng rừng núi Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Bình, Thanh Hóa.

Theo *Dại Nam Thực lục Chính biên* thì Cử nhân Lê Trung Đình là tả vệ hương binh chánh quản huyện Bình Sơn cùng hữu vệ phó quản là Tú tài Nguyễn Tự Tân, Vũ Hội và Thương biện Nguyễn Văn Hoàn khi nghe chiếu Cần vương đã lập tức dấy binh đánh chiếm tỉnh thành. Có nội ứng mở cửa thành, lực lượng hương binh tiến vào thành trừng trị bọn theo giặc, buông tha người đầu hàng, thu lấy ấn triện... và đặt các chức danh thống đốc, tham tán, đề đốc, lãnh binh, để quản lý chính quyền và tỉnh đường sở tại¹.

Thắng lợi của lực lượng hương binh do Lê Trung Đình chỉ huy tại Quảng Ngãi làm nức lòng nhân dân trong tỉnh và ảnh hưởng sâu rộng đến phong trào chống Pháp ở miền trung Trung bộ và cả nước. Thắng lợi to lớn đó có nhiều ý nghĩa thực tiễn sâu sắc:

- Cuộc nổi dậy của nhân dân Quảng Ngãi đã được Lê Trung Đình chuẩn bị khá sớm, nổ ra như một cuộc khởi nghĩa mà lực lượng chủ yếu là sĩ phu và hương binh yêu nước, đã giành thắng lợi nhanh chóng. Chính quyền cũ được đập tan và chính quyền mới được thiết lập, nói lên sức mạnh quật khởi của nhân dân Quảng Ngãi, vốn nung nấu từ lâu tại quê nhà.

- Cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình bùng lên mạnh mẽ chống Pháp trên quê hương Quảng Ngãi ngay từ khi có chiếu Cần vương (13.7.1885), đã mở đầu và thúc đẩy phong

¹ *Dại Nam Thực lục Chính biên*, tập 36, NXB KHXH, Hà Nội, 1976, tr.239.

trào Cần vương phát triển rộng mạnh trong cả nước. Chúng ta có cơ sở để khẳng định cuộc khởi nghĩa của chí sĩ Lê Trung Đình mang đầy đủ tính chất tiên phong của nó trong toàn bộ phong trào Cần vương vào cuối thế kỷ XIX.

- Cuộc khởi nghĩa ngày 13.7.1885 của Lê Trung Đình phản ánh ý chí kiên cường, bất khuất, đã kế thừa và phát huy truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc và của nhân dân Quảng Ngãi nói riêng. Cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình không duy trì được lâu, nếu không nói là ngắn ngủi. Chưa quá 5 ngày thử thách ác liệt với kẻ thù cướp nước và tay sai bán nước hung ác, cuộc khởi nghĩa đã giành thắng lợi trong một tương quan lực lượng rất chênh lệch giữa ta và địch. Lúc bấy giờ, nền thống trị của thực dân Pháp vừa xác lập và triều đình nhà Nguyễn đã đi vào con đường đầu hàng thỏa hiệp, cam tâm chịu mất nước, thậm chí cấu kết với Pháp đàn áp dân ta. Trước khi bị giặc giết, Lê Trung Đình đã ý thức điều đó trong bài thơ tứ tuyệt của mình:

Nay là chim trong lồng

Mai là cá trên thớt

Thân này tiếc gì đâu

Gian nan tình đất nước⁽¹⁾

Chí sĩ Lê Trung Đình anh dũng hy sinh giữa tuổi thanh xuân, chưa quá 22 tuổi (1863-1885) đã nêu cao tấm gương kiên trung bất khuất ngời sáng. Thế hệ trẻ Quảng Ngãi tự hào vì nhà yêu nước trẻ tuổi Lê Trung Đình là nét son chói lọi trong lịch sử cận đại của dân tộc, làm rạng rỡ truyền thống quê hương và đất nước anh hùng.

TP.HCM, tháng 2.1996

¹ : *Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam*, NXB KHXH, TP HCM. 1991, tr.705, 380.

KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG KHÁNG PHÁP Ở CÁC TỈNH TRUNG BỘ VIỆT NAM VÀO NỬA CUỐI CỦA NĂM 1885 LỊCH SỬ

ANH THU

(Hội Sử học thành phố Hồ Chí Minh)

Hơn một thế kỷ đã trôi qua kể từ ngày Lê Trung Đình, vị thủ lĩnh trẻ tuổi, đầy khí phách của nghĩa quân Quảng Ngãi, anh dũng hy sinh trước họng súng của quân thù cướp nước và bẻ lư tay sai, nhưng tấm gương nghĩa liệt của ông và dấu ấn của cuộc khởi nghĩa (chiếm được tỉnh thành) do ông trực tiếp chỉ huy vẫn là một trong những điểm son chói ngời chính nghĩa trong phong trào Cần vương, kháng Pháp của các sĩ phu và nhân dân Quảng Ngãi, sĩ phu và nhân dân các tỉnh Trung bộ và cả nước, trong giai đoạn bi tráng của lịch sử dân tộc.

Biết rõ mục đích của quân Pháp hồi bấy giờ là tìm mọi duyên cớ để đánh chiếm kinh thành và thay vua mới thân Pháp, nên vào lúc 0^h40 phút đêm mùng 4 rạng ngày 5.7.1885, Tôn Thất Thuyết và con trai của mình là Tôn Thất Đạm, cùng Trần Xuân Soạn chỉ huy Phấn nghĩa quân của triều đình mở một cuộc tấn công quyết liệt vào đồn Mang Cá, khu nhượng địa, khu lãnh sự của thực dân Pháp tại Huế, giết chết 4 sĩ quan và 60 binh lính của Pháp. 4^h

sáng cùng ngày, thực dân Pháp tấn công kinh thành Huế. Kinh thành thất thủ... Tôn Thất Thuyết bí mật đưa vua Hàm Nghi và Tam cung rút khỏi kinh thành và sau đó phát động phong trào Cần vương chống Pháp. Trưa ngày 5.7.1885, đoàn vua Hàm Nghi đến xã Văn Xá, Tôn Thất Thuyết ra thông báo cho sĩ phu và nhân dân cả nước biết vua Hàm Nghi xuất bôn và kêu gọi mọi người "Cần vương", kháng Pháp.

Rất có thể trong thời gian trước đó, tiếp thu mật lệnh chuẩn bị kháng Pháp của Tôn Thất Thuyết - vị phụ chính đại thần, thuộc phái chủ chiến trong triều đình Huế - Lê Trung Đình, vị cử nhân trẻ tuổi, đầy tài năng và nghĩa khí của đất Quảng Ngãi, đã đề xướng việc thành lập một đội nghĩa quân trên mảnh đất quê hương. Nghĩa cử vì dân, vì nước đó của ông đã được đông đảo các danh sĩ và nhân dân ở Quảng Ngãi nhiệt thành hưởng ứng. Nhờ vậy mà chỉ trong một thời gian ngắn, Cử nhân Lê Trung Đình đã thành lập Nghĩa hội kháng Pháp^{*}. Nghĩa hội của ông bao gồm các tổ chức nghĩa quân lấy các tên gọi khác nhau như đoàn kiệt, hương binh. Và chính ông đã được nghĩa quân đề cử lên làm chánh quản hương binh (Tổng chỉ huy nghĩa quân kháng Pháp ở Quảng Ngãi hồi bấy giờ). Tuyền Tung, thuộc Bình Sơn, Quảng Ngãi được ông chọn làm căn cứ của nghĩa quân.

Để đảm bảo được các yếu tố bí mật, bất ngờ của trận

^{*} : Về người thành lập Nghĩa hội, thời gian tổ chức Nghĩa hội v.v... còn nhiều ý kiến khác nhau trong Hội thảo. Xin xem các bài khác trong tập này (Người biên tập).

tấn công quyết định vào tỉnh thành Quảng Ngãi, đúng vào lúc 12 giờ đêm, ngày 13.7.1885, Lê Trung Đình cùng Tú tài Nguyễn Tự Tân đã làm lễ tế cờ trên bãi cát trước đền Văn Thánh, tại Phú Nhơn và khởi binh kháng Pháp. Tiếp đến, ông và các đồng chí của mình chia 3.000 nghĩa quân thành 3 mũi, tiến công quyết liệt vào tỉnh thành Quảng Ngãi. Hai cơ sở trong nội thành của nghĩa quân là Hiệp quản Trần Tu và Thành thủ úy Nguyễn Côn đã sẵn sàng chờ thời cơ, mở toang cổng thành để hướng ứng cuộc khởi nghĩa.

Với sự phối hợp nhịp nhàng giữa tấn công và các cơ sở nội ứng bên trong thành, nên chỉ sau 4 giờ đồng hồ, nghĩa quân Lê Trung Đình đã chiếm được toàn bộ tỉnh thành Quảng Ngãi. Quyền Bố chánh Lê Duy Thụy và quyền Án sát Nguyễn Văn Dụ bị nghĩa quân bắt giam. Nghĩa quân thả tù phạm, tịch thu ấn triện, thu hồi vũ khí và trừng trị những tên Việt gian làm tay sai cho giặc Pháp. Tiếp đó, Lê Trung Đình thành lập bộ máy chính quyền mới của nghĩa quân với những chức danh như: thống đốc, tham tán, đề đốc, lãnh binh và mời Tuy Lý vương Miên Trinh lên làm Phụ chính Quốc vương, hầu làm rõ mục đích chính nghĩa của mình là "Cần vương", kháng Pháp...

Lý tưởng Cần vương, kháng Pháp, cứu nước của Lê Trung Đình không chỉ muốn dừng ở chỗ khởi nghĩa cướp chính quyền tại riêng một tỉnh thành Quảng Ngãi, mà ông còn muốn tập hợp một lực lượng nghĩa quân to lớn hơn, rồi tiến ra giải phóng kinh thành Huế, giúp vua Hàm Nghi, từng bước khôi phục lại chủ quyền trên toàn cõi Việt Nam,

mà trên thực tế hồi bấy giờ đã mất vào tay giặc Pháp. Nhưng tiếc thay, trong một cuộc chiến đấu không cân sức với kẻ thù, Lê Trung Đình và các đồng chí của ông bị sa vào tay giặc và đã anh dũng hy sinh trước lưỡi gươm và mũi súng của quân thù.

Tiếp sau cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình, tại Bình Định có Mai Xuân Thuồng, Nguyễn Loan, Đặng Đề, Nguyễn Duy Cung, Tăng Bạt Hổ và Bùi Điền nổi lên khởi nghĩa. Nghĩa quân đánh chiếm đồn Lão Thuộc^{*}, thu được nhiều súng đạn và quân trang quân dụng. Tại Phú Yên, nghĩa quân dưới sự lãnh đạo của các thân hào, nhân sĩ ở địa phương, đã nổi dậy chiếm giữ tỉnh thành, bắt giam Bố chính Phạm Như Xương. Bọn quan tỉnh thân Pháp như Án sát Hoàng Cân, Lãnh binh Nguyễn Văn Hanh đều bỏ thành chạy trốn thoát thân. Tiếp đó, nghĩa quân tỉnh Phú Yên tiến ra đánh chiếm huyện thành Tuy Hòa, tỉnh Bình Định. Tri huyện Tuy Hòa là Đinh Duy Tân chạy trốn sang tỉnh Khánh Hòa. Tại Quảng Nam, Trần Văn Dự - viên quan sơn phòng sứ địa phương đã đem quân nổi lên khởi nghĩa chiếm được tỉnh thành Quảng Nam. Bọn quan lại địa phương như: tuần vũ, bố chánh, án sát, đều bỏ thành tháo chạy thực mạng... Khi thực dân Pháp điều quân đến đàn áp cuộc khởi nghĩa, thì nghĩa quân Quảng Nam đã phân tán về các phủ huyện xung quanh để tiếp tục cuộc kháng chiến.

Cũng vào khoảng thời gian này, các cuộc khởi nghĩa

^{*} : Còn gọi là Lão Thục. Xem các bài khác trong tập này (Người biên tập).

Cần vương, kháng Pháp do các sĩ phu lãnh đạo liên tục nổ ra ở các tỉnh bắc Trung bộ nước ta. Ở Nghệ An có Nguyễn Mậu, Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nha, Đinh Nhật Tân, Trần Quang Diệm, Lê Trọng Vinh, Nguyễn Ngợi, Phạm Bá Niêm. Ở Hà Tĩnh có Lê Ninh, Nguyễn Thoại, Ngô Quảng, Huỳnh Bá Xuyên, Nguyễn Trạch, Nguyễn Chanh, Vũ Pháp, Nguyễn Thuận. Ở Quảng Bình có Nguyễn Phạm Tuấn. Ở Quảng Trị có Trương Đình Hội, Trần Quang Chuyên, Hoàng Hoản, Nguyễn Tư Như v.v... Đó là các cuộc khởi nghĩa đồng thời hoặc tiếp sau cuộc khởi nghĩa của Cử nhân Lê Trung Đình ở Quảng Ngãi vào nửa cuối của năm 1885 lịch sử.

TP.HCM, ngày 15.3.1996

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ HỘI THẢO



Toàn cảnh cuộc hội thảo khoa học về Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi tổ chức tại thị xã Quảng Ngãi trong hai ngày 15 và 16.7.1996



Đồng chí Võ Đức Huy - Bí thư Tỉnh ủy - thay mặt lãnh đạo tỉnh gặp mặt thân mật các nhà khoa học trong nước về dự hội thảo.



NSUT. Tạ Hiền Minh thay mặt Ban Tổ chức hội thảo, trình bày báo cáo đề dẫn.



GS. Phan Ngọc Liên, thay mặt Ban điều hành hội thảo, phát biểu ý kiến trước khi các nhà nghiên cứu trình bày tham luận.

PTS. Đinh Văn Liên (Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử TP. HCM) cùng tham gia Ban điều hành Hội thảo.



Đại biểu nghiên cứu tài liệu trước khi trình bày tham luận.

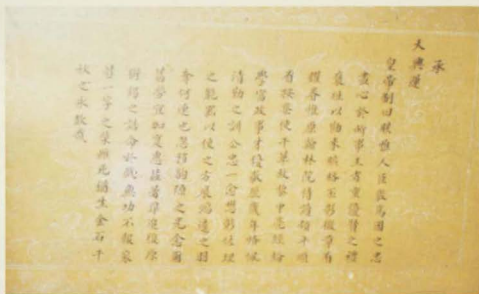


PTS. Trần Hữu Đình thay mặt Ban Tổ chức trình bày bằng tổng kết hội thảo.



NSUT. Tạ Hiền Minh thay mặt Ban Tổ chức tặng quà Cụ Lê Trung Nguyên - cháu nội Cử nhân Lê Trung Đình.

MỘT SỐ DI TÍCH VỀ LÊ TRUNG ĐÌNH & PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG NGÃI



Sắc do vua ban cho Lê Trung Lượng - thân sinh Lê Trung Đình. Cụ Lượng là một nhà khoa bảng, một viên quan nổi tiếng thanh liêm, chính trực.



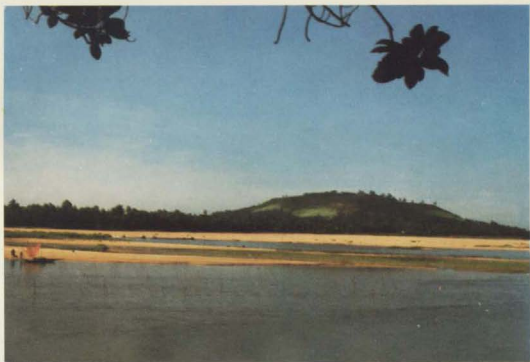
Gian thờ Nguyễn Duy Cung (tại xã Nghĩa Đông, Thị xã Quảng Ngãi), một người thầy của Lê Trung Đình, cũng là một chí sĩ Cần vương, tử tiết ở thành Bình Định, tác giả bài "Bình Thành cáo thị" nổi tiếng.



Núi Tuyền Tung - xã Bình An, huyện Bình Sơn - nơi được chọn làm căn cứ của nghĩa quân Cần vương do Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân lãnh đạo từ trước 1885.



Cổng thành Thọ An trong vùng núi Tuyền Tung - căn cứ của nghĩa quân Cần vương Quảng Ngãi trước 1885.



Bãi cát sông Trà Khúc - nơi Lê Trung Đình và các thủ lĩnh Cần vương làm lễ xuất quân đánh thành Quảng Ngãi.



Phần mộ Lê Trung Đình phía tây núi Thiên Ấn - xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.



Chân dung Phó bảng Nguyễn Bá Nghi - thân phụ Nguyễn Bá Loan - người từng cầm quân triều đình chống Pháp trong thời gian đầu giặc Pháp xâm lược nước ta.



Ngai thờ và bài vị Nguyễn Bá Loan (tại xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức) thủ lĩnh phong trào Cần vương Quảng Ngãi 1885 - 1894, một nhà lãnh đạo phong trào Duy tân và Cụ sưu khất thuế (1904 - 1908) ở Quảng Ngãi.



Chân dung Nguyễn Tấn Kỳ - một trong những thủ lĩnh của phong trào Cần vương Bình Sơn - Quảng Ngãi. Ảnh vẽ sau khi đi tu, hiện còn ở chùa Phước Sơn, thôn Châu Tử, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn.



Cầu Cháy - xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn - nơi từng xảy ra cuộc huyết chiến giữa quân Cần vương và quân triều đình bù nhìn do tên Việt gian Nguyễn Thân chỉ huy - sau 1885.



Núi Bàn Cờ (giữa ảnh) tương truyền là nơi Lê Trung Đình tế cáo trời đất trước khi xuất binh (1885). Cận cảnh là Bãi Trận, là nơi giao chiến quyết liệt của quân Cần vương Nam - Ngãi với quân Nguyễn Thân sau 1885.



Địa điểm Sở Thương chánh Pháp (nay thuộc xã Nghĩa An, Tư Nghĩa) nơi
nghĩa quân Cần vương của Thái Thú đã đánh chiếm và giết tên Chủ sự
Pháp Reynard 1894.



Bến sông Thu Xà (nay thuộc xã Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa) nơi thực dân
Pháp hành quyết Thái Thú 1894.



Trần tử đường ở làng An Hòa, nay thuộc xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, nơi thờ phụng Bình Tây đại tướng quân Trần Du.

GÓP PHẦN TÌM HIỂU PHONG TRÀO VĂN THÂN QUẢNG NGÃI VÀ CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH

Nhà giáo ưu tú
NGUYỄN ĐÌNH THẮNG
(Đại học tổng hợp Huế)

Muốn tìm hiểu phong trào Cần vương chống Pháp ở Quảng Ngãi, chúng ta cần liên hệ quá trình chống Pháp cứu nước trong phạm vi rộng để thấy rõ sự phát triển của phong trào và mối quan hệ mật thiết giữa các sĩ phu.

Trước khi đi vào tìm hiểu phong trào Cần vương của thời kỳ này, chúng ta hãy điểm lại quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của nhân dân Quảng Ngãi để làm rõ hơn những truyền thống quý báu của ông cha ta. Tùy theo từng thời kỳ mà trách nhiệm của các sĩ phu được thể hiện một cách khác nhau, nhưng đều thống nhất về một quan điểm "trung quân ái quốc" của đạo Nho. Lúc nước nhà độc lập tự chủ thì họ đứng về phía triều đình làm nhiệm vụ "kinh bang tế thế", mở rộng cõi bờ và chống lại những âm mưu thoán đoạt của bọn tặc tử gian thần, như trường hợp cha con Bùi Tá Hán đối với triều Lê, Nguyễn Tăng Long, Trương Đăng Đồ đối với Nguyễn Huệ. Khi một triều đại đã thực sự mục ruỗng, không còn tác dụng đối với dân với nước như triều Tây Sơn ở thời Nguyễn Quang Toản, thì họ lại góp phần vào việc lật đổ nó và hy vọng một triều đại mới tích cực hơn như trường hợp Lê Văn Duyệt,

Trương Đăng Quế... Khi đất nước bị xâm lăng thì họ đứng về phía triều đình chống giặc cứu nước như trường hợp cha con Trương Định và các phong trào Cần vương sau này. Khi triều đình đã đầu hàng giặc thì họ lại đứng về phía nhân dân chống cả thực dân và phong kiến như trường hợp Nguyễn Duy Cung¹, Nguyễn Tự Tân, Lê Trung Đình, Nguyễn Bá Loan v.v... Tư tưởng trung quân của các nhà nho chân chính bao giờ cũng sáng tỏ, rõ ràng. Họ phân biệt giữa mình chủ và hôn quân. Họ đứng về phía Hàm Nghi chống lại ông "vua xằng" Đồng Khánh. Nếu có phút giây lỗi lầm thì họ quyết tâm sửa chữa để đi theo con đường sáng, mà Lê Khiết là một trong những nhân vật điển hình của tư tưởng Nho gia. Không vì một thiên kiến nào mà chúng ta cố tình hiểu sai về những danh nhân tiêu biểu cho từng thời kỳ lịch sử.

Nói đến phong trào yêu nước chống Pháp của các sĩ phu Quảng Ngãi và cuộc khởi nghĩa năm 1885 của Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân là nói đến cả một quá trình trước và sau nó. Nếu chúng ta chỉ đóng khung trong phạm vi những năm 1883-1885 thì, chúng tôi tưởng không có gì để nói, vì những điều đáng nói, sách vở đã nói cả rồi, mặc dù nói chưa hết, thậm chí có chỗ nói sai.

Chúng ta đều biết, lấy cơ triều đình nhà Nguyễn cấm đạo Thiên chúa, trục xuất các giáo sĩ, nên năm 1841, sau

¹ Nguyễn Duy Cung, người làng Vạn Tượng, phủ Tư Nghĩa, đậu Cử nhân khoa Mậu thìn 1868 (Khoa ấy Nguyễn Tự Tân đậu tú tài) là thầy học của Lê Trung Đình. Sau khi làm Thương biện Nghĩa Đĩnh Sơn phòng rồi lãnh An sát Bình Định, ông tham gia phong trào Cần vương ở Bình Định, bị giặc bắt. Trong tù ông có bài hịch "Bình thành cao thủ nổi, tiếng gởi ra ngoài kêu gọi nhân dân chống Pháp. Ông bị xử chém ngày 1 tháng 7 năm Ất Dậu (12.6.1885) ở Bình Định.

khi Minh Mạng qua đời, Pháp đưa tàu chiến vào Đà Nẵng bắn hơn 60 phát đại bác rồi bỏ đi. Từ đó về sau Pháp và Y pha nhô đã 4 lần bắn phá cảng Đà Nẵng, bắn chìm tàu chiến của ta và đến năm 1858 thì chúng đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà. Cuộc kháng chiến anh dũng chống thực dân Pháp của dân tộc ta bắt đầu từ đó.

Cùng cần phải "mở ngoặc" để nói thêm rằng, việc triều đình ra lệnh trục xuất các giáo sĩ đạo Thiên chúa lúc bấy giờ theo chúng tôi là một chủ trương đúng. Chúng ta hãy bình tĩnh mà nhận xét một cách công bằng để thấy rõ cái đúng của họ và không bao giờ đồng nhất giữa những người thật sự tín ngưỡng với những tên gián điệp đội lốt thầy tu. Trong cuộc "tiến thoái lưỡng nan" của quân đội Pháp, vì ốm đau, chết chóc do thiên thời và thủy thổ bất hợp, tên tướng giặc De Laclause đã thốt lên rằng: "Nếu xem lại các điều mật báo của các cha cố về Đà Nẵng thì rõ là các cha cố ấy đã đánh lừa chúng ta. Họ là những tên nói láo, đồ hèn mạt!". Cùng trong một báo cáo gửi về Pháp, tên chỉ huy Rigau lại viết: "Chính phủ bị đánh lừa về bản chất của cuộc đi lấy nước An Nam. Người ta (tức cha cố) trình bày rằng, việc viễn chinh này chỉ là một việc dễ dàng thôi, nhỏ nhỏ thôi. Thực ra nó không dễ, cũng không nhỏ. Người ta lại báo cáo rằng quân đội không có gì. Sự thật thì quân đội chính quy rất đông, còn dân quân thì gồm tất cả những ai không ốm đau và không tàn tật". Chỉ cần bấy nhiêu dẫn chứng ấy thôi cũng đủ để cho chúng ta thấy rõ tội ác của chúng. Ngoài nhiệm vụ làm gián điệp ra, bọn chúng còn gây mất đoàn kết, chia rẽ lương giáo giữa đồng bào ta, gây ra cái cảnh "huynh đệ tương tàn".

Sau năm 1885, chúng mở một đợt tuyên truyền, rằng ta đánh "đạo" để dụ dỗ đồng bào Công giáo Trung Sơn, Trung Tín bỏ xứ ra đi. Chúng đưa tàu chiến vào cửa Thể Cần đón giáo dân, cả già trẻ gái trai, đưa ra Trà Kiệu (Quảng Nam). Trước tình cảnh ấy, ta đứng ra giải thích để giữ đồng bào lại, lập tức bị bọn chúng bắn giết. Những người hy sinh trong trận này có ông Tú Đàm Thanh¹⁾, một trong những nhà lãnh đạo của phong trào. Những người cuồng tin nghe theo bọn chúng phải chịu cái cảnh đói khổ, sau gần hai năm mới lần về xứ.

Hướng ứng phong trào chống Pháp đến cùng mà người cầm đầu phe chủ chiến là Trương Đăng Quế (ông đã làm Thượng thư bộ Binh từ thời Minh Mạng, là người có ý kiến đề nghị triều đình trục xuất các giáo sĩ, là Cố mệnh Lương thân cả hai triều Thiệu Trị và Tự Đức, là người có uy tín nhất đối với sĩ phu trong cả nước) ngay từ buổi đầu các sĩ phu, bao gồm cả quan lại tại chức, hưu trí, các nhà khoa bảng, các vị túc nho, kể cả hệ thống tổng lý hương thân ở các làng xã đều đứng về phía triều đình cương quyết chống giặc. Họ hô hào dân chúng những ai "không ốm đau tàn tật" đều gia nhập các đội nghĩa binh để phối hợp cùng quân chính quy của triều đình chống giặc, cứu nước. Nếu giặc Pháp lúc bấy giờ có binh hùng, tướng mạnh gấp trăm lần của ta thì nhân dân ta có tinh thần anh dũng chiến đấu ngoan cường gấp ngàn lần của địch. Tinh thần chiến đấu ấy được De Laclause ghi lại trong một bức thư gửi về Pháp như sau: "Chúng ta đốt sạch sành sanh làm thiệt hại

¹⁾ Ông Đàm Thanh, người thôn: Nam Yên, tổng Bình Diên, Bình Sơn (nay thuộc xã Bình Hòa) huyện Tú lải, tham gia phong trào Văn thân.

cho họ vô kể. Ấy thế mà họ không sợ, họ cũng không chịu điều đình... Nếu chiến tranh mà tiếp tục theo kiểu này thì nó sẽ kéo dài hàng trăm năm".

Theo chúng tôi hiểu, phong trào Văn thân Quảng Ngãi nếu không được tổ chức sớm hơn thì cũng hình thành từ những năm bảy mươi của thế kỷ XIX, lúc mà cả Nam kỳ đã rơi vào tay giặc, lúc mà bọn Pháp có ý đồ lược định các tỉnh miền Trung, chuẩn bị lấy kinh thành Huế, lúc mà nhà yêu nước Nguyễn Thông¹ từ Bình Thuận về Huế nhận chức Bố chánh Quảng Ngãi, lúc mà Nguyễn Duy Cung và Nguyễn Tự Tân cùng đồ cử nhân và tú tài từ trường thi Bình Định trở về.

Trong những năm làm Bố chánh, Nguyễn Thông có nhiều công lớn đối với nhân dân Quảng Ngãi. Điều đó được ghi trong quyển sổ con của ông về những bài ký, bài thư khuyến nông và chấn hưng thủy lợi. Ông giao du với các nhà khoa bảng, xướng họa với Tùng Đường Đỗ Đăng Đệ, với ông Cử Phạm Thục và các ông Tú tài Trần Bá, Đinh Văn Kim người Trà Bình Trại, đặc biệt là lòng kính trọng của ông đối với ông già Bình Trang, thân sinh nhà yêu nước Nguyễn Tự Tân. Các sĩ phu Quảng Ngãi hiểu rõ tấm lòng vàng của ông qua bài "Lãnh binh Trương Định truyện". Nó là chất keo gắn với phong trào Văn thân Quảng Ngãi.

Có người nói về Nguyễn Tự Tân rằng: "Đất nước suy vong, ông chán ngán với đường danh lợi, không thềm ra làm quan mà ở nhà dạy học, làm ruộng..." Điều đó có thể đúng với những nhà nho khác, còn đối với ông, có khi chỉ

¹ : Nguyễn Thông, xem chú thích ở Tập chí Cẩm thành số 1.

đúng một nửa. Hình như đã có sự phân công, trước và sau khi đậu tú tài, Nguyễn Tự Tân không làm nghề dạy học. Ông đón thầy về nhà dạy cho con mình, còn ông thì đi giao du khắp nơi. Ông kết bạn với Phan Văn Bình, Phan Bá Phiến¹, gặp Nguyễn Tạo đang giữ chức Sơn phòng sứ Quảng Nam. Ông mở trại lập điền trang ở Tuyên Tung và liên hệ với sơn phòng Quảng Ngãi. Từ một trại sản xuất nông nghiệp dự trữ quân lương, tiến dần thành cơ sở sản xuất vũ khí. Ông cho người ra Quảng Nam học nghề luyện sắt khai quặng. Hiện nay ở địa hạt xã Bình Khương (Bình Sơn) còn có một vùng tục danh là Lò Thổi. Đó là trại khai quặng luyện sắt của nghĩa binh.

Nguyễn Duy Cung sau khi đỗ cử nhân về lại mở trường dạy học. Trong quá trình rèn cặp môn sinh, ông phát hiện được tài năng mẫn tuệ của Lê Trung Đình từ thời anh ta còn để chỏm. Thời gian ông ra làm Thương biện Nghĩa-Định sơn phòng cũng là lúc ông tạo điều kiện cho Lê Trung Đình gần gũi Nguyễn Tự Tân và tiếp xúc với các yếu nhân trong Nghĩa hội. "Vì lợi ích trăm năm trông người", Nguyễn Duy Cung và Nguyễn Tự Tân muốn cho Lê Trung Đình trở thành người lãnh đạo phong trào phải xuất thân bằng con đường khoa cử.

Có tài liệu ghi rằng: "Năm 17 tuổi Lê Trung Đình ra

¹ : Phan Văn Bình, người làng Tây Lộc, huyện Hà Đông, nay thuộc Tam Kỳ, Quảng Nam, làm Chuyển vận sứ trong phong trào Cần vương ở Quảng Nam, là thân phụ của nhà yêu nước Phan Châu Trinh.

- Phan Bá Phiến, người làng Tân Lộc, huyện Hà Đông (nay thuộc huyện Núi Thành) đậu Cử nhân khoa Mậu ngọ (1859), làm Tri huyện Phù Cát (Bình Định). Sau khi Pháp chiếm Trung kỳ, ông cùng Trần Dư, Nguyễn Duy Hiệu liên hệ mật thiết với phong trào yêu nước Quảng Ngãi.

dự thi khoa Kỷ mao (1879) bị hỏng. Năm 20 tuổi đỗ cử nhân và đi thi hội(?). Lần thứ hai ra ứng thí, ông quyết giành thủ khoa, cả sĩ tử ai cũng nhường tài và từ lâu chánh chủ khảo đã từng nghe tiếng thông minh xuất sắc của ông Đình, nhưng đến lúc treo榜 thì ông Đình chỉ đậu cử nhân thứ nhì(?), vì ông đã viết thoát ra khỏi khuôn khổ văn phạm(!)...

Xin cho phép tôi được miễn tranh luận ở điểm này. Tôi chỉ nêu lên sự thực. Có lẽ ở đây người ta nhầm Lê Trung Đình với Lê Tự Khiết chăng ? Khoa Nhâm ngo (1882) Lê Tự Khiết đỗ cử nhân, Lê Trung Đình bị hỏng. Lúc bấy giờ thời cuộc đã chuyển biến theo chiều hướng xấu. Sau khi Tự Đức chết, nội bộ hoàng tộc cắn xé lẫn nhau. Ba viên phụ chính đại thần thì mỗi người mỗi phách. Cái cảnh triều đình hỗn loạn "bốn tháng ba vua" khiến cho ông chán ngán. Nếu không có sự động viên của gia đình, của thầy học, của bạn bè, nhất là những người trong Nghĩa hội thì có lẽ ông bỏ thi từ đó. Nhưng trách nhiệm đối với phong trào, để đáp lại lòng tin yêu của người chiến hữu "vong niên" Nguyễn Tự Tân, buộc ông phải ra thi lần nữa. Học giỏi là một việc còn chiếm bằng khô nguyên là một việc khác. Theo "Hương khoa lục" triều Nguyễn thì trong số 5 ông cử nhân quê ở Quảng Ngãi đỗ khoa Giáp thân (1884) ở trường Bình Định, thì Phạm Văn Chất đậu thủ khoa, Lê Trung Đình được xếp thứ 5 sau 3 ông cử khác. Trong danh sách thi hội khoa này không có tên Lê Trung Đình. Người ta thường quan niệm học giỏi, đỗ đạt và ra làm quan phải gắn liền với nhau như một bộ ba khếp kín. Rồi họ cũng nói: "Lê Trung Đình học giỏi nhưng không ra làm quan". Chúng tôi nghĩ rằng việc ra

làm quan hay không của các nhà khoa bảng là một việc bình thường, nhưng trong trường hợp đặc biệt nào đó, cũng có người vẫn giữ "độc thiện kỳ thân", còn phần lớn thì đều "kiêm thiện thiên hạ". Các nhà nho chân chính không khước từ việc ra làm quan, nhưng làm quan cho ai, làm quan để làm gì, làm quan trong thời buổi nào, mới là điều đáng nói. Hầu hết các nhà lãnh đạo phong trào Cần vương đều xuất thân từ khoa hoạn như Nguyễn Duy Hiệu, Trần Dư, Nguyễn Duy Cung, Nguyễn Tạo... cho đến cả Phan Đình Phùng, Tôn Thất Thuyết nữa. Lê Trung Đình là trường hợp ngoại lệ.

Dựa vào số quan lại và nhân sĩ có tinh thần yêu nước chống ngoại xâm, Tôn Thất Thuyết đã phế truất những ông vua bạc nhược sợ Tây (Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc) và đưa Hàm Nghi lên ngôi. Ngày 5.7.1885 (23 tháng 5 âm lịch), Tôn Thất Thuyết đưa quân đội nhà vua tấn công Toà khâm và các nơi đóng quân khác của Pháp trên thành phố Huế nhưng bị thất bại, nên ông phải đưa Hàm Nghi ra sơn phòng Quảng Trị. Về việc này sách *Lịch sử Việt Nam* tập II viết: "Ngày 13.7.1885 (1 tháng 6 Ất Dậu) từ sơn phòng Quảng Trị, Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương, hô hào nhân dân ra sức phò vua giúp nước..." Còn Bùi Đình trong *Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi* lại viết: "Ngày 1.6 Ất Dậu (13.7.1885), các ông Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Võ Hội(!?) đã kéo lực lượng về tỉnh thành..." Chúng tôi nghĩ rằng, phương tiện thông tin thời ấy chủ yếu là ngựa trạm, mà Hàm Nghi lại ở sơn phòng Quảng Trị thì làm sao báo tin nhanh như thế được! Có lẽ khi chuẩn bị khởi sự ở kinh thành Huế, Tôn Thất Thuyết đã khởi thảo chiếu Cần vương bí mật gửi đi các nơi

rời và lấy ngày 1.6 Ất Dậu là ngày đồng khởi, nếu tình hình ở Huế gặp khó khăn không thuận lợi.

Ông Năm Cưu⁽¹⁾, người theo hầu mang traps cho ông Nguyễn Tự Tân từ đầu đến cuối, kể lại rằng, khi Nguyễn Thân từ sơn phòng kéo quân cơ về thì mọi việc trong thành đã yên ổn cả rồi. Nguyễn Thân cho quân đóng ở khu vực đình Chánh Lộ. Nghe nói Nguyễn Thân kéo quân về, Lê Trung Đình và Nguyễn Tự Tân vội vàng ra chào đón để cùng y chuẩn bị thành lập chính quyền. Nhưng khi ra đến nơi thì cả hai đều bị bắt. Hôm ấy đúng vào ngày 5 tháng 6, Ất Dậu (17.7.1885). Y giết Nguyễn Tự Tân ngay hôm đó và truyền đem đầu ông bêu ba ngày ở cửa Bắc. Sau khi bị chém, thi hài của ông được đưa về quê trước. Ba hôm sau, bà Huệ, vợ ba của ông mới được phép mang đầu ông về. Đó là sự thực. Nếu chúng ta nói ông tử trận như sách vở đã ghi thì vô tình chúng ta đã "mở trời" cho Nguyễn Thân. Nguyễn Thân đã thừa hiểu rằng Nguyễn Duy Cung, Nguyễn Tự Tân mới là đối thủ đáng gờm của mình nên phải trừ hậu họa. Giết Nguyễn Tự Tân là để uy hiếp tinh thần của Lê Trung Đình, Nguyễn Bá Loan và các yếu nhân khác. Y đâu có ngờ, rằng chính y đã đổ thêm dầu vào lửa.

Việc Nguyễn Thân cho Lê Tự Khiết vào nhà giam dụ dỗ Lê Trung Đình là có thật. Nói nghiệp nghề quan võ nhờ tiếng tăm của cha, ít được học hành lại mang đầu óc địa vị, đã tự khai trừ mình khỏi hàng ngũ các sĩ phu để trở thành một tên phản bội, Nguyễn Thân còn đánh giá sai khí tiết của các nhà nho, lòng trung thành tuyệt đối của các chí sĩ.

¹ : Năm Cưu, tức Nguyễn Cưu, người thôn Phước Thọ, xã Trung Sơn gọi Nguyễn Tự Tân bằng chú, cha ông là anh em cùng mẹ khác cha với Nguyễn Tự Tân, từ thuở bé đã theo làm liều đồng cho Nguyễn Tự Tân.

Trong khi bị giam cầm, Lê Trung Đình vẫn ung dung tự tại và luôn nghĩ đến "vận nước gặp ghênh". Lê Tựu Khiết không cảm được nước mắt khi đọc bốn câu thơ tuyệt mệnh của ông:

*Kim nhật lung trung diêu,
Minh triều trở thượng ngư.
Thử thân hà túc tích,
Xả tắc ai kỳ khu !*

(LTD)

*Hôm nay chìm trong lồng,
Ngày mai cá trên thớt.
Thân này đâu có tiếc,
Thương vận nước gặp ghênh!*

(NDT)

Bốn câu thơ trên đã làm cho ông An Ba "sáng mắt sáng lòng", quyết tâm "cải tà quy chính" ngay từ thời đó.

Trong *Việt Nam vong quốc sử*, Phan Bội Châu viết: "Nguyễn Duy Hiệu, Phan Ba Phiến quê ở Quảng Nam, huyết chiến với quân đội Pháp trong ba năm, người Pháp chưa tìm được cách gì đánh bại. Gặp lúc Nguyễn Thân, vốn là người Nghĩa hội, sau phản bội đầu hàng Pháp rồi trở thành tên đầu sỏ phường nô lệ... Chỗ nào Hiệu và Phiến đóng quân, Thân cũng ra sức theo tìm... Hiệu, Phiến liệu chừng chắc thua, rồi tất cả đảng nhân trong ba tỉnh (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định) ắt bị Pháp bắn giết hết. Hiệu bàn với Phiến rằng: "Nghĩa hội trong ba tỉnh chỉ ông và tôi thật cầm đầu. Việc đã không thành thì chỉ có chết mà thôi. Nhưng chúng ta cùng chết một lúc là vô ích.

Vậy ông nên chết trước, còn tôi sẽ đem thân cho Pháp bắt. Khi người Pháp hỏi, tôi sẽ hết sức giải thoát cho đảng. Một mình tôi chết thì không đủ tiếc. Còn đảng ta ngày sau có kẻ làm thành chí ta, tức là ta sống vậy". Phiến khẳng khái bằng lòng, bèn mang đai mù quay về phía bắc lạy năm lạy rồi ngoảnh lại phía Hiệu kính cẩn lạy và nói: "Ông hãy gắng sức, tôi xin đi..."

Qua đó, chúng ta thấy, ngay từ khi phong trào mới được gây dựng, Nghĩa hội ba tỉnh đã có mối liên hệ mật thiết. Bùi Điền⁽¹⁾ hoạt động trong phong trào Nghĩa hội Bình Định; Tôn Tường⁽²⁾ và Nguyễn Tấn Kỳ⁽³⁾ thường xuyên liên hệ với sơn phòng Quảng Nam, với Trần Dư và sau này là Nguyễn Duy Hiệu và Phan Bá Phiến. Nghĩa hội Nam - Ngãi những lần gặp nhau ở An Thiện⁽⁴⁾ đều có mặt Nguyễn Thân. Sau khi Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân từ

¹ : Bùi Điền, người Quảng Ngãi, cùng Mai Xuân Thưởng (Bình Định) võ trang khởi nghĩa chống Pháp trên khắp các địa bàn Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận. Ông bị giết cùng với Mai Xuân Thưởng.

² : Tôn Tường, người làng Đông Dương (Bình Sơn) nay thuộc xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh, hoạt động phong trào Cần vương Quảng Ngãi. Sau khi Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân chết, ông chuyển ra hoạt động ở Quảng Nam, được Nguyễn Duy Hiệu giao trách nhiệm đưa nghĩa binh Quảng Nam vào tiếp ứng cho Nguyễn Bá Loan đánh Nguyễn Thân ở Quảng Ngãi. Ông hy sinh trong trận đánh ở Cầu Cháy.

³ : Nguyễn Tấn Kỳ, người làng Châu Tử, tổng Bình Thượng nay thuộc xã Bình Nguyên (Bình Sơn), cùng với Nguyễn Tự Tân xây dựng chiến khu Tuyền Tung. Ông là người tổ chức địa điểm gặp nhau giữa hai nghĩa hội Quảng Nam và Quảng Ngãi ở An Thiện.

⁴ : An Thiện, một làng sát chân núi Đá Rắn gần Ao Vương thuộc huyện Hà Đông, nay thuộc xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành (Quảng Nam) cách Dốc Sỏi chừng 10 cây số về phía tây bắc.

tiết, Nguyễn Duy Hiệu đã phái Tôn Tường, Trần Hoàn và Nguyễn Tấn Kỳ đem quân vào hỏi tội Nguyễn Thân. Hai bên đánh nhau ở Liên Trì, huyện lỵ Bình Sơn lúc bấy giờ, Trần Hoàn và Tôn Tường hy sinh. Nguyễn Tấn Kỳ phải tạm thời lên chùa Hang lánh nạn.

Phát huy truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc ta, phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi trải qua 60 năm, kể từ cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân đến cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một chuỗi thời gian liên tục. Tre già măng mọc, lớp trước ngã lớp sau kế tiếp đứng lên. Sự thất bại của lớp trước là những bài học quý báu cho những lớp sau. Trong phạm vi của một bản báo cáo khoa học xin cho phép tôi dừng lại ở đây. Phần còn lại xin trình bày vào dịp khác.

Tháng 12 năm 1995.

CUỘC KHỞI NGHĨA CẦN VƯƠNG DO LÊ TRUNG ĐÌNH LÃNH ĐẠO TRONG PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CUỐI THẾ KỶ XIX

TRẦN VĂN THẬN
(Nguyên Hiệu phó ĐHSP Qui Nhơn)

Phong trào Cần vương là phong trào đấu tranh vô trang chống Pháp cứu nước rộng lớn bao gồm hầu hết các tỉnh từ Thanh Hóa đến Bình Thuận (phần đất gọi là Trung kỳ, về danh nghĩa còn thuộc triều đình Huế sau năm 1882). Nhưng đã gọi là Cần vương thì chỉ có thể tính từ ngày vua Hàm Nghi xuất bôn ban chiếu Cần vương (5.7.1885), các cuộc khởi nghĩa vô trang lớn nhỏ nổ ra hưởng ứng chiếu Cần vương với mục đích đánh lại quân xâm lược Pháp và tay sai ngụy triều để bảo vệ ngôi báu cho triều Nguyễn theo tư tưởng "trung quân ái quốc" của Nho giáo cho đến khi phong trào ấy hoàn toàn tan rã, sau dự định khởi nghĩa vào rằm tháng tư năm Canh tý (1900) nhưng thất bại ngay từ đầu. Cuộc đấu tranh cứu nước của nhân dân ta vẫn tiếp tục, nhưng không phải theo tư tưởng "trung quân ái quốc" theo ngọn cờ Cần vương như cũ. Phong trào Cần vương với hình thức đấu tranh vô trang kéo dài 15 năm ấy có thể xem là bước nối tiếp tất yếu ở mức độ quyết liệt và cũng là bộ phận đấu tranh vô trang nằm trong phong trào cứu nước chung được gọi là Nghĩa hội cứu quốc (tên gọi có thể khác nhau tùy từng địa phương

và từng thời kỳ) được hình thành từ sau khi thực dân Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền đông Nam bộ 1861 và phát triển rộng khắp, mạnh mẽ, có tổ chức, có sức mạnh, tạo cơ sở cho cuộc đấu tranh vũ trang ở các tỉnh Trung kỳ nói chung và các tỉnh miền nam Trung kỳ nói riêng từ năm 1885 về sau. Vì thế, nói đến phong trào Cần vương mà không nói đến Nghĩa hội là chưa nói đến nguồn gốc sức mạnh của phong trào và cũng không thấy hết toàn cảnh của phong trào (giới hạn từ Quảng Nam đến Bình Thuận) và vai trò của Quảng Ngãi trong phong trào đấu tranh cứu nước kéo dài trong 4 thập kỷ từ 1861 đến 1900 đầy đau thương nhưng cũng đầy hào hùng trong lịch sử dân tộc.

I. NGHĨA HỘI CỨU QUỐC (1861-1900):

Thực dân Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền đông rồi ba tỉnh miền tây Nam kỳ. Triều đình Huế thất bại liên tiếp, buộc phải ký nhường ba tỉnh miền đông, rồi ba tỉnh miền tây Nam kỳ cho thực dân Pháp. Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Nam bộ, nổi tiếng nhất là cuộc khởi nghĩa do các ông Trương Định ở Gò Công, Nguyễn Trung Trực ở Tân An... đã nổ ra. "Quốc gia hữu sự, sĩ phu hữu trách", các sĩ phu trong cả nước đều lên tiếng, tiêu biểu là các nhân sĩ trí thức Nghệ Tĩnh tự tổ chức nghĩa quân kéo vào chi viện cho nhân dân phía nam kháng chiến. "Nghĩa hội cứu quốc" xuất hiện đầu tiên ở Nam kỳ, sau đó lan ra toàn quốc, có tỉnh có, có tỉnh không và mạnh yếu ở từng tỉnh khác nhau. Nhưng Nghĩa hội được hình thành từ đây, không phải mãi đến khi vua Hàm Nghi lên ngôi, phe chủ chiến đã tổ chức ra "Nghĩa hội". Phong trào lúc đầu là tự phát từ chính lòng yêu nước của nhân dân do các sĩ phu lãnh đạo, chứ

không phải do "phe chủ chiến" trong triều đình Huế chủ trương như Bùi Định đã viết⁽¹⁾. Nghĩa hội có những tên gọi khác nhau tùy từng nơi và từng thời kỳ nhưng có thể chia ra làm 3 thời kỳ:

1. Thời kỳ bột phát (1861-1883):

Đây là thời kỳ phong trào hình thành một cách tự phát nhằm kịp ứng phó với mọi diễn biến của tình hình, chủ yếu tập trung ở các tỉnh Nam kỳ. Đó là hội của các thân hào nho sĩ ở từng địa phương đứng ra tổ chức. Các đội nghĩa quân vừa sắp xếp đội ngũ, bố trí chỉ huy, vừa tự lo lương thực, vũ khí để lúc đầu cùng phối hợp với quân triều đình chống Pháp, khi triều đình đã ký thỏa ước đầu hàng, thì tự tổ chức chiến đấu, ngăn chặn không cho địch đến địa phương mình, tiêu diệt lực lượng địch để giữ lấy xóm làng và hầu hết được gọi là Nghĩa hội Bình Tây. Nghĩa hội Bình Tây đã theo chân các sĩ phu Nam kỳ ra đến Bình, Ninh Thuận của Trung kỳ - nơi được xem là miền tỵ địa của các nhân sĩ Nam kỳ không cam lòng sống trên mảnh đất đã bị giặc chiếm.

Do tác động từ phong trào chi viện của các nhân sĩ Nghệ Tĩnh và Nghĩa hội Bình Tây của các nhân sĩ Nam kỳ, một số tỉnh miền nam Trung kỳ lần lượt thành lập Nghĩa hội, có nơi gọi là Bảo nghĩa Kiến nghiệp hội, hoặc Bảo nghĩa hội với hoạt động chủ yếu là biểu lộ ý chí thống nhất, hướng về triều đình Huế, quyết tâm chống Pháp xâm lược qua các sứ tấu đề đạt các kế sách và vận động quyền

⁽¹⁾ Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi 1885-1945 - Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng và Sở VH-TT Nghĩa Bình, xuất bản 1985 trang 20.

góp tiền bạc, lương thực, khí giới giúp quân triều đình. Thái độ của triều đình Huế là không ngăn cản nhưng cũng không khuyến khích. vì bản thân triều đình việc đấu tranh giữa "chiến và hòa" vẫn chưa ra lẽ.

2. Thời kỳ hưng thịnh (1863-1888):

Thực dân Pháp đánh Bắc kỳ 1877 rồi 1882, các tổng đốc Nguyễn Tri Phương rồi Hoàng Diệu đều tử tiết với thành , càng tạo nên không khí vừa hoảng loạn vừa phản uất của các sĩ phu. Nhưng nhất là khi Tự Đức qua đời (1883), triều đình càng rối ren cực độ, thì cái cảnh "tứ nguyệt tam vương" mới cho các sĩ phu thấy rõ là triều đình Huế không còn là chỗ dựa cho sự nghiệp cứu nước được nữa. Thực dân Pháp lại tiếp tục uy hiếp, chính sách chinh phục "khuân từng gói nhỏ" (*système de conquête par petits paquets*) càng bộc lộ rõ. Trung kỳ - mảnh đất còn lại về danh nghĩa - đang bị đe dọa. Thế là không còn mong gì "chục lại" miền đã mất mà nguy cơ cả đất nước rơi vào tay giặc đã quá rõ. Sĩ phu ở mỗi tỉnh cảm thấy không thể chần chừ được nữa, tự đứng ra tập hợp nhau, nơi chưa thành lập thì thành lập, nơi đã thành lập thì củng cố, chuyển tên Hội và định ra kế hoạch hoạt động một cách khẩn trương và đều khắp, khác hẳn trước kia. Riêng các tỉnh miền nam Trung kỳ, tỉnh nào cũng tổ chức Hội và hầu hết lấy tên là Bình Tây Bảo quốc đoàn. Hội vừa là tổ chức hỗ trợ cho chính quyền phong kiến và quân đội triều đình đóng ở địa phương, cùng quan hệ bàn bạc, cùng tuân thủ mệnh lệnh của triều đình, vừa là một tổ chức độc lập như một chính quyền thứ hai, chi phối mọi hoạt động trong địa phương, tập trung vào việc huy động mọi nhân tài vật lực vào cuộc kháng chiến cứu nước. Hội cử ra ban

lãnh đạo toàn tỉnh và chia làm 2 ban:

Văn ban lo việc quyên góp, vận động, giấy tờ sổ sách, quan hệ trong nội bộ hội, quan hệ với chính quyền, quân đội của triều đình trong tỉnh và quan hệ với các hội các tỉnh xung quanh.

Vô ban chia làm 2 lực lượng:

- Hương binh: được tổ chức theo từng thôn xã. Mỗi thôn xã có một đội chuyên lo việc canh phòng, giữ gìn trật tự trị an, xử trí bọn Việt gian làm ma tà, gián điệp cho địch và chiến đấu bảo vệ xóm làng.

- Đoàn kiệt: gần như quân đội tập trung, bao gồm những người khỏe mạnh, có võ nghệ, sống tập trung, phiên chế theo đội ngũ và thường do các vị cử nhân võ chỉ huy, gọi là chánh, phó quản binh. Đoàn kiệt chỉ chuyên tập luyện, xây dựng phòng tuyến và sẵn sàng đánh địch bất cứ đâu và có căn cứ riêng để dễ bề tiến thoái.

Tuy chưa đi đến thống nhất lực lượng toàn miền, nhưng giữa các Nghĩa hội thường liên lạc chặt chẽ với nhau trong việc trao đổi kinh nghiệm về tổ chức, về xây dựng căn cứ địa và hỗ trợ, thanh viện nhau khi cần thiết. Mạnh nhất là Nghĩa hội Ninh, Bình Thuận, mảnh đất có nhiều nhân sĩ Nam kỳ lánh nạn, có phong trào từ nhiều năm trước, có cả nông trại sản xuất lương thực ở xứ Đồng Châu, có cả hội "Nam - Trung nghĩa sĩ", tập trung những người tài giỏi, có tâm huyết trong vùng và do Trịnh Phong làm Hội trưởng. Quảng Ngãi do Lê Trung Đình, Bình Định do Đào Doãn Địch làm Hội trưởng cũng là Nghĩa hội mạnh. Khi thực dân Pháp đánh chiếm Thuận An và buộc triều đình Huế ký hiệp ước Patơnốt (1884) đầu hàng,

phong trào Hội lên mạnh, các hoạt động càng khẩn trương hơn nhưng còn lúng túng, chờ thái độ của triều đình. Đến khi vua Hàm Nghi xuất bôn 23.5 Ất Dậu và có chiếu kêu gọi Cần vương thì hội Quảng Ngãi là hội có sẵn sàng lương thực, kéo cờ phướn nghĩa Cần vương sau đó 7 ngày và sớm nhất trong miền. Nghĩa hội chuyển thành Bình Tây Cứu quốc ngay trong ngày hội quân, tổ chức ở bãi sông Trà Khúc ngày 1.6 Ất Dậu (5.7.1885) trước khi chiếm thành Quảng Ngãi, và lần lượt các tỉnh khác cũng khởi nghĩa Cần vương và chuyển tên hội.

Nhưng như chúng ta đã biết, thực dân Pháp xảo quyệt đưa Ưng Kỳ 14 tuổi (anh ruột Ưng Lịch, 12 tuổi tức vua Hàm Nghi) lên ngôi, đặt niên hiệu Đồng Khánh tại Trung kỳ, gây nên cái cảnh ngược đời như một câu về thời đó đã viết:

*Trời Nam gặp buổi cơ cần
Ở giữa Đồng Khánh, hai đầu Hàm Nghi...*

"Ở giữa" là Đồng Khánh và triều đình do thực dân Pháp đặt ra và chỉ đạo đánh dẹp "hai đầu" theo kế hoạch của chúng. Còn "hai đầu" tức phía bắc, phía nam Trung kỳ đã có thời kỳ dài ngắn khác nhau đều do lực lượng Cần vương tước vũ khí của chính quyền, quân đội thuộc triều đình Huế và hội làm chủ. Một cuộc đấu tranh tư tưởng dữ dội diễn ra trong hàng ngũ sĩ phu. Lý tưởng "trung quân ái quốc" được đặt trong hoàn cảnh ấy rất khó xử. Trung với vua nhưng vua nào? Vua nào cũng là dòng dõi nhà Nguyễn, họ lại là anh em ruột nữa kia ! Tắc ty từ chữ "trung quân" làm mờ nốt hai chữ "ái quốc". Một số không ít trong hàng ngũ sĩ phu từ lúng túng đi đến tạm dừng hoạt động, chờ xem. Tình hình đó làm giảm đi thế và lực của Nghĩa hội

và phong trào Cần vương. Nhưng chỗ đáng sợ hơn là bằng việc duy trì triều đình Huế với một ông vua bù nhìn như thế tự nhiên đặt các cuộc khởi nghĩa Cần vương cứu nước vào vị trí của quân phiến loạn và tạo cơ hội cho bọn bán nước mượn cớ bảo vệ ngôi báu của triều Nguyễn, tiến hành tàn sát phong trào yêu nước của nhân dân, thực hiện đúng âm mưu dùng "người Việt tiêu diệt người Việt" của chúng. Tuy thế, trong số lớn sĩ phu các tỉnh - trong đó có sĩ phu Quảng Ngãi từng chiêm nghiệm qua hy sinh của bà con, họ hàng trong cuộc khởi nghĩa Trương Định ở Nam bộ trước kia - tư tưởng "ái quốc" đã thắng hân và không ngần ngại "đánh cả triều đình lẫn Tây". Nghĩa hội càng đi vào hoạt động sôi nổi, khẩn trương, thiết thực nhất.

Thực dân Pháp thấy rõ là triều đình Huế không phải là đối thủ đáng lo ngại, mà là phong trào yêu nước do các văn thân lãnh đạo. Do đó, từ trước thực dân Pháp dựa vào điều ước đầu hàng của hiệp ước Patenôt buộc triều đình Huế phải giải giáp quân đội, giao nộp vũ khí, ra lệnh cho quan lại các cấp phải tuân thủ triều đình thực hiện mọi mệnh lệnh của Pháp. Tuy triều đình Huế (chủ yếu là Tôn Thất Thuyết) tìm mọi cách trì hoãn việc thi hành hiệp định, còn ngầm ra chỉ thị cho chính quyền và quân đội các tỉnh và quân sơn phòng phối hợp với Nghĩa hội tổ chức lực lượng và chờ mệnh lệnh, nhưng quan lại chần chừ chưa biết ngả về đâu, việc phối hợp với Nghĩa hội cũng gượng ép, trễ tràng và dần dần cả chính quyền phong kiến địa phương lẫn lực lượng quân đội đều bị vô hiệu hóa. Về phần Nghĩa hội cũng cảm thấy chưa biết hành động ra sao thì khi được tin vua Hàm Nghi xuất bôn hạ chiếu Cần vương, Nghĩa hội dựa vào hịch Cần vương - nhất là dựa vào tình

thần yêu nước không đội trời chung với quân xâm lược của nhân dân ta. Nghĩa hội phát cao cờ Cần vương, kéo đến buộc chính quyền và quân đội ở các tỉnh thành trao chính quyền cùng chiến đấu dưới ngọn cờ Cần vương chung, nơi nào không nghe Nghĩa hội phải bằng lực lượng vũ trang của mình chủ động giành lấy chính quyền, thành trì để làm cơ sở chuẩn bị cho chiến đấu lâu dài. Sau cuộc khởi nghĩa Cần vương ở Quảng Ngãi do Lê Trung Đình lãnh đạo, là cuộc khởi nghĩa ở Bình Định do Mai Xuân Thưởng chỉ huy, ở Quảng Nam lúc đầu do Trần Văn Dụ (nguyên là Chánh sứ phủ Sơn phòng), sau do Nguyễn Duy Hiệu chỉ huy. Tiếp theo nữa, ở Phú Yên do Tú tài Lê Thành Phương và Bùi Giảng chỉ huy, ở Khánh Hòa do Trịnh Phong chỉ huy lần lượt nổi lên.

Tiếp sau cuộc khởi nghĩa Cần vương ở Quảng Ngãi là cuộc khởi nghĩa ở Bình Định do Mai Xuân Thưởng lãnh đạo cũng đánh chiếm được thành. Tên Tổng đốc Lê Bá Thân phải bỏ chạy. Quân Pháp do Dumas chỉ huy tiến lên chiếm lại thành, Nguyễn Duy Cung sa vào tay giặc. Quân Cần vương phải lui về Phú Phong (Tây Sơn) và phía đông huyện Tuy Phước, đắp lũy Trường Úc để cầm cự với giặc. Về sau, Nguyễn Thân đưa quân vào và được Pháp hỗ trợ tiến đánh, phong trào Cần vương Bình Định mới bị tiêu diệt.

Ở Phú Yên có khó khăn hơn, nghĩa quân không chiếm được thành, phải dựa vào rừng núi để chiến đấu lâu dài cho đến năm 1900, Võ Trứ chuẩn bị khởi nghĩa (cuộc khởi nghĩa Cần vương cuối cùng ở miền nam Trung bộ) nhưng thất bại.

Ở Ninh, Bình Thuận lực lượng Nghĩa hội được hình

thành và vững mạnh từ ngày các văn thân Nam bộ ra tỵ nạn, dưới sự chỉ huy của Nguyễn Hữu Cầu tiến vào chiếm lĩnh thành trì tương đối thuận lợi. Tên Võ Đoàn Tuấn - Tuấn vũ Ninh, Bình Thuận - bị đuổi chạy tơi bời đến mức phải than rằng "Bây giờ tôi không còn gì ráo, ấn tín đều không...". Nhà sử học Pháp Fournier sau này nhận định: "Trên đại thể tại Ninh, Bình Thuận cũng như Khánh Hòa, lực lượng Cần vương nắm chính quyền trong suốt mùa xuân năm 1886".

Ở Khánh Hòa, nghĩa quân chiếm lĩnh thành trì, quan lại bỏ chạy, một đại đội lê dương do Đại úy Chasche kéo đến đóng ở Hòn Khôi từ ngày 25.11.1885 tìm cách giành lại thành trì nhưng không được, đến tháng 5.1886 phải rút đi như có tài liệu đã ghi "bị cô lập, mất tác dụng nên rút"⁽¹⁾. Báo cáo của tên công sứ Phatin gửi cho khâm sứ Trung kỳ thời bấy giờ cũng nhận định: "Dân trong này đã từng được hưởng no ấm công bằng thời Tây Sơn ... Vài năm gần đây ta can thiệp trực tiếp vào nội tình của họ, nên họ thù ghét ta và sẵn sàng chống lại ta mãnh liệt như vậy"⁽²⁾.

Ở Quảng Ngãi, cuộc khởi nghĩa do Lê Trung Đình lãnh đạo bị thất bại nhưng Nghĩa hội đã phát động cho phong trào các phủ huyện nổi lên làm chủ từng vùng và hỗ trợ đắc lực cho cánh quân Nguyễn Bá Loan hoạt động mạnh ở phía bắc sông Trà. Năm 1888, cuộc khởi nghĩa Cần vương lần thứ hai do Nguyễn Bá Loan lãnh đạo đánh một trận quyết liệt, giết được Lê Thuyền (tên tướng kéo quân từ Huế vào) buộc Nguyễn Thân đốt cầu mà chạy (nay

^{1, 2}: Tài liệu lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Phú Khánh

còn gọi là cầu Cháy). Nhưng lực lượng nghĩa binh cũng bị hao tổn nặng, Nghĩa hội cũng kiệt sức và tan rã.

3. Thời kỳ suy yếu và tan rã 1888-1900:

Từ 1888 về sau đội quân do tên Nguyễn Thân cầm đầu đánh phá ác liệt cả vùng Nam, Nghĩa, Bình, Phú, tên Việt gian Trần Bá Lộc kéo quân từ Nam kỳ ra và được quân Pháp hỗ trợ ở phía sau đánh phá vùng Khánh, Ninh, Bình Thuận. Nghĩa quân bị tổn hại nghiêm trọng. Sống thiếu thốn dựa vào rừng núi, Nghĩa hội cũng chỉ còn hoạt động được ở các làng xã hẻo lánh. Một số văn thân cố tìm cách bắc liên lạc với phong trào Văn thân do Phan Đình Phùng lãnh đạo ở Hương Khê và bí mật chấp nối lại tổ chức, quyền góp tiền nong, khí giới, chuẩn bị lực lượng, tổ chức được cuộc khởi nghĩa do ông Thái Thú lãnh đạo năm 1894 và cuộc vận động tiến tới khởi nghĩa của ông Trần Du (1895-1896) ở Quảng Ngãi, và cuộc khởi nghĩa cuối cùng của ông Võ Trứ lãnh đạo ở Phú Yên¹ năm 1900. Nhưng các cuộc khởi nghĩa này cũng bị thất bại. Nghĩa hội kiệt sức dần và tan rã. Các sĩ phu miền nam Trung bộ bị tàn sát dã man, số còn lại nuốt hận nhìn ngon cờ Cần vương mất hiệu lực và đau lòng nhìn thực dân Pháp thống trị đất nước.

II. NGHĨA HỘI QUẢNG NGÃI VÀ CUỘC KHỞI NGHĨA CẦN VƯƠNG DO LÊ TRUNG ĐÌNH LÃNH ĐẠO:

1. Nghĩa hội Quảng Ngãi:

Nghĩa hội Quảng Ngãi được hình thành từ rất sớm do 2 tác động:

¹ : Dự định khởi nghĩa vào ngày rằm tháng 4 năm Canh lý (1900) nhưng bị lộ và thất bại.

a. Tiếng súng xâm lược đầu tiên của hạm đội Pháp và Tây Ban Nha bắn vào Đà Nẵng kích động lòng tự tôn dân tộc của các sĩ phu.

b. Cuộc chiến đấu cứu nước của người anh hùng Trương Định ở Nam bộ (1861-1864) có sự tham gia đông đảo của những dân nghèo Nam - Nghĩa. Các sĩ phu Quảng Ngãi đã họp nhau quyên góp tiền của, cử người tài giỏi vào hỗ trợ cho cuộc chiến đấu, nhưng cuối cùng thất bại. Các sĩ phu phải cùng chia xẻ những hy sinh mất mát nhiều anh em dòng họ từ một mảnh đất phương Nam xa xôi của Tổ quốc. Những sự kiện đau lòng đó thức tỉnh các văn thân sĩ phu. Các vị đã tập hợp nhau lập thành Nghĩa hội một cách công khai¹⁾ như là một lực lượng hỗ trợ cho chính quyền, quân đội của triều đình. Nghĩa hội Quảng Ngãi cũng lúc mạnh, lúc yếu nhưng vẫn giữ đều đặn trong khoảng 10 năm²⁾. Đến năm 1883, Tự Đức mất, phe chủ chiến trong triều đình (do Tôn Thất Thuyết, Thượng thư Bộ binh cầm đầu) sắp xếp lại nhân sự như bố trí ông Phan Đình Phùng làm Tham biện Sơn phòng Nghệ An, ông Trần Văn Dự làm Sơn phòng Quảng Nam, ông Nguyễn Tạo làm Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nghĩa - Định với ý đồ nắm lực lượng sơn phòng và dựa vào miền núi để chiến đấu lâu dài, đồng thời khích lệ Nghĩa hội tăng cường hoạt động. Từ đó Nghĩa hội Quảng Ngãi bên các hoạt động công khai như cũ còn thêm mấy hoạt động bí mật:

- Lập các đội Hương binh các thôn xã.

^{1 2} : Không phải được "bí mật lỗ chức" như *Khuôn mặt Quảng Ngãi* của Phạm Trung Việt 1973, trang 161 đã viết. Nghĩa hội được thành lập từ trước, không phải "Cử Đình... Tú Tấn... thành lập Nghĩa hội" sdd, trang 172.

- Lập Đoàn kiệt (còn gọi là Nghĩa dũng).

- Xây dựng chiến khu Tuyên Tung (Bình Sơn) và cử ông Lê Trung Đình, một con người cương trực, giàu lòng yêu nước, vừa đậu cử nhân khoa Nhâm ngo (1882) làm Chánh quản binh và các ông Nguyễn Tự Tân và Vũ Hội làm Phó quản binh.

Từ đó Nghĩa hội có nhiều hoạt động phong phú, thiết thực, hơn hẳn trước kia. Các hoạt động trên cũng chỉ thấy xuất hiện đầu tiên ở Quảng Ngãi, một thời gian sau chiến khu Linh Đồng ở Bình Định mới được xây dựng. Trước khi có hiệp ước Patonốt, mối quan hệ giữa Nghĩa hội với chính quyền, quan lại có thể nói là gần bó, gần gũi. Thậm chí Nghĩa hội còn tranh thủ được lực lượng sơn phòng do Nguyễn Thân chỉ huy đứng về phía mình. Nhưng từ sau hiệp ước Patonốt, bọn quan lại cố tránh việc giao tiếp với Nghĩa hội. Nghĩa hội để đạt một số công việc, họ chỉ trả lời chờ lệnh triều đình. Quan hệ lạnh nhạt càng bộc lộ rõ khi ngọn cờ Cần vương đã dựng lên, Lê Trung Đình cử người vào thành thương lượng việc cấp lương thực, vũ khí cho nghĩa binh đều bị từ chối, buộc nghĩa quân phải chiếm thành trì. Nguyễn Thân phản bội đưa lực lượng sơn phòng đến đánh bắt nghĩa quân ra khỏi thành, nhưng với sự hỗ trợ của Nghĩa hội, các văn thân nổi lên làm chủ các phủ huyện. Nghĩa hội vẫn tích cực hoạt động xây dựng lại lực lượng cho cuộc khởi nghĩa do Nguyễn Bá Loan lãnh đạo. Nhưng sau cuộc khởi nghĩa này thất bại, với chính sách giết sạch, đốt sạch, đến đâu là truy lùng từng văn thân nho sĩ, bắt bỏ tù và tịch biên gia sản do Nguyễn Thân thực hiện, lực lượng Nghĩa hội bị hao mòn nặng, tê liệt ở nhiều nơi, chỉ còn hoạt động được ở vùng nông thôn hẻo lánh -

tuy vậy vẫn tạo được nguồn nhân tài vật lực cho hai cuộc khởi nghĩa của Thái Thú và Trần Du trong những năm cuối thế kỷ 19. Và sau đó Nghĩa hội hoàn toàn kiệt sức và tan rã.

2. Cuộc khởi nghĩa Cần vương do Lê Trung Đình lãnh đạo (1885):

Ngày khởi nghĩa, nguyên nhân và diễn biến cuộc khởi nghĩa, phần lớn giống như Phạm Trung Việt đã viết trong *Khuôn mặt Quảng Ngãi* (Sdd) và Bùi Đình viết trong *Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi 1885 - 1945* (Sdd).

Riêng về nhận định, ông Bùi Đình viết "... cuộc khởi nghĩa... do ông Lê Trung Đình lãnh đạo vừa bùng lên được sáu ngày đã bị tan vỡ. Cuộc khởi nghĩa ấy bị thất bại..."¹. Quả là nghĩa quân chiếm thành được 6 ngày thì bị quân sơn phòng do Nguyễn Thân chỉ huy đánh bật ra khỏi thành, Nguyễn Tự Tân phó chỉ huy và 6 thủ lĩnh khác bị chết tại trận, Lê Trung Đình bị bắt và 6 hôm sau, 11.6 Ất Dậu (23.7.1885) thì bị chém nhưng xem cuộc khởi nghĩa đến đó là thất bại thì chưa đúng, vì:

a. Nói về lực lượng vũ trang thì cuộc khởi nghĩa đã thiệt hại nặng nề. Cả chánh, phó tướng đều lần lượt hy sinh, lực lượng chủ yếu bị tan rã. Nhưng còn cánh quân do Nguyễn Bá Loan chỉ huy trên đường tiến vào thành cứu nghĩa quân nhưng không kịp, phải dừng lại phía bắc sông Vệ và còn đang tiếp tục chiến đấu.

¹ : *Tìm hiểu phong trào...* sdd, tr.25

b. Cuộc khởi nghĩa còn có cả lực lượng Nghĩa hội làm hậu thuẫn. Bị đánh bại ở tỉnh thành nhưng các văn thân liền nổi lên làm chủ ở khắp các phủ huyện như: Trần Hoàn, Võ Thị Đệ ở Bình Sơn, Tôn Tường, Mai Cảnh ở Sơn Tịnh, Lê Lân, Nguyễn Quý ở bờ bắc sông Vệ, Nguyễn Quang Tín, Nguyễn Hàn Long, Lê Thị Kim Thanh... ở vùng Thiết Sơn (Mộ Đức ngày nay), Cử nhân Võ Đăng Tham, Bùi Chấn ở vùng Đức Phổ hiện nay, khiến cho lực lượng của Pháp và Nguyễn Thân đánh dẹp đến đầu 1886 vẫn chưa ổn định được.

Vậy có nên xem cuộc khởi nghĩa Cần vương ấy chỉ có 6 ngày là thất bại hay không?

III. VAI TRÒ CỦA NGHĨA HỘI QUẢNG NGÃI, VAI TRÒ CUỘC KHỞI NGHĨA CẦN VƯƠNG DO LÊ TRUNG ĐÌNH LÃNH ĐẠO VÀ VAI TRÒ LÊ TRUNG ĐÌNH TRONG PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN QUẢNG NGÃI:

1. Vai trò của Nghĩa hội Quảng Ngãi:

Cũng cùng có mục tiêu, nhiệm vụ như Nghĩa hội các tỉnh khác trong vùng, nhưng Nghĩa hội Quảng Ngãi có những điểm đáng chú ý: hình thành rất sớm, ngày càng sâu rộng, huy động được trí tuệ, nhân tài vật lực của mọi tầng lớp nhân dân vào sự nghiệp đánh quân cướp nước và bè lũ bán nước, làm tên tuổi tỉnh Quảng Ngãi rực sáng lên trong mấy chục năm cuối thế kỷ XIX. Chưa đủ cứ liệu để xác định Nghĩa hội Quảng Ngãi đã xuất hiện đầu tiên và có vai trò chỉ đạo đối với các tỉnh xung quanh như một vài tài liệu đã viết. Nhưng ra đời sớm, với hoạt động mạnh mẽ sâu rộng của mình, Nghĩa hội Quảng Ngãi chắc chắn đã có sức cổ vũ rất lớn đến phong trào yêu nước các tỉnh xung

quanh, nhất là từ Bình Định trở vào¹⁾. Riêng về phần mình, Nghĩa hội đã tháo gỡ được chỗ "kẹt" trong tư tưởng "trung quân ái quốc" do thực dân Pháp tạo ra. Ái quốc là tiêu chuẩn hàng đầu, vua nào yêu nước thì theo, vua nào theo giặc thì đánh. Việc phân định rõ ràng ranh giới đó khiến cho Nghĩa hội thuộc vào loại vững vàng nhất, tổ chức khởi nghĩa sớm nhất, chịu đựng được sự đàn áp, mua chuộc của kẻ thù, kiên trì tổ chức được 4 cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ, tuy thất bại nhưng cũng làm cho bọn cướp nước và bán nước nhiều lúc phải chạy thất điên bát đảo, nhiều tên như Lê Thuyền, Regnard phải đền mạng.

2. Vai trò của cuộc khởi nghĩa Cần vương do Lê Trung Đình lãnh đạo:

Trong lúc triều đình đã ký hiệp ước đầu hàng Patơnot và cả triều đình đại bộ phận đã đứng về phía đầu hàng, việc Hàm Nghi xuất bôn hạ chiếu Cần vương như một biểu hiện vượt vát cuối cùng của lực lượng phong kiến thì tiếng đáp hưởng ứng Cần vương ngay sau đó của Quảng Ngãi và cả một cuộc khởi nghĩa vô trang chiếm thành, giành quyền làm chủ, thể hiện cả ý chí và quyết tâm đánh giặc cứu nước của sĩ phu Quảng Ngãi - về mặt đó, cuộc khởi nghĩa giương cao ngọn cờ yêu nước đầu tiên này có sức cổ vũ rất mạnh và tạo hiệu ứng dây chuyền cho các cuộc khởi nghĩa các tỉnh khác nổ ra.

3. Vai trò của Lê Trung Đình:

Lê Trung Đình là người có công lớn trong việc tổ chức

¹ : Đối với Quảng Nam, tuy có quan hệ và có cả nghĩa quân Nguyễn Duy Hiệu kéo về hỗ trợ cho cuộc khởi nghĩa do Lê Trung Đình lãnh đạo, nhưng về sau ít thấy quan hệ - chưa rõ lý do.

lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ Tuyên Tung và tổ chức hoạt động vừa công khai, vừa bí mật của Nghĩa hội, là người cầm quân đảm lược, chỉ đạo có quy củ và hưởng ứng nhanh chóng hịch Cần vương và là một sĩ phu hết lòng lo cho nạn nước, không tiếc rẻ thân mình, thể hiện trong bài thơ cuối cùng⁽¹⁾ của ông. Lê Trung Đình tiêu biểu cho phần ưu tú nhất của trí tuệ sáng suốt, tài giỏi, của tình cảm yêu nước sâu sắc và ý chí hy sinh sắt đá của sĩ phu Việt Nam trong lịch sử và là ngọn đuốc sáng chói làm hổ thẹn bao nhiêu người cũng từ của Khổng sơn Trình mà ra trong thời kỳ suy vong, tàn lụi cho chế độ phong kiến Việt Nam. Đối với nhân dân Quảng Ngãi, Lê Trung Đình mãi mãi là ngôi sao yêu nước sáng chói cho mọi người trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trước đây cũng như công cuộc đổi mới theo định hướng cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay.

¹ : Bài thơ "Lầm hình thời tác"

CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH TRONG PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CHỐNG THỰC DÂN PHÁP CUỐI THẾ KỶ XIX

GS PHAN NGỌC LIÊN
(Đại học Quốc gia Hà Nội)
TRƯỞNG CÔNG HUỶNH KỶ
(Cao đẳng Sư phạm Quảng Ngãi)

Sau khi kinh thành Huế thất thủ (5.7.1885), Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi rút lên miền núi tỉnh Quảng Trị. Ngày 13.7.1885, từ sơn phòng Quảng Trị, Hàm Nghi hạ chiếu Cần vương kêu gọi nhân dân ra sức phò vua cứu nước. Phong trào Cần vương chống Pháp lan rộng ở Trung kỳ, Bắc kỳ và cả Nam kỳ và tồn tại trong khoảng một thập kỷ cuối thế kỷ XIX.

Phong trào Cần vương nhanh chóng được hưởng ứng ở Quảng Ngãi và cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình được xem là "cuộc chiến đấu đầu tiên, 8 ngày sau khi kinh thành thất thủ, vào ngày 13.7"⁽¹⁾. Thế mà đến nay cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình chỉ được nhắc đến một cách rất sơ lược trong các sách giáo khoa (phổ thông và đại học), trong chuyên khảo *Phong trào Văn thân khởi nghĩa*, trong *Lịch sử Việt Nam* tập II và một vài luận văn của các nhà sử học

¹ : Charles Fourniau - *Annam-Tonkin 1885-1896. Lettrés et paysans Vietnamiens face à la conquête coloniale*, Editions L'Harmattan, Paris, 1989, tr.47.

nước ngoài, như Charles Fourniau... Điều này một phần do nguồn tài liệu quá ít; tài liệu thành văn sớm nhất chỉ được ghi lại trong *Đại Nam thực lục* của sử quán triều Nguyễn⁽¹⁾, trong *Quảng Ngãi tỉnh chí*⁽²⁾, trong một số báo cáo của quan binh Pháp lúc bấy giờ⁽³⁾, và nhiều tài liệu dân gian lưu truyền và được một số nhà yêu nước ghi lại⁽⁴⁾. Những năm gần đây, việc nghiên cứu về phong trào đấu tranh yêu nước ở Quảng Ngãi được chú trọng đẩy mạnh, trong đó có phong trào Cần vương. Vì vậy, cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình cũng dần dần được khôi phục trong nhiều tài liệu của giới sử học ở Trung ương và địa phương⁽⁵⁾.

Kết quả nghiên cứu chỉ là bước đầu, cần phải tiếp tục sưu tầm tài liệu, biên soạn công phu hơn để đặt cuộc khởi nghĩa sớm nhất trong phong trào Cần vương ở miền nam Trung bộ đúng vị trí, vai trò phải có, cũng như tên tuổi của

¹ : *Đại Nam thực lục*, bản dịch, NXB KHXH, HN, các tập 36 (1976), 37 (1977).

² : Nguyễn Bá Trắc, Nguyễn Đình Chi - *Quảng Ngãi tỉnh chí*, Nam Phong tạp chí 1933

³ : SHA, Carton 6 "Succession de De Courcy" Báo cáo của De Champeaux gửi Decourcy ngày 13.8.1885.

⁴ : Như hồi ký của Nguyễn Công Phương, tài liệu lưu tại tổ nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi.

⁵ : Xem : - Trần Huy Liệu, Văn Tạo, Nguyễn Khắc Đạm - *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam tập 1. Phong trào Văn thân khởi nghĩa*, in lần thứ hai, NXB Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957.

- Phan Ngọc Liên - *Vai trò và những bước chuyển biến của sĩ phu yêu nước Quảng Ngãi trên con đường đấu tranh chống Pháp*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2 (179) 1978

- Bùi Đình - *Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Nghĩa (1885-1945)* Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng và Sở VHTT Nghĩa Bình xuất bản, 1985

Lê Trung Đình⁽¹⁾.

Quảng Ngãi vốn có truyền thống lao động và đấu tranh yêu nước. Nhiều cuộc khởi nghĩa chống chế độ phong kiến đã nổ ra mạnh mẽ trên đất Quảng Ngãi, như cuộc đấu tranh của các dân tộc ở miền núi vào thế kỷ XVIII. Quảng Ngãi là một trong những căn cứ quan trọng, vững mạnh của Tây Sơn, đã sản sinh nhiều đô đốc, trọng thần của thời Quang Trung. Với truyền thống ấy, khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhân dân Quảng Ngãi cùng đồng bào cả nước đứng dậy đấu tranh. Khi Pháp buộc phải bỏ kế hoạch đánh chiếm nhanh, chuyển vào tấn công Gia Định, 500 lính ở Quảng Ngãi theo lệnh triều đình đã vào Thuận - Khánh chuẩn bị tiếp ứng cho lực lượng chống Pháp ở Gia Định. Biên Hòa. Giữa tháng 2 năm 1859, thành Gia Định thất thủ, Hộ đốc Vũ Duy Ninh (người làng Đại An, huyện Chương Nghĩa - nay thuộc huyện Nghĩa Hành tỉnh Quảng Ngãi) là một trong những tướng lĩnh của triều đình hy sinh vì nước. Sau khi Vũ Duy Ninh tuấn tiết, Bô chính Phan Tĩnh được cử đem một vệ binh vào Gia Định đánh giặc. Năm 1861 một cơ lính hương đồng ở Quảng Ngãi được điều động tham gia lính hương đồng của tá trực kỳ sẵn sàng dự việc sai phái vào Nam đánh giặc. Tiếp đó, Trương Định, người gốc xã Tư Cung (nay thuộc xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh) đã anh dũng hy sinh ngày 20.8.1864 ở rừng Tân Phước (Gò Công, nay thuộc Tiền Giang). Trong bài "Điều Trương Định" Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi:

¹ Đến nay chỉ mới có tên Lê Trung Đình đặt cho đường phố ở thị xã Quảng Ngãi và thành phố Huế, trong khi đó ở Hà Nội nhiều văn thân yêu nước nổi dậy sau ông đều có tên đặt cho đường phố (như Mai Xuân Thưởng, Táng Bạt Hồ...) và chưa có một đường phố nào ở thị trấn mang tên Lê Trung Đình

*Linh hồn nay đã thác theo thân,
Sáu tỉnh còn rơi (noi) dấu tướng quân.
Sở mật lãnh binh lơ mắt giặc,
Bằng sơn ứng nghĩa thấm lòng dân.*

Từ sau khi 3 tỉnh miền đông rơi cả lục tỉnh Nam kỳ rơi vào tay thực dân Pháp, Quảng Ngãi là một trong những địa phương được triều đình chú ý việc bố phòng và tiếp viện cho Nam. Để phòng quân Pháp trở lại đánh chiếm miền Trung, triều đình ra lệnh phòng bị cẩn mật dọc bờ biển và tổ chức thao luyện quân sĩ ở Quảng Ngãi. Tháng 3 năm 1868, quân dân Quảng Ngãi theo lệnh triều đình đắp lũy dọc bãi cát sông Trà Khúc thuộc các xã Chánh Mông, Ba La, Vạn Tượng, Hố Khiếu (nay là Hố Tiếu) ở ngoài tỉnh thành. Đồng thời nhân dân cũng đặt ngựa gỗ chặn ngang sông Trà Khúc ở các vùng Xuân Quang, Phú Phân làm chướng ngại đường vận chuyển trên sông. Mặt khác, còn đắp 3 sở lũy đất ở các ngã ba đầu bến đò Xuân Quang để ngăn giữ đường bộ. Để đáp ứng yêu cầu cung cấp vũ khí, đạn dược cho việc chống ngoại xâm, triều đình Huế chú ý việc chế tạo trong nước, bên cạnh việc mua sắm vũ khí nước ngoài⁽¹⁾. Vì vậy các nhà sản xuất đã nghiên cứu sử dụng nguyên liệu trong nước thay cho nguyên liệu phải mua ở nước ngoài. Năm 1878, triều đình bắt đầu cấp đá lửa, khai thác ở Quảng Nam, Quảng Ngãi thay cho đá lửa vẫn phải "mua của nước Tây... nay người Tây chế súng có hạt lửa, nên không sản xuất, khó tìm mua. Thợ đá Quảng Nam, Quảng Ngãi đã khai thác đá địa phương, đào thành phiến thí nghiệm, đá dùng

¹ : Nguyễn Am, Kim Ngọc - *Việc chế tạo binh khí ở nước ta nửa cuối thế kỷ XIX*, Thông tin Lịch sử quân sự, số 1 (tháng 1. 2.1992), tr.21.

tốt, nên cho khai thác sung cho vua dùng và cấp cho quân lính"¹).

Việc chuẩn bị lực lượng vũ trang được chú ý tiến hành từ lúc thực dân Pháp bắt đầu xâm lược nước ta. Lúc đầu, quan quân Quảng Ngãi theo lệnh triều đình Huế tăng cường và chấn chỉnh lực lượng quân sự địa phương. Những người già yếu bị thải hồi khỏi quân ngũ và thu nạp những thanh niên, trai tráng khỏe mạnh, kể cả những người theo đạo Gia tô. Các trạm, sở, phủ, huyện được cung cấp vũ khí, lương thực. Các đồn,堡, tỉnh thành được tăng thêm lực lượng, có kế hoạch luyện tập. Tuy nhiên, sự phân hóa giữa phe chủ chiến và chủ hòa ở triều đình Huế cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình chuẩn bị chiến đấu ở Quảng Ngãi. Phe chủ hòa đã từ bỏ việc chống cự yếu ớt ban đầu để dần đi tới chỗ thỏa hiệp, đầu hàng. Trái lại phe chủ chiến cầm đầu là Tôn Thất Thuyết vẫn kiên quyết đấu tranh chống Pháp. Chủ trương quyết chiến để bảo vệ Tổ quốc được nhân dân Quảng Ngãi hoan nghênh. Họ làm hậu thuẫn, cơ sở cho các sĩ phu, văn thân, quan lại có tinh thần yêu nước trong tỉnh và các tỉnh bạn chuẩn bị tổ chức lực lượng chống Pháp.

Từ sau khi vua Tự Đức mất, Tôn Thất Thuyết cầm binh quyền đã tiến hành củng cố quân đội, thành lập thêm hai tổ chức vũ trang gọi là Phấn nghĩa và Đoàn kiệt. Triều đình Huế lúc bấy giờ - chủ yếu là phe chủ chiến - đã xây dựng, củng cố các sơn phòng suốt một vùng núi chạy từ Ninh Bình đến Bình Thuận. Sơn phòng có thể xem như những căn cứ chuẩn bị cho công cuộc chiến đấu chống

¹. Đại Nam thực lục, tập 34, NXB KHXH, HN, 1976, tr.175

Pháp khi kinh thành và các tỉnh thành thất thủ. Các Sơn phòng sứ được chọn trong hàng ngũ những quan lại chủ chiến.

Hệ thống sơn phòng tổ chức khá chặt chẽ, vững chắc, đặc biệt là sơn phòng Quảng Trị, nơi có thành Tân Sở mà vua Hàm Nghi đã tạm trú một thời gian khi mới xuất奔. Lúc bấy giờ Quảng Ngãi thuộc sơn phòng Nghĩa Định (tức Bình Định và Quảng Ngãi) và tháng tư, mùa hạ năm Giáp thân (1884) "Cai phòng tham biện là Nguyễn Thân thăng thự Hồng lô tự thiếu khanh, quyền sung Tiểu phủ sứ"⁽¹⁾.

Để xây dựng lực lượng chống Pháp, phái chủ chiến ở triều đình Huế một mặt kêu gọi các quan lại, sĩ phu, thân hào tích cực tham gia cứu nước, mặt khác ra sức tổ chức hương binh.

Đầu năm Giáp thân (1884), nhân danh vua Kiến Phúc (14 tuổi), Tôn Thất Thuyết gửi đến các địa phương một đạo dụ "*Triệu dụng các tiến sĩ, phó bảng và các án quan tại quán*". Dụ có đoạn viết: "...Người quân tử ra làm quan, cốt để làm nghĩa vụ. Nghĩa vụ nên làm, người quân tử không cầu thả, cầu lấy yên thân. Còn bọn tầm thường hèn yếu thì không đáng kể... Xuống lệnh cho trong kinh ngoài tỉnh ai hễ là tiến sĩ, phó bảng xuất thân, không kể là đã hay chưa làm quan, cùng cử nhân, tú tài làm quan đã đến án quan..."⁽²⁾.

Về tổ chức hương binh, được khẩn trương xây dựng ở hầu hết các tỉnh nam Trung kỳ, bên cạnh các lực lượng võ

⁽¹⁾ Đại Nam thực lục, tập 36, chỉnh biên đệ ngũ kỷ (1883-1885). Sđd, tr.109.
⁽²⁾ Tài liệu dẫn trên, tr.81-82.

hội, đoàn kiệt"¹.

Như vậy, việc chuẩn bị đánh Pháp của phe chủ chiến trong triều đình Huế không chỉ giới hạn ở lực lượng tại kinh thành do Tôn Thất Thuyết trực tiếp nắm giữ mà còn được thực hiện ở nhiều địa phương. Dẫn ra một số dẫn chứng. Ngoài việc củng cố sơn phòng Nghia - Định và cử Nguyễn Thân làm Tiểu phủ sứ, triều đình còn tu sửa sơn phòng Quảng Nam (xã Dương Hòa, phủ Thăng Bình) theo yêu cầu của "Độc tiểu sứ là Trần Văn Dự xin tăng thêm việc hoàn tu để cho thế lực tá kỳ được mạnh lên, nên sai tu lý để chứa mười gạo cho nhiều"². Triều đình cũng "... phải mang vàng bạc đến Quảng Nam 90 gánh, mỗi gánh 2 hòm, cũng có khi 1 hòm, mỗi hòm 100 thỏi"³ để hình thành nên thế trận liên hoàn giữa các sơn phòng tá trực kỳ.

Lệnh của triều đình và tinh thần của phái chủ chiến ở kinh thành đã tác động đến nhân dân Quảng Ngãi như thế nào?

Vốn có truyền thống yêu nước, nhân dân Quảng Ngãi nhanh chóng hưởng ứng chủ trương Cần vương cứu nước. Dù là một căn cứ, trung tâm của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, của triều đại Quang Trung, nhưng trong bối cảnh lịch sử

¹ : Lúc bấy giờ Nghĩa hội gồm có Văn hội (tập hợp nho sĩ, quan lại) và Võ hội (thu nạp chủ yếu các võ quan) để cùng nhau đấu tranh chống Pháp xâm lược. Dựa vào Võ hội, Nghĩa hội các tỉnh lập ra quân Đoàn kiệt, giống như đội quân Đoàn kiệt của phe chủ chiến ở kinh thành. Tổ chức Hương binh thu hút đông đảo quần chúng, phần lớn là nông dân ở các làng xã tình nguyện tham gia đánh giặc cứu nước do các sĩ phu chỉ huy.

² : *Đại Nam thực lục*, tập 36, Sdd, tr.165.

³ : *Đại Nam thực lục*, tập 37, Sdd, tr.171.

lúc bấy giờ, cũng như nhân dân cả nước, nhân dân Quảng Ngãi chưa thoát khỏi ý thức hệ "trung quân ái quốc" cho nên hằng hải đứng dưới ngọn cờ "phò vua cứu nước". Song đó phải là ông vua chủ trương chống Pháp, hoặc được dùng làm "danh nghĩa" của phái chủ chiến.

Còn thái độ sĩ phu yêu nước của Quảng Ngãi đối với vận mệnh đất nước lúc này ra sao?

Quảng Ngãi là đất hiếu học và giáo dục khá phát triển (thời kỳ phong kiến, Pháp thuộc tuy là tỉnh nhỏ song vẫn có chức *Đốc học* thay vì *Kiểm học*). Số người đỗ đại khoa khá đông¹. Trừ một số làm quan to trong triều (Trương Đăng Quế, Nguyễn Bá Nghi, Đỗ Đăng Đệ...) còn phần lớn sĩ phu nghèo, sống gần gũi với nhân dân, không chịu ra làm quan mà ở nhà bốc thuốc, làm thầy địa lý, dạy học... Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, trước việc triều đình nhượng bộ, rồi đầu hàng, các sĩ phu yêu nước Quảng Ngãi cùng với cả nước lập tức đứng về phía nhân dân chống giặc, cứu nước. Một số người vốn là con em các đại thần không chịu đi theo chủ hòa và đứng lên đấu tranh như Nguyễn Bá Loan con của Nguyễn Bá Nghi.

Với tinh thần yêu nước như vậy, các sĩ phu Quảng Ngãi - đang làm quan, chưa chịu làm quan hay đã về hưu - đã hưởng ứng lời hiệu triệu và chủ trương của phái chủ

¹ : Dưới thời nhà Nguyễn (cho đến khi bỏ thi chữ Hán) Quảng Ngãi có hàng mấy trăm người đỗ đạt tại các trường Bình Định, Thừa Thiên, trong đó có trên 10 người đỗ liên sĩ, phó bảng (Xem *Các nhà khoa bảng Việt Nam* - Ngô Đức Thọ chủ biên, NXB Văn học, Hà Nội, 1993).

chiến, tổ chức Nghĩa hội, hoặc tham gia quân Đoàn kiệt⁽¹⁾. Nguyễn Lân, Nguyễn Quý giữ chức Chánh, Phó quán quân Đoàn kiệt, còn Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân làm Chánh, Phó quán hương binh⁽²⁾. Lực lượng Đoàn kiệt và Hương binh xây dựng căn cứ ở núi Tuyền Tung (thuộc xã Bình An, huyện Bình Sơn, tương truyền là nơi quân Tây Sơn đã lập căn cứ) để chế tạo vũ khí, tích lũy lương thực và luyện tập quân sĩ. Công việc này do Nguyễn Tự Tân chỉ đạo thực hiện.

Nghĩa hội Quảng Ngãi luôn giữ mối quan hệ với kinh thành (phái chủ chiến) và lực lượng yêu nước các tỉnh bạn, chủ yếu là "tương thông" với Quảng Nam và Bình Định⁽³⁾. Vào khoảng tháng 4 năm Ất Dậu (1885), Tôn Thất Thuyết điều Tham biện Sơn phòng Nghĩa - Định Nguyễn Duy Cung vào làm Án sát tỉnh Bình Định để chuẩn bị công cuộc chống Pháp. Cùng trong khoảng cuối tháng này, Đào Tấn cùng Tăng Doãn Văn theo lệnh của Tôn Thất Thuyết đi kinh lý các tỉnh tả trục kỳ, nhằm kiểm tra củng cố các Nghĩa hội, qua Trịnh Xáng - một văn thân sĩ phu trong Nghĩa hội Quảng Ngãi - liên lạc với Võ hội Quảng Ngãi. Trong thư gửi cho Lê Trung Đình, Trịnh Xáng viết: "Ký Lê tân khoa tường. Đào công hữu thính, ư dương tiết nhật, hội tại võ hội Nguyễn. Hàm Nghi nguyên niên, ngũ nguyệt, sơ

¹ : Tham biện Sơn phòng Nguyễn Duy Cung, Cử nhân Lê Trung Đình, Tú tài Nguyễn Tự Tân và nhiều văn thân, như Nguyễn Bá Loan, Nguyễn Lân, Nguyễn Quý, Trịnh Xáng, Nguyễn Vĩnh, Bùi Phú Viện, Bùi Phú Cát, Nguyễn Tấn Kỳ... đều tham gia Nghĩa hội, những người giỏi võ nghệ tham gia quân Đoàn kiệt.

² : Theo tài liệu *Truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi từ trước khi có Đảng*, lưu trữ tại Tổ Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ngãi.

³ : Theo Nguyễn Bá Trắc, Nguyễn Đình Chi - *Quảng Ngãi tỉnh chí*, Sđd, tr. 43.

nhị nhật. Trịnh lão bút"¹). Tăng cường lực lượng lãnh đạo Nghĩa hội và lực lượng chủ chiến ở Quảng Ngãi, tháng 5 Ất Dậu (trước khi kinh thành thất thủ), Tôn Thất Thuyết lại cử Nguyễn Tạo, người Quảng Ngãi đang làm Tri phủ Đoan Hùng thuộc tỉnh Sơn Tây lúc bấy giờ, về giữ chức Tiểu phủ sứ sơn phòng Nghĩa - Định thay cho Nguyễn Thân.

Như vậy, trước ngày kinh thành thất thủ và phát lệnh Cần vương, lực lượng chống Pháp dưới ngọn cờ phò vua cứu nước đã tổ chức có hệ thống, khá chặt chẽ ở các tỉnh nam Trung kỳ, trong đó có Quảng Ngãi và chờ dịp bùng nổ.

Ngày 13.5 Ất Dậu (5.7.1885) cuộc phản công của phe chủ chiến do Tôn Thất Thuyết tổ chức ở kinh thành Huế bị thất bại. Vua Hàm Nghi xuất bôn lên miền núi tỉnh Quảng Trị. Ngày 13.7.1885, từ sơn phòng Quảng Trị, Hàm Nghi hạ chiếu Cần vương chống Pháp⁽²⁾.

Vào khoảng trước ngày 12.7.1885, tin kinh thành thất thủ, Hàm Nghi xuất bôn và dụ Cần vương truyền vào Quảng Ngãi do Nguyễn Tạo về kinh nhận lệnh vì sự biến nên "tản về" quê và binh lính Quảng Ngãi cũng như ở các

¹ Tài liệu do cụ Lê Hồng Long cung cấp tạm dịch: "Gửi tân khoa họ Lê rõ (tức Lê Trung Đình, đậu Cử nhân năm Giáp thân 1884), Đào công (tức Đào Tấn, TG chú) mời họp mặt vào ngày đoan dương (tết Đoan ngo, mồng 5 tháng năm (TG chú) ở nhà ông Nguyễn (Võ hội). Ngày 2 tháng năm Hàm Nghi thứ nhất Trịnh lão kinh bút".

² : Ngay trưa ngày 5.7.1885 tại xã Văn Xá (huyện Hương Điền), phủ Thừa Thiên, Tôn Thất Thuyết đã thông cáo cho khắp nước biết vua Hàm Nghi xuất bôn và kêu gọi mọi người "Cần vương". Có thể xem đó là *Dụ Cần vương* ra đời trước "*Chiếu Cần vương*". (Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1945*, tập I: 1858-1896 NXB KHXH, Hà Nội, 1981, tr.256.

tỉnh "sau khi thua trận đều tức tìm đường tản về quê quán"¹ loan tin. Đồng thời Tôn Thất Thuyết cũng cử một viên quan vào vùng Nam - Ngãi, Bình - Phú thông báo tin tức và truyền lệnh khởi nghĩa. Sự kiện này được ghi lại trong 2 tác phẩm bằng thơ: *Dấu tuất niên gian phong hỏa ký sự* và *Đại loạn năm Ất Dậu*, có nói tới Tú Dịch (?) là người mang mật lệnh của Tôn Thất Thuyết vào các tỉnh nam Trung kỳ để vạch kế hoạch hành động chống Pháp.

Về việc Tú Dịch mang mật lệnh:

*Tú Dịch về là Thuyết sai vô,
Khi đà thất thủ kinh đô,
Mượn danh hồi quán thăm dò phía trong.
Trải qua Nam Ngãi một vòng,
Truyền mệnh dụ mới giục lòng văn thân⁽²⁾*

Còn việc thực hiện kế hoạch hành động thì:

*...Dụ Hàm Nghi mới tống đạt các nơi,
Mưu Tôn Thất Thuyết đã về bày đủ lối.
Hiển mưu lược thừa cơ gặp hội.
Dụng quyền nghi trước mối lo toan.
Hễ ai là có dạ sắt gang,
Thì phải dùng mưu nước lửa.
Dầu sĩ thú làm điều chi nữa,
Thì phương quan giả lạng mà thôi
Văn thân động tờ mật đấy rồi,
Dân sự cứ theo mưu đó hết⁽³⁾*

¹ : *Đại Nam thực lục*, tập 36, Sđd, tr.221 và 239.

² : Trích theo Trần Viết Ngạc - *Nguyễn Duy Hiệu và Nghĩa hội Quảng Nam*, NXB Đà Nẵng, 1985, tr.23.

³ : Tài liệu dẫn trên, tr.23-24.

Được tin kinh thành thất thủ và nhận được dụ Cần vương, nhân dân Quảng Ngãi liền đứng lên đấu tranh. hàng trăm sĩ tử Quảng Ngãi đã đậu kỳ thứ nhất ở trường thi Bình Định, nghe tin "kinh thành có biến kéo nhau về quê" tụ nghĩa chống Pháp¹. Ngày 12.7.1885, Bình Sơn tá vệ hương binh chánh quản là Cử nhân Lê Trung Đình, hữu vệ Phó quản là Tú tài Nguyễn Tự Tân, Thương biện Nguyễn Văn Hoàn cùng nhiều người trong Võ hội đưa đoàn kiệt và hương binh về tỉnh thành Quảng Ngãi đề nghị quan tỉnh cấp khí giới, lương thực để hưởng ứng dụ Cần vương. Song "quyền Bố chánh sứ tỉnh ấy là Lê Duy Thụy, quyền Án sát sứ là Nguyễn Văn Dụ nghe trong kinh thành có việc, sức cho thuộc hạt kiểm điểm hương binh, đóng từng thôn chia nhau canh giữ để yên địa diện. Bình Sơn tá vệ Hương binh Chánh quản là Lê Trung Đình, Hữu vệ phó quản là bọn Tú tài Nguyễn Tự Tân, Vũ hội và Thương biện Nguyễn Văn Hoàn cho rằng xe vua đã ra, lại nghe có dụ Cần vương, muốn nhân đó dấy quân, tức thì tới tỉnh xin cấp khí giới, lương xướng. Tỉnh thần cho rằng lính hương binh chỉ canh giữ nơi làng xóm, không ví với lính tỉnh được, không dám tự tiện cấp, đợi chạy giấy mời những quan viên tại quán, bàn nghị sẽ làm"⁽²⁾.

Trước tình hình đó, Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân quyết định phối hợp với một số quan binh "chia phát binh phu làm 3 đạo tất cả hơn 3000 tên. Trước ngày mùng 2 tháng này (tức tháng 6 Ất Dậu - TG chú) tiến đến tỉnh thành. Hiệp quản Trần Tu, Thành thủ úy Nguyễn Côn mở

¹ Xem Cao Xuân Dục - *Quốc triều hương khoa lục*, NXB thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr.484.

² : *Đại Nam thực lục*. 1993, Sdd, tr.238.

cửa nội ứng, bọn ấy sẵn vào tỉnh thành, đem hai viên Bó, Ấn ra thành giam trời, thu lấy ấn triện, binh trượng, tiền lương, buông tha tù phạm, trước chém 1 tên xuất đội, 2 tên dân đạo, cất nguyên Tuy Lý vương là Miên Trinh (nguyên được giáng tước Công, an trí ở trong tỉnh thành này) làm Phụ chính quốc vương”.

Sự kiện được ghi chép trong *Đại Nam thực lục* về cơ bản trùng hợp với tài liệu dân gian, đặt ra nhiều vấn đề cần suy nghĩ, lý giải vì sao Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân chủ động chiếm tỉnh thành trước khi quân Pháp đánh chiếm. Rõ ràng nguy cơ mất nước đã bày ra trước mặt, quan quân triều đình bất lực, phần lớn đã hoặc sẵn sàng hàng Tây. Nhiệm vụ chống ngoại xâm phải đặt lên hàng đầu và lúc bấy giờ không còn có con đường nào khác là “cần vương”. Song sự sáng suốt và dũng cảm của nhân dân và sĩ phu văn thân yêu nước Quảng Ngãi, tiêu biểu là Lê Trung Đình và Nguyễn Tự Tân, đã nhìn thấy sự yếu hèn của vua quan, tuy “Tây chưa tới nhưng triều đình đã theo Tây dâng cả nước ta cho giặc rồi”. Vì vậy, muốn cứu nước, chuẩn bị lực lượng chống Pháp thì phải loại trừ bọn quan lại đầu hàng, xây dựng cơ sở cho việc đánh quân xâm lược. Do đó, Nguyễn Tự Tân khẳng định: “Nếu ta không giành lấy mảnh đất này làm chỗ đứng chung để chống lại chúng thì còn đợi chừng nào nữa”⁽¹⁾.

Thế là đêm 13.7.1885 (ngày 1 tháng sáu Ất Dậu, đúng ngày phát hịch Cần vương), sau khi làm lễ tế cờ trước đền Văn Thánh (làng Phú Nhơn, nay thuộc xã Tịnh Ấn huyện

¹ Trích theo Hồng Sinh - *Sao sáng sông Trà*, truyện các liệt sĩ yêu nước và cách mạng Quảng Ngãi. Hội Văn nghệ Nghệ An xuất bản, 1975, tr.16.

Sơn Tịnh), những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đã chia phát binh phu, xuất lĩnh 3000 nghĩa binh (gồm lực lượng đoàn kiệt, hương binh, văn thân, sĩ phu yêu nước), chia làm 3 đạo đánh chiếm tỉnh thành⁽¹⁾. Những nhà lãnh đạo khởi nghĩa tôn xưng các danh chức, như thống đốc, tham tán, đề đốc, lãnh binh và phát động phong trào Cần vương trong cả tỉnh. Được nhân dân hưởng ứng, ủng hộ, nghĩa binh làm chủ tỉnh thành được 4 ngày.

Lúc bấy giờ quân Pháp chưa đánh chiếm các tỉnh nam Trung kỳ, song chúng sử dụng một số giáo sĩ dụ dỗ, lôi kéo một số quan lại phản quốc làm tay sai để đánh phá phong trào Cần vương chống Pháp. Nguyễn Thân vốn là quyền Tiểu phủ sứ Nghĩa - Định, "trước cùng dự tên vào Nghĩa hội, sau phản Nghĩa hội theo Pháp" đàn áp phong trào yêu nước⁽²⁾. Nguyễn Thân một mặt lừa giết Nguyễn Tạo - vốn là thầy học của hần - để phá việc củng cố sơn phòng, và qua viên cố đạo Đặng Đức Tuấn cho người vào Quy Nhơn nhận súng đạn và kế hoạch của quân Pháp đàn áp cuộc khởi nghĩa.

Ngày 17.7.1885 (tức ngày 5 tháng 6 Ất Dậu), Nguyễn Thân cùng Đề đốc sơn phòng Đinh Văn Hội đem hơn 900 binh đánh chiếm lại tỉnh thành Quảng Ngãi. Bị tấn công bất ngờ và tương quan lực lượng lại chênh lệch, sự phòng thủ của nghĩa binh trong thành bị phá vỡ. Một số

¹ : Suất đội Trương Quang Hùng vì chống lại nghĩa binh nên bị chém, một số giáo dân ngoan cố chống cuộc khởi nghĩa cũng bị trừng trị.

² : Phan Bội Châu - *Việt Nam vong quốc sử*, NXB Văn sử địa, Hà Nội, 1958, tr.39.

³ : Về hành trạng về sau của Đinh Văn Hội, có hai ý kiến trái ngược nhau: bị bắt trong cuộc tấn công của quân Cần vương vào sơn phòng, nội ứng trong cuộc tấn công đó. Xin chú thích để tiện tra khảo (Người biên tập).

thủ lĩnh nghĩa quân¹⁾, trong đó có Nguyễn Tự Tân đã hy sinh trong chiến đấu. Lê Trung Đình sa vào tay giặc.

Nguyễn Thân ra sức dụ hàng, song Lê Trung Đình một mực giữ khí tiết khảng khái chịu hy sinh. Ngày 13.7.1885 (ngày 11 tháng 6 năm Ất Dậu) Lê Trung Đình bị xử chém ở phía bắc tỉnh thành. Trước lúc hy sinh, ông cảm tác bài "Lâm hình thời tác".

Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình thất bại song ý nghĩa lịch sử của nó rất to lớn và tinh thần của nó còn sống mãi với nhân dân Quảng Ngãi và nhân dân cả nước.

Đây là cuộc khởi nghĩa sớm nhất trong phong trào Cần vương ở các tỉnh nam Trung kỳ²⁾ nổ ra khi chiếu Cần vương vừa phát ra chưa kịp đến các địa phương trong nước. Song vốn có truyền thống yêu nước, đã chuẩn bị lực lượng chiến đấu, cho nên khi tình hình có những chuyển biến lớn, nhân dân Quảng Ngãi đã chủ động, kịp thời nổi dậy đấu tranh (chúng ta thấy tình hình tương tự cũng xảy ra đối với cuộc khởi nghĩa Ba Tơ ngày 11.3.1945, khi Nhật đảo chính Pháp, tuy chưa nhận được chỉ thị của TW song Tỉnh ủy đã kịp thời phát động đấu tranh đánh chiếm đồn Ba Tơ. Tình hình này cũng được tái diễn đối với Cách mạng Tháng Tám ở tỉnh nhà, khi chưa nhận được lệnh khởi nghĩa, song nắm vững thời cơ và đường lối của Đảng, nhân dân Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của tỉnh Đảng bộ đã vùng lên khởi nghĩa sớm nhất trong cả nước).

¹⁾ : Có tài liệu nói là 7, theo Charles Fourniau có 11 thủ lĩnh bị giết (Sđd, tr.47); theo thư của Nguyễn Thân gửi toàn quyền Paul Doumer năm 1902 thì hẳn "bắt được 14 tên tướng giặc" (Xem Đào Trinh Nhất, "Phan Đình Phùng", NXB Tân Việt, Sài Gòn 1950, tr.189).

²⁾ : Xem Charles Fourniau - *Annam-Tonkin 1885-1896*, Sđd, tr.17.

Tuy các nhà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình chưa thực hiện được ý định và kế hoạch liên kết với cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân các tỉnh bạn, trước hết là Quảng Nam và Bình Định, song các ông cũng đặt cơ sở cho sự phối hợp đấu tranh diễn ra ngay sau đó, đặc biệt từ sau khi Đảng ra đời lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc. Vì vậy, có thể nói rằng khởi nghĩa Lê Trung Đình có ảnh hưởng không nhỏ trong khu vực, như nhận định của Charles Fourniau: "Tất cả các yếu tố của tấn bi kịch trên nhanh chóng gây ra cảnh đổ máu loang khắp Trung kỳ, nơi đã sẵn sàng hưởng ứng với Quảng Ngãi ngay vào những ngày cuối tháng bảy"¹. Vì vậy cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình phải được đánh giá đúng hơn vai trò và vị trí của nó trong phong trào Cần vương, cũng như trong phong trào yêu nước, chống Pháp của nhân dân Việt Nam.

Cuối cùng, cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình đã sống mãi trong tinh thần yêu nước bất khuất của nhân dân Quảng Ngãi. Tên của nhà chí sĩ tuy mới đặt cho tỉnh Quảng Ngãi sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, song trên thực tế suốt trong 110 năm qua, kể từ ngày Lê Trung Đình hy sinh, tinh thần yêu nước bất khuất của ông thể hiện trong mọi hành động yêu nước của nhân dân Quảng Ngãi để làm nên Cách mạng tháng Tám, bảo vệ, giữ vững vùng tự do trong kháng chiến chống Pháp, anh dũng hy sinh trong đấu tranh chống Mỹ cứu nước, giải phóng toàn tỉnh, góp phần to lớn trong sự nghiệp thống nhất Tổ quốc.

Tinh thần Lê Trung Đình đang sống trong công cuộc xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh, tiến bộ ngày nay.

¹ : Charles Fourniau - *Annam-Tonkin 1885-1896*, Sdd, tr.47.

CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH: NHỮNG NGUYÊN NHÂN ĐƯA ĐẾN THẤT BẠI

ĐỖ HỮU NGHIÊM

(Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử - TP.HCM)

Chỉ mới ở tuổi đôi mươi, người thanh niên Lê Trung Đình đã lóe sáng như một vì sao trên bầu trời để rồi lại vụt tắt rất nhanh chóng đến vội vàng. Nhưng Lê Trung Đình đã đi vào truyền thống yêu nước thương nòi của người dân Quảng Ngãi. Nếu người Nam bộ đã xây dựng nên hào khí Đồng Nai, thì người dân Trung bộ, trong đó có Lê Trung Đình, đã cùng góp phần tạo ra một dòng hào khí Trà Khúc - nếu có thể nói - ở ngay giữa quê hương Quảng Ngãi. Khởi nghĩa Lê Trung Đình chỉ diễn ra vồn vẹn trong 6 ngày, từ 12 giờ khuya ngày 13.7 đến ngày 18.7.1885 (tức từ ngày 1 đến ngày 6 tháng 6 năm Ất Dậu).

Cùng với các công trình nghiên cứu đề cập nhiều lĩnh vực khác nhau của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình, bài phát biểu này tập trung vào một vấn đề nhỏ. Đó là những nguyên nhân nào đã đưa khởi nghĩa Lê Trung Đình đến thất bại.

Lần theo diễn tiến của cuộc khởi nghĩa và đặt mình trong bối cảnh lịch sử xã hội đương thời, người ta có thể phân loại các nguyên nhân gián tiếp, trực tiếp, xa, gần; chủ quan, khách quan, nội tại, ngoại tại, và vân vân. Nhưng ở đây chúng tôi đề nghị một phương thức phân tích cụ thể hơn: các nguyên nhân bắt nguồn từ chính cuộc khởi

nghĩa và các nguyên nhân từ cục diện lịch sử xã hội đương thời.

I. NHỮNG NGUYÊN NHÂN BẮT NGUỒN TỪ CHÍNH CUỘC KHỞI NGHĨA:

1. Thực lực kháng chiến:

Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình qui tụ được một số lượng nghĩa quân khá đông, lên tới 3000 người, nếu tư liệu phán ánh đúng thực tế lịch sử. Nhưng trong hàng ngũ nghĩa quân, phần đông lại là dân thường và một số đáng kể các hương binh. Đó là những thành phần dân quân có dư thừa nghĩa khí, lòng quả cảm và nhiệt tình nhưng lại chưa hề được tôi luyện hay đào tạo trong chiến đấu. Ngay chính người thanh niên Lê Trung Đình - dù là một cử nhân - lại chỉ được mang danh là chánh quản hương binh trong hàng ngũ lực lượng nghĩa quân phương chi trong tổ chức quân đội chính qui. Ta không có tư liệu về vũ khí trang bị của lực lượng này như thế nào, nhưng chắc hẳn là thô sơ, không đồng bộ.

Một lực lượng như thế phải đối phó với một lực lượng của phe thân Pháp ban đầu là 900 người, chắc có vũ khí đầy đủ hơn, lại có kinh nghiệm quân sự và ít nhiều được đào tạo, lại am tường địa hình hơn. Lực lượng đàn áp nghĩa quân này đã được tăng cường rất nhanh ngay sau khi cuộc khởi nghĩa nổ ra vào khuya ngày 13.7.1885 để lợi dụng được yếu tố đêm tối vào tuần trăng còn ở sát đường chân trời (từ ngày 1 tháng 6 âm lịch). Hơn nữa lực lượng phe thân Pháp lại do một viên quan võ nổi tiếng đương thời, Tiểu phủ sứ Nguyễn Thân, chỉ huy. Đội quân Nguyễn Thân lại gồm nhiều binh lính có kinh nghiệm sơn phòng đối phó với các nhóm dân tộc ít người ở vùng núi phía tây

Quảng Ngãi.

Trong khởi nghĩa Lê Trung Đình, yếu tố quân sự trong so sánh lực lượng giữa hai bên đối địch chắc chắn có một vai trò đặc biệt - nếu không muốn nói là quyết định - trong sự thất bại mau chóng của nghĩa binh.

2. Trong diễn tiến cuộc khởi nghĩa:

Lực lượng khởi nghĩa chưa được chuẩn bị và tổ chức chu đáo. Thắng lợi ban đầu mau chóng, nhưng quân khởi nghĩa không bảo vệ được thành quả này và triển khai nhanh để củng cố và mở rộng trước phản ứng áp đảo của lực lượng thân Pháp. Chính tình trạng bị động này đã đưa đến chỗ kết thúc cuộc khởi nghĩa với việc lãnh tụ khởi nghĩa Lê Trung Đình bị Nguyễn Thân bắt và xử chém theo kiểu "tiền trăm hậu tấu".

II. NHỮNG NGUYÊN NHÂN BẮT NGUỒN TỪ CỤC DIỆN LỊCH SỬ XÃ HỘI:

1. Hậu thuẫn của các tầng lớp trong xã hội:

Dù Lê Trung Đình đã tập hợp được lực lượng khởi nghĩa khá đông đảo, cuộc khởi nghĩa đã chưa được sự hậu thuẫn rộng rãi của các tầng lớp xã hội để tạo thành một mặt trận đoàn kết. Trong bầu không khí của phong trào Văn thân chủ trương "binh Tây sát tả", việc hai tín đồ bị nghi là tay sai cho Pháp và bị giết là chuyện dễ hiểu. Nhưng hành vi này vừa thể hiện một thực trạng thiếu đoàn kết giữa những đồng bào Công giáo và không Công giáo, vừa tạo ra một tình thế đẩy sự chia rẽ và nghi kỵ đi xa hơn. Đây chính là một khía cạnh của những nguyên nhân nằm trong bối cảnh chung của cục diện đương thời.

2. Minh chủ tượng trưng cho phong trào khởi nghĩa:

Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình đã diễn ra chỉ trước một ngày hịch Cần vương của vua Hàm Nghi được ban hành và phổ biến. Và chẳng theo sử liệu, Tuy Lý vương Miên Trinh đã cáo ốm và từ khước vai trò làm Phụ Quốc vương cho phong trào khởi nghĩa Lê Trung Đình. Hai sự kiện này mang nhiều ý nghĩa nằm ở bên dưới cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình.

Phải chăng có sự mâu thuẫn giữa phe ủng hộ Hàm Nghi và phe chống lại Hàm Nghi, và chính Lê Trung Đình ở trong phe thứ hai? Nếu ta thấy từ sau khi đậu cử nhân, Lê Trung Đình đã không chịu làm quan trong hệ thống triều đình (?). Lê Trung Đình đã ủng hộ Miên Trinh thực tình hay chỉ dùng ông như một bình phong (?). Và phải chăng Miên Trinh đã thấy ý đồ này, đồng thời tránh sự mâu thuẫn lớn có thể xảy ra trong hoàng tộc họ Nguyễn, nên đã khước từ đóng một vai trò do quân khởi nghĩa đề nghị (?). Việc khởi nghĩa đúng một ngày trước khi hịch Cần vương của Hàm Nghi được ban ra có khiến cho người ta nghĩ rằng phe chống Hàm Nghi muốn mang ngọn cờ đầu trong kháng chiến chống Pháp không ? Hay đó là một dấu chỉ phủ nhận phong trào Cần vương do Hàm Nghi làm minh chủ ?

Những câu hỏi trên đây phải được trả lời dựa trên những tư liệu chính xác mà có thể cho đến nay hay mãi về sau, người ta khó có thể có được. Nhưng trong bối cảnh khởi nghĩa Lê Trung Đình ở cuối thế kỷ XIX, chọn lựa một minh chủ cho một phong trào chính trị vẫn còn là một tiêu chuẩn hàng đầu để qui tụ các tầng lớp xã hội làm hậu

thuần. Và khởi nghĩa Lê Trung Đình đã không có được yếu tố này: khởi nghĩa trước khi hịch Cần vương của Hàm Nghi được ban hành, và Miên Trinh (Tuy Lý vương) không chịu làm hình tượng đại biểu - dù là Phụ Quốc vương - cho chính nghĩa của khởi nghĩa Lê Trung Đình.

Tất cả những yếu tố trên đây tạo thành nguyên nhân thất bại xa gần cho khởi nghĩa Lê Trung Đình, song không làm cho khởi nghĩa Lê Trung Đình mất đi tính tiêu biểu trong tấm lòng yêu nước thương dân của một nghĩa khí đầy tính thanh niên và anh hùng. Lê Trung Đình vẫn là biểu tượng cho thế hệ anh hùng của nhân dân Quảng Ngãi, nhất là những thanh nam, thanh nữ đang hừng hực nhựa sống lao vào cuộc xây dựng vinh quang cho đất nước hôm nay. Và người người hôm nay vẫn sẽ đốt lên nén hương lòng để ghi nhớ nghĩa khí hào hùng của một người con thân thương của quê hương Quảng Ngãi từng cháy bùng lên ở khởi nghĩa Ba Tơ để phát tỏa đi xa mãi mãi.

MẤY SUY NGHĨ VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG NGÃI: THÀNH CÔNG VÀ THẤT BẠI

TRƯƠNG QUANG VẤN
(Trưởng PTTH Sơn Mỹ, huyện Sơn Tịnh)

Theo điều ước năm 1862, triều đình Huế cắt giao cho thực dân Pháp ba tỉnh miền đông Nam kỳ: Biên Hòa, Gia Định và Định Tường. Không khuất phục, Trương Định, người con của Quảng Ngãi đã đứng lên lãnh đạo nhân dân ba tỉnh phát cờ Bình Tây đánh quân xâm lược vô cùng oanh liệt. Tiếp đến là kinh thành Huế thất thủ đêm 22 rạng ngày 23.5 Ất Dậu (4.7.1885). Chính tại quê hương Quảng Ngãi, Cử nhân Lê Trung Đình và Tú tài Nguyễn Tự Tân đã hưởng ứng hịch Cần vương của vua Hàm Nghi lãnh đạo quân nghĩa dũng làm cuộc khởi nghĩa chiếm thành Quảng Ngãi để sẵn sàng đánh Pháp. So với phong trào Cần vương trong nước, thì cuộc khởi nghĩa ở Quảng Ngãi nổ ra sớm nhất, đạt đến đỉnh cao nhất (chiếm được tỉnh thành) và cũng nhanh chóng thất bại. Sự thành công hay thất bại của một cuộc khởi nghĩa tùy thuộc vào bối cảnh lịch sử, những yếu tố chủ quan, khách quan v.v... Chúng tôi thử trình bày một vài nhận định về một số khía cạnh của vấn đề trên.

I. TÌNH HÌNH Ở HUẾ SAU ĐIỀU ƯỚC PATENOTRE:

Sau điều ước Patenotre ngày 13 tháng 5 năm Giáp thân (6.6.1884), điều ước cuối cùng giữa nhà Nguyễn và

Pháp, triều đình Huế rơi vào cuộc khủng hoảng trầm trọng.

Nhất giang lưỡng quốc nan phân thuyết

· Tứ nguyệt tam vương triệu bất tường

Tiếp theo bốn tháng, ba vua, ông Ứng Lịch con nuôi vua Tự Đức lên ngôi (mới 13 tuổi) hiệu là Hàm Nghi - lúc này trong triều đình chia làm hai phe rõ rệt: phe chủ chiến do Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết và một số võ quan, phe chủ hòa do Trần Tiễn Thành (phụ chánh đại thần) và một số hoàng thân chủ trương. Phe chủ chiến thắng thế, Trần Tiễn Thành bị quân phản nghĩa giết chết, số thân vương người bị giết chết, người bị lưu đày. Điều ước Patenotre gồm 19 khoản và theo tinh thần của điều ước này thì triều đình Huế còn giữ quyền cai trị xứ Trung kỳ từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. Nhưng thực dân Pháp cứ lấn mãi nên hai ông Tường và Thuyết tiên liệu giữa ta và Pháp sẽ không tránh khỏi cuộc đụng độ lớn. Hai quan phụ chánh cho mộ quân Đoàn kiệt và Phấn nghĩa ở kinh đô, lập đồn Tân Sở (Quảng Trị) dự trữ lương thực, khí giới. Tại các tỉnh thì củng cố các Sơn phòng từ Bắc đến Nam, lập Hương binh tại các địa phương để giữ an ninh và tùy tình thế có thể nâng lên thành quân chủ lực. Không khí giữa ta và Pháp lúc này rất căng thẳng.

Thế rồi việc gì đến phải đến. Sau biến cố đêm 22 rạng ngày 23 tháng 5 Ất Dậu (4-7-1885), kinh thành Huế thất thủ (theo sách Tây, quân Pháp chết 18 tên, 80 bị thương, quân ta chết vài ngàn). Vua Hàm Nghi cùng đoàn tùy tùng chạy ra thành Quảng Trị. sáng ngày 9.7.1885, xạ giá lên đường đi Tân Sở, chiều đến nơi. Ngày 14 tháng 7 năm 1885 vua Hàm Nghi truyền hịch Cần vương kêu gọi sĩ phu,

nhân dân chống Pháp. Ngày hôm sau (15.7), nhà vua rời Tân Sở ngược Mai Lĩnh qua Lào, vượt đèo Qui Hợp đến Hà Tĩnh rồi về Ấu Sơn (đặt đại bản doanh).

Lúc này triều đình Huế rối beng, thực dân Pháp đặt ông Thọ Xuân vương Miên Định nhiếp chánh, quyền bộ Binh giao cho viên Khâm sứ Trung kỳ là De Champeaux. Nguyễn Văn Tường ra đầu thú được Pháp giao phải ổn định tình hình trong vòng 2 tháng.

Hưởng ứng hịch Cần vương, các sĩ phu, văn thân (phần lớn là những quan lại cũ, những bậc khoa giáp) đã lãnh đạo nhân dân chống Pháp và bọn quan lại tay sai suốt các tỉnh Bắc kỳ và Trung kỳ.

II. QUÂN CẦN VƯƠNG QUẢNG NGÃI CHIẾM THÀNH CHỚP NHOÁNG - DIỄN BIẾN CUỘC KHỞI NGHĨA:

Cử nhân Lê Trung Đình chức tả vệ chánh quản, Tú tài Nguyễn Tự Tân hữu vệ phó quản lực lượng hương binh (quân địa phương) huyện Bình Sơn (gồm cả Sơn Tịnh ngày nay) dưới thời vua Hiệp Hòa, Kiến Phúc. Tổ chức này được Cử Đình và Tú Tân phát triển thành Nghĩa hội có đến hàng vạn, số nghĩa binh trên 3.000 người, được tập luyện và vũ trang đầy đủ. Nghe tin kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi chạy ra thành Tân Sở có chiếu Cần vương, Chánh tướng Lê Trung Đình và Phó tướng Nguyễn Tự Tân đến tỉnh thành Quảng Ngãi gặp Bố chánh sứ là Lê Duy Thụy, quyền Án sát sứ là Nguyễn Văn Dụ xin cấp khí giới, lương thực để dấy quân chống Pháp. Các tỉnh thần cho rằng hương binh chỉ để canh giữ làng xóm, không sánh với lính tỉnh được, không dám tự chuyển. Để chớp lấy thời cơ, ngày 2.7 Ất Dậu (khoảng trung tuần tháng 8 năm 1885

theo *Đại Nam thực lục chính biên*, đệ ngũ kỉ - NXB KHXH, 1976), quân Cần vương Quảng Ngãi do Lê Trung Đình và Nguyễn Tự Tân chỉ huy chia làm 3 đạo quân hơn 3.000 nghĩa quân áp vào tỉnh thành. Hiệp quân Trần Tu, Thành thủ úy Nguyễn Côn mở cửa thành đón quân khởi nghĩa, nhân dân trong thành hò reo hưởng ứng. Thế là quân khởi nghĩa đã làm chủ tình hình. Việc làm đầu tiên là bắt giam hai viên Bố, Án, thả tù phạm, chém một tên suất đội và mấy tên phản động, thu ấn triện, khí giới, lương thực, củng cố lực lượng, bố phòng những nơi hiểm yếu. Để làm rõ chính nghĩa Cần vương, Cử Đình mời Tuy Lý vương Miên Trinh (bị giáng xuống tước công đang trị án trí tại Quảng Ngãi vì có ý thỏa hiệp với Pháp) làm Phụ chánh quốc vương nhưng Miên Trinh giả có bệnh không theo. Đánh chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi chớp nhoáng để làm cơ bản là hành động kịp thời, đúng đắn, sáng suốt của quân Cần vương, làm cho văn thân và nhân dân Quảng Ngãi vô cùng hào hứng.

III. TÌNH HÌNH BỊ PHẢN CÔNG VÀ NHANH CHÓNG THẤT THỦ:

Lúc vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết còn ở kinh, lực lượng quân sự ở miền Bắc, nhất là ở Trung kỳ (quân ở tỉnh, quân ở kinh đô, ở các sơn phòng gồm biên binh, quân phấn nghĩa, hương binh...) đều hành động thống nhất dưới lệnh vua. Nhưng sau biến cố ngày 23.5 Ất Dậu thì tất cả quyền quân sự của triều đình Huế được đặt dưới sự chỉ huy của viên khâm sứ Trung kỳ De Champeaux.

Để mua chuộc đám quan lại vô biên chỉ ham lợi trước mắt, “bán chúa cầu vinh”, trước đó mấy ngày viên khâm sứ Pháp đã thăng quan cho đề đốc sơn phòng Nghĩa - Định là

Đinh Hội lên làm Đô thống (nhất phẩm vô) và quyền Tiểu phủ sứ sơn phòng Quảng Ngãi là Nguyễn Thân (Mộ Đức - Quảng Ngãi) hàm Binh bộ thị lang (tam phẩm). Phục vụ cho chủ mới được nhiều ân sủng bổng lộc, bọn người “lòng lang dạ thú” này phản bội lại lý tưởng “trung quân ái quốc” của nho giáo, quay lại tiêu diệt quân Cần vương. Cũng cần nhắc lại ba tên “chó săn” đã phản kích điên cuồng phong trào Cần vương và yêu nước: ở Nam kỳ có Trần Bá Lộc, Trung kỳ có Nguyễn Thân và Bắc kỳ có Hoàng Cao Khải. Đinh Hội và Nguyễn Thân đem 900 quân từ sơn phòng tấn công bất thành linh tỉnh thành. Quân Cần vương chiến đấu vô cùng dũng cảm nhưng thế cô nên tỉnh thành bị thất thủ vào ngày 5 tháng 7 Ất Dậu (quân khởi nghĩa chiếm thành được ba ngày). Phó tướng Nguyễn Tự Tân bị tử trận, chánh tướng Lê Trung Đình bị bắt. Quân Cần vương của Bình Định, Quảng Nam có tiếp ứng nhưng không kịp thời cũng bị thất bại. Lê Trung Đình bị chém sau 10 ngày bị bắt (theo gia phả của dòng họ Lê, Tĩnh Ấn, ngày giỗ là ngày 6.6 Âm lịch).

NGUYỄN NHÂN CUỘC KHỞI NGHĨA CHÓNG THẤT BẠI:

- Sai lầm về chiến thuật, chiến lược:

Về chiến thuật, chiến lược xưa cũng như nay: lực lượng ít, không có tiếp viện mà đóng quân trong thành là điều tối kỵ. Thành Quảng Ngãi nhỏ, thiếu vũ khí, thiếu lương thực, chiếm thành chỉ được mấy ngày, lòng quân chưa ổn định thì đó là mục tiêu để địch bao vây và tiêu diệt. Hơn nữa, chánh, phó tướng tuy có lòng can đảm, sẵn sàng hy sinh vì đại nghĩa nhưng chỉ là những nho sĩ cầm gươm và quân Nghĩa hội chỉ là “dân ấp dân lân” chưa có kinh

nghiệm chiến trường nên khó bề giáp chiến với những tay sừng sỏ như Đinh Hội, Nguyễn Thân.

Cuộc khởi nghĩa Cần vương ở Bắc kỳ và bắc Trung kỳ nổ ra chậm hơn nhưng kéo dài nhiều năm và đã gây cho chính quân viễn chinh những thiệt hại lớn lao là nhờ các lãnh tụ Cần vương đã lập được những chiến khu hiểm trở và biết dùng chiến thuật du kích lấy ít đánh nhiều.

- Hàng ngũ nho sĩ bị phân hóa và chiêu bài Cần vương tỏ ra ít hấp dẫn:

Mặc dầu nhà Nguyễn độc tôn nho giáo nhưng nhất là vào cuối triều Nguyễn, cái học của nho gia đã suy đồi, một bộ phận nho sĩ chuyên về đường cử nghiệp chỉ cầu mong danh lợi, một số quan lại đương chức thì tính toán lợi hại “gió bên nào nghiêng bên ấy” để bảo toàn quyền lợi, địa vị giai cấp, còn vua sống hay chết, nước nhà còn hay mất cũng chẳng buồn quan tâm. Ngay cả những khoa giáp hưu trí tại địa phương đã một thời giáp chiến với Pháp, bây giờ quay lưng với quân Cần vương. Các đạo xuất xứ của kẻ sĩ quân tử “Thượng trí quân, hạ trạch dân” hay “kiến nghĩa bất vi vô đồng dã”... đối với họ cũng chẳng còn linh nghiệm mấy. Lời kêu gọi tha thiết như chiếu Cần vương của vị vua yêu nước như vua Hàm Nghi cũng không làm họ bức xúc mấy may.

Còn một số sĩ phu có lòng “Ưu quốc ái dân” dám hy sinh vì đại nghĩa, xương nghĩa Cần vương chống ngoại xâm cũng chưa có khả năng vận động nhân dân làm cuộc trường kỳ kháng chiến và người nông dân cũng chưa được hứa hẹn mấy để thay đổi tương lai mờ mịt của họ.

- Bộ chỉ huy quân Cần vương bị động, ít hiệu lực:

Sau khi ban “hịch Cần vương”, vua Hàm Nghi và đoàn

tùy tùng luôn luôn tránh né vì sự truy đuổi của thực dân Pháp và tay sai. Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Phạm Tuân phò vua ở mạn huyện Tuyên Hóa còn quân của đề đốc Lê Trực và Tôn Thất Đạm đánh giữ ở mé ngoài. Trong hoàn cảnh đó, nhà vua ít bắt liên lạc với bên ngoài và không có kế sách thống nhất hành động cho quân Cần vương các tỉnh. Vì thế tuy phong trào Cần vương nổi lên khắp các tỉnh Bắc và Trung kỳ nhưng rời rạc, lẻ tẻ, kẻ trước người sau nên không tạo được sức mạnh tổng hợp.

Do những hạn chế về hoàn cảnh lịch sử, về đường lối chiến lược, sách lược, về hệ tư tưởng... nên các cuộc khởi nghĩa Cần vương ở Quảng Ngãi cũng như trên phạm vi toàn quốc khó bề đối địch lâu dài với tên thực dân “cáo già” như thực dân Pháp. Tầng lớp sĩ phu lại có phần bị “nhiều” khi người Pháp đưa Đồng Khánh lên ngôi (6.8.1885), vị vua đầu tiên ngoan ngoãn theo đường lối “bảo hộ”.

IV. Ý NGHĨA LỊCH SỬ:

Tuy cuộc khởi nghĩa của Cử nhân Lê Trung Đình và phong trào Cần vương Quảng Ngãi (1885) nhanh chóng thất bại nhưng đó là một điểm son sáng chói trong trang sử truyền thống chống ngoại xâm và yêu nước của nhân dân tỉnh nhà.

Tiếp nối truyền thống vẻ vang đó, nhiều phong trào yêu nước của nhân dân tỉnh nhà như phong trào khát thuế do Nguyễn Bá Loan và Lê Khiết lãnh đạo (1908), cuộc khởi nghĩa Duy Tân của Cử nhân Nguyễn Thụy (1916), phong trào 1930 - 1931 và cuối cùng đạt đến đỉnh cao nhất, kỳ vĩ nhất là cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (11.3.1945) cùng với nhân dân cả nước làm cuộc cách mạng thành công, đưa nước nhà đến một kỷ nguyên mới.

Tịnh Khê, ngày 8 tháng 3 năm 1996

NHÂN ĐỌC TIỂU SỬ LÊ TRUNG ĐÌNH NGHĨ TỚI MẤY CÂU THƠ NỔI TIẾNG CỦA VĂN THIÊN TƯỜNG

PTS. NGUYỄN MINH TƯỜNG
(Viện Sử học)

Trong bộ *Bài ngoại liệt truyện* (truyện những người chống ngoại xâm) của Tiến sĩ Phan Trọng Mưu phần chép về Tiểu truyện Lê Trung Đình vốn vẹn chỉ có chừng hơn 100 chữ. Bản dịch dưới đây là của giáo sư Lê Thước, vị Thủ khoa trường Nghệ An, khoa thi cuối cùng trong lịch sử khoa cử Nho học ở Việt Nam (1918): "*Truyện Lê Trung Đình* - ông người xã Phú Nhân, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Cha là Lê Trung Lượng, đậu Cử nhân khoa Nhâm tý triều Tự Đức (1852), làm Án sát. Lê Trung Đình đậu Cử nhân khoa Giáp thân, triều Kiến Phúc (1884). Năm Ất Dậu, Hàm Nghi nguyên niên (1885) nhân Tuy Lý vương là Miên Trinh đang bị an trí ở Quảng Ngãi, ông cùng Nguyễn Thân hện với nhau khởi binh, vào thành rước vương, đặt làm Phụ chính. Nguyễn Thân giả vờ hưởng ứng, nhưng mật báo với Pháp đặt phục binh đánh úp. Ông không ngờ bị lừa, đến khi vào thành, phục binh bốn mặt nổi dậy, ông bị giết hại tại trận". Mặc dù quá ngắn, nhưng đây là những dòng chữ đầu tiên ghi lại những chi tiết quan trọng nhất về bậc tiên liệt Lê Trung Đình.

Đọc tiểu truyện của ông, lại biết ông chết rất trẻ, tôi chợt nhớ tới câu thơ của một bậc hào kiệt khác của Trung Quốc, cũng ở trong hoàn cảnh như ông: Văn Thiên Tường.

Đó là hai câu:

Nhân sinh tự cổ thù vô tử

Lưu thủ đan tâm chiếu hân thanh

(Người đời từ xưa đến nay, ai mà chẳng phải chết?)

Cốt làm sao lưu được tấm lòng son chép sử xanh)

Mới biết các bậc anh hùng hào kiệt như ông, chết rồi không phải là mất. Văn Thiên Tường đã nghĩ như vậy, chắc chắn Lê Trung Đình cũng nghĩ như vậy.

Song cái điều đáng lạ ở Lê Trung Đình là ông khởi binh ứng nghĩa làm việc đại sự khi còn quá trẻ. Mặc dù, người xưa từng nói: “Nhân sinh thức tự đa ưu hoạn” (ở đời bậc kẻ sĩ thường nhiều nỗi ưu tư, lo lắng) nhưng tâm sự ấy thường xảy ra với người đã vào tuổi “bất hoặc” (40), hoặc “tri thiên mệnh” (50) trở lên, còn ông bấy giờ mới ngoài 20? Điều bất khoản này, buộc tôi phải trở về với mảnh đất sinh ra và nuôi dưỡng con người ông. Khi đọc được những nhận định dưới đây trong mục *Phong tục tỉnh Quảng Ngãi* của các tác giả bộ *Đại Nam nhất thống chí*, tôi biết rằng cách nghĩ, cách hành động của Lê Trung Đình có được như vậy là bởi bắt nguồn từ truyền thống của mảnh đất quê hương ông. Các tác giả bộ sách trên viết: “Quảng Ngãi - địa thế tuy hẹp mà khí mạch thì rất hậu cho nên đời nào cũng sản sinh hạng danh thần, nhiều người trường thọ, nhiều sĩ phu đình ngộ, tuần tú; ấy cũng là do tú khí non sông chung đúc... Hạng người thuần tú hiếu học, nổi tiếng khoa danh thì ở Bình Sơn nhiều hơn, thứ đến Chương Nghĩa, thứ nữa là ở Mộ Đức”⁽¹⁾.

¹ : Cao Xuân Dục - Lưu Đức Xứng - Trần Xán - *Đại Nam nhất thống chí - Tỉnh Quảng Ngãi* Q6. Bộ Quốc gia Giáo dục XB. S.1964, tr.17

Ngoài cái “khí mạch” của quê hương, Lê Trung Đình còn được nuôi dưỡng trong một gia đình có truyền thống Nho học. Trước kia, những người xuất thân từ một gia đình Nho học thường coi trọng việc tự bồi dưỡng mình bằng các phẩm chất, mà người xưa cho đó là đặc trưng bản chất của kẻ trượng phu, ấy là Nhân, Trí và Dũng. Tùy trong từng hoàn cảnh cụ thể, người ta đề cao, nhấn mạnh một trong ba đức tính nói trên. Khi quốc gia lâm nguy, vận mệnh đất nước ở vào tình thế “trúng để dầu đẳng”, thường thường kẻ sĩ chân chính đặt chữ Dũng lên trên hết: “Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã” (gặp việc nghĩa mà không dám hành động thì là người không dũng cảm). Có thể hiểu chữ Dũng lúc này là đồng nghĩa với chữ Nhân. Vì sự sống còn của dân tộc, vì sự tồn vong của đất nước, kẻ sĩ tuân kiệt nhận lãnh trách nhiệm “Sát thân thành nhân” (hy sinh thân mình để hoàn thành đức Nhân, tức lý tưởng của mình và của cả dân tộc). Lúc ấy, cái chết của họ sẽ là sự thách thức đối với kẻ xâm lăng, câu trả lời danh thép trước lũ cường quyền, bạo ngược. Bên trong “cái chết” ở mỗi cá nhân ấy đã nhen nhóm “sự sống” của cả dân tộc.

Cái chết của Lê Trung Đình và các bậc văn thân lãnh đạo phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỷ XIX có những nét tương tự như cái chết của Văn Thiên Tường (1236-1282) đời Tống của Trung Quốc. Ông tên là Tống Thụy, hiệu Văn Sơn, đỗ tiến sĩ, làm quan đến Hữu Thừa tướng, kiêm Khu mật sứ. Khi quân Nguyên đánh xuống phía Nam, ông được vua Tống phái đi xin hòa, bị quân Nguyên giữ lại. Sau ông trốn về Ôn Châu, lập Đoàn Tông, tiến hành kháng chiến chống quân Nguyên. Năm 1278, ông thua trận bị bắt, quân Nguyên đưa ông về Yên Kinh

giam cầm 3 năm, dùng mọi cách dụ hàng, ông kiên quyết cự tuyệt, cuối cùng bị chúng giết.

Ở đây, tôi không định so sánh Lê Trung Đình với Văn Thiên Tường, bởi vị thế của các ông đối với triều đình của mình khác nhau. Hai ông đều cầm quân chống giặc xâm lược, cùng bị thất bại, rồi cùng bị cầm tù. Hơn 600 năm trước, suy nghĩ về hành động quang minh chính đại của mình, Văn Thiên Tường coi đó như vầng chính khí tồn tại vĩnh viễn như mặt trời, mặt trăng. Văn Thiên Tường đã viết nên một thiên tráng ca bất hủ *Chính khí ca* để gửi gắm tâm sự của mình, trong đó có những câu:

*“... Thị khí sử bàng bạc
Lẫm liệt vạn cổ tồn
Đương kỳ quán nhật nguyệt
Sinh tử an túc luân...”*

*(Vầng chính khí ấy tràn ngập đến đâu
Thì muôn thuở vẫn còn lẫm liệt
Khi đã vượt qua cả mặt trời, mặt trăng
Thì sự sống chết không còn đáng kể nữa)*

Cũng trong dòng suy tưởng ấy, Lê Trung Đình vào những giây phút cuối của cuộc đời, chờ ngày ra pháp trường đã để lại cho đương thời và hậu thế bài ngũ ngôn tứ tuyệt như sau:

*Kim nhật lung trung điệu
Minh triều trở thượng ngư
Thử thân hà túc tích
Xả tặc ai kì khu*

(Ngày hôm nay ta vào cảnh chim trong lồng

*Ngày mai ta sẽ giống như con cá nằm trên thớt
Mặc dầu vậy, tám thân này chẳng hề đáng tiếc !
Chỉ lo cho quốc gia đang gặp buổi gian nan).*

Lê Trung Đình cảm quân ứng nghĩa không được bao lâu thì bị bắt, rồi bị giặc giết. Trong sách *Đại Nam thực lục chính biên*, các tác giả mặc dù đứng trên lập trường bênh vực Đồng Khánh, nhưng cũng không thể bỏ qua những việc làm vì nghĩa của ông: “Bình Sơn Tả vệ Hương binh chánh quản là Cử nhân Lê Trung Đình, Hữu vệ phó quản là bọn Tú tài Nguyễn Tự Tân, Vũ Hội và Thương biện Nguyễn Văn Hoành cho rằng xe vua (tức Hàm Nghi - NMT) đã ra, lại nghe có dụ Cần vương, muốn nhân đó dấy quân, tức thì tới tỉnh xin cấp khí giới lương xường. Tỉnh thần cho rằng lính hương binh chỉ canh giữ nơi làng xóm, không ví với lính tỉnh được, không dám tự tiện cấp, đợi chạy giấy mời những viên tại quán bàn nghị sẽ làm. Bọn Đình, Tân bèn chia phát binh phu làm 3 đạo, tất cả hơn 3000 tên. Trước ngày mùng 2 tháng này, tiến đến tỉnh thành, Hiệp quản là Trần Tu, Thành thủ úy là Nguyễn Côn mở cửa nội ứng, bọn ấy sấn vào tỉnh thành, đem hai viên Bố, Án ra thành giam trói, thu lấy ấn triện, binh trượng, tiền lương, buông tha tù phạm...”⁽¹⁾

Người xưa từng nói thật chí lý rằng: “Chớ đem thành bại luận anh hùng”. Lê Trung Đình hay người đồng hương của ông là Lãnh binh Trương Định trước đây hoặc lãnh tụ Phan Đình Phùng sau này đều biết việc làm của các ông rất có thể bị thất bại. Và khi thất bại, các ông đều không tránh khỏi cái chết. Song các ông đều có đủ khí phách, đủ bản lĩnh thần nhiên đi đến cái chết, khi biết rằng không

¹ . Quốc sử quan Triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục chính biên* - NXB Khoa học xã hội. Hà Nội, 1977, tập 36, tr.238. 239.

còn cách nào khác nữa. Cũng xuất thân nhà Nho như các ông, những hạng bán nước cầu vinh như Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải... thì lại “khôn khéo” tìm thấy trong sách thánh hiền những câu chữ có thể biện hộ cho hành vi hèn hạ vô sỉ của chúng như “Minh triết bảo thân” ! (Sáng suốt giữ gìn thân mình). Phải chăng các ông Lê Trung Đình, Mai Xuân Thưởng, Phan Đình Phùng... không nhớ những câu thánh hiền dạy đó; cho nên không bảo được thân mình? Đâu phải thế. Chỉ vì các ông khi đứng trước việc tồn vong của xã tắc, đã quên đi sự an nguy của bản thân mình, mà Lê Trung Đình thay mặt cả một lớp người khi đó bày tỏ trong mấy vần thơ “Thử thân hà túc tích - Xã tắc ai kì khu” vừa dẫn trên đây.

Giờ lại những dòng tiểu sử ngắn gọn về Lê Trung Đình hay trở về với những trang sử oanh liệt chống xâm lược Pháp cuối thế kỷ XIX, chúng ta không khỏi cảm kích trước những hành vi đầy khí khái anh hùng của các anh hùng, nghĩa sĩ ngày đó. Lê Trung Đình và các bậc tiên liệt đương thời, mặc dù đều thất bại trước lực lượng quân sự mạnh của thực dân Pháp, song nói như Văn Thiên Tường, họ đã để lại cho hậu thế cái vô cùng quý giá, ấy là “Tấm lòng son” của họ, biểu tượng cho tinh thần quật cường, lòng tự trọng của dân tộc Việt Nam. Có thể nói, để mất “tấm lòng son” ấy, đánh mất lòng tự trọng ấy, ở từng con người hay cả dân tộc đều là hành vi tự đánh mất mình. Và sự đánh mất đó, mới là cái mất mát lớn nhất.

Trong bầu trời phong trào Cần vương rộng khắp từ Trung kỳ ra tới Bắc kỳ, không ít những ngôi sao sáng. Với nhà yêu nước, bậc hào kiệt Lê Trung Đình, chúng ta có thể ví ông như ngôi sao băng, chỉ sáng rực trong phút chốc nhưng để lại nơi lòng người một ấn tượng mạnh mẽ, khó quên.

GÓP PHẦN TÌM HIỂU TÂM VÓC LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH

PTS. NGUYỄN TUẤN TRIẾT
(Viện KHXH tại TP. HCM)

Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình được lịch sử ghi nhận và được nhân dân truyền tụng, ngợi ca như là một sự kiện độc đáo trong trang sử chống Pháp xâm lược của đồng bào các dân tộc Quảng Ngãi nói riêng và của nhân dân cả nước nói chung. Nhưng cho đến nay, chưa có tài liệu thành văn nào miêu tả một cách tỉ mỉ để dựng lại một cách toàn diện sự thật lịch sử của cuộc khởi nghĩa này. Thậm chí, sử sách phong kiến còn cố ý phản ánh không chính xác để bóp méo, xuyên tạc và hạ thấp giá trị của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình. Sách *"Đại Nam Thực lục chính biên"* đã xem cuộc khởi nghĩa này là cuộc nổi loạn, làm những việc ngang ngược, không kiêng nể ai, v.v... Trong khi đó, tài liệu dân gian và các nguồn tư liệu khác có liên quan đến cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình vẫn còn tiềm ẩn một cách phong phú và đa dạng mà chưa được khai thác đầy đủ và gọn lọc đúng mức. Chính vì vậy, sự kiện lịch sử cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình cần phải được tiếp tục tìm hiểu bằng cách tiếp cận từ nhiều phía và khai thác tư liệu từ nhiều nguồn để những tình tiết phong phú và độc đáo của cuộc khởi nghĩa này được khắc họa chính xác và sinh động. Bài viết này góp phần tìm hiểu tâm vóc lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình - người lãnh tụ nghĩa quân trẻ tuổi,

người con ưu tú của Quảng Ngãi ngoan cường.

1. Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình diễn ra trong giai đoạn bi hùng của lịch sử dân tộc:

Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình nổ ra vào trung tuần tháng 7 năm 1885. Khi ấy triều đình nhà Nguyễn đã thực sự đầu hàng thực dân Pháp. Quân Pháp đang ở thế mạnh mà các lực lượng yêu nước chống Pháp chưa tập hợp thành một lực lượng thống nhất và chưa tìm được đường đi, phương pháp hành động đúng đắn. Tuy lúc đó, cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản thế giới đang diễn ra gay gắt (nhất là ở nước Mỹ), nhưng riêng nhà nước tư bản Pháp vẫn tiếp tục tăng trưởng kinh tế và thành công trong phát triển quan hệ ngoại giao (nổi bật là sự cải thiện và mở rộng quan hệ với nước Nga), tạo thêm thế mạnh và ráo riết tiến hành những cuộc vũ trang xâm lược thuộc địa ở châu Á, châu Phi. Bằng cả áp lực quân sự và thủ đoạn chính trị, thực dân Pháp không chỉ buộc triều đình Huế đầu hàng (với hòa ước 1883, triều đình Huế phải chấp nhận nền bảo hộ của thực dân Pháp trên toàn cõi Việt Nam), mà buộc triều đình Mãn Thanh (Trung Quốc) phải ký hòa ước Thiên Tân (với hòa ước này, triều đình Mãn Thanh không chỉ thừa nhận quyền bảo hộ của thực dân Pháp trên lãnh thổ Việt Nam, mà còn phải thực thi việc mở cửa biên giới Trung - Việt, xây dựng tuyến đường sắt liên quốc gia, cho người Pháp được tự do buôn bán trên địa bàn miền nam Trung Quốc, v.v...).

Ở Việt Nam lúc đó, mặc dù thế giặc mạnh, thế nước yếu, mà ngọn lửa yêu nước chống Pháp vẫn liên tục bùng cháy trên khắp mọi miền và thực dân Pháp ráo riết tìm mọi cách hòng dập tắt những ngọn lửa yêu nước ấy. Đồng

thời với việc đàn áp dẫm máu các cuộc khởi nghĩa của đồng bào các dân tộc ở nhiều địa phương trên lãnh thổ Việt Nam, thực dân Pháp còn ráo riết tiến hành chiến tranh xâm lược Cam-pu-chia và Lào.

2. Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình là tiếp tục một thử nghiệm mới trong sự nghiệp đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược:

Trong khi nội bộ triều Huế mâu thuẫn và xâu xé nhau một cách quyết liệt thì thực dân Pháp tổ chức tấn công một cách ngạo mạn vào kinh thành Huế. Ngày 5 tháng 7 năm 1885, kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn và ra chiếu Cần vương, kêu gọi sĩ phu và nhân dân đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược. Chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi là tiếng nói yếu ớt và lúng túng của phe chủ chiến trong bối cảnh đó, song cũng đem lại sự khích lệ với các sĩ phu yêu nước đương thời. Nhiều người tích cực hưởng ứng chiếu Cần vương.

Phong trào Cần vương sớm được gây dựng trên vùng đất Nam - Ngãi - Bình (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định), khởi phát tại địa bàn Bình Sơn, Quảng Ngãi. Ở đây, lòng yêu nước nồng nàn, sự căm thù giặc sâu sắc và truyền thống thượng võ đã un đúc khí phách chàng Cử nhân trẻ tuổi Lê Trung Đình đề xuất ngay sáng kiến thành lập đội nghĩa quân kháng Pháp. Sáng kiến này của Lê Trung Đình liền được các danh sĩ vùng Nam - Ngãi - Bình nhiệt liệt hưởng ứng. Lê Trung Đình nhanh chóng tập hợp các lực lượng yêu nước ở Quảng Ngãi, lập ra Nghĩa hội (bao gồm các tổ chức đoàn kết, hương binh) và Lê

* Về người sáng lập Nghĩa hội vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Chúng tôi ghi chú để bạn đọc liên đối chiếu, tham khảo (người biên tập).

Trung Đình được suy tôn làm chánh quản hương binh. Nghĩa hội đã quy tụ được các lực lượng yêu nước chống Pháp ở địa phương trong đó nòng cốt là những trí thức phong kiến và nông dân. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là những trí thức phong kiến đương thời (điển hình là Cử nhân Lê Trung Đình, Tú tài Nguyễn Tự Tân, Tú tài Vũ Hội...). Lực lượng trực tiếp tham gia khởi nghĩa là hương binh, khoảng 3.000 người, tuyệt đại đa số là nông dân. Những người nông dân yêu nước trên miền quê Bình Sơn - Quảng Ngãi đã ứng nghĩa một cách kịp thời và đông đảo (mặc dù họ không có vũ khí và chưa chuẩn bị về lương thực và thực phẩm cho cuộc khởi nghĩa) là cơ sở quan trọng để Lê Trung Đình quyết định tấn công chiếm lĩnh thành Quảng Ngãi nhằm tạo tiền đề cho những bước phát triển cao của phong trào. Uy tín, mưu lược và tài tổ chức của Lê Trung Đình không chỉ thể hiện ở sự nhạy bén phát động phong trào, nhanh chóng tập hợp và phát triển lực lượng, táo bạo chọn mục tiêu để tấn công v.v... mà còn thể hiện ở sự móc nối nội ứng, chỉ đạo chiến thuật trong cuộc tiến công. Hoạt động nội ứng của Hiệp quản Trần Tu và Thành thủ úy Nguyễn Côn đã có ý nghĩa quan trọng trong việc tấn công chiếm lĩnh thành Quảng Ngãi một cách nhanh gọn của nghĩa quân Lê Trung Đình (chỉ trong đêm mùng một tháng sáu năm Ất Dậu (tức 13.7.1885). Ngay sau khi chiếm được thành Quảng Ngãi, Lê Trung Đình tiến hành tổ chức bộ máy chính quyền địa phương mới (lập các chức vụ thống đốc, tham tán, đề đốc, lãnh binh v.v...) do lực lượng nghĩa quân đảm trách để quản lý và lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi đương thời, kịp thời và khẩn trương xóa bỏ chính quyền tay sai thực dân Pháp ở địa phương. Đó là một thử nghiệm rất mới mẻ, độc đáo và táo bạo. Năm ngày sau đó, quân thù chiếm lại thành Quảng Ngãi và người thủ lĩnh trẻ tuổi của phong trào - Cử nhân Lê Trung

Đình - không hề khuất phục trước sự tra tấn và căm dỗ của quân xâm lược đã anh dũng hy sinh ngày 18 tháng 7 năm 1885.

3. Giá trị lịch sử của cuộc khởi nghĩa và khí phách của Lê Trung Đình là vốn quý trong di sản văn hóa - lịch sử của Sơn Tịnh - Quảng Ngãi nói riêng và của đất nước nói chung:

Như trên đã nói, Lê Trung Đình được un đúc trên miền quê Bình Sơn - Sơn Tịnh của Quảng Ngãi ngoan cường. Miền quê này đã dâng hiến cho đất nước nhiều nhân tài như Trương Đăng Đồ (Đô đốc thời Tây Sơn), Trương Đăng Quế (Thái sư danh tiếng triều Nguyễn), Trương Công Định (Bình Tây Đại Nguyên soái), v.v... Sự un đúc ấy khiến cho Lê Trung Đình phát triển trí thông minh sáng tạo và nghị lực lớn, quả cảm giương cao ngọn cờ khởi nghĩa vũ trang chống Pháp đầu tiên của Quảng Ngãi và cũng là cuộc khởi nghĩa Cần vương đầu tiên kể từ khi vua Hàm Nghi xuất bôn, ban chiếu Cần vương.

Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình được tổ chức nhanh, diễn ra gọn, tồn tại ngắn ngày, nhưng đã thực hiện được những kinh nghiệm quý báu và tiền đề mới cho tiến trình phát triển lịch sử ở địa phương và cả nước.

LÊ TRUNG ĐÌNH - MỘT NGÔI SAO RẠNG NGÔI NGHĨA KHÍ TỪ ĐẤT CẨM THÀNH

NGUYỄN HỒNG SINH

(Hội Bảo vệ và Phát huy văn hóa
Truyền thống dân tộc - TP Nha Trang)

I. LÊ TRUNG ĐÌNH VỚI HUYẾT THỐNG VÀ TRUYỀN THỐNG CỦA TIỀN NHÂN:

Lê Trung Đình vốn hậu duệ của Lê Ý Đà, quê ở Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, năm Tân mao (1471) từng chinh cùng vua Lê Thánh Tông vào thu được vùng đất này về với quốc gia Đại Việt và được ở lại trấn nhậm.

Hậu Duệ của Lê Ý Đà vẫn luôn cư trú bờ bắc sông Trà, từ thành cổ Châu Sa (xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh) đến nam chân núi Thiên Ấn (cảnh đẹp hàng đầu của tỉnh Quảng Ngãi) nay thuộc xã Tịnh An, huyện Sơn Tịnh.

Đến thời Tây Sơn, Lê Văn Sách tham gia Hưng Quốc hội làm Phòng phủ sứ (Tri huyện) Bình Sơn; Lê Văn Kế (con) làm Đô đốc. Sau nhà Tây Sơn mất, Lê Văn Kế cùng Học bộ Thương thơ Huỳnh Văn Thuận, Tiến sĩ Đặng Sĩ Nguyên lập "Bảo Nghĩa kiến nghiệp hội" để bảo vệ nghĩa khí Tây Sơn, đổi vùng, làm nghề mới, chống sự tảo phạt của nhà Nguyễn- lên Tây Sơn trường đạo, mở trường đào tạo hiền tài để gài vào bộ máy cai trị của nhà Nguyễn nhằm hạn chế sự tàn bạo của nó, cùng canh tân lại đất nước và tăng cường thực lực phòng chống giặc "Dương Di"

đe dọa¹.

Đến đời Lê Trung Lượng, đậu cử nhân rồi được "Bảo Quốc đoàn" (Bảo Nghĩa hội chuyển sang) cùng chú cháu Trịnh Hữu Thể, Trịnh Phong và cử nhân Nguyễn Quang Thành ra tham chiến chống giặc Tây dương ở Đà Nẵng từ 1858 - 1860. Sau khi quét sạch giặc, ông bị bệnh, rồi trở về quê nhà mở trường dạy học².

Dòng họ Lê trải qua 414 năm (1471-1885), kể từ khi Lê Ý Đà đến Lê Trung Lượng đã dốc tâm lực và máu xương ra tô thắm cho non sông tươi đẹp này.

II. LÊ TRUNG ĐÌNH - TÍNH KHÍ VÀ HÀNH ĐỘNG:

Khi thiếu thời, Lê Trung Đình đã sống trong một gia đình có ăn, có học, có chí khí hơn người. Nhưng ông có tính khí khác người là hay tính nghịch, mà cái tính nghịch ấy lại nhằm vào kẻ "xấu làm tốt, dốt nói chữ, dữ lên mặt".

Có lần đi xem hát bộ, lén lấy ông Tổ chúa đoàn hát về rủ các bạn trẻ lại cùng hát. Đình đóng vai Từ Hải, vừa vuốt râu vừa vung gậy lên, xưng: "Dọc ngang một cõi sơn hà" rồi vụt xuống trúng ngay anh bạn đóng vai tướng triều đình ngã lăn ra. Đình cúi xuống đỡ bạn dậy, vừa ngăm "Úi chu ơi ! mang danh là tướng quan quân, mới phang một gậy, đã té lăn nằm dài..."

Bất đồ, bị mấy tên hào lý rình xem trộm, cho là nhạo báng bề trên, Đình quát: "Ta đây là tướng triều đình, cầm quân xuất trận dẹp loạn nước non. Còn bây, chỉ là mấy thằng ngu, khom lưng quỳ gối làm tù kẻ xâm lăng. Quân

¹ : *Tây Sơn sử lược*, tờ 21 của Huỳnh Văn Thuận do Trịnh Nhật Mật cấp.

² : *Nguyễn gia thế truyền tục biên Quang Kỳ cấp*.

bây, hãy phạt mỗi đứa 50 trượng, rồi bắt theo mà gồng gánh quân lương mau !”

Lại trong khoa thi Hương lần đầu, Đình làm bài ngụ ý châm biếm bọn quan trường nên bị đánh trượt, thấy Thủ khoa Trinh tỏ vẻ đắc chí, Đình đánh cho mấy dái quạt, liền bị quan giám khảo bắt nằm xuống phạt cho mấy roi. Đình cười khẩy, ngâm:

*Đầu thủ khoa, hai ba dái quạt
Dít Trung Đình năm bảy lần roi⁽¹⁾*

Mãi đến khoa thi năm Nhâm ngo (1882) Lê Trung Đình mới thi đậu cử nhân, thi cũng là lúc hai đầu Nam Bắc nước ta đã lọt vào tay giặc Pháp.

Đứng trước cái họa suy vong của Tổ quốc, Lê Trung Đình đã từng tham gia Bình Tây Cửu quốc hội (Cửu quốc đoàn chuyển lên) cùng với các bạn trẻ tởa đi liên hệ những tỉnh lân cận học hỏi kinh nghiệm. Rồi quay về tăng cường Nghĩa hội, tổ chức huấn luyện hương binh (như dân quân ở làng), đoàn kiệt (giỏi võ, dùng kiếm, xung phong, tình nguyện vào coi như chủ lực quân) bí mật tập luyện riêng, đều khắp từ ven biển trung châu tới miền núi trong toàn tỉnh, có cả tù trưởng dân tộc ở Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Trà Bồng tham gia.

Đầu mùa hè năm Ất Hợi (1885), Lê Trung Đình cùng các vị cử nhân trong Nghĩa hội tỉnh Quảng Ngãi vào dự “Đại hội quần hùng” tại “Tụ Hiền trang” nằm phía nam chân núi Ma Thiên động của dân tộc Thủy xá (vốn là căn cứ “Tây sơn hữu đạo” của Hưng Quốc hội trước kia) tây tỉnh Phú Yên ngày nay.

¹ : Chép lại trong tập *Sao sáng sống Trà* trang 7, 8.

Sau khi nghe Nguyễn Bá Loan về tường trình tình hình diễn biến ở Huế, Đại hội bàn định:

*Nguyễn triều mãi quốc nhi nhục vong già
Hà tất báỉ phục Cản vương dĩ tái lập hời⁽¹⁾*

Nghĩa là: "Triều đình Nguyễn đã bán nước, mà dân đến chỗ mất nước một cách nhục nhã. Lẽ nào ta phải lạy phục làm Cản vương để lập lại nó ư". Dù có, cũng chỉ lấy danh nghĩa Cản vương, để khuyến dụ kẻ nào còn luyến tiếc đến nó. Cũng như trong kế sách của Tây Sơn là: "Đả phá cường quyền tham bạo - Bảo trì quốc thái dân an" mà hịch khởi sự của mình, còn có câu: "Bởi Quốc phò đem lòng bội thượng, nên Tây Sơn dấy nghĩa Cản vương", đó sao?...⁽²⁾

Cho nên phải lấy lá cờ của thời Tây Sơn làm "Nghĩa kỳ" với mục đích:

*Tiểu tặc trừ gian bình quốc loạn
Hưng binh tậu nghĩa phục giang sơn*

Làm chính thống cùng đi tới, như thời Tây Sơn cách đây hơn 100 năm (1773-1885), quyết không còn con đường nào khác...⁽³⁾

Đại hội đã bầu Bộ Tổng chỉ huy do Mai Xuân Thưởng làm Bình Tây Đại nguyên soái, Nguyễn Bá Sự làm Phó

¹ : *Nghĩa hội Bình Tây chính biên* tờ 16 của Lương cử Thiên Văn Nhạn. Võ Thiệp (cháu của Đại Tư mã Tây Sơn Nguyễn Văn Danh, Tổng tư lệnh quân đội) và Đồ đốc phò mã Tây Sơn (chồng Nguyễn Thị Quang Thủy, con gái đầu của vua Quang Trung) làm Tham tán quân vụ Bộ Tổng chỉ huy Nghĩa quân, do ông Nguyễn Trọ, Đại Tổng quân "Tự Hiến Trang" cấp.

² : Xem *Hịch Tây Sơn* trong tập *Văn học Tây Sơn* trang 83, của Nguyễn Lộc, do Sở VH TT tỉnh Nghĩa Bình ấn hành 1984.

³ : *Việt Nam sử lược* phần "Kinh thành Huế thất thủ" của Trần Trọng Kim.

nguyên soái, Võ Thiệp làm Tham tá quân vụ, hai vị Cử nhân Bùi Đăng, Bùi Điền làm Thống tướng hai miền Nam-Bắc, Võ Trứ (em Võ Thiệp) làm Thông sứ sứ (liên lạc, ngoại giao), Nguyễn Thị Vân Dương (chị Bá Sự, vợ Võ Thiệp) làm Tham biện quân lương, v.v...

Sau khi bàn định xong, Nguyễn Bá Loan lập tức trở ra Huế nắm chắc tình hình, rồi trở về cấp báo ngay để khởi binh giành chính quyền từ tay nhà Nguyễn, khiến chúng không trở tay kịp, mà trực tiếp đương đầu với xâm lược Pháp.

Và theo quy định của đại hội, Lê Trung Đình cùng các nghĩa sĩ rút về triệu tập Nghĩa hội bàn định kế hoạch hành động và bầu Bộ Chỉ huy từ tỉnh xuống huyện, tổng, xã.

Nghĩa hội bầu Bộ Chỉ huy tỉnh do Lê Trung Đình làm Bình Tây Chánh tướng, Cử nhân Nguyễn Quang Thành làm phó, Nguyễn Tự Tân làm Tham tán quân vụ (quân sư hay tham mưu tác chiến), Lê Thị Kim Thanh làm Tham biện quân lương, Nguyễn Duy Kinh là Dân biện sự (chính quyền tự quản của dân sau khi giành chính quyền) Cử nhân Bùi Chấn làm Tổng trấn khu nam, Cử nhân Trần Hoàn và Tôn Tường làm Tổng trấn khu Bắc, Cử nhân Lê Lân (anh ruột của Kim Thanh) và Cử nhân Nguyễn Quý làm Tổng trấn các huyện miền núi, Cử nhân Nguyễn Quang Tín trấn thủ miền đông từ cảng Sa Cần đến Cổ Lũy - Thu Xã, Cử nhân Võ Hội làm đề đốc Giám quân, v.v.. Và, các tù trưởng các động Cao Muôn (Ba Tơ), Thạch Bình (Minh Long), Di Lăng (Sơn Hà), Cà Đàm (Trà Bồng) đều hăng hái tham gia tổ chức luyện tập kỵ binh, xạ kích, cùng kéo đến mai phục để đánh chiếm Thập đạo Bình Man với

115 sở bảo thuộc phủ sơn phòng, nằm dọc theo "Tĩnh Man trường lũy" ... mà lỵ sở chỉ huy của nó nằm ở nam hòn núi Lớn cách huyện lỵ Mộ Đức cũ lên Ba Tư 10km, gọi là phủ sơn phòng Nghĩa - Định.

Ở Huế, đến ngày 16.6 Quý mùi thì vua Tự Đức mất, ba đứa con nuôi của Tự Đức được kế vị là Dục Đức, Hiệp Hòa và Kiến Phúc liền bị phế hay giết chết, bởi chúng đã bị tên gián điệp ở nhà thờ Kim Luông là Linh mục Thơ và tên Công sứ Champeaux ở Huế ra mua chuộc, lái cả cái hoàng tộc và triều đình đầu hàng làm tay sai cho giặc.

Vin vào cơ đó, và triều đình Huế như vậy, ngày 18.4 Ất Dậu (1885) tên thống tướng giặc là De Coucry đến Huế, để buộc Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường đưa vua Hàm Nghi (12 tuổi, mới lên ngôi đầu năm Ất Dậu) sang Tòa Công sứ, hồng bắt trọn gói cả 3 người "chủ chiến" này. Trước đó Tôn Thất Thuyết đã cho trị tội tên phụ chánh đại thần Trần Tiến Thành, bắt bọn theo giặc, như Tùng Thiện vương Miên Thẩm, Tuy Lý vương Miên Trinh, Hoàng hóa công Miên Đậu, Miên Tăng, Hồng Sâm, Hồng Chúc, Hồng Tham, v.v... dày đi xa.

Tôn Thất Thuyết liền tổ chức phản công, nhưng thất bại nhanh chóng. Ngày 22.4 Ất Dậu, Thuyết đưa Hàm Nghi ra Tân Sở (ở Làng Véo, thuộc huyện Hương Hòa, tỉnh Quảng Trị) do Trương Quang Dẫn (con của Trương Đăng Quế) làm Tuần vũ tỉnh này, bí mật xây dựng cơ sở từ trước.

Ngày 23.4, giặc Pháp chiếm thành Huế, đưa Thọ Xuân

¹ : Về tổ chức nghĩa hội, trong tham luận này có nhiều điểm dị biệt, so với các tham luận khác. Xin ghi chú để tiện đối chiếu người biên tập.

vương Miên Định làm Nhiếp chánh. Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình (cả Nguyễn Văn Tường, gọi là phe "chủ chiến" cũng trở về hàng giặc), cùng coi Viện Cơ mật, còn tên Khâm sứ De Champeaux làm Binh bộ Thượng thư.

Còn Hàm Nghi ra Tân Sở trở nên cô đơn, chẳng có một ai tin cậy và có đủ tài năng giúp rập, chỉ có anh em Tôn Thất Đạm và Tôn Thất Thiệp (con Tôn Thất Thuyết) với tên Trương Quang Ngọc (người dân tộc Mường), suất đội Nguyễn Đình Bình (2 tên này, sau giết anh em Thiệp và bắt Hàm Nghi nộp cho Pháp), còn Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn với cái gọi là đi cầu ngoại viện, rồi ở luôn bên Tàu cho tới chết.

Cho nên vua Hàm Nghi cùng với cái triều đình dã ngoại chẳng có chút uy quyền gì, chỉ là hư vị mà thôi. (Sang đầu năm 1886 giặc Pháp đã đưa Ứng Xuy (anh Hàm Nghi lên làm vua Đồng Khánh đã hết lòng làm khuyến mả cho giặc Pháp), thì còn gì mà gọi là "Cần vương" cho được !

Qua đó, Lê Trung Đình liền cử Trần Du, Nguyễn Quang Thiện, Trương Triết đi liên lạc với phong trào Văn thân chống xâm lược Pháp ở Bắc, đồng thời cử người vào xin Bộ Tổng Chỉ huy lấy ngày mồng một, tháng 6, năm Ất Dậu, làm ngày tổng khởi sự trong toàn miền.

Được Bộ Tổng chỉ huy chấp thuận, Lê Trung Đình liền ra lệnh cho các cánh quân đúng nhật kỳ, nhất là tấn công bao vây hoặc đánh chiếm các nha môn, đồn trại, kho tàng, chiến thuyền, thương điểm, cả thập đạo Bình Man với 115 sở bảo dọc Tịnh Man trường lũy. Riêng tỉnh thành do ông Nguyễn Tự Tân và đề đốc Võ Hội trực tiếp đánh chiếm, bởi có Hiệp trấn Trần Tu và Thủ úy (Thủ thành) Nguyễn Côn, là hai người nắm binh quyền toàn tỉnh và thành

Quang Ngãi, đã hưởng ứng theo nghĩa quân làm nội ứng.

Lê Trung Đình cho người vào thương lượng trước, nhưng có mặt tên bán nước Tuy Lý vương Miên Trinh (chú vua Tự Đức) bị Tôn Thất Thuyết dày vào giam lỏng tại đây, cố tình khuyến dụ hai tên Bó chánh Lê Duy Thụy và án sát Nguyễn Văn Dụ chống lại, nên ông ra lệnh cho nghĩa quân tiến thẳng vào cổng thành đã mở sẵn, ba tên phản tặc bị bắt hạ ngục, rồi niêm phong các kho tàng, tịch thu án tín và khí giới, tiếp đến ban bố mệnh lệnh cho quan quân nhà Nguyễn ở tất cả các nơi phải nộp vũ khí đầu hàng, kể cả phủ sơn phòng Nghĩa - Định. Chánh quyền mới được thành lập đặt dưới quyền điều hành của Ban Dân biện bên cạnh bộ chỉ huy nghĩa quân các cấp.

Ở các tỉnh phía nam, như Bình Định, tuy có trục trặc đôi chút, ngày mồng 2 tháng 6, chính quyền cũng thuộc về nghĩa quân, còn ở hai tỉnh Phú Yên và Khánh Thuận tên Bó chánh Hà Như Xương và Tôn Thất Hoan giao chánh quyền cho nghĩa quân vào ngày 3 và 4 tháng 6 năm Ất Dậu một cách êm thấm...

Cho nên Lê Trung Đình là người kế thừa sự nghiệp của dòng dõi Tây Sơn, ở trong một hệ thống tổ chức gắn bó chặt chẽ với phong trào chung toàn miền, mà lập nên chiến thắng huy hoàng trong ngày đầu dấy nghĩa ở tỉnh Quảng Ngãi, chứ không phải làm theo hịch Cần vương hay làm theo lệnh của ai cả. Vì sơ ý bị Nguyễn Thân ám hại mà thôi.

Bởi sau khi Nguyễn Tấn chết, Nguyễn Thân nắm quyền, hấn ý vào các đồn, sở bảo dày đặc và kiên cố này, toan chống lại Nghĩa hội. Nhưng sau thấy thế lực của nghĩa hội quá hùng hậu nên xin gia nhập. Rồi bị tên gián

điệp đội lột cổ đạo Thiên chúa là linh mục Đặng Đức Tuấn, làm Thừa sai cho viên Giám mục Pháp là Camebeck ở Quy Nhơn, lên đến dụ dỗ, mua chuộc, đầu hàng giặc Pháp, được chúng cấp cho rất nhiều súng đạn (theo Bùi Định nói đến 500 khẩu súng trường. Ất không có nhiều quá như vậy được) quay về giả nghĩa quân đến hợp tác với Lê Trung Đình. Sau khi nhập thành, hắn bắt thần bắt gọn bộ chỉ huy và tàn sát nghĩa quân, chỉ có Nguyễn Bá Loan phi qua thành tàu thoát được mà thôi. Tuy vậy số thiệt hại không đáng kể, vì Lê Trung Đình đã cho chuyển vũ khí, tiền bạc, lương thực đến các căn cứ ở miền núi cất giữ và các tướng sĩ vẫn đóng giữ các nha môn, đồn trại, các nơi trọng yếu.

Cùng thời, tên Tổng đốc Bình - Phú Lê Thận cũng chạy theo giặc Pháp ở Quy Nhơn, chúng còn lừa bắt được Nguyễn Duy Cung (đã được nghĩa hội bầu làm Tham tán quân vụ của Bộ Chỉ huy nghĩa quân tỉnh Bình Định, do Đào Doãn Dịch, làm Bình Tây đại tướng) cũng dụ ông hàng giặc Pháp. Nguyễn Duy Cung kiên quyết chống lại với bức huyết thư gửi Bộ Tổng chỉ huy và nhiều bài thơ trong tù khác, chứ không phải như tập "Nguyễn Duy Hiệu và nghĩa hội Quảng Nam" trang 29 ghi rằng: "Thân báo với Tổng đốc Bình - Phú Lê Thận và bàn với án sát Bình Định Nguyễn Duy Cung, rồi phái Đình Hội đem 900 quân sơn phòng tiến đánh thành Quảng Ngãi".

Sau khi nghe Nguyễn Bá Loan báo cáo, Bộ Tổng chỉ huy tức tốc giao cho Võ Thiệp dẫn đầu một bộ phận tướng sĩ mưu trí đột nhập vào diệt giặc Pháp và ngục quân ở Quy Nhơn bắt Lê Thận và giải thoát cho Nguyễn Duy Cung trở về với nhiệm vụ của mình, đồng thời cử Thống

tướng Bùi Diễm cùng Phó tướng Đỗ Diệt đóng ở núi Tai Mèo, hồng bao vây đánh lấy tiểu phủ sơn phòng Nghĩa Định ở nam hòn núi Lớn.

Rất tiếc là Đỗ Diệt bị Nguyễn Thân dùng nghi binh đánh phá suốt đêm, làm cho quân Đỗ Diệt bắn hết đạn, mệt mỏi, đói khát. Rồi Thân cho một cánh quân lên ra núi đánh thốc tới sở chỉ huy, cả mặt trước đồng tấn công vào, bắn chết Đỗ Diệt và sát hại sạch nghĩa quân Bình Định. Thân bèn lấy ấn tín, cờ xí, quân trang, giả làm nghĩa quân, khiêng cả tù xa nhốt Nguyễn Thân "giả" đột nhập vào doanh trại của Thống tướng Bùi Diễm mà giết sạch cả quân lẫn tướng.

Nguyễn Bá Loan về đến đèo Mỹ Trang (xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ) gặp Tổng trấn Bùi Chấn và Phó tướng Nguyễn Quang Thành cho biết sự thể như vậy bàn định mưu kế, cho người mời thêm một số tướng lĩnh đang trấn thủ các nơi đến để cùng thảo luận. Bàn xong, nhân lúc Nguyễn Thân đang ở tỉnh thành, các ông bàn đang đêm đánh chiếm lại phủ sứ sơn phòng, rồi làm lễ truy điệu Lê Trung Đình cùng với các tướng sĩ đã bị Nguyễn Thân sát hại. Đồng thời bầu bộ chỉ huy mới do Nguyễn Bá Loan làm Đại tướng, Nguyễn Quang Thành vẫn giữ nguyên chức Phó tướng, Lê Lân làm Tham tán quân vụ, Nguyễn Công Mậu làm Dân biện sự vụ, thêm hai nữ tướng là Võ Thị Đệ (con Võ Hội) và Trịnh Tuyết Anh (con Trịnh Hữu Thế) làm Đề đốc Biện lương.

Tiếp đến, chia tướng sĩ đi đánh lấy lại một vài nơi bị Nguyễn Thân chiếm, rồi kéo ra dựa vào căn cứ của nghĩa quân Tây Sơn thuở trước là An Diễm, Cà Ty, Tuyền Tung (xã Bình Minh, huyện Bình Sơn) làm nơi đóng Tổng hành

dinh. Đưa thần công, đại pháo do Tổng chỉ huy cấp hơn 10 khẩu lên đặt các cao điểm trong toàn tỉnh, ra cáo thị cho thường dân ở trong thành phải rời xa nơi khác, rồi bao vây thành này và nã đại pháo vào, nhốt con chó săn Nguyễn Thân trong thành mà hứng đạn.

Nguyễn Bá Loan còn kéo quân ra giúp Nguyễn Thành đánh chiếm huyện lỵ Tân Định (Tam Kỳ). Từ đó phía nam (gồm 4 huyện: Tam Kỳ, Núi Thành, Tiên Phước, Trà My) qua tỉnh Bình Định (trừ Quy Nhơn) tới Bình Thuận vẫn nằm trong tay nghĩa quân.

Trước tình hình ấy, sau khi giặc Pháp đưa tên Ưng Xuy lên ngôi Hoàng đế, niên hiệu Đồng Khánh, vào đầu mùa xuân năm 1886, chúng liền cho tên tướng Lê Thuyền vào chi viện cho Nguyễn Thân. Hai con chó săn này phá bờ xe nước, tiến quân sang bắc sông Trà hùng tiêu diệt nghĩa quân, đều bị phục binh của Nguyễn Bá Loan giết sạch đám tiền quân, có cả tên Lê Thuyền, còn đám hậu quân do Nguyễn Thân cầm đầu, vội đốt chiếc cầu gỗ bắc qua con sông nhỏ ở làng Dương Nội, quốc lộ 1A (thuộc xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh) mà chạy thục mạng. Rồi đang đêm tìm cách trốn vào Quy Nhơn thọ tội với chủ Tây.

Biết thấu tâm trí của tên khuyển mã này, viên tướng giặc Pháp Prud'homme, Tư lệnh các binh đoàn Pháp ở Trung kỳ và tên gián điệp đội lốt Giám mục Camebeck ở nam Trung bộ đóng tại Quy Nhơn viết thư cho Thân ra gặp Touchard, Chỉ huy quân Pháp ở Đà Nẵng, cấp súng đạn để cùng với Phan Liêm được tên vua bán nước Đồng Khánh cho làm Khâm sai vào đốc thúc bọn tay chân hợp quân xâm lược đánh dẹp nghĩa quân tỉnh Quảng Nam suốt

một năm liền (10.1886 - 10.1887) mà trận quyết định là đánh chiếm căn cứ Trung Lộc của lãnh tụ nghĩa quân Nguyễn Duy Hiệu và Phan Bá Phiến vào tháng 7.1887.

Nhờ lấy được ấn tín và trang phục nghĩa quân ở đây mà Nguyễn Thân đã giả dạng nghĩa quân Quảng Nam vào hợp tác với Nghĩa hội Quảng Ngãi rồi ập vào giết chết hai tướng Trần Hoàn và Tôn Tường đóng ở tiền đồn Châu Ổ (thị trấn Bình Sơn). Rồi tiếp tục như vậy, Nguyễn Thân đã đánh tan một số đồn trại nghĩa quân đóng dọc theo đường quốc lộ. Trong lúc tướng Nguyễn Bá Loan đang bị trọng bệnh ở động Cà Đam.

Tuy vậy Nghĩa hội Quảng Ngãi vẫn cùng với các tù trưởng, như Đinh Đoàn, Đinh Dấu ở Ba Tư, Đinh Tắm, Đinh Mẩn ở Minh Long, Đinh Tín, Boóc Hét ở Sơn Hà, Đinh Non ở Trà Bồng... phân tán các hoạt động, giữ vững miền tây Quảng Ngãi cho đến cuộc tái phục của Thái Thú vào năm 1892.

Thái Thú, tên chính là Nguyễn Quang Tín đã từng hoạt động dưới cờ của Lê Trung Đình và Nguyễn Bá Loan, từ nửa hè năm Ất Dậu. Qua bao năm mai danh ẩn tích trong các hiệu buôn của người Hoa kiều ở trấn Thu Xà mà vận động tổ chức lại Nghĩa hội, nghĩa quân tôn ông làm Bình Tây đại tướng, Cử nhân Nguyễn Vĩnh làm phó tướng, Cử nhân Tôn Đình làm tham tán quân vụ.

Rồi vào một đêm mùa đông, tháng chạp năm Giáp Ngọ (1894) Thái Thú phi thân vào đồn Pháp ở Cổ Lũy, chặt đầu tên đồn trưởng Reynard để làm lễ tế cờ tiến lên đánh chiếm tỉnh thành và tất cả các nơi còn lại. Chẳng ngờ bị bại lộ, cả ba ông đều hy sinh cho đại nghĩa.

Tiếp đến Trần Du, Thọ Nam, Thập Hồ được Lê Trung Đình cử đi từ mùa hè năm Ất Dậu, sau khi liên hệ với phong trào Văn thân ở phía bắc và được Hàm Nghi phong làm chánh phó nguyên soái, tham tán quân vụ, trở về hoạt động với phương hướng: thống nhất lực lượng, trên dưới đồng lòng, nội ngoại hiệp công nhất tề nổi dậy trong cả nước, đại thành công. Nhưng lại bị bại lộ, cả ba ông đều hy sinh vào mùa xuân năm Bính thân 1896.

Đấu tranh mãi bằng quân sự bất thành, nghĩa hội Bình Tây tỉnh Quảng Ngãi bèn chuyển sang bằng hình thức đòi dân sinh, dân chủ với mục tiêu “khai dân trí, hậu dân sinh” do Phan Chu Trinh khởi xướng, nhân khoa thi hương năm Ất tỵ (1905), Duy Tân hội được thành lập, do Cử nhân Lê Đình Cẩn làm hội chủ.

Từ cuộc vận động Duy tân cải cách, hốt tốc ngắn, dấy lên “phong trào đồng bào” toàn dân vùng lên đánh tan bộ máy cai trị của kẻ thù từ xã, tổng lên đến huyện, phủ. Bao vây tỉnh thành Quảng Nghĩa “Nội bất xuất, ngoại bất nhập” hơn 20 ngày liền (24.3 - 17.4.1908 (do hai bạn thân của Lê Trung Đình là Nguyễn Bá Loan, Lê Khiết lãnh đạo, còn Lê Đình Cẩn đã bị địch bắt tù đầy cho đến chết).

Từ đó, phong trào yêu nước ở Quảng Ngãi do Lê Trung Đình phát động từ đầu, vẫn diễn ra liên tục với những hình thức khác nhau làm tiền đề cho Tỉnh Đảng bộ Cộng sản Quảng Nghĩa ra đời lãnh đạo vào những năm 1930 - 1931, tới Cách mạng tháng Tám thành công, đúng 60 năm.

Ất Dậu trước dân ta mất nước

Ất Dậu sau giành được độc lập, tự do

Những người cộng sản cùng quân dân Kinh - Thượng đất Cẩm Thành vẫn không quên công đức của người anh hùng phất cao ngọn cờ đại nghĩa chống xâm lược Pháp đầu tiên mà tôn vinh ông làm tỉnh LÊ TRUNG ĐÌNH.

Qua cuộc khởi nghĩa chống đế quốc Phương Tây, mà lúc ấy quen gọi là “Dương Di” của Lê Trung Đình vào ngày đầu tháng 6, năm Ất Dậu (1885) ở tỉnh Quảng Nghĩa, gần bó với lịch sử đối với đất nước và con người, cũng như vùng Tây Sơn quật khởi và cả Nam bộ cho ta thấy mấy đặc điểm nổi bật như sau:

1. Trải qua 474 năm, kể từ khi vua Lê Thánh Tông vào thu phục vùng này về với quốc gia Đại Việt vào năm 1471, rồi giao cho ông tổ của Lê Trung Đình là Lê Ý Đà cùng với các đồng sự để canh tân lại đất nước, mãi về sau vẫn lấy tám chữ “hòa hợp dân tộc và tình nghĩa đồng bào” làm động lực.

2. Trong sự nghiệp dựng và giữ nước, nhất là từ cách mạng Tây Sơn cho đến sau này, tất cả đồng bào Kinh-Thượng cố kết, minh tâm với nhau trong hệ thống, tổ chức theo một kế sách và lãnh đạo chung, cho nên từ ngày chống giặc Pháp ở Nam bộ mới có việc nghĩa hội bầu cử ra Bộ Tổng chỉ huy chung, do Trương Công Định làm nguyên soái vào năm 1862 - 1864, đến Trịnh Hữu Nghị 1864 - 1883, Mai Xuân Thưởng 1885 - 1887, Nguyễn Bá Sự 1887 - 1892, Trần Du 1894 - 1896, Võ Trứ 1896 - 1900, v.v... cho tới khi Đảng Cộng sản ra đời lãnh đạo từ 1926 - 1945 cho mãi về sau.

3. Trong các “hung binh, bình quốc loạn” ấy đều lấy “Canh tân sự nghiệp đại hạnh thông, thực thi công bằng xã hội “làm chính sách, và hòa hợp dân tộc mà phát huy

Tiếp đến Trần Du, Thọ Nam, Thập Hồ được Lê Trung Đình cử đi từ mùa hè năm Ất Dậu, sau khi liên hệ với phong trào Văn thân ở phía bắc và được Hàm Nghi phong làm chánh phó nguyên soái, tham tán quân vụ, trở về hoạt động với phương hướng: thống nhất lực lượng, trên dưới đồng lòng, nội ngoại hiệp công nhất tề nổi dậy trong cả nước, đại thành công. Nhưng lại bị bại lộ, cả ba ông đều hy sinh vào mùa xuân năm Bính thân 1896.

Đấu tranh mãi bằng quân sự bất thành, nghĩa hội Bình Tây tỉnh Quảng Ngãi bèn chuyển sang bằng hình thức đòi dân sinh, dân chủ với mục tiêu “khai dân trí, hậu dân sinh” do Phan Chu Trinh khởi xướng, nhân khoa thi hương năm Ất ty (1905), Duy Tân hội được thành lập, do Cử nhân Lê Đình Cẩn làm hội chủ.

Từ cuộc vận động Duy tân cải cách, hốt tóc ngắn, dấy lên “phong trào đồng bào” toàn dân vùng lên đánh tan bộ máy cai trị của kẻ thù từ xã, tổng lên đến huyện, phủ. Bao vây tỉnh thành Quảng Nghĩa “Nội bất xuất, ngoại bất nhập” hơn 20 ngày liền (24.3 - 17.4.1908 (do hai bạn thân của Lê Trung Đình là Nguyễn Bá Loan, Lê Khiết lãnh đạo, còn Lê Đình Cẩn đã bị địch bắt tù đầy cho đến chết).

Từ đó, phong trào yêu nước ở Quảng Ngãi do Lê Trung Đình phát động từ đầu, vẫn diễn ra liên tục với những hình thức khác nhau làm tiền đề cho Tỉnh Đảng bộ Cộng sản Quảng Nghĩa ra đời lãnh đạo vào những năm 1930 - 1931, tới Cách mạng tháng Tám thành công, đúng 60 năm.

*Ất Dậu trước dân ta mất nước
Ất Dậu sau giành được độc lập, tự do*

Những người cộng sản cùng quân dân Kinh - Thượng đất Cẩm Thành vẫn không quên công đức của người anh hùng phát cao ngọn cờ đại nghĩa chống xâm lược Pháp đầu tiên mà tôn vinh ông làm tỉnh LÊ TRUNG ĐÌNH.

Qua cuộc khởi nghĩa chống đế quốc Phương Tây, mà lúc ấy quen gọi là “Dương Di” của Lê Trung Đình vào ngày đầu tháng 6, năm Ất Dậu (1885) ở tỉnh Quảng Nghĩa, gần bó với lịch sử đối với đất nước và con người, cũng như vùng Tây Sơn quật khởi và cả Nam bộ cho ta thấy mấy đặc điểm nổi bật như sau:

1. Trải qua 474 năm, kể từ khi vua Lê Thánh Tông vào thu phục vùng này về với quốc gia Đại Việt vào năm 1471, rồi giao cho ông tổ của Lê Trung Đình là Lê Ý Đà cùng với các đồng sự để canh tân lại đất nước, mãi về sau vẫn lấy tám chữ “hòa hợp dân tộc và tình nghĩa đồng bào” làm động lực.

2. Trong sự nghiệp dựng và giữ nước, nhất là từ cách mạng Tây Sơn cho đến sau này, tất cả đồng bào Kinh-Thượng cố kết, minh tâm với nhau trong hệ thống, tổ chức theo một kế sách và lãnh đạo chung, cho nên từ ngày chống giặc Pháp ở Nam bộ mới có việc nghĩa hội bầu cử ra Bộ Tổng chỉ huy chung, do Trương Công Định làm nguyên soái vào năm 1862 - 1864, đến Trịnh Hữu Nghị 1864 - 1883, Mai Xuân Thưởng 1885 - 1887, Nguyễn Bá Sự 1887 - 1892, Trần Du 1894 - 1896, Võ Trứ 1896 - 1900, v.v... cho tới khi Đảng Cộng sản ra đời lãnh đạo từ 1926 - 1945 cho mãi về sau.

3. Trong các “hưng binh, bình quốc loạn” ấy đều lấy “Canh tân sự nghiệp đại hạnh thông, thực thi công bằng xã hội “làm chính sách, và hòa hợp dân tộc mà phát huy

động lực nên tất cả đồng bào Kinh - Thượng đều ứng trực dưới cờ mà quyết tâm cùng xả thân vì đại nghĩa dân tộc, hể “nhất hô thì bách ứng” vậy.

4. Do truyền thống trung kiên, bất khuất của Tổ tiên, mà người trước ngã bắt đầu cho lớp sau tiến bước dưới hình thức khác nhau nên không bao giờ ngưng, tắc hay gián đoạn lâu.

5. Đặc biệt, trong ngày đầu chống giặc “Dương Di” mãi về sau, hầu hết mang chất nghĩa khí và huyết thống của cách mạng Tây Sơn. Một tấm màn son rực rỡ nhất của thế kỷ thứ 18, dưới thời Quang Trung hiển hách, mà kẻ thù đều phải công nhận. Như tên “ Tổng chỉ huy Samont” ở Bình Định cũng như cả các tỉnh nam Trung kỳ phải thừa nhận đã có một phong trào kháng chiến gắn bó với truyền thống Tây Sơn hơn là ủng hộ triều đình Huế, thậm chí không quan tâm đến ông vua bị phế truất là Hàm Nghi, cụ thể khi Mai Xuân Thuồng bị hành hình năm 1887, tuyên bố rằng mình là dòng dõi Tây Sơn và tự hào về dòng dõi của mình (phong trào chống Pháp những năm 80 thế kỷ XIX của GS. sử học Pháp De Fourniaux trang 4, do GS. Nguyễn Phan Quang cấp).

Nha Trang, ngày tháng 12 năm 1995.

LÊ TRUNG ĐÌNH - NGƯỜI MANG TÍNH ĐẶC TRUNG CỦA SĨ PHU QUẢNG NGÃI VỚI PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG TRONG TỈNH

PHẠM NHỎ

(Nguyên Trưởng ban Nghiên cứu
Lịch sử Đảng tỉnh Nghĩa Bình)

Lê Trung Đình là một sĩ phu yêu nước nổi tiếng của phong trào Cần vương chống Pháp xâm lược ở tỉnh Quảng Ngãi năm 1885. Tên tuổi ông được đặt làm tên của tỉnh Quảng Ngãi (tỉnh Lê Trung Đình). Sau khi Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công, ông là niềm tự hào của nhân dân nói chung và của sĩ phu yêu nước tỉnh Quảng Ngãi nói riêng. Ông hy sinh khi còn rất trẻ, tuổi chưa đầy 30. Đối với ông, người đời có nhiều chuyện kể mang tính đặc trưng của sĩ phu Quảng Ngãi. Các nhân vật lịch sử được nhân dân kính trọng và yêu mến, thường có nhiều câu chuyện mang màu huyền thoại nhưng rất thực. Đã có nhiều sách viết về cuộc đời và sự nghiệp của ông nhưng không khỏi có những dị biệt.

Theo Phạm Trung Việt trong *Khuôn mặt Quảng Ngãi 1764-1916* xuất bản 1973, thì ông là con thứ 6 của gia đình có 10 con (4 trai, 6 gái) và là con trai thứ 3 của cụ Lê Trung Lượng. Cụ Lượng cũng là người học rộng tài cao, từng làm Tri huyện Nam Đàn, từng được vua Tự Đức khen về đức tính thanh liêm: "thanh như Lượng". Chữ trung (tên lót) của dòng họ Lê này là do "Đức tôn Hoàng đế ân tử".

Cũng theo Phạm Trung Việt thì ông Lê Trung Đình sinh năm 1857 và hy sinh vào ngày 12.6 âm lịch năm Ất Dậu (1885)¹⁾.

Nhưng trong *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam* do Nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản 1991 thì viết: Lê Trung Đình sinh năm Nhâm tuất (1863)²⁾. Nếu sinh năm 1863 thì ông hy sinh còn rất trẻ, ở tuổi 22. Nếu sinh năm 1857 thì ông hy sinh lúc vừa 28 tuổi. Nhưng rõ ràng là ông tham gia hoạt động chống đế quốc và hy sinh ở lứa tuổi tràn đầy nghị lực, nêu tấm gương sáng ngời cho thanh niên tỉnh nhà. Nhiều người tưởng rằng ông là lớp già nên khi nhắc đến ông thì gọi ông là "cụ".

Có lẽ năm sinh, ngày tháng hy sinh theo *Khuôn mặt Quảng Ngãi* của Phạm Trung Việt và các sách báo lịch sử ở địa phương viết về ông Lê Trung Đình là có cơ sở hơn.

Về năm ông đậu cử nhân cũng có sự công bố khác nhau. Theo Phạm Trung Việt thì ông đậu cử nhân năm Nhâm Ngọ (1882), còn theo *Từ điển nhân vật lịch sử* (Sđd) thì đó là năm Giáp Thìn (1884). Theo tôi năm 1882 là có cơ sở hơn.

Một vài dị biệt trong các dữ kiện viết về ông cũng không làm sao tránh khỏi, bởi lớp bụi thời gian đã phủ lên trên một thế kỷ.

Điều mà nhân dân trong tỉnh tự hào về ông qua các giai thoại dân gian do sử sách để lại là những đặc trưng sau đây:

¹ : Hiện nay con cháu ông đang giữ ông vào ngày 11.6 âm lịch. Sách nói trên, tr.160.

² : Sách nói trên tr. 379-380

Một là học, phục vụ cho dân, cho nước chứ không phải học để làm quan.

Từ trước đến nay, tôi thường được cha anh nói về những kẻ sĩ Quảng Ngãi. Họ thường truyền cho nhau như một nền tảng của đạo đức và ý chí làm kẻ sĩ. Học để làm việc nghĩa "kiến nghĩa bất vi vô đông dã". Mà việc nghĩa là giúp đời, giúp nước, giúp dân. Khi vua đi với dân, với nước thì phò vua, giúp nước. Khi vua đã không còn đi với dân, với nước thì vì nước, vì dân, không cần phò vua nữa.

Lê Trung Đình, một kẻ sĩ nho học của tỉnh Quảng Ngãi, sinh ra và lớn lên trên mảnh đất giàu truyền thống cách mạng, tiếp thu sự giáo dục của cha ông, đã sớm tỏ lòng trọng nghĩa ấy. Trong lúc tuổi còn rất trẻ, nổi tiếng có tài học rộng, khẩu khí thơ văn, đã không mơ đến việc ra làm quan để "vinh thân phì gia" mà chọn ngay con đường phò vua Hàm Nghi (chứ không ông vua nào khác) để chống xâm lăng, giúp dân, cứu nước. Tinh thần ấy đã biểu hiện khá rõ nét trong ông. Cho nên khi còn rất trẻ ông vẫn là chánh tướng, các ông Nguyễn Tự Tân, Vũ Hội đều nhiều tuổi hơn ông nhưng là phó tướng, và dưới cờ của ông đã tập hợp hầu hết các sĩ phu yêu nước, thanh liêm và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

Hai là xem khinh cường quyền, coi thường cái chết, vì nước, vì dân.

Vì sẵn có tinh thần yêu nước, xem trọng nghĩa lớn, thương dân nên cũng nảy sinh ra tinh thần xem khinh cường quyền, coi thường cái chết, nhất là cái chết vì đại nghĩa.

Không biết bao nhiêu câu chuyện dân gian được ghi lại

hay chưa ghi lại lưu truyền cho nhân dân trong tỉnh nói về Lê Trung Đình xem khinh cường quyền.

Ví như: có một lần ông cha vợ (vợ chưa cưới) của ông mời ông đến để tiếp một vị quan khách nhằm khoe cậu rể của mình là một ông cử nhân, văn thơ rất nổi tiếng. Ông Đình cũng chẳng thích gì chuyện ấy nhưng ông vẫn đến. Ngài quan khách đến chơi với ông cha vợ của ông Đình có mang theo điếu bình trà dùng. Trong bữa tiệc, ông cha vợ và quan khách mời ông dự tiệc. Biết rõ ý cha vợ và quan khách, mang trong mình sự khinh thường cường quyền, ông tham gia buổi tiệc. Trong lúc đang ngon miệng, chèn chén, ông Đình bèn xả hơi xấu khá kêu. Cha vợ và quan khách ngơ ngác tỏ vẻ bất bình. Ông không sợ mất vợ mà trái lại, nhà vợ lại sợ mất ông, một cử nhân nổi tiếng văn thơ. Cha vợ và quan khách định cho ông một hình phạt làm thơ về câu chuyện đã xảy ra để gọi là. Ông liền ứng tác:

Cử Đình, cử Đình

Ruột sinh, ruột sinh

(...)

Khăng khăng chua chua tựa hồ bánh khô chi vị

Tai hựu nghe như ấm tử

Mũi hựu nực như ấm sinh

Ống vố còn kinh

Huống chi điếu bình...⁽¹⁾

Cha vợ và ông quan khách vừa khâm phục tài năng

¹ : Câu chuyện được truyền trong dân gian ở huyện Bình Sơn do ông Lê Tiến ghi lại. Bài thơ có khác chút ít với Phạm Trung Việt đã ghi. Có lẽ Phạm Trung Việt đã lọc bớt chẳng.

ứng tác của Cử Đình, nhưng cũng đau điếng, nẫu mặt mà không dám trách móc.

Một câu chuyện khác được truyền lại cũng khá lý thú:

Năm Nhâm ngũ, Lê Trung Đình cùng một số sĩ tử ở Quảng Ngãi vào Bình Định thi Hương lần thứ hai. Đình tin ở tài mình lần này sẽ giành thủ khoa. Nhưng chẳng may, thủ khoa lại rơi vào ông Chắt (người trong tỉnh Quảng Ngãi), vì bài của Đình viết thoát ra khỏi văn phạm Hán học.

Trong cuộc trao đổi giữa Thủ khoa Chắt và Lê Trung Đình sau khi trình diện ở dinh Tổng đốc Bình Định ra về ở một quán dành cho các thí sinh, ông Đình đã dùng quạt gõ lên đầu Thủ khoa Chắt và nói: "Ông chủ khảo muốn anh đậu cao thì cố kiếm bốn câu hay của anh, và muốn tôi đậu thấp nên cũng chỉ xem bốn câu thoát khỏi văn phạm Hán học của tôi thôi". Ông Chắt bực mình, và không hiểu sao quan chủ khảo biết được việc này và có nọc cử Đình đánh roi. Bị đánh xong, Cử Đình đứng dậy ứng khẩu hai câu thơ:

Đầu Thủ khoa năm ba dấu quạt

Đít Cử Đình sáu bảy lần roi.

Hai câu thơ cũng thật là tài, rất khí phách, cũng tỏ rõ tinh thần xem khinh cường quyền bạo lực.

Còn tinh thần coi thường cái chết thì quá rõ rồi.

Trong cuộc khởi nghĩa 1885, Nguyễn Tự Tân là phó tướng đã chết ngay tại trận, còn Lê Trung Đình thì bị bắt. Bọn cường quyền thân Pháp muốn mua chuộc, dụ dỗ, thuyết phục ông, nhưng đó chỉ là công toi. Ông khảng khái

nhận cái chết không đầu, trước khi chết còn làm thơ gởi lại:

Nay là chim trong lồng

Mai là cá trên thớt

Thân này tiếc gì đâu

Gian nan tình đứt nước

Cái chết của ông mang hào khí của người sĩ phu Quảng Ngãi mà lớp người cùng thời và sau ông vẫn thế, vẫn hiên ngang trước quân thù như Nguyễn Bá Loan "đem thân đổi lấy sơn hà, gươm kề tận cổ thì ta chẳng sờn", Nguyễn Duy Cung "thà làm ma mà hồn trung vía nghĩa, còn hơn làm người mà mang mặt ngựa đầu trâu" và Nguyễn Thụy, Lê Ngung, Lê Tự Khiết, Phan Long Bằng vẫn thế hiên ngang bất khuất.

Lê Trung Đình quả thật đã nêu tấm gương trung nghĩa mà những đặc trưng của kẻ sĩ Quảng Ngãi đã biểu hiện khá rõ nét trong cuộc đời và sự nghiệp của ông.

Tháng 2 năm 1996

MỘT VÙNG VĂN HIẾN " TRÁI MẶT VỚI NON SÔNG"

TRƯỜNG LUU

(Viện Văn hóa)

Chúng ta biết rằng, Hòa ước năm 1862 với 12 khoản quy định triều đình Huế phải nhượng hẳn ba tỉnh miền đông Nam kỳ và đảo Côn Lôn cho thực dân Pháp, đã gây nên sự phản ứng dữ dội trong nhân dân từ Nam đến Bắc. Trong khi Phan Văn Trị ở Gia Định đau đớn: "Tan nhà cảm nỗi cơn ly hận; Cất đất thương thay cuộc giảng hòa", thì kỳ thi hương năm 1864, sĩ tử ở ba trường Thừa Thiên, Nam Định và Hà Nội nhất loạt phản đối triều đình. Sĩ tử la ó, viết truyền đơn kêu gọi xóa bỏ hòa ước đầu hàng nhục nhã. Họ không chịu vào trường thi và đòi hoãn bỏ kỳ thi. Lúc bấy giờ tuy giao thông khó khăn, song "tin lành đồn xa, tin dữ đồn ba ngày đường", Lê Trung Đình, Trần Bá Võ cùng như các lớp môn đồ khắp nơi sau đó không ai không biết đến tin này khi đang "dùi mài kinh sử để chờ khoa thi". Nó chính là liều thuốc kích thích tinh thần yêu nước của kẻ sĩ trong thời loạn. Đến khi triều đình Huế ký Hiệp ước Harmand (1883) thì bầu không khí như tang tóc bao trùm lên đất nước. Bởi từ đây, từ Bình Thuận trở vào gọi là Nam kỳ thuộc địa của Pháp; từ Khánh Hòa tới đèo Ngang là đất An Nam tức Trung kỳ, thuộc chế độ nửa bảo hộ; và từ đèo Ngang trở ra gọi là Bắc kỳ, theo chế độ bảo hộ. Một năm sau đó (1884) để "an ủi" triều đình Huế, thực dân Pháp trong hiệp ước Patenôtre mới cắt thêm bốn tỉnh:

Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Bình Thuận (bao gồm cả Ninh Thuận hiện nay) nhập vào Trung kỳ; và về danh nghĩa là cho triều đình cai quản nhưng lại đặt dưới sự bảo hộ của quan cai trị người Pháp.

Sau khi kinh thành Huế thất thủ (1885) được ít lâu, bộ máy cai trị của Pháp ở Trung kỳ đưa Đồng Khánh lên ngôi vua bù nhìn, thay cho vua Hàm Nghi rời bỏ kinh đô và chạy lên miền sơn cước Quảng Trị tổ chức căn cứ địa chống Pháp. Đồng Khánh (tức Ứng Kỳ) là anh ruột vua Hàm Nghi (tức Ứng Lịch) và là con nuôi thứ hai của vua Tự Đức. Mọi biến cố của triều đình sau đó, một phần rất quan trọng là từ cái chết của vua Tự Đức. Thực dân Pháp cũng nhân nội bộ triều đình rối ren mà dần sâu thêm vào mọi dã tâm chiếm nhanh, cướp nhanh các vùng lãnh thổ ở Trung kỳ, Bắc kỳ.

Sau khi chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi ban ra từ sơn phòng Quảng Trị (13.7.1885), trong dân gian liền lan truyền hai câu ca dao:

*Hàm Nghi chính thực vua trung
Còn như Đồng Khánh là ông vua xằng*

Kinh thành Huế và khắp vùng Ngũ Quảng (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức, Quảng Nam, Quảng Ngãi) là những nơi lan truyền sớm nhất, mạnh nhất câu ca trên, làm cơ sở cho ý thức hưởng ứng chiếu Cần vương:

"... Những mối luân thường quan hệ, trăm quan khanh sĩ không kể lớn nhỏ, chắc không nỡ xa bỏ trăm, người trí giúp mưu, người dũng giúp sức, người giàu xuất của để giúp quân nhu, cùng nhau đoàn kết, chẳng ngại gian hiểm, làm cách nào mà có thể cứu nguy đờ ngã, gỡ chỗ khó, giúp khi

bí, thấy đều hết lòng hết sức. May chi trời cũng chiều người, chuyển loạn làm trị, chuyển nguy làm an, thu lại đất đai, phục lại bờ cõi, cơ hội này thật phúc cho nước nhà, tức là phúc cho thần dân, đã cùng nhau lo lắng thì được cùng nhau yên vui, há chẳng tốt lắm ru?...⁽¹⁾

Lời lẽ thống thiết từ chiếu Cần vương như hồn thiêng Tổ quốc hiện về, kêu gọi toàn dân vì giang sơn xã tắc mà đồng lòng hiệp lực khôi phục bờ cõi của bao đời cha ông đã đổ máu và mồ hôi gây dựng nên. Theo nhà sử học Thái Vũ trong tác phẩm *Lịch sử ? Đồng tiền sắp ngửa*⁽²⁾ thì cụ Lê Việt Hòa - thân sinh Lê Hồng Long, người Mộ Đức, sau này là đại biểu Quốc hội khóa I của Quảng Ngãi - là liên lạc viên của cụ Trịnh Xáng, một yếu nhân trong các phong trào yêu nước ở Nam - Ngãi - Bình - Phú từ đầu những năm 80 của thế kỷ trước, là người có quan hệ mật thiết với Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường, Lê Trung Đình và cả Đào Tấn, khi ông này chưa ra làm quan trở lại dưới triều Đồng Khánh. Khi có chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi, qua liên lạc, Lê Trung Đình tổ chức cuộc họp ở nhà Nguyễn Bá Loan (Mộ Đức). Mọi việc của phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi bắt đầu từ cuộc họp này. Hy vọng bùng lên trong kế hoạch được phân công: chủ tướng, phó tướng, nội công, ngoại ứng, cánh quân phía bắc sông Trà kéo vào, cánh quân nam sông Trà, sông Vệ kéo sang. Rạng sáng ngày 13 tháng 7 năm Ất Dậu 1885 là thời gian nổ pháo lệnh tấn công thành Quảng Ngãi, cũng đã được quy định cụ thể.

¹ : Theo bản dịch trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam 1858-1930*, NXB Văn hóa, Viện Văn học, 1963.

² : NXB Thông tin, 1992.

Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan v.v... bắt tay vào tổ chức, vận động binh lính, bí mật truyền lệnh khởi nghĩa trong nhân dân, chủ yếu là tả hữu ngạn sông Trà. Và thực tế, nghĩa quân đã kiểm soát được thành và mấy nơi trọng yếu khác. Gần tám trăm binh sĩ đều đồng lòng đứng dưới cờ nghĩa Cần vương. Nhưng không ngờ, quan sơn phòng Nguyễn Thân bị tên gián điệp đội lốt cha cố là Đặng Đức Tuấn lôi kéo bằng chút bả vinh hoa, đem lòng phản bạn, phản bội Tổ quốc, bắt giết thủ lĩnh và tàn sát nghĩa quân. Bấy giờ trừ Huế, các cửa biển Thuận An (Thừa Thiên), Đà Nẵng và mấy nơi chung quanh khu vực kinh đô, còn Quảng Ngãi cũng như các tỉnh miền Trung chỉ có lẻ tẻ một ít lính Tây, nhưng mạng lưới gián điệp của chúng thông qua "giáo đoàn hải ngoại" (Missions étrangères) thì bủa vây khắp cả miền Trung. Chúng thực hiện chính sách chinh phục "tầm ăn lá dầu" hoặc "khuân từng gói nhỏ" (système de conquête par petit paquets) để cuối cùng đặt ách thống trị lên toàn cõi Đông Dương.

Người trước ngã, người sau tiếp, lá cờ Cần vương ở Quảng Ngãi vẫn tiếp tục được giương cao. Sau khi chánh phó tướng Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân bị hành hình, phong trào Cần vương liên tỉnh rút lên mạn ngược do Nguyễn Bá Loan và Cử nhân Tôn Tường (Quảng Ngãi), Hường Hiệu và Trần Hoàng (Quảng Nam) chỉ huy và tồn tại suốt ba năm liền (1886-1888). Võ Thị Đệ (Bình Sơn) từng theo cha chiến đấu dưới lá cờ nghĩa Lê Trung Đình, giờ đây trở thành nữ tướng quân lương trên sông Trà Bồng tiếp tế cho nghĩa quân hai tỉnh.

Như câu nói của người xưa: "Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên; Thời cơ vi tội, bại giả đương nhiên". (Mưu sự

tại người, thành sự tại trời. Thời cơ chưa đến, thất bại là lẽ đương nhiên), thất bại của phong trào Cần vương không ra ngoài quy luật thời cơ ấy. Nguyễn Văn Tường là người chủ chiến, được vua Tự Đức lúc còn sống phong đến chức Thượng thư bộ Hộ, sung Cơ mật viện Đại thần, và được giao cho trọng trách xây thành Tân Sở (Quảng Trị) làm hậu thuẫn cho triều đình phòng khi biến cố, ấy thế mà sau đó Tường phản bội, đầu hàng giặc, chỉ vì chiếc mề đay "Bắc đẩu Bội tinh Đệ nhị" giặc Pháp tặng cho Tường; thì việc Nguyễn Thân làm phản vì một chức vụ Thượng thư bộ Binh mà bọn quan cai trị người Pháp hứa sẽ dành cho y, là việc không có gì đáng ngạc nhiên trong thời buổi tranh tối tranh sáng, giữa cảnh triều đình rối ren, giành giật ngôi thứ, đất nước rơi vào thảm cảnh tiêu điều ! Cũng như Tuy Lý vương Miên Trinh khước từ lời mời của Lê Trung Đình giữ chức Phụ quốc vương cho phong trào Cần vương Quảng Ngãi, cũng không phải trường hợp hiếm có. Bởi Miên Trinh (con vua Minh Mạng) là con người nhu nhược, quen sống cảnh lầu son quyền quý, làm thơ để thưởng ngoạn "phong hoa tuyết nguyệt" theo lối sống an nhàn, đã từng trốn dưới tàu chiến Pháp đậu ở cửa biển Thuận An và nhờ tên Thống sứ Pháp De Champeaux che chở khi biến cố kinh thành xảy ra, thì Miên Trinh đâu có thấu hiểu nỗi đau của một dân tộc mất nước ! Do con trai ông có âm mưu chống lại phe chủ chiến, nên cả gia đình Miên Trinh bị quan đại thần Tôn Thất Thuyết đầy đi an trí ở Quảng Ngãi, sau khi vua bù nhìn Đồng Khánh lên ngôi mới được triệu về kinh phục chức!

Lịch sử bao giờ cũng nghiêm minh, thời gian bao giờ cũng là cán cân công lý. Nguyễn Văn Tường làm tay sai

cho giặc, nhưng rồi lại bị Thống soái thực dân De Courcy đày ra Côn Đảo, rồi lại đày sang quần đảo Tahiti với khoản trợ cấp 60.000 tiền Franc hàng năm ! Còn Nguyễn Thân thì sống trong sự khinh bỉ của nhân dân và chết trong sự rửa nguyên của nhân dân. Gia đình ông có lập chùa, niệm Phật song vẫn không xóa được nỗi uất hận ngút trời của oan hồn những người đã bị Nguyễn Thân tàn sát trong các phong trào yêu nước ở miền Trung.

Ngày nay, khi đọc lại bài "Thơ tuyệt mệnh" (Tuyệt mệnh thi) của Lê Trung Đình sáng tác trong ngục thất trước lúc ra pháp trường, chúng ta còn bồi hồi xúc động:

*Ngày nay chim trong lồng
Sáng mai cá trên thớt
Thân này có tiếc chi
Chỉ thương cho xã tắc⁽¹⁾*

Vì xã tắc - nhân dân mà ông và Nguyễn Tự Tân, Thái Thú và hơn hai mươi năm sau (1908) là Nguyễn Bá Loan... chịu rơi đầu dưới máy chém, vì đại nghĩa Cần vương.

Phong trào Cần vương nổ ra là một tất yếu lịch sử: *Trải bốn ngàn năm văn hiến, Há quên lời thề diệt xâm lăng* (Lê Trung Đình). Và sự thất bại của phong trào Cần vương cũng là tất yếu trong hoàn cảnh lúc bấy giờ:

*Mặc nói giống lao lung tù hãm
Chốn triều đình gấm trải lạng sa
Than ôi ! một cõi sơn hà
Ngàn năm văn hiến hóa ra ngục tù⁽²⁾*

(Lê Đình Cẩn)

¹ : Lê Trọng Khánh dịch. *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam 1858-1930*.

² : *Sao sáng sông Trà*. Sdd.

Tuy thất bại, tinh thần cứu nước của phong trào Cần vương vẫn sống mãi trong các phong trào yêu nước ở Quảng Ngãi về sau. Có khác chăng, là chiến sĩ yêu nước sau phong trào Cần vương không theo đường mòn lối cũ của cha anh mà tìm cho mình một hướng đi mới, một con đường giải phóng dân tộc phù hợp với hoàn cảnh lịch sử của từng giai đoạn. Có người như Trần Du, tuy học giỏi nhưng không đi thi, ra tận căn cứ của nghĩa quân Phan Đình Phùng để tìm hiểu kế hoạch chống Pháp. Trước khi bị bắt, vua Hàm Nghi còn cho Trần Du được yết kiến và phong cho ông chức Nam phương Bình Tây Đại tướng quân, chỉ huy công cuộc chống Pháp xâm lược ở các tỉnh miền Trung. Có người như Võ Quán tham gia Duy Tân hội và xuất dương sang Nhật; sau khi học trường võ bị Hoàng Phố, sung vào đội quân Bắc phạt với nhân dân Trung Hoa. Có người như Võ Tùng xuất dương sang Trung Quốc rồi hoạt động cứu nước tại Xiêm La. Có những người như Nguyễn Đình Quảng, Nguyễn Thụy, Trần Kỳ Phong ra Hà Nội tìm đến trường Đông Kinh nghĩa thực để học hỏi kinh nghiệm cứu nước và khai trí cho dân. Nhưng cũng có người như Trần Tố, ra Hà Nội tìm đường Đông du thì Hà thành thất thủ phải quay trở về. Và có nhiều người như Lê Khiết, Lê Đình Cẩn, Lê Ngung, Phan Long Bằng, Nguyễn Năng Lự, Trương Quang Cận v.v... chịu ảnh hưởng tư tưởng cấp tiến của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. Một số người trong số đó sau này trở thành đảng viên cộng sản, như Nguyễn Công Phương, Trần Toại, Nguyễn Quang Mao v.v...

Mỗi danh nhân và nhân vật cách mạng Quảng Ngãi trên đây đều gắn với các phong trào Đông du, Duy tân và

Khất thuế, sau thất bại của phong trào Cần vương. Điều khá đặc biệt là những nhà lãnh đạo cốt cán của các phong trào từ Cần vương về sau, đều là những trí thức Nho học và dần dần ngã sang tân học theo tình thế. Hầu như người nào trong số đó cũng để lại cho đời một số thơ văn yêu nước. Tinh thần yêu nước máu thịt với văn chương là như thế. Rõ ràng, đây là một vùng văn hiến "Trái mặt với non sông" mà Lê Trung Đình đã từng gởi gắm tâm sự qua một ý thơ.

Sau thất bại của phong trào Cần vương cả nước, có nhà thơ ở miền Trung đã bị quan và đau xót:

Thôi thánh hiền

Thôi tiên phật

Thôi hào kiệt

Thôi anh hùng

Nghìn năm sự nghiệp nước về Đông !

thì sau đó phong trào yêu nước tiếp tục dâng cao, tâm hồn chiến sĩ - thi sĩ lại lâng lâng:

Ai ơi ! Quảng Ngãi quê ta

Đất đầm nước mắt, nước pha máu đào

Sông dài biển rộng non cao

Cũng không dựng hết xiết bao nhọc nhằn

Dân làm, Tây cướp, vua ăn

Thuyền tràn sĩ khí, buồm căng oán thù

Đông tàn mây ám trắng lu

Xuân sang gió dậy, sương mù ắt tan.

(Nguyễn Quang Mao - 1907)

Tháng 7.1996

T.L

THỦ PHÁC HỌA CHÂN DUNG LÊ TRUNG ĐÌNH QUA MỘT SỐ GIAI THOẠI

CAO CHU
(Sở VH TT Quảng Ngãi)

Thật đáng tiếc, Lê Trung Đình - cũng như nhiều nhân vật lịch sử ở nước ta - sau khi mất đã không để lại một bức chân dung. Việc đánh chiếm thành Quảng Ngãi và liền sau đó phải chết oan uổng dưới bàn tay tráo trở của Nguyễn Thân, kẻ vừa mới qua mệnh danh là đồng môn, đồng hội, lại là đồng hương của ông đã được biên chép khá rõ. Nhưng sử học thường không đi sâu vào cá tính của từng người. Gương mặt Lê Trung Đình ra sao, cương nghị, đăm chiêu hay tươi vui, đôi mắt ông ánh lên vẻ thông minh hóm hỉnh hay đượm nỗi u buồn, vóc người ông thấp lùn hay vạm vỡ ? Đó là những gì ta chưa thể biết. Nhiều nhân vật khác tuy cũng không để lại chân dung, nhưng để lại được những tập thơ văn, hậu thế còn có thể phục hiện bức-chân-dung-tâm-hồn của họ. Còn với ông, thơ văn chỉ sót lại (hoặc chỉ kịp có) đôi bài. Song ở đây vẫn còn có điều may. Sau ông chết, người đời vẫn còn lưu truyền nhiều giai thoại về ông. Tất nhiên giai thoại không thể hoàn toàn là sự thật, nhưng giai thoại thường tóm tắt đúng đặc tính của con người. Trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, một số giai thoại về Lê Trung Đình vẫn được sưu tầm và in vào sách, ở cả hai miền Nam - Bắc, như trong

Non nước xứ Quảng (NXB Khai trí - Sài Gòn 1971) và *Khuôn mặt Quảng Ngãi* (NXB Nam quang - Sài Gòn 1973) của ông Phạm Trung Việt, *Sao sáng sông Trà* (Hội Văn nghệ Nghệ An 1975) của ông Hồng Sinh. Chắc chắn là chưa đủ, cũng chưa lập thành một hệ thống để xem xét, đánh giá, nhưng trong bối cảnh hồi bấy giờ, đó là một việc đáng trân trọng.

Giai thoại kể, có lần chàng Cử Lê Trung Đình ghé vào thăm bạn cùng quê là Đỗ Duân nhưng không có bạn ở nhà, chỉ gặp người cha là Phó bảng Đỗ Đăng Đệ, từng giữ chức Bố chánh Định Tường, về hưu với hàm Thượng thư (Bộ trưởng). Trong câu chuyện, không rõ vô tình hay cố ý, chàng trai cầm chiếc bình vôi đặt lên bàn, trước mặt ông Đệ. Ông Đệ liền cho đó là một hành động xác xược, vô lễ, và lên giọng quở trách: "Thầy Cử, thầy khí quá, khí như anh Lượng khi trước !" Ý ông Đệ muốn nhắc đến tính khí của thân phụ Lê Trung Đình - cụ Lê Trung Lượng. Cụ Lượng đỗ Cử nhân năm Nhâm tý 1852, làm Án sát Bình Thuận do không ăn "rơ" nên Tuần vũ và Bố chánh tỉnh này mặt vu rằng, trong lúc hội giảng huấn điều, cụ đã lặc dầu không phục, trò chuyện trong cung, mắng nhục đại thần. Cụ tố cáo lại. Vụ án dần dai, cuối cùng cụ Lượng không bị tội mà bị chuyển đi làm Bang biện Sơn phòng Thanh Hóa và bị chết một cách mập mờ ở đó. Vua Tự Đức rất tiếc bởi biết cụ là người trung chính. Vua từng có lần nói: "Thanh như Lượng, trung như Nhượng, thiên hạ hà hữu bất tri". Trở lại câu chuyện, sau khi nghe vậy, Lê Trung Đình thưa: "Thưa cụ lớn, cha con xưa có khí, nhưng khí đạo, khí tiết, khí nghĩa, chứ không khí "tặc vị chí, khí thành như tấu". Ý Lê Trung Đình muốn nhắc lại việc giặc

chưa đến nhưng Bó chánh Đệ đã bỏ mất thành Định Tường, sau đó phải về hưu. Ông Đệ rất giận. Thật là một sự ăn miếng trả miếng đích đáng. Qua câu chuyện, ta lại có thể thấy giọng lưỡi đầy vẻ quan phiệt, học phiệt, thói trịch thượng của một lão hủ quan Thượng thư, cũng như thái độ cứng cỏi, khăng khải của chàng trai trẻ trước sự áp bức tinh thần nặng nề như vậy.

Lê Trung Đình ảnh hưởng tính khăng khải của thân phụ chàng, nhưng không đợi đến khi trở thành ông Cử. Tính cách ấy có mầm mống ngay từ hồi còn nhỏ, cậu bé vốn có tư chất thông minh và nghịch ngợm. Giai thoại kể hồi ở quê, có lần cậu bé đang đêm rủ bạn vượt sông Trà sang phía tả ngạn để xem hát tuồng ở Chánh Lộ (tỉnh lý bây giờ), đánh cắp áo mào râu ria đem về, cả bọn đóng giả tuồng, hát những câu châm chọc quan quân hèn nhát, lại nhân đó mà mắng mỏ luôn bọn hào lý đến xem: "Ta đây là dân chi phụ mẫu, các chú làng kia sao dám vuốt râu hùm!". Lớn lên, thụ giáo với thầy Nguyễn Duy Cung, có lần chàng trai nghe bạn bè xúi dục, đi chòng ghẹo con gái thầy, bị thầy bắt gặp, suýt phạt roi, may mà chàng kịp giữ ngón sờ trường ứng khẩu đọc thơ khiến thầy hiểu và quý chàng. Đa số các giai thoại đều cho thấy chàng là người ứng đối sắc sảo, nhạy bén, thích trào lộng. Sĩ tử xứ Nghệ ra về đối: "Tam nhân đồng tọa, thượng hạ lục đầu". Chàng đáp lại: "Nhị nữ song hành, tung hoành tứ khẩu". Anh bạn Cử nhân Trần Bá Vô ra câu: "Đình ra sân, Đình đứng, Đình dừng, Đình bị sét Đình còn một cột". Chàng đối lại: "Vô ý mạnh, Vô ra Vô múa, Vô bị mưa Vô ướt hết lông". Anh bạn Thủ khoa Điện ra câu: "Đình hư giữa chợ, ăn mày ngủ". Chàng đối lại: "Điện tế ngoài đồng, chó đói ăn". Có

*lần đau bụng lở xả hơi xấu, chàng ứng khẩu tự trào: "Lê Trung Đình, bụng sinh hễ, bụng sinh..." Những câu chuyện giai thoại như vậy ngoài ý nghĩa ca ngợi chàng là người hay chữ, nhanh trí, giỏi ứng đối, còn cho thấy, dù là con nhà quan, chàng thật gần với những chuyện tiểu lâm dân gian - sự tiếp cận cả với cái tục, cái đời thường, nhưng lại là những cái rất tự nhiên, rất người, rất khác với sự đạo mạo thường thấy ở các nho sĩ.

Kể ra, xưa nay không thiếu gì những ông Nghè, ông (ống (cờ Tiến sĩ, phó Tiến sĩ bây giờ) phải "ra mây khói" bởi chỉ biết nhai lại những gì sẵn có - nhất là trong thời Nho học, lấy việc học từ chương giáo điều làm chính (Nói như vậy cũng không phải để biện hộ cho những người ít học mà vẫn không chịu học). Chẳng cần phải biện minh gì nhiều khi chàng nho sĩ ấy, dù giỏi giang đến mức sĩ tử nơi nơi đều chịu phục, nhưng với tính khí ngang tàng không chịu vào khuôn phép, vừa muốn lấy bằng để lấy uy vận động cứu nước lại vừa chán phèo trước khoa cử, đã có lần thi hỏng, đã có lần hòng chiếm thủ khoa mà vẫn chỉ đỗ hạng thường. Có điều chuyện thi cử của chàng cũng đã đi vào giai thoại. Chuyện kể rằng đi thi mà chàng lại "lơ đễnh" sao đó để viết sai ngữ pháp Hán văn; lại trong lễ xướng danh các tân khoa, nghe Phạm Chất đỗ thủ khoa, sẵn có chiếc quạt cầm tay, chàng bất thần gõ gõ lên đầu Thủ khoa Chất và buộc miệng: "Thủ khoa gì ông mà Thủ khoa". Chàng bị chủ khảo nọc ra đánh roi, nhưng vừa trở dậy chàng đã ứng khẩu đọc:

*Đầu thủ khoa năm ba dấu quạt
Đít cử Đình sáu bảy lần roi.*

Chữ "dầu" đối với chữ "đít" thật chan chất. Chắc trong sự thật không hoàn toàn đúng như vậy, nhưng giai thoại này một lần nữa lại tô đậm thêm tài ứng đối và tính cương trực, sự ngang tàng của Lê Trung Đình. Tính cương trực và sự ngang tàng đến mức gần như xem thường cả các tôn ti phép tắc như vậy là nét cá tính mạnh mẽ ở Lê Trung Đình mà trong số nhiều danh sĩ xưa hình như chỉ thấy ở Cao Bá Quát hoặc ở Ông Ích Khiêm, một danh sĩ Quảng Nam cùng thời hoặc vài người khác. Bởi hơn đâu hết, Nho giáo thường ép con người vào phép tắc cứng nhắc nên bên cạnh cái hay, nó lại rập khuôn hình thái mọi người, khiến con người ít được thể hiện cá tính, thậm chí đánh mất cả chủ kiến của mình.

Cùng cần hiểu rằng, qua hai giai thoại Lê Trung Đình cảm quát đánh lên đầu Thủ khoa và sự ứng đáp cứng cỏi trước một nhân vật nặng óc quan phiệt như Đỗ Đăng Đệ, sự ngang tàng ấy cũng không phải là sự ngang tàng của kẻ phá phách, "vô chính phủ". Với triều đình Huế khi đã trở cờ, Lê Trung Đình có thể bị coi là kẻ phản nghịch. Ngược lại, kẻ đối chọi với chàng là Nguyễn Thân (quê Mộ Đức) rất được tin cậy đến mức được phong Cần chánh điện Đại học sĩ, được cả quyền tiền trạm hậu tấu nhờ "công lao" của y không chỉ chặt gậy ngọn cờ Cần vương tiên phong của Quảng Ngãi mà còn đánh dẹp hầu hết các cuộc khởi nghĩa Cần vương ở miền Trung cũng như chém đầu nhiều thủ lĩnh (chặt đầu cả Lê Khiết là chỗ anh em cô cậu với y) làm con chó săn loại hung hăng nhất trong lịch sử. Các bậc thầy của Nho giáo xưa vốn thường dạy môn sinh những điều rất nhân bản như "Dân vi quý, quân vi khinh", với địa vị thì trọng khoa (trọng người có tri thức) hơn trọng hoạn

(tức trọng quan chức), làm quan thì đặt trách nhiệm phải như cha mẹ của dân... Song trên thực tế hầu như là ngược lại. Khẩu hiệu "Dân vi quý" hay "phụ mẫu chi dân" đôi khi chỉ làm chiêu bài cho những kẻ giáo quyệt. Là những người sống trong thời đại ngày nay, chúng ta vẫn hết sức cảm phục những người xưa đỗ đạt nhưng không chịu ra làm quan, hoặc đang làm quan mà rũ áo về ở ẩn vì bất đắc chí. Nhưng cũng phải thừa nhận rằng trong xu thế tàn tạ của đạo Nho cùng thể chế tương ứng với nó, chế độ phong kiến, nhiều nho sĩ đã tỏ ra trọng hoạn hơn trọng khoa. Sự hám địa vị, tham tiền, lối sống thực dụng đã khiến nhiều người bắt tay với bọn ngoại xâm, những kẻ đối chọi ngay cả trên lĩnh vực văn hóa với mình. Nguyễn Thân là một sản phẩm tất yếu của bối cảnh ấy. Với bản chất giáo quyệt, Nguyễn Thân cũng gia nhập Nghĩa hội nhưng lại bất hời với bọn thực dân như mặt cửa và mướp đắng. Lại có giai thoại kể rằng, sau khi bắt được Lê Trung Đình, Nguyễn Thân có đến hỏi ý kiến ông thầy học xưa của cả hai người. Để rửa hờn vì Lê Trung Đình đã chê con gái ông dạy trước (tất nhiên vẫn theo lối chơi chữ của Lê Trung Đình !), ông thầy bảo Thân hãy chém Cử Đình. Điều này không hẳn là sự thật. Nếu có thật thì Thân cũng chỉ làm một thủ thuật cho "sạch nước cần" mà thôi. Nguyễn Thân đâu chỉ có chém đầu Lê Trung Đình và chà đạp lên phong trào Cần vương Quảng Ngãi. Cái bi kịch của Lê Trung Đình, cũng như nhiều sĩ phu khác, là cái ác đang cơ thắng thế, chúng được cả ăn cả nói cả gói mang về. Việc Nguyễn Thân "yêu nước, thương dân" ra sao ai cũng rõ. Còn Lê Trung Đình, từ một chàng trai ngang tàng, tính nghịch, lại không muốn yêu nước thương dân trên đầu môi chót lưỡi. Không ai bày biểu, nhưng Nghĩa hội hình thành,

chàng gia nhập và nuôi chí lớn: "Phong trần mài một lưỡi gươm, những phường giá áo túi cơm sá gì" (Nguyễn Du).

Tính cách ngay thẳng, khẳng khái, thậm chí ngang tàng, nghịch ngợm, đầy cá tính của Lê Trung Đình ắt được un đúc từ dòng máu và từ khí thiêng của miền đất Ấn - Trà. Không phải như nhiều người cố tình lấy chữ "Co" từ câu ngạn ngữ "Quảng Nam hay cãi, Quảng Ngãi hay co..." trong một trường nghĩa cùng chỉ ra những nhược điểm của mỗi địa phương rồi áp đặt, gọi là "Co cượng" và giải thích là "bất khuất". Biện giải như vậy để làm gì, khi ta biết, bên cạnh những đức tính, mỗi dân tộc, mỗi địa phương đều có những nhược điểm cần phải được tìm ra, chứ không phải để khóa lấp, nếu muốn cầu tiến. Một ông quan yêu nước thương dân như Nguyễn Thông cũng bị người Quảng Ngãi vu oan, rồi lại chính những người Quảng Ngãi đầy tình vị nghĩa kêu oan cho ông. Sự xuất hiện một cặp đồng môn, đồng hương, nhưng lại rẽ ra hai con đường đối nghịch, hai tính cách khác nhau như bóng tối với ánh sáng là Nguyễn Thân và Lê Trung Đình là một điều đáng suy ngẫm: Một bên cực kỳ hèn mạt, bên khác vô cùng khẳng khái, một bên vì túi tham sẵn sàng bán đứng Tổ quốc, chà đạp đồng bào, dẫm lên nhân nghĩa, bên khác đầy lòng vị tha, vị nghĩa, vì Tổ quốc có thể hy sinh cả thân mình. Không hẳn là tài cán, đặc tính gian ngoan của Nguyễn Thân khiến y nghĩ ra được nhiều mưu mô xảo quyệt mà bản thân người khẳng khái như Lê Trung Đình và các chí sĩ khác không thể hình dung nổi. Đối sánh với các nho sĩ khác qua giai thoại ta thấy chàng tuổi trẻ Lê Trung Đình sáng lên vẻ đẹp của trí tuệ sắc sảo, của sự trào lộng hóm hỉnh, thể hiện một cá tính mạnh mẽ và khoáng đạt. Đối sánh của Nguyễn Thân, kẻ đang ở một thái cực khác, có thể thấy rõ đặc tính chuộng việc nghĩa, trọng khí tiết của

người Quảng Ngãi ở chàng. Đối sánh với triều đình, ta thấy chàng là một con người tự chủ trong suy nghĩ, dứt khoát trong hành động, dù biết rằng hành động ấy nằm cheo leo giữa thành công và thất bại. Suy cho cùng, sự ngang tàng nghịch ngợm, thói quen chơi chữ, trào lộng như trong giai thoại đã nói về chàng là sự phát tiết ra từ một tình cảm tràn đầy, mãnh liệt, vững chắc và đúng đắn và là sự phản ứng trước thói đạo mạo, giả nhân giả nghĩa của bọn phong kiến đương thời. Sự gần gũi với nhân dân, và việc chưa đỗ đại khoa khiến chàng rất gần với những người được gọi là "nhà nho tài tử" - ngoài tính cách của thú lãnh tiên phong của cuộc khởi nghĩa. Vì thương mến tài đức của chàng, người đời còn lưu truyền các giai thoại về điểm bất tường trong lễ tế cờ xuất quân ở chiến khu Tuyên Tung, nghi lễ "chép tướng" ở thôn Châu Tử v.v... như để biện hộ cho sự thất bại của chàng cũng như nhiều chí sĩ khác và cũng để nói rằng, dù biết trước con đường có thể đưa vào chỗ chết chàng cũng cam lòng, chứ không chịu an phận thủ thường "đất nước đau thương giương mắt ngó" như nhiều vị quyền cao đức trọng đương thời. Chàng mất sớm, nhưng bia miệng vẫn còn ghi rõ rành cá tính của chàng, không thôi ca ngợi chàng, cũng như không thôi nguyên rửa kẻ bạc ác, hiểm độc và giáo quyết Nguyễn Thân. Giai thoại không phải là lịch sử, nhưng kỳ thực nó giúp cho các nhân vật lịch sử như có da có thịt, như đang sống giữa lòng dân. Chỉ riêng sự tồn tại của giai thoại đã là một vinh hạnh cho nhân vật và nói với chúng ta thật nhiều điều.

Tôi không phải người chuyên khoa lịch sử nên không dám máy mó đến chuyện nghiên cứu lịch sử, chỉ xin qua một số giai thoại, thử phác họa chân dung của một nhân vật không thể quên của lịch sử, hòng giúp ích chút gì cho hội thảo chăng.

MỘT NHÂN VẬT CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CẦN ĐƯỢC GHI RÕ NÉT HỒN TRONG CÁC SÁCH LỊCH SỬ

PHẠM HỒNG VIỆT
(Đại học Sư phạm Huế)

1. Một sự thiếu vắng cần được bổ sung:

Phong trào Cần vương khởi đầu từ tháng 7.1885 tuy không giành được thắng lợi, nhưng là một phong trào rất đáng được trân trọng. Vì đây là "tiếng nói", là "hành động" đầu tiên của dân tộc Việt Nam kiên quyết bảo vệ chủ quyền dân tộc sau khi triều Nguyễn ký hiệp ước Harmand (28.8.1883) và Hiệp ước Patenôtre (6.6.1884), những hiệp ước "đầu hàng hoàn toàn, thừa nhận Pháp đặt quyền thống trị trên toàn bộ đất nước Việt Nam".

Lê Trung Đình và phong trào yêu nước ở Quảng Ngãi năm 1885 đã in dấu sâu đậm trong phong trào Cần vương. Thế nhưng điều đáng tiếc là các sách sử khi nói đến phong trào Cần vương, ngoài việc nêu tên Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, đã không thể nêu thêm được một điều gì cụ thể. Đó là trường hợp các sách "Lịch sử Việt Nam" (NXB Giáo dục, Hà Nội 1974), "Lịch sử Việt Nam" tập II dày 365 trang khổ lớn của Ủy ban KHXH Việt Nam, NXB KHXH, Hà Nội, 1985). Còn sách "Việt Nam Pháp thuộc sử" của Phan Khoang, xuất bản năm 1971, dày 450 trang, khổ lớn, khi đề cập đến phong trào Cần vương ở Quảng

Ngãi, chỉ nhắc đến Nguyễn Loan^{*} "con quan tổng đốc Nguyễn Bá Nghi" - mà không hề nhắc đến Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân. Sách "Việt Nam thời Pháp thuộc" của Nguyễn Thế Anh, xuất bản năm 1974, dày 250 trang khổ lớn, khi bàn đến các chiến sĩ Cần vương, không có một lời về phong trào ở Quảng Ngãi. Sự trống vắng này rõ ràng là không phù hợp với thực tế lịch sử khách quan; cũng có nguyên nhân do sự hạn chế của kết quả nghiên cứu. Hiện nay tình hình đã cho phép khắc phục sự trống vắng "không công bằng" và dễ gây thiệt thòi (trước hết là cho thế hệ trẻ và cho hậu thế) nói trên, để trên các trang viết của lịch sử dân tộc có thể có được một bức tranh tương đối hoàn chỉnh, đầy đủ về một thời kỳ rất đáng ghi nhớ của lịch sử dân tộc, thời kỳ Cần vương cứu nước.

2. Nhân vật Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi có nhiều nét nổi bật rất đáng chú ý:

Gia đình và thầy học có ảnh hưởng tích cực đến nhân cách yêu nước của Lê Trung Đình. Lê Trung Đình là con thứ 6 của cụ Lê Trung Lượng, một người nổi tiếng thanh liêm. Đã có lần vua Tự Đức khen: "Thanh như Lượng, trung như Nhượng, thiên hạ hà hữu bất tri" (thanh liêm như ông Lê Trung Lượng, trung như ông Đoàn Khắc Nhượng thì thiên hạ thế nào cũng thái bình). Thầy học của Lê Trung Đình là Án sát Nguyễn Duy Cung, về sau cũng là một chiến sĩ Cần vương, bị bắt tại Bình Định với Mai Xuân Thưởng.

Theo Phạm Trung Việt trong "Non nước xứ Quảng" thì

^{*} : Dùng ra là Nguyễn Bá Loan (chú thích của người biên tập)

ngày mùng 1 tháng 6 năm Ất Dậu (1885), vào giờ Tý, Lê Trung Đình truyền họp nghĩa quân, làm lễ tế cờ tại bãi cát trước đền Văn Thánh (Phú Nhơn) và phân làm ba đội qua sông Trà Khúc, tiến về ngã ba bao vây thành Quảng Ngãi và đánh thành trong đêm ấy.

Sách "Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1858-1896)" của Dương Kinh Quốc NXB KHXH 1981 đã nói đến ngày khởi sự của Lê Trung Đình muộn hơn. Tác giả viết: "Được tin vua Hàm Nghi xuất bôn, hạ chiếu Cần vương, Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân và Nguyễn Văn Hoành đã kéo đến tỉnh (trước ngày 11.8.1885 tức trước ngày 2.7 năm Ất Dậu), để đề nghị tỉnh cấp khí giới và lương thực, chuẩn bị kháng chiến..." Tính chính xác về thời gian khởi sự của Lê Trung Đình vẫn còn là một dấu hỏi.

Tuy nhiên, có thể khẳng định Lê Trung Đình là một trong số các sĩ phu kiên quyết chủ chiến. Lê Trung Đình không phải chờ có chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi (13.7.1885) mới hành động mà theo lệnh của Tôn Thất Thuyết, ông đã cùng các sĩ phu yêu nước trong tỉnh bí mật chuẩn bị lực lượng để chờ ứng nghĩa dấy binh. Sĩ phu Quảng Ngãi lập Nghĩa hội, tổ chức các đoàn kiệt và hương binh để chống giặc. Lê Trung Đình được cử làm chánh quản hương binh và Nguyễn Tự Tân làm phó quản Hương binh, Vũ Hội làm phó quản hương binh, Nguyễn Văn Hoành làm thương biện. Tính chất "chủ chiến" cùng với lực lượng đã được chuẩn bị sẵn sàng của phong trào ở Quảng Ngãi cho phép có thể tin được rằng Lê Trung Đình đã khởi sự rất kịp thời, ngay trong ngày vừa công bố chiếu Cần vương, tức ngày 13 tháng 7, như nhiều tài liệu đã khẳng định.

Khi tiến công vào thành, nghĩa quân đã bắt bọn tay sai giặc là Nguyễn Văn Dụ, Lê Duy Thụy hởi tội, đã tịch thu ấn triện, binh khí, tiền lương và thả tù phạm. Nghĩa quân cất đặt những chức vụ mới rồi chia nhau đi tấn công các trung tâm của bọn phản động tay sai giặc. Phong trào đang có đà lên mạnh thì tên Việt gian Nguyễn Thân cùng bè lũ đem 900 quân sơn phòng tiến đánh chiếm lại thành Quảng Ngãi.

Ngày Lê Trung Đình bị quân giặc xử chém sau khi không thể mua chuộc, dụ dỗ được ông, hiện còn chưa thật thống nhất giữa các tài liệu (theo tài liệu được công bố ở Quảng Ngãi thì đó là vào ngày 23.7.1885, theo sách "Danh nhân lịch sử" của NXB Giáo dục 1987 thì Lê Trung Đình bị hành quyết sau ngày 26.7.1885, theo Dương Kinh Quốc thì Lê Trung Đình bị sa vào tay giặc và bị xử chém sau ngày 14.8.1885).

Sách "Chống xâm lăng" được xuất bản tại Hà Nội (NXB Xây dựng 1957) có một sự nhầm lẫn khi tác giả viết: "Trong số những nhà lãnh đạo (phong trào Cần vương) ở Quảng Ngãi cần kể đến cụ Lê Trung Đình..., cùng là đồng hương với Nguyễn Thân mà lại chết về tay Nguyễn Thân..."

Thực ra, lúc hy sinh Lê Trung Đình chưa phải là "cụ" mà mới là một thanh niên mới 22 tuổi (1863-1885)*.

Nhiều dữ kiện liên quan với Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi cần được tiếp tục minh định,

* Tác giả theo ý kiến cho rằng Lê Trung Đình sinh năm 1863. Một số ý kiến khác vẫn nghiêng về năm 1857 hơn. Hội thảo vẫn chưa xác định rõ được. (Chú thích của người biên tập).

nhưng điều đã có thể được khẳng định là: ảnh hưởng tích cực của gia đình và thầy học đối với Lê Trung Đình, nhiệt tình yêu nước của tuổi trẻ Lê Trung Đình, tính chủ động về việc khởi sự kịp thời của phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi.

3. Hai bài thơ của một nhân cách thống nhất:

Lê Trung Đình đã tỏ ra rất thông minh từ bé, kinh sử thuộc lòng, văn chương xuất sắc. Mới 22 tuổi đã hy sinh, nên ngoài những lời thơ ứng đáp sắc sảo trong cuộc sống thường được dân gian lưu truyền, Lê Trung Đình không để lại nhiều cho kho tàng văn học yêu nước những tác phẩm có giá trị. Tuy nhiên, những bài thơ có thể biết được do Lê Trung Đình sáng tác, bài "Lục" và bài "Thơ tuyệt mệnh", đã thể hiện một nhân cách lớn và thống nhất của một chiến sĩ yêu nước. Trong bài "Lục" có thể đọc thấy nỗi đau của Cử Đình trước những khổ ải mà nhân dân phải chịu đựng:

*Mưa từng trận, gió từng hồi
Bốn bể giang san đã ngập rồi*

Và hai câu cuối của bài thơ là một lời phê phán nghiêm khắc:

*Nỡ để dân đen chìm đắm mãi
Này ông Hạ Vô ở đâu ơi !*

Trong "Thơ tuyệt mệnh" (Lê Trọng Khánh dịch từ chữ Hán) có thể thấy đức xả thân của người chiến sĩ đối với đất nước:

*Ngày nay chìm trong lòng
Sáng mai cá trên thớt
Thân này có tiếc chi*

Chỉ thương cho xã tắc

Hai bài thơ: một bài nghĩ về "dân", một bài đau về "nước" đã thể hiện rõ khí phách, tình cảm của một thanh niên còn rất trẻ đã hết lòng vì nước, vì dân. Thời gian hoạt động tuy ngắn ngủi nhưng dấu ấn, ảnh hưởng cùng nhân cách của Lê Trung Đình đã ngời sáng và đóng góp thiết thực cho sức mạnh và cho phong trào Cần vương, cho truyền thống giữ nước của lịch sử dân tộc. Vì lẽ ấy, Lê Trung Đình và phong trào Cần vương Quảng Ngãi phải có vị trí xứng đáng trên các trang sử viết của lịch sử dân tộc, giống như miền đất Quảng Ngãi và các chiến sĩ Cần vương ở đây đã có vị trí xứng đáng trên "trang sử đời", trong dòng lịch sử khách quan của dân tộc.

SỰ PHỐI HỢP CHIẾN ĐẤU GIỮA NGHĨA QUÂN QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI VÀ BÌNH ĐỊNH TRONG PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CHỐNG PHÁP CUỐI THẾ KỶ XIX.

PTS NGUYỄN ĐÌNH LỄ
PTS NGUYỄN NGỌC CƠ
(Đại học Sư phạm Hà Nội I).

Cuộc phản công của nhóm chủ chiến ở kinh thành Huế vào đêm mùng 4 rạng ngày 5.7.1885 thất bại, vua Hàm Nghi xuất bôn, hạ chiếu Cần vương tiếp tục công cuộc chống Pháp, là một sự kiện lịch sử quan trọng mở đầu phong trào đấu tranh chống Pháp quyết liệt của nhân dân Việt Nam dưới danh nghĩa “Cần vương”. Phong trào Cần vương nhanh chóng được các sĩ phu, văn thân và nhân dân yêu nước ở các tỉnh miền nam Trung bộ hưởng ứng. Trên cơ sở sự phát triển phong trào Cần vương ở mỗi tỉnh, các văn thân, sĩ phu yêu nước lãnh đạo phong trào ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định đã tiến hành sự phối hợp chiến đấu chống lại thế lực phản động tay sai khu vực do Nguyễn Thân cầm đầu. Đó là một trong những nét nổi bật của phong trào Cần vương ở các tỉnh nam Trung bộ.

Sự phối hợp chiến đấu giữa nghĩa quân ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định đã được chuẩn bị từ trước. Tháng 7.1883, Tự Đức băng hà. Tôn Thất Thuyết cầm đầu phe chủ chiến đã tiến hành củng cố quân đội ở triều đình

và các tỉnh để chuẩn bị đánh Pháp, giành lại quyền thống trị thực sự của triều đình.

Để tăng cường lực lượng chống Pháp, phe chủ chiến đứng đầu là Tôn Thất Thuyết, một mặt kêu gọi các quan lại, sĩ phu, thân hào tích cực tham gia cứu nước¹⁾; mặt khác tiến hành thiết đặt lại tổ chức hương binh ở các tỉnh “Vì các hạt phần nhiều đã tụ tập nhau lại, bảo vệ gia hương”²⁾.

Hệ thống sơn phòng được củng cố và xây dựng mới ở các vùng rừng núi thuộc các tỉnh từ Ninh Bình đến Bình Thuận, để biến nó thành cơ sở chống Pháp. Các sơn phòng sứ được lựa chọn trong hàng ngũ các quan lại chủ chiến. Trần Văn Dụ được cử làm sơn phòng sứ tỉnh Quảng Nam, Nguyễn Thân giữ “quyền sung Tiểu phủ sứ” sơn phòng Nghĩa - Định (gồm Quảng Ngãi và Bình Định)³⁾.

Ngoài việc củng cố sơn phòng Nghĩa-Định, triều đình còn tu sửa sơn phòng Quảng Nam (ở xã Dương Hòa, phủ Thăng Bình) tiếp giáp với sơn phòng Nghĩa-Định theo yêu cầu của “Đốc tiểu sứ là Trần Văn Dụ xin tăng thêm việc hoàn tu để cho thể lực tả kỳ được mạnh lên, nên sai tu lý để chứa muối gạo cho nhiều”⁴⁾. Tôn Thất Thuyết cũng “...phái mang vàng bạc đến Quảng Nam 90 gánh, mỗi gánh 2 hòm, cũng có khi một hòm, mỗi hòm 100 thỏi”⁵⁾ để hình thành nên thế trận liên hoàn giữa các sơn phòng tả trực

¹⁾ : *Đại Nam thực lục*, tập 36, Chính biên, đệ ngũ kỷ (1883 - 1885).
Nxb KHXH Hà Nội - 1976 Tr 81-82.

²⁾ Tài liệu đã dẫn, tr 57.

³⁾ Tài liệu đã dẫn, tr 109.

⁴⁾ : *Đại Nam thực lục*, tập 36, Sdd, tr.165.

⁵⁾ : *Đại Nam thực lục*, tập 37, NXB KHXH, Hà Nội, 1977, tr.171.

kỳ.

Lực lượng yêu nước ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định thiết đặt mối quan hệ chặt chẽ với phe chủ chiến ở triều đình và giữa các tỉnh với nhau. “Ở Quảng Ngãi, Cử nhân Lê Trung Đình và Tú tài Nguyễn Tự Tân đầu đảng, tương thông với Quảng Nam và Bình Định, có hiệp sức cùng nhau”⁽¹⁾. Tháng 5-1885 (tháng 4 Ất Dậu) Tôn Thất Thuyết điều Tham biện sơn phòng Nghĩa-Định Nguyễn Duy Cung giữ chức Án sát sứ tỉnh Bình Định để chuẩn bị công cuộc chống Pháp. Cùng vào cuối tháng 4 Ất Dậu, Đào Tấn theo lệnh Tôn Thất Thuyết đi kinh lý các tỉnh tả trực kỳ nhằm kiểm tra, đốc thúc tổ chức lực lượng Nghĩa hội⁽²⁾.

Ngày 23-5 Ất Dậu, kinh thành Huế thất thủ. Trưa ngày 23-5 tại xã Văn Xá (huyện Hương Điền, phủ Thừa Thiên) “Thuyết (Tôn Thất Thuyết -TG chú) tức thì kèm vâng mệnh vua, đem qua tình hình vua phải ra đi thông báo cho thiên hạ Cần vương, lần lượt tư cho Nam - Bắc tuân làm”⁽³⁾. Đối với các tỉnh tả trực kỳ, Tôn Thất Thuyết cử Tú Định(?) đi vào thông báo tin tức và truyền lệnh khởi nghĩa. Sự kiện này được phản ánh trong hai tác phẩm bằng thơ “Dậu tuất niên gian phong hỏa ký sự” và “Đại loan năm Ất Dậu”⁽⁴⁾.

Dụ Cần vương của Hàm Nghi được các văn thân, sĩ

¹ Theo Nguyễn Bá Trắc, Nguyễn Đình Chi... *Quảng Ngãi tỉnh chí*, Nam phong tạp chí 1933, bản đánh máy chữ lưu lại tổ nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi, tr.43.

² Tài liệu do cụ Lê Hồng Long cung cấp.

³ *Đại Nam thực lục*, tập 36, Sđđ, tr.221.

⁴ Dẫn theo Trần Viết Ngọc - *Nguyễn Duy Hiệu và Nghĩa hội Quảng Nam*, NXB Đà Nẵng, 1985, tr.23.24.

phu và nhân dân yêu nước các tỉnh nam Trung kỳ hưởng ứng, trước hết ở Quảng Ngãi. Ngày 12.7.1885, "Bình Sơn tả vệ hương binh chánh quản là Cử nhân Lê Trung Đình, hữu vệ phó quản là bọn Tú tài Nguyễn Tự Tân, Vũ Hội và Thương biện Nguyễn Văn Hoàn cho rằng xe vua đã ra, lại nghe có dụ Cần vương, muốn nhân đó mà dấy quân, tức thì tới tỉnh xin cấp khí giới, lương xướng. Tỉnh thần cho rằng lính hương binh chỉ canh giữ nơi làng xóm, không ví với lính tỉnh được, không dám tự tiện cấp, đợi chạy giấy mời những viên quan tại quán, bàn nghị sẽ làm"⁽¹⁾.

Trước tình hình đó "trong lúc toàn cõi Trung kỳ xôn xao rối loạn"⁽²⁾ đêm 13.7.1885, Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân quyết định phối hợp với một số quan lại yêu nước ở tỉnh thành: "chia phát binh phu làm ba đạo, tất cả hơn 3.000 tên...tiến đến tỉnh thành. Hiệp quản Trần Tu, Thành thú úy Nguyễn Côn mở cửa nội ứng, bọn ấy sấn vào tỉnh thành đem theo hai viên Bố, Án ra thành giam trói, thu lấy ấn triện, binh trượng, tiền lương, buông tha tù phạm, trước chém một tên suất đội, hai tên dân đạo, cất nguyên Tuy Lý vương là Miên Trinh (nguyên được giáng tước công ở trong tỉnh thành này) làm Phụ chính Quốc vương"⁽³⁾.

Nhưng "cuộc chiến đầu tiên, 8 ngày sau kinh thành thất thủ vào ngày 13.7"⁽⁴⁾ đã bị Nguyễn Thân vốn là quyền

¹ *Đại Nam thực lục*, tập 36, Sđd, tr.238.

Nguyễn Thân - Thư gửi toàn quyền Paul Doumer (1902). Trích theo Đào Trinh Nhất - *Phan Đình Phùng - Nhà lãnh đạo 10 năm kháng chiến (1886-1895) ở Nghệ Tĩnh* NXB Tân Việt, Sài Gòn, 1950, tr. 189

² *Đại Nam thực lục*, tập 36, Sđd, tr.238

³ Charles Fourniau - *Annam - Tonkin 1885-1896. Lettres et paysans Vietnamiens face à la conquête coloniale*. Editions L' Harmattan, Paris 1989, tr.47.

tiểu phủ sứ sơn phòng Nghĩa-Định, “trước cùng dự tên vào Nghĩa hội, sau phản Nghĩa hội theo Pháp”⁽¹⁾ đàn áp. Sự phản bội của Nguyễn Thân đã phá vỡ “sự thống nhất và liên kết” của phong trào Cần vương ở 3 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và trở thành một thế lực thù địch nguy hiểm đối với sự tồn tại của lực lượng Nghĩa hội vì Nguyễn Thân “là tay đầu sỏ nhất trong bọn nô lệ Pháp”⁽²⁾. Lúc bấy giờ Nguyễn Thân nắm trong tay một lực lượng quân sự to lớn. “Đời quan tiểu phủ Nguyễn Thân là đời toàn thịnh của sơn phòng. Tất cả số lính của Nghĩa-Định sơn phòng là 6.000 người, có chia ra thượng hạ ban, thuộc về Bình Định 2.000, về Quảng Ngãi 4.000”⁽³⁾.

Tuy bị thất bại nhưng cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình có một ảnh hưởng to lớn đối với phong trào Cần vương ở khu vực: “Tất cả các yếu tố của tấn bi kịch trên nhanh chóng gây ra cảnh đổ máu loang khắp Trung kỳ, nơi đã sẵn sàng hưởng ứng với Quảng Ngãi ngay vào những ngày cuối tháng 7”⁽⁴⁾.

Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân hy sinh nhưng lực lượng Nghĩa hội của Quảng Ngãi vẫn còn tiếp tục tồn tại. Những thủ lĩnh còn lại của phong trào như Nguyễn Bá Loan, Tôn Tường, Nguyễn Hanh, Nguyễn Tấn Kỳ... đã cùng nhau tập hợp lực lượng còn lại của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình, phát triển thêm lực lượng mới, tạo ra cục diện mới trên chiến trường Quảng Ngãi, phân chia thành 3 vùng: sơn phòng, tỉnh thành và các phủ huyện lỵ nằm

¹ : Phan Bội Châu - *Việt Nam vong quốc sử*, NXB Văn sử địa, Hà Nội 1958-tr.39.

² : Phan Bội Châu - *Việt Nam vong quốc sử*, Sđd, tr.39.

³ : Nguyễn Bá Trắc, Nguyễn Đình Chi - *Quảng Ngãi tỉnh chí*, Tidd, tr.39.

⁴ Charles Fourniau - *An nam - Tonkin 1885-1896*, Sđd, tr.47

trong tay bọn bù nhìn tay sai do Nguyễn Thân cầm đầu; một số vùng do những người theo đạo Thiên chúa chiếm giữ được sự bảo trợ của một phân đội người Pháp; phần còn lại thuộc quyền của lực lượng Cần vương⁽¹⁾. “Từ đầu tháng 8.1885 phong trào lan sang tỉnh Bình Định⁽²⁾. Tổng đốc hồi hưu Đào Doãn Dịch đã lãnh đạo nghĩa binh cùng với văn thân Phù Mỹ bao vây tỉnh thành. Được Ấn sát Nguyễn Duy Cung và viên lãnh binh làm nội ứng, nghĩa quân đã chiếm được tỉnh thành, bắt giam Tổng đốc Lê Bá Thận ở khách xá. “Sau khi làm chủ được Bình Định, các văn thân đã truyền lệnh khởi nghĩa đến tất cả các tỉnh ở cực nam Trung kỳ⁽³⁾. Nhưng ngay sau đó, quân Pháp đem quân đánh chiếm tỉnh thành Bình Định. Đào Doãn Dịch vừa tổ chức kháng cự, đồng thời tiến hành rút lui lên vùng rừng núi phía tây huyện Tuy Viễn để bảo toàn lực lượng, xây dựng căn cứ chống Pháp. Riêng Nguyễn Duy Cung quyết kế quên mình mà báo quốc⁽⁴⁾ và bị giặc bắt. Kẻ thù “hiếp bọn Cung tán thành mưu hòa hảo⁽⁵⁾. Nhưng Nguyễn Duy Cung đã khẳng khái:

*Thà làm ma có hồn trung vía nghĩa,
Không làm người đeo mặt ngựa đầu trâu⁽⁶⁾*

Trước khi tuần tiết (30-6 Ất Dậu) Nguyễn Duy Cung đã cắn tay lấy máu viết một bài hịch kêu gọi đồng bào, đồng

¹ : Tài liệu đã dẫn trên, tr.47.

² : Charles Fourniau - *Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định - Phù Yên (1885-1887)* Tạp chí NCLS, số 6(207), 1982, tr.45.

³ : Tài liệu đã dẫn trên, tr.341.

⁴ : Nguyễn Duy Cung - *“Hịch kêu gọi chống Pháp”*. Trích theo thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX (1858-1900). NXB Văn học, Hà Nội, 1976, tr.340.

⁵ : Tài liệu đã dẫn trên, tr.341.

⁶ : Tài liệu đã dẫn trên, tr.341.

chỉ tiếp tục đứng lên chống Pháp.

Xin trong tay sắp sẵn qua mâu, lòng địch khai còn hăng chưa nhụt.

Xin cùng nhau gọn gàng giáp trụ, chỉ Cần vương còn mạnh không quên⁽¹⁾.

Cái chết của Nguyễn Duy Cung cùng với “Bài hịch của cụ Nguyễn Duy Cung là một trận đánh, một trận đánh với tinh thần quyết tử⁽²⁾, đã góp phần thúc đẩy phong trào Cần vương ở Bình Định và Quảng Ngãi phát triển.

Tháng 9-1885, Đào Đoàn Địch mất. Mai Xuân Thưởng được giao quyền lãnh đạo kháng chiến ở Bình Định. Lực lượng nghĩa quân phát triển đông đến hàng vạn người. Nghĩa quân đã xây dựng các mật khu, căn cứ và phòng tuyến kháng chiến khắp tỉnh Bình Định. “Trong 2 năm (1885 - 1886) phong trào kháng chiến đã gần như làm chủ được hoàn toàn.... Bình Định⁽³⁾”.

Tiếp theo sự nổi dậy của lực lượng Cần vương ở Bình Định, tháng 9.1885, Nghĩa hội Quảng Nam do sơn phòng sứ Trần Văn Dự làm hội chủ đã đánh chiếm sơn phòng và tỉnh thành La Qua (ở phủ Điện Bàn). Nhưng đến cuối tháng 9.1885 quân Pháp đánh chiếm lại thành La Qua. Tiếp đó, tháng 11 Ất Dậu (12.1885) quân Pháp tấn công nha sơn phòng Quảng Nam. Trần Văn Dự bị giết. Nghĩa hội Quảng Nam tiếp tục tồn tại và phát triển mạnh hơn

¹ : Tài liệu đã dẫn trên, tr.341.

² : Trần Văn Giàu - Lời giới thiệu tác phẩm. *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX (1858-1900)*. Sđd, tr.22

³ : Charle Fourniau - *Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định - Phú Yên (1885-1887)* Tidd, tr.35.

đốc Đinh Văn Hội^{(1)**}.

Trên cơ sở thắng lợi này, tháng 2.1886 Nguyễn Bá Loan, Bùi Điền, Đặng Đề, Trần Cang... chỉ huy khoảng “hơn 8.000 quân”⁽²⁾ chia làm 3 đường đánh quân Nguyễn Thân ở Quảng Ngãi.

Một đường từ núi Thạch Tân tiến chiếm huyện lỵ Mộ Đức, sau đó Bùi Điền chỉ huy một đạo quân tiến hành bao vây tỉnh thành Quảng Ngãi; một đường từ đồn Lỗ Thục tắt qua đồn Thanh Thủy; một đường từ núi Thạch Tân đến chợ Trà Câu. Trận chiến đấu ác liệt diễn ra tại chợ Trà Câu. Đạo quân hậu do Trần Cang chỉ huy vì thiếu cảnh giác đã bị thất bại. Quân sơn phòng thừa thắng chiếm lại huyện lỵ Mộ Đức, tịch thu ấn tín của nghĩa quân Trần Cang. Nguyễn Thân lấy ấn tín của nghĩa quân Trần Cang bảo viết tờ tư cho Bùi Điền ở tại tỉnh thành nói rằng: “Quân Bùi Điền đã bắt được ông Nguyễn Thân giam ở sơn phòng, mời Bùi Điền lên”⁽³⁾ - Bùi Điền tiếp được thư, thấy ấn tín tưởng thật bèn tin, lập tức kéo quân đi. Khi thư mời đến tỉnh lỵ, trời đã xế chiều, Bùi Điền kéo quân suốt đêm lên sơn phòng. Nguyễn Thân cho quân mai phục ở cống Phở Rèn (Tú Sơn, Mộ Đức) và hai bên đường quan lộ. Khi quân Bùi Điền đến bị quân của Nguyễn Thân mai phục

¹ : Nghĩa quân đã làm chủ đồn Lão Thuộc đến tháng 2.1887.

^{**} : Có tài liệu ghi Đinh Văn Hội làm nội ứng. Xem các bài khác trong tập này (Người biên tập)

² : Châu bản triều Nguyễn. Trích theo Nguyễn Thế Anh - *Phong trào kháng thuế miền Trung năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân. Bản án số 14*. Bộ VHGD và TN Sài Gòn xuất bản, 1973, tr.54.

³ : Nguyễn Bá Trác, Nguyễn Đình Chi... *Quảng Ngãi tình chí*, Tidd, tr.45.

trước dưới sự lãnh đạo của hội chủ Nguyễn Duy Hiệu. “Năm 1886, Nghĩa hội đã đạt được những thắng lợi rực rỡ, xây dựng tân tỉnh Trung Lộc⁽¹⁾, làm cho ngục quyền hầu như tan rã, tấn công nhiều lần La Qua và Đà Nẵng, đánh phá hầu hết các phủ huyện..... khiến cho triều đình Đồng Khánh phải phách khâm sai, hai lần thay đổi tuần phủ, cũng không làm cho tình hình khá hơn chút nào”⁽²⁾.

Diễn biến của tình thế lịch sử trên đây chứng tỏ sự hưởng ứng nhanh chóng phong trào Cần vương của các tỉnh phía nam Trung kỳ do Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết phát động. Đó chính là nền tảng cho sự phối hợp chiến đấu chống lại Nguyễn Thân đại diện cho thế lực phản động tay sai khu vực của triều đình Đồng Khánh lúc bấy giờ từ cuối năm 1885 đến 8.1886, để tạo ra sự thống nhất và liên kết lực lượng nghĩa quân ba tỉnh nhằm chống lại kẻ thù có tiềm lực quân sự hiện đại.

Bất chấp triều đình Đồng Khánh liên tiếp ra các đạo dụ kêu gọi văn thân, sĩ phu các tỉnh Trung kỳ ra đầu thú, không nên theo tiếng gọi “Cần vương xưng nghĩa” của Hàm Nghi, tháng 12.1885, nghĩa quân Quảng Ngãi do Nguyễn Bá Loan chỉ huy đã phối hợp với nghĩa quân Bình Định do Bùi Diễm lãnh đạo cùng tiến công đánh chiếm đồn Lỗ Thục³ (Sở chỉ huy Định phòng - nay thuộc An Đông, xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định), bắt sống đề

¹ : Từ đầu năm 1886, Nguyễn Duy Hiệu xây dựng tỉnh thành mới ở Trung Lộc (thuộc huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam ngày nay) có đủ 6 bộ, nha, thự.

² : Trần Viết Ngạc - *Nguyễn Duy Hiệu và Nghĩa hội Quảng Nam*. Sđd, tr.65.

³ : Lỗ Thục tức Lão Thuộc (xem các bài khác trong tập này).

tiến đánh, làm cho hàng ngũ của nghĩa quân rối loạn. Bùi Điền chạy xuống làng Quýt Lâm rồi thu quân về Bình Định. Ngày hôm sau, nghĩa quân cùng đồng bào dân tộc vùng Vực Liêm thuộc cơ 3 (nguồn Ba Tư) chiếm giữ đồn Thường An nhưng sau đó cũng bị quân sơn phòng chiếm lại.

Sự phối hợp tiến công của nghĩa quân Quảng Ngãi và Bình Định buộc Nguyễn Thân phải tâu xin triều đình Đồng Khánh cho bổ sung lực lượng: "... Sơn phòng ấy thế cô binh ít, sợ lực lượng không chống được, đã rút binh đồng điền về, lưu cả phòng binh toàn số (trên dưới 4.000 người) và trích 600 binh ở Quảng Ngãi, thúc bắt số binh ở kinh tản về cùng là hương binh và nhiều dũng sĩ để giúp việc phòng thủ. Vua y cho"⁽¹⁾.

Đứng trước sự phát triển của phong trào Cần vương ở các tỉnh nam Trung bộ, tháng 3.1886 Đồng Khánh lại ra một đạo dụ mới kêu gọi nhân dân các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận hạ khí giới ra đầu thú, chớ nên mượn tiếng xưng nghĩa Cần vương "để mà bị thân bón cho đồng cỏ mười nhà thì chín nhà hết sạch". Mặt khác Đồng Khánh cử Phan Liêm làm khâm sai, Nguyễn Tà làm khâm sai tán lý cùng 300 lính ngự do Pháp tuyển cấp để đi hiểu dụ dân chúng bắt đầu từ Quảng Nam và lần lượt trở vào các tỉnh phía Nam⁽²⁾.

Tháng 4 năm Bính Tuất 1886, Nguyễn Thân và Bó chính Quảng Ngãi Vũ Duy Tĩnh tiếp tục tâu xin giữ lại

¹ : Đại Nam thực lục tập 37. Chính biên đệ lục kỷ I (1885-1886), Sđd, tr.120.

² : Sđd, tr.132.

toàn bộ 1296 kinh binh và 1589 binh tinh mới tuyển được để đối phó với lực lượng Cần vương.

Bất chấp sự dụ dỗ và đe dọa của triều đình Đồng Khánh, tháng 8.1886 “theo yêu cầu của Nguyễn Bá Loan, một lãnh tụ nghĩa quân ở Quảng Ngãi, Nguyễn Duy Hiệu cử Trần Hoàn cùng với Tôn Tường (người Sơn Tịnh) đem binh vào Quảng Ngãi và cử Nguyễn Thành kéo quân vào hợp sức với Mai Xuân Thuồng, một lãnh tụ nghĩa quân ở Bình Định để phối hợp cùng đánh Nguyễn Thân⁽¹⁾ ở Quảng Ngãi.

Ở phía bắc, nghĩa quân Nam - Ngãi chia làm 5 đường tấn công đánh chiếm huyện lỵ Bình Sơn. Nguyễn Thân sai quyền Tấn tương quân thứ Quảng Ngãi là Lê Uyển đem quân chống cự nghĩa quân nhưng bị thất bại. Lê Uyển bị giết chết. Nghĩa quân tiến thẳng vào hạt Quảng Ngãi, đóng quân ở làng Yên Trì. Nguyễn Thân đem quân ứng cứu. Nghĩa quân Nam - Ngãi đánh nhau với quân Nguyễn Thân một trận ác liệt tại địa phận làng Yên Trì (nay thuộc xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn). Lợi dụng gió thổi mạnh, nghĩa quân dùng trái mìn đánh vào quân sơn phòng, làm cho hàng ngũ rối loạn giết chết Tác vi lãnh binh quân Nguyễn Tiến Quý, Tham tá Phạm Trọng Di. Nguyễn Thân ra lệnh đốt cầu (gọi là Cầu Cháy) định bỏ chạy về Châu Nhai. Bất thành linh ngọn gió đông thổi khói quạt lại nghĩa quân Nam - Ngãi. Quân sơn phòng thừa thế đánh lại nghĩa quân Nam - Ngãi thua trận.

¹ : Lâm Quang Thự - *Quảng Nam, địa lý - lịch sử - nhân vật* - Ban liên lạc đồng hương tỉnh Quảng Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hóa xuất bản, 1974, tr.47,48.

Ở phía nam, nghĩa quân Nam - Ngãi - Định chia làm 3 đường (một đường từ thượng du xuống, một đường theo chính lộ xuất phát từ núi Thạch Tân, một đường theo đường biển) tấn công đánh chiếm sở chỉ huy sơn phòng Quảng Ngãi ở thôn Vạn Lý (nay thuộc xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ). Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt. Quân triều đình thiệt hại nặng. Về phía nghĩa quân, Đề đốc Búa lãnh binh Lự, lãnh binh Tích và hơn 200 nghĩa quân hy sinh. Tuy thắng trận, song Nguyễn Thân tỏ ra lo sợ trước “hiện tình khẩn thiết, xin khẩn tư cho viên khâm sứ cho mượn 200 khẩu súng tây và 10.000 viên đạn thuốc”¹ để bảo vệ sơn phòng.

Sự phối hợp chiến đấu giữa nghĩa quân 3 tỉnh đã biến vùng đất Quảng Ngãi trở thành nơi đối đầu trực tiếp giữa hai thế lực: lực lượng yêu nước chống Pháp theo danh nghĩa Cần vương và quân đội triều đình tay sai do Nguyễn Thân cầm đầu. Sự đối kháng đó đã thể hiện sự đàn áp của bọn thực dân Pháp và chính quyền bù nhìn tay sai đối với phong trào Cần vương Quảng Ngãi mang tính chất đặc thù. Nếu như lực lượng Nghĩa hội ở các tỉnh nam Trung kỳ do thực dân Pháp kết hợp với quân đội triều đình tay sai trực tiếp đàn áp, thì “ở Quảng Ngãi việc đàn áp do Nguyễn Thân và những lực lượng bản địa mà y có được với tư cách là sơn phòng đảm nhiệm”⁽²⁾. Tính đặc thù này bắt nguồn từ việc thực dân Pháp bị tấn công khắp nơi do cuộc nổi dậy đồng loạt của lực lượng yêu nước từ hè thu năm 1885 ở khắp Trung kỳ. Cộng thêm vào đó là cuộc chiến đấu của

¹ : Đại Nam thực lục tập 37, Sdd tr.185.

² : Charles Fourniau - Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định và Phú Yên (1885-1887), Tidd, tr.39-40.

nhân dân Việt Nam đang diễn ra và phát triển khắp Bắc kỳ. Cho nên tướng De Courcy chỉ huy các lực lượng viễn chinh Pháp mặc dù nắm trong tay một lực lượng quân đội đông đảo hơn 40.000 người đã phải giới hạn sự can thiệp của binh lính Pháp ở kinh đô Huế và trong thực tế y đã từ bỏ toàn bộ nam Trung kỳ. Mặt khác, phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi ngay từ đầu đã bị Nguyễn Thân phản bội, đem quân sơn phòng theo Pháp khiến cho phong trào Cần vương bị thất thế ngay từ lúc mới nổ ra. Tiếp đó là sự không cân xứng trong so sánh lực lượng giữa nghĩa quân và quân sơn phòng (còn gọi là Tinh Man quân thứ). Lực lượng nghĩa quân đông nhưng ít được luyện tập, sử dụng vũ khí chưa thành thạo, việc trang bị cho cuộc chiến đấu quá thô sơ, chủ yếu là giáo mác. Trong khi đó quân sơn phòng là một quân đội thiện chiến và đội quân tay sai này tuy bất lực trước sự xâm lược của thực dân Pháp nhưng lại có kinh nghiệm đàn áp khởi nghĩa nông dân ở vùng rừng núi. Thêm vào đó phong trào Cần vương trên đất Quảng Ngãi cũng thiếu hẳn một đội ngũ lãnh tụ tài giỏi có thể đương đầu, tổ chức lực lượng đối phó với đội quân thiện chiến của Nguyễn Thân như David G. Marr đã nhận định: “Sức kháng cự mạnh mẽ nhất ở phía nam tỉnh Quảng Bình đáng lẽ ra là ở Quảng Ngãi và Bình Định, nhưng ngay ở đó sự khiếm khuyết của một lãnh tụ văn thân tài giỏi và một số văn thân sĩ phu dưới quyền của ông ta đã khiến cho những văn thân, sĩ phu khác nhanh chóng bị tiêu diệt”⁽¹⁾.

Tính chất đặc thù của sự đàn áp của thực dân Pháp

¹ : David G. Marr - *Vietnamese Anticolonialism (1885 - 1925)* University of California, Berkeley, Los Angeles, London - 1971, P.59.

đối với lực lượng Cần vương trên đất Quảng Ngãi còn được thể hiện trong việc thực dân Pháp bố trí lại lực lượng quân đội viễn chinh đàn áp ở Trung - Bắc kỳ. Vào tháng 4.1886 thực dân Pháp đề ra kế hoạch hành động trong 2 năm 1886 -1887. Lực lượng được huy động gồm hai sư đoàn (một sư đoàn bộ binh và một sư đoàn hải quân với 41 tàu chiến). Sư đoàn bộ binh gồm 3 lữ đoàn, lữ đoàn 1 và 2 phụ trách địa bàn các tỉnh phía Bắc, lữ đoàn 3 phụ trách địa bàn Quảng Bình, Huế, Quảng Nam và Bình Định. Còn Quảng Ngãi mặc nhiên giao cho quân sơn phòng và lực lượng bản địa do Nguyễn Thân chỉ huy đảm nhiệm.

Sự phối hợp chiến đấu giữa nghĩa quân ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định chống lại quân đội triều đình tay sai cuối cùng đã thất bại, song đã làm cho Nguyễn Thân phải nhiều lần cầu cứu thực dân Pháp và triều đình Đồng Khánh, buộc Nguyễn Thân phải rút quân ở bắc Bình Định về cố thủ ở Quảng Ngãi. Đồng thời sự liên minh chiến đấu đã có tác dụng cổ vũ phong trào đấu tranh chống Pháp xâm lược và triều đình tay sai ở các tỉnh miền nam Trung kỳ. Nhưng điều quan trọng hơn là sự liên kết chiến đấu đã tạo ra được một tiền đề lịch sử quan trọng đặt cơ sở cho sự phối hợp đấu tranh giữa nhân dân ba tỉnh chống đế quốc, giải phóng dân tộc diễn ra trong những năm đầu của thế kỷ XX, đặc biệt từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc.

LỰC LƯỢNG CẦN VƯƠNG QUẢNG NGÃI - BÌNH ĐỊNH TRONG VIỆC PHỐI HỢP CHIẾN ĐẤU CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1885-1887)

PHAN VĂN CẢNH
(Đại học Sư phạm Quy Nhơn)

Cuối thế kỷ XVIII, nhân dân hai phủ Quảng Ngãi - Bình Định đã đoàn kết dưới ngọn cờ của phong trào nông dân Tây Sơn, cùng với nhân dân cả nước đánh bại các thế lực phong kiến phản động trong nước và quân xâm lược từ bên ngoài, thống nhất Tổ quốc.

Suốt hơn 50 năm đầu của thế kỷ XIX, nhân dân hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định phải chịu ách áp bức, bóc lột hết sức dã man của vua tôi nhà Nguyễn (vì triều đình Huế cho rằng nhân dân hai tỉnh này còn trung thành với nhà Tây Sơn). Từ Gia Long đến Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, các vua Nguyễn luôn thực hiện chính sách trả thù những người có liên quan đến phong trào nông dân Tây Sơn: tịch thu ruộng đất do nhà Tây Sơn cấp cho nông dân, thực hiện sưu thuế nặng nề, đẩy nông dân vào con đường bán cùng, phải phiêu tán nhiều nơi... Nhưng không vì chính sách bạc đãi của vua quan nhà Nguyễn mà nhân dân hai tỉnh xao lãng tinh thần kháng chiến chống ngoại xâm. Nhất là khi đất nước ta đứng trước nguy cơ xâm lược của

chủ nghĩa tư bản phương Tây thì tinh thần yêu nước của nhân dân hai tỉnh lại bộc khởi mãnh liệt.

Những năm 1857, 1858, tư bản Pháp bắt đầu thực hiện mục tiêu xâm lược Việt Nam. Triều đình Huế chia làm hai phái chủ chiến và chủ hòa. Nhân dân hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định ủng hộ lực lượng kháng chiến của triều đình. Nhân dân hai tỉnh đoàn kết bên cạnh quan quân triều đình, vừa ngăn chặn quân Pháp ở các cửa biển, vừa theo lệnh triều đình đưa lực lượng vào Gia Định chống Pháp - quân lính ở Quảng Ngãi, Bình Định mỗi tỉnh một vệ đưa vào Nam chiến đấu...

Năm 1882, Tôn Thất Thuyết được vua Tự Đức đưa về triều nắm giữ binh quyền với chức Thượng thư bộ Binh. Việc chuẩn bị kháng chiến càng tích cực hơn. Nhân dân miền núi, miền xuôi của hai tỉnh tham gia các đội quân của triều đình, từ quân tỉnh thành, quân sơn phòng Nghĩa-Định đến quân đồn trú đóng giữ các cửa biển đều tăng lên. Điều đó chứng tỏ tinh thần yêu nước chống ngoại xâm lúc nào cũng thường trực. Sau khi vua Tự Đức mất (7.1883), Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường trở thành phụ chính đại thần, quyền lực của phe chủ chiến trở thành chủ yếu ở triều đình Huế. Việc chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp càng được chuẩn bị chu đáo và khẩn trương hơn - đặc biệt là sau vụ biến ở kinh đô Huế (5.7.1885), tinh thần đoàn kết, phối hợp chiến đấu chống thực dân Pháp của nhân dân hai tỉnh Quảng Ngãi - Bình Định kéo dài trong suốt ba năm đầu tồn tại của phong trào Cần vương của hai tỉnh.

Được tin kinh đô Huế thất thủ, vua Hàm Nghi rời bỏ kinh thành, phát hịch Cần vương, từ quan lại cho đến

chúng dân một lòng phò vua, chống giặc cứu nước. Người ta quan niệm yêu nước đồng nghĩa với trung quân - trung thành với ông vua chính nghĩa, vua kháng chiến: vua Hàm Nghi. Còn những kẻ làm tay sai cho Pháp, nhận súng đạn của Pháp chống lại phong trào kháng chiến của nhân dân, nhân dân kiên quyết không tha thứ: chiến đấu tiêu diệt bọn tay sai của thực dân Pháp mà cụ thể là Nguyễn Thân.

Nhân dân Quảng Ngãi - Bình Định tiếp nhận được chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi một cách trân trọng. Giáo sư Fourniau mô tả nghi thức phổ biến chiếu như sau: "Một nho sĩ danh tiếng chấp chiếu chỉ dụ, hội họp thân hào và nhân dân tại đình làng. Có hai dây cờ cắm hai bên, ở giữa là bàn thờ có lọng che màu vàng (màu của vua), trên đặt một cái tráp mạ màu vàng, trong đựng chỉ dụ nhà vua. Các kỳ hào quỳ lạy trước bàn thờ. Nhân vật có danh vọng nhất đỡ nắp hộp, rút chỉ dụ nhà vua đọc lớn tiếng và giải thích, đồng thời vạch rõ nhiệm vụ của mỗi người. Trong niềm hân hoan, tất cả những người hiện diện thể tiêu diệt kẻ thù"⁽¹⁾. Tất cả dân binh trong làng đều trở thành những nghĩa quân chiến đấu dưới ngọn cờ của vua Hàm Nghi. Làng nào cũng vậy, họ tập hợp lại, tất cả cùng quyết tâm một mục đích giúp vua, chống xâm lược.

Các đội quân đều do các nho sĩ và những người giỏi võ nghệ cầm đầu. Họ kéo lên tổng, lên phủ gia nhập vào đội quân ứng nghĩa và được thống nhất trong toàn tỉnh.

Chẳng bao lâu khi chiếu Cần vương ban ra từ Quảng Trị, ở Bình Định, Quảng Ngãi đã có hàng chục ngàn người

¹ Charles Fourniau - *Annam Tonkin (1885-1896)* Paris - 1969. Bản tiếng Pháp, tr 46

cắm vũ khí chống xâm lược.

Cuộc chiến đấu của lực lượng kháng chiến không diễn ra trong phạm vi cục bộ từng địa phương, từng tỉnh mà nghĩa quân hai tỉnh phối hợp chiến đấu nhịp nhàng và đã gây cho kẻ thù nhiều tổn thất về người và vũ khí.

Ở Quảng Ngãi, Lê Trung Đình tổ chức lực lượng hương binh cùng nhân dân chiếm tỉnh thành, tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (từ ngày 13 đến 16.7.1885). Tiếp đó, ở Bình Định, Đào Doãn Địch lãnh đạo lực lượng kháng chiến chiếm tỉnh thành, tổ chức lực lượng kháng chiến ở tỉnh Bình Định. Ở Quảng Ngãi, Nguyễn Thân làm phản, nhận làm tay sai cho giặc Pháp, tái chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi. Lê Trung Đình và các cộng sự của ông đã hy sinh vì nước. Lực lượng yêu nước tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục được tập hợp dưới ngọn cờ của Nguyễn Bá Loan⁽¹⁾. Và ở tỉnh thành Bình Định, sau khi quân Pháp tấn công từ cảng Qui Nhơn, ngày 3.9.1885, Đào Doãn Địch phải rút khỏi thành Bình Định đi về phía tây và đóng quân tại tổng Phú Phong. Ngày 20.9.1885 ông tử trận. Toàn bộ lực lượng kháng chiến Bình Định do Nguyễn soái Mai Xuân Thuồng chỉ huy.

Từ đó, vùng rừng núi phía tây của hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định trở thành căn cứ kháng chiến của nghĩa quân. Từ căn cứ, lực lượng kháng chiến của hai tỉnh đã phối hợp chiến đấu, đánh vào nhiều nơi đóng quân của Nguyễn Thân.

¹ Theo Giáo sư Phan Ngọc Liên - *Vai trò và những bước chuyển biến của sĩ phu yêu nước Quảng Ngãi trên con đường chống Pháp* - Tạp chí NCLS, số 2, 1978 (179) thì cờ hiệu của nghĩa quân Nguyễn Bá Loan, thêu 7 chữ vàng trên nền đỏ là: "Tiểu tặc, trử gian, bình quốc loạn".

Tháng 12.1885, nghĩa quân Nguyễn Bá Loan liên lạc với nghĩa quân Bình Định - lực lượng kháng chiến hai tỉnh đưa quân đến bao vây đánh chiếm đồn Lão Thuộc (nay thuộc An Đô, Hoài Sơn, Hoài Nhơn).

Nghe tin lực lượng kháng chiến hai tỉnh kéo quân đến vây đồn, Đề đốc Đinh Hội, Lãn binh Vũ Lân và Phạm Sĩ đưa binh lính trong đồn cùng súng ống, lương thực... ra tham gia với nghĩa quân. Đinh Hội được phong chức tổng thống¹⁾.

Đồn Lão Thuộc²⁾ là một trong hai đại bản doanh thuộc tuyến sơn phòng Nghĩa - Định, có nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng. Nghĩa quân không những được trang bị thêm vũ khí, tăng sức chiến đấu, lực lượng được bổ sung mà có thêm lương thảo để dùng. Đồn Lão Thuộc cũng như đồn Bình Đề trở thành những đồn tiền tiêu xuất phát của lực lượng nghĩa quân Bình Định - Quảng Ngãi. Đây cũng là điểm xuất phát của quá trình chiến đấu phối hợp giữa lực lượng kháng chiến Bình Định - Quảng Ngãi bao vây tiêu diệt quân tay sai của Pháp do Nguyễn Thân cầm đầu. Cũng từ sau khi chiếm được đồn Lão Thuộc, nghĩa quân Bình Định - Quảng Ngãi đã liên tục đánh chiếm nhiều nơi, khiến cho quân triều đình Đồng Khánh phải đối phó một cách lúng túng.

Đầu năm 1886, nghĩa quân hai tỉnh đánh chiếm hầu

¹⁾ : *Đại Nam thực lục*, tập 37, chính biên, tr.325 : "Đầu năm 1887, Đề đốc Đinh Hội ra đầu thú đã bị triều Đồng Khánh giáng xuống 2 trật, cho về hưu dưỡng".

²⁾ : Có tài liệu khác ghi là Đinh Hội bị bắt. Xem các bài khác trong tập này (Chú thích của người biên tập).

³⁾ : Lão Thuộc còn gọi là Lỗ Thục trong các bài khác. (Chú thích của người biên tập).

hết các đồn như Thường Xuyên, Mậu Lâm, Thạch Bi... và tiếp đến đánh chiếm huyện đường Mộ Đức, mở ra thế trận bao vây quân Nguyễn Thân.

Tháng 2.1886, Nguyễn Bá Loan đưa quân từ căn cứ về phối hợp với nghĩa quân Bình Định do Thống trấn Bùi Điền từ Bình Khê kéo ra Đức Phổ (theo chính lộ), Tổng trấn Tăng Doãn Văn (Tăng Bạt Hổ) từ đồn Lão Thuộc theo đường rừng băng tắt qua đồn Thanh Thủy và cuộc chiến đau đả diễn ra ác liệt giữa nghĩa quân với quân lính do Nguyễn Thân chỉ huy tại chợ Trà Câu (nay thuộc xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ) và Thiết Trường (nay thuộc xã Đức Tân, huyện Mộ Đức). Sau hai ngày chiến đấu, các đạo quân của hai tỉnh đã rút lui an toàn.

Đến tháng 8.1886, quân Cần vương của Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định cùng phối hợp tấn công sở chỉ huy của quân sơn phòng ở Cơ Nhứt, đánh chiếm phủ lý Bình Sơn - nghĩa quân Bình Định tiến ra bằng 3 đường: một đường dùng thuyền, vượt biển tiến ra Quảng Ngãi, một đường từ núi Thạch Tân theo chính lộ, một đường từ miền núi kéo xuống. Quân Cần vương Quảng Nam do hai ông Trần Hoàn và Tôn Cường chỉ huy, chia quân làm 5 đường kéo vào Quảng Ngãi. Quân Cần vương 3 tỉnh đã chiến đấu dùng cảm, phối hợp diệt nhiều binh lính của triều đình Đồng Khánh trong đó có Lãnh binh Nguyễn Tiên Quý và Tham tá Phạm Trọng Di. Quyền Tấn tương Lê Uyển không chống cự nổi phải rút quân tháo chạy về cấp báo với Nguyễn Thân. "Thân được báo tin, lập tức đem quan quân đại đội, đến ngay nơi ấy". Quân Cần vương Quảng Ngãi, Bình Định, Quảng Nam đánh nhau với quân Nguyễn Thân dữ dội, tiêu diệt một số quan quân của

Nguyễn Thân, buộc Nguyễn Thân phải đốt cầu tháo chạy về sơn phòng". Khi Nguyễn Thân về sơn phòng lại gặp lực lượng Cần vương Bình Định đón đánh. Trận chiến đấu diễn ra ác liệt. Trong trận này lực lượng Cần vương hy sinh 1 Đê đốc, 2 Lãnh binh và 200 nghĩa quân. Quân của Nguyễn Thân cũng bị tiêu hao rất nhiều, do vậy mà Nguyễn Thân phải làm sớ tâu lên triều đình Đồng Khánh, "hiện tình khẩn thiết", xin khẩn tư cho viên khâm sứ Trung kỳ. Thực dân Pháp phải cấp cho Thân "200 khẩu súng Tây và 10.000 viên đạn thuốc, giao cho sơn phòng ấy nhận dùng"¹.

Theo báo cáo của Nguyễn Thân về triều đình Đồng Khánh, thì lực lượng Cần vương hai tỉnh Quảng Ngãi - Bình Định đã chiến đấu với Nguyễn Thân 12 trận và cho việc chống đỡ với lực lượng Cần vương hai tỉnh này là hết sức khó nhọc.

Từ sau khi nhận được sự chi viện súng đạn của thực dân Pháp ở Huế, Nguyễn Thân tiến hành đàn áp lực lượng Cần vương của hai tỉnh ngày càng khốc liệt hơn. Nguyễn Thân mở nhiều cuộc phản kích vào quân Cần vương, làm cho lực lượng Cần vương ngày một hao mòn - nhất là từ đầu năm 1887, khi Trần Bá Lộc từ Bình Thuận đánh ra Phú Yên và vào tháng 2.1887, chúng tập trung tại cảng Qui Nhơn, bắt đầu một cuộc phản kích dữ dội lên các căn cứ phía nam tỉnh Bình Định. Trong suốt thời gian nửa đầu năm 1887, nghĩa quân phải đối phó liên tục với quân Pháp và quân triều đình do Nguyễn Thân đánh vào. Lực lượng kháng chiến của hai tỉnh bị cô lập. Đứng trước sức phản

¹: về diễn tiến trận Cầu Cháy ở bài này có một số dị biệt so với các bài khác. Xin ghi chú để bạn đọc tiện đối chiếu (người biên tập).

¹: *Đại Nam thực lục*, Sdd, tr.185.

kích khốc liệt của thực dân Pháp, đa số các lãnh tụ của hai tỉnh và nghĩa quân vẫn không nản lòng và quyết chiến đấu đến cùng.

Ngày 4.5.1887 Mai Xuân Thuồng và một số lãnh tụ khác của phong trào bị bắt. Các lãnh tụ, tướng lĩnh khác phải tạm lánh đi nơi khác và tiếp tục gây dựng, lãnh đạo các phong trào chống Pháp sau này.

Kế tục truyền thống chống áp bức, chống ngoại xâm, giành lại độc lập cho Tổ quốc của phong trào nông dân Tây Sơn, vào cuối thế kỷ XIX, nhân dân Quảng Ngãi - Bình Định với lòng yêu nước nhiệt thành đã đứng lên cứu nước theo chiếu của vua Hàm Nghi và lực lượng kháng chiến của triều đình do Tôn Thất Thuyết đứng đầu. Quá trình phối hợp chiến đấu của nghĩa quân Cần vương Quảng Ngãi - Bình Định đã làm cho bọn tay sai phải đối phó một cách lúng túng và có lúc gần như thất bại - điều đó người Pháp cũng xác nhận. Trung tá Dumas cũng phải bất ngờ về việc thất bại của Nguyễn Thân: "Nguyễn Thân rút lui quân ở bắc Bình Định vì những thất bại tạm thời mà y gặp phải ở Quảng Ngãi do những lực lượng kháng chiến từ Bình Định"⁽¹⁾.

Quá trình phối hợp chiến đấu của phong trào Cần vương hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định đã thể hiện tinh thần yêu nước, đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù đế quốc và bọn tay sai bán nước, bảo vệ nền độc lập cho Tổ quốc.

Tám gương đoàn kết chiến đấu, hy sinh anh dũng của các lãnh tụ và các chiến sĩ Cần vương hai tỉnh đã được nhân dân hai tỉnh rất trân trọng, ngưỡng mộ.

¹ : C.Fourniau: *Tạp chí NCLS*, số 6 (207) 11-12.1982. tr.42.

VĂN THÂN - CẦN VƯƠNG, KHO BÁU VỀ LÒNG YÊU NƯỚC VÀ NGHĨA KHÍ CỦA TRÍ THỨC NHO HỌC QUẢNG NGÃI

LÊ VĂN QUÁT
(Hà Nội)

I. NƯỚC MẮT:

(....)

II. NGHĨA HỘI VĂN THÂN:

(....)

III. NHỮNG CUỘC VẬN ĐỘNG PHỤC QUỐC CỦA VĂN THÂN QUẢNG NGÃI

Phong trào Cần vương của văn thân diễn ra khoảng 11 năm, là giai đoạn mở đầu và lưu lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử đấu tranh giành độc lập của nhân dân Quảng Ngãi.

Triều đình phong kiến chịu khuất phục và nhận sự "bảo hộ" của thực dân Pháp ở Bắc và Trung kỳ (Nam kỳ đã thành thuộc địa của Pháp hơn 20 năm trước). Càng về sau, tư tưởng thất bại chủ nghĩa và sự rối rắm nơi triều chính càng làm cho dân chúng vừa phẫn uất vừa mất lòng tin. Bấy giờ lịch sử giao nhiệm vụ cho lực lượng tiên phong của dân tộc là giới trí thức Nho học yêu nước văn thân mở những trận đánh đầu tiên vào nền đô hộ của thực dân xâm

* Chúng tôi xin lược bớt 2 phần I và II (người biên tập).

lược và phong kiến đầu hàng địch. Cần vương là khẩu hiệu hiệu triệu. Cứu nước mới là mục tiêu mà vì nó họ không tiếc xương máu. Trong tỉnh, đó là các vị Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan, Thái Thú, Trần Du và một danh sách dài những con người trung nghĩa mà tên tuổi khắc sâu hàng trăm năm trong ký ức nhân dân.

Khoảng 11 năm, liên tiếp bùng nổ 4 cuộc khởi nghĩa cứu nước với đặc điểm chung là sự kiên định trong mục tiêu đấu tranh và trong tư tưởng người lãnh đạo, tính liên tục của các phong trào và sự phát triển trong hình thức và chiến thuật vận động.

Trong chuỗi những sự kiện lịch sử, điểm đặc biệt lưu ý các nhà nghiên cứu là: nhiều nhân vật trung tâm của phong trào trước tạm thời thất bại, lại tiếp tục có mặt như là thủ lĩnh hay cốt cán ở phong trào tiếp theo. Cho đến năm 1889, phong trào Cần vương tạm thời chấm dứt thì trí thức Nho giáo yêu nước, văn thân vẫn là người cổ vũ, tổ chức, lãnh đạo các phong trào Duy tân, Khất siêu 1904 - 1908, Việt Nam Quang phục 1909 - 1916. Họ đã cùng giới trí thức tân học, qua báo chí, tân văn, du nhập các tư tưởng yêu nước và canh tân từ Trung Quốc, Nhật Bản và Pháp vào Việt Nam. Họ cùng giới trí thức tân học thức tỉnh dân chúng qua các phong trào "cải lương" và các tổ chức như Thiếu niên Ái quốc, Tân Việt,... chuẩn bị bước quá độ sang phong trào cộng sản sau này. Các vị Trần Kỳ Phong, Trần Toại, Nguyễn Công Phương, Võ Tùng ... là chứng minh.

- Khởi nghĩa của Cử Đình, Tú Tân tháng 6 năm Ất Dậu:

Sau khi vua Tự Đức băng hà, tình hình càng phức tạp

và xấu đi nhanh chóng. Những người "chủ chiến" ở triều đình và các tỉnh cùng tính đến phương sách kháng chiến lâu dài. Nhưng kinh thành thất thủ quá sớm, thời gian chưa đủ cho công việc tổ chức và xây dựng lực lượng. Trong hoàn cảnh và điều kiện ấy, cuộc khởi nghĩa năm Ất Dậu ở Quảng Ngãi chứng minh ý chí và tinh thần người lãnh tụ địa phương có sức lôi cuốn quần chúng đến dường nào.

Sáng 23 tháng 5 năm Ất Dậu (5.7.1885) kinh thành thất thủ, vua Hàm Nghi và quan phụ chánh Tôn Thất Thuyết rút đi Tân Sở. Tối ấy, 23 tháng 5 đến làng Văn Xá làm hịch Cần vương¹⁾.

Ngày mồng 1 tháng 6 năm Ất Dậu (13.7.1885) Cử nhân Lê Trung Đình, Tú tài Nguyễn Tự Tân, chánh, phó quản hương binh, cùng các lực lượng đoàn kết, hương binh yêu cầu quyền Bố chánh và quyền Án sát cấp khí giới, lương ăn cho nghĩa quân và cùng hợp tác chống Pháp cứu nước. Những người này hẳn được bổ nhiệm sau hòa ước Giáp thân (1884) nên đã từ chối. Tức thì tối 1 tháng 6 Ất Dậu, nghĩa hội làm lễ tế cờ trước đền Văn Thánh, đối diện với tỉnh thành Quảng Ngãi. Thời gian và địa điểm làm lễ tế cờ một mặt chứng minh tình thế khẩn cấp, mặt khác chứng minh tinh thần trách nhiệm và tính nghiêm túc của văn thân. Khi tuyên thệ ở trước đền thờ Khổng Tử, các vị chẳng những khẳng định mục đích vì nghĩa quân vương mà còn vì nền văn hóa dân tộc trước nguy cơ mất theo nền độc lập của Tổ quốc.

Nhờ sự hợp tác của các võ quan như Thành thủ úy

¹⁾ : Hịch Cần vương lối ngày 23 tháng 5; Chiếu Cần vương do chính vua Hàm Nghi châu phê, để ngày mồng 1 tháng 8 năm Ất Dậu.

Nguyên Côn, Hiệp quân Trần Tu và các lực lượng dưới quyền nên 3.000 nghĩa quân của Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, ... nhanh chóng chiếm lĩnh tỉnh thành, giương cao cờ nghĩa hiệu triệu sĩ phu và nhân dân. Nghĩa quân bắt giam một số ngoan cố¹⁾, tổ chức việc phòng thủ và chuẩn bị địa bàn hoạt động toàn tỉnh. Nhưng chưa được mấy ngày thì Nguyễn Thân kéo quân đến đánh bại. Bảy thủ lĩnh nghĩa quân, trong đó có Nguyễn Tự Tân tử trận, thủ lĩnh Lê Trung Đình bị bắt ngày 5 tháng 6 năm Ất Dậu (17.7.1885). Nguyễn Thân dụ hàng, nhưng Lê Trung Đình kháng khái thà chết không khuất phục. Ông bị chúng xử chém tại bến Tam Thương trên bờ nam sông Trà Khúc, phía bắc tỉnh thành, ngày 11 tháng 6 năm Ất Dậu (23.7.1885). Trước lúc hy sinh Cử nhân Lê Trung Đình làm bài thơ tuyệt mệnh nổi tiếng.

Năm ấy Cử nhân Lê Trung Đình 22 tuổi²⁾.

Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình - Nguyễn Tự Tân chưa thành công trọn vẹn, nhưng đã kịp thời giương cao ngọn cờ chống Pháp cứu nước, nuôi dưỡng tinh thần bất khuất, giục giã các thế hệ đồng bào vùng lên lật đổ ách đô hộ của thực dân Pháp.

Thái độ dứt khoát và tấm gương hy sinh cao cả của các lãnh tụ văn thân lưu lại dấu ấn sâu đậm trong tính cách những người yêu nước Quảng Ngãi.

- Khởi nghĩa của Ấm Loan (1885 - 1888)

Sau khi Lê Trung Đình hy sinh, Nguyễn Bá Loan và

¹⁾ : Về tên người bị bắt, Nguyễn Bá Trắc và Phan Ngọc Liên chép có khác nhau và khác với *Việt Nam, những sự kiện...* Tác giả không đi sâu vào chi tiết.

²⁾ : Theo *Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam*, NXB KHXH - 1991

đồng chí nhanh chóng tập hợp lực lượng, tổ chức lại đội ngũ, tiếp tục những công việc mà lãnh tụ Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân chưa đủ thời gian hoàn thành. Đến cuối năm 1885 đã tổ chức được trận đánh đầu tiên. Cho nên có sách chép cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình chung làm một với khởi nghĩa của Nguyễn Bá Loan.

Nguyễn Bá Loan và đồng chí cụ thể hóa khẩu hiệu Cần vương bằng 7 chữ đề cử nêu rõ mục tiêu cơ bản của Nghĩa hội là: "Tiểu tặc-Trừ gian-Bình quốc loạn". Nghĩa là: đuổi giặc (bên ngoài), trừ gian (bên trong), làm cho nước yên (tức là hết nguy). Cách mạng là từ nhân dân. Khi nhân dân chưa từng biết đến chế độ nào khác chế độ quân chủ gần nghìn năm thì gần trung quân với ái quốc như vậy là rõ ràng là hợp với tình thế bấy giờ. Hình như lúc này Nghĩa hội đã nhận được chiếu Cần vương đề ngày mùng 1 tháng 8 Hàm Nghi năm đầu do chính nhà vua châu phê, khi ngài đến sơn phòng Hà Tĩnh.

Hoạt động của nghĩa quân thời gian này chứng tỏ việc tổ chức lực lượng tốt hơn. Sự phối hợp với nghĩa quân Bình Định và nghĩa quân Quảng Nam đã được thiết lập. Cho nên từ cuối năm 1885 đến cuối 1886 đã diễn ra nhiều trận đánh hợp đồng, phục kích, tập kích quan trọng. Phân tích những trận đánh này thuộc thẩm quyền các nhà nghiên cứu quân sự. Chúng tôi hiểu trong đó nhiều trận liên quan đến ý đồ giành những khoảng không gian có địa thế tốt làm chỗ đứng chân để kháng chiến lâu dài - không chỉ là những trận "quấy phá tỉnh thành" như đã được chép lại từ sử sách triều Nguyễn⁽¹⁾. Đồn sơn phòng Lỗ Thục nằm ở cửa

¹ Nhu Phan Khoang - Sdd

ngõ vào huyện An Lão. Đồn sơn phòng Cơ Nhất ở Vạn Lý là bản doanh của Nguyễn Thân và cửa ngõ vào huyện miền núi Ba Tơ. Cầu Cháy là chốt chặn trên đường cái quan tiếp giáp vùng ven núi hiểm yếu giữa Quảng Nam và Quảng Ngãi.

Từ năm 1887 đến 1888, hoạt động của nghĩa quân sa sút dần cùng với sự sa sút của nghĩa quân Quảng Nam, Bình Định trước sức đánh phá tàn khốc của Nguyễn Thân.

Nguyễn Thân là con Nguyễn Tấn, nguyên Tiểu phủ sứ sơn phòng Quảng Ngãi, người đã bỏ ra ba năm nghiên cứu để "đánh dẹp" đồng bào dân tộc miền núi Quảng Ngãi rất thâm độc. Nguyễn Thân làm lãnh binh đóng ở đồn sơn phòng Cơ Nhất. Nguyên trước, ông Tôn Thất Thuyết đã bố trí Tri phủ Nguyễn Tạo, người làng An Đại (Đức Phổ) làm Tiểu phủ sứ sơn phòng Nghĩa - Định lo việc chống Pháp. Khởi nghĩa Cần vương của Lê Trung Đình khởi phát khi ông Nguyễn Tạo về chịu tang mẹ. Nguyễn Thân giả mời ông về sơn phòng để lừa giết đi, cướp lấy binh quyền, lại qua trung gian của linh mục nhà thờ Tam Quan đầu hàng Pháp vừa đổ bộ lên Quy Nhơn, nhận của Pháp 500 khẩu súng "nạp hậu" về đánh nghĩa quân Lê Trung Đình. Thân là người hiếu sát, tham tàn, hiểm độc. Thủ đoạn Thân đánh nghĩa quân Bình Định, Quảng Nam, Quảng Ngãi, cũng như sau này ra đánh Phan Đình Phùng ở Hà Tĩnh là dùng cách khủng bố, giết chóc tràn lan để uy hiếp dân chúng, "chặt vây cánh" và "triệt đường tiếp tế" của nghĩa quân. Những nhà phú hào ven núi từ Đức Phổ đến Bình Sơn bị Nguyễn Thân nghi có thiện cảm với nghĩa quân đều bị y bắt "ngâm tằm" cho đến khi chịu hàng phục, nộp vợ con, ruộng đất. Bằng cách đó, y đã cướp hàng ngàn mẫu

ruộng và không biết bao nhiêu phụ nữ ở Bình Định, Quảng Ngãi.

Thời kỳ Nguyễn Bá Loan là thời kỳ nghĩa quân hoạt động có bài bản trong thời gian khá dài và đã giành được thắng lợi có ý nghĩa. Cuối cùng nghĩa quân không phải vì đánh thua mà vì bị Nguyễn Thân triệt lương nên khốn đốn.

Điều đáng để các nhà nghiên cứu lưu tâm là: phải chăng đại bộ phận nghĩa quân và nghĩa hội đã tan rã về tổ chức nhưng từng thành viên vẫn được gia đình, gia tộc và cộng đồng làng xã che chở, bảo vệ, ý chí để kháng vẫn được bảo lưu ? Cứ xem cách Trần Bá Lộc "phạt" các làng văn thân ở Phú Yên, Bình Định thì dường như kẻ thù có thấy vai trò văn thân và sự tin cậy, bao bọc mà cộng đồng nông thôn thời ấy dành cho họ.

- Khởi nghĩa của Thái Thú (1894)

Tư liệu về cuộc khởi nghĩa của ngài Thái Thú (mà chúng tôi có) quá ít. Do hạn chế của cá nhân, chúng tôi chưa có dịp khảo sát tại chỗ. Bằng vào số ít tư liệu trên, chúng tôi hiểu:

Khởi nghĩa Nguyễn Bá Loan thất bại, nhưng những đồng chí còn lại của ông là Thái Thú, Tôn Đình, Nguyễn Vính, Bạch Văn Vinh... vẫn không nản chí, tiếp tục tập hợp lực lượng chuẩn bị khởi nghĩa lần nữa. Thời gian chuẩn bị tương đối lâu kể từ sau 1888. Mục tiêu khởi nghĩa lần này (có thể) vẫn theo 3 khẩu hiệu đề cử của Nguyễn Bá Loan: "Tiểu tặc-Trừ gian-Bình quốc loạn".

Nghĩa hội và Nghĩa binh được tổ chức bí mật thành những đơn vị xung kích cho khởi nghĩa. Ngoài ra Nghĩa

hội còn tổ chức "nội tuyến" trong quân đội bù nhìn tay sai (lúc này là lính tập, còn gọi là lính Khố Xanh), đóng giữ tỉnh thành và đồn thương chánh Cổ Lũy. "Cơ sở nội tuyến" lúc này gọi là "quân bạch lộ".

Kế hoạch khởi nghĩa dự kiến dùng những đơn vị nghĩa binh làm xung kích, có sự phối hợp của "quân bạch lộ" đánh chiếm tỉnh thành. Từ đó phát động khởi nghĩa ra các nơi khác trong tỉnh. Ngài Thái Thú chỉ huy cánh Cổ Lũy. Vô Cử nhân Nguyễn Vĩnh chỉ huy đánh chiếm tỉnh thành.

Kết quả, tối mùng 7 tháng 2 năm Giáp ngọ (1894) đã đánh dứt điểm đồn Cổ Lũy, giết chủ sự thương chánh người Pháp là Regnard⁽¹⁾ nhưng do khâu tổ chức liên lạc giữa các lực lượng trong và ngoài thành Quảng Ngãi đêm đó không khớp nên bị lộ. Khi các lực lượng từ Cổ Lũy kéo đến tỉnh thành thì quân bù nhìn tay sai đã được báo động, thành đã được phòng thủ nghiêm ngặt. Đánh thành không được, cả hai cánh quân đều kéo về cánh rừng làng An Đại thuộc phủ Tư Nghĩa, cách tỉnh thành 7km. Sáng ngày 8 tháng 2, quân tay sai đuổi theo vây núi An Đại. Hai hôm sau vì cạn lương nên nghĩa quân tan rã.

Các ngài Thái Thú, Nguyễn Vĩnh đều bị bắt và bị giết. Trần áy ngài Bạch Văn Vĩnh thoát được nhưng sau cũng bị bắt và bị giết.

Bấy giờ (1894) phong trào Văn thân, Cần vương Quảng Nam và Bình Định trở vào đều bị dập tắt. Năm 1893 Cao Thắng, cánh tay phải của Phan Đình Phùng tử trận. Cụ Phan phải dời căn cứ từ Vụ Quang về núi Đại Hàm, lực lượng giảm sút nhiều. Trong bối cảnh đó cuộc

¹ Theo Nguyễn Bá Trắc (Sdd)

khởi nghĩa của Thái Thú như một "tiếng sấm giữa đêm đen", nhắc nhở giới sĩ phu và dân chúng kiên định nghĩa vụ cứu nước.

Vũ dũng của các ngài tiếp tục nêu gương cho các thế hệ con người Quảng Ngãi. Phương thức tổ chức và hoạt động bí mật là một bước phát triển thích hợp với tình hình công cuộc đô hộ của người Pháp đã được thiết lập. Đặc biệt việc xây dựng lực lượng "quân bạch lộ" mà sau này ta gọi là "nội tuyến binh dịch vận" là một sáng tạo quý giá có ý nghĩa chiến lược. Nhưng công tác tổ chức cụ thể là khâu yếu của các nhà văn thân, không chỉ trong lần này.

Điều người nghiên cứu cần lưu ý là: phái chằng các vị lãnh đạo khởi nghĩa đã bỏ qua kinh nghiệm xương máu của người đi trước: Phan Đình Phùng, Nguyễn Bá Loan, về vấn đề căn cứ địa và tiếp tế, quân nhu ? Hay đã xảy ra một sự cố nghiêm trọng nào đó mà các vị buộc phải chỉ đạo cuộc bạo động mạo hiểm như vậy ?

- Vận động cứu nước của Trần Du (1895-1896)

Cuộc khởi nghĩa Thái Thú thất bại. Đây là lần thứ 3 khởi nghĩa Cần vương ở Quảng Ngãi không thành công. Các vị văn thân yêu nước ở Quảng Ngãi lại tập hợp nhau, cử Trần Du làm Bình Tây Đại tướng quân, tiếp tục cuộc vận động chống Pháp với khẩu hiệu "Cứu quốc hộ dân"¹. Hai chữ Cần vương đã phai nhạt.

Lúc này vua Hàm Nghi đã bị đày. Triều đình ở trong tay Pháp, do chúng sai khiến đàn áp khốc liệt phong trào

¹ : Theo ký ức một số các cụ nhà họ Trần An-Hòa thì hình như khẩu hiệu vẫn là "Tiểu tặc - Trừ gian - Bình quốc loạn". Xin chép để tham khảo.

kháng chiến của nhân dân dưới ngọn cờ Văn thân - Cần vương. Trước khi chết, mồng 7 tháng 12 Mậu tý (1888) vua Đồng Khánh còn nhượng thêm cho Pháp quyền khai khoáng (1886) và dâng tiếp cho chúng ba thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng làm đất nhượng địa (tháng 8 Mậu tý). Ở Quảng Ngãi các cố đạo thừa cơ xúi giục tin đồ Thiên chúa giáo đánh phá các làng bên lương để trả thù, gây nên nhiều cuộc xung đột lưu huyết. Lại nhân lúc loạn lạc mà cướp đoạt bao chiếm ruộng đất của dân¹.

Khâu hiệu "cứu quốc - hộ dân" được các thân hào, nhân sĩ và nhân dân hưởng ứng, binh lính và chỉ huy lực lượng sơn phòng, kể cả ông Trịnh Thế (quê làng Quít Lâm), người thay Nguyễn Thân làm Tiểu phủ sứ cũng đã bắt đầu ngả về với văn thân. Ngài Trần Du một mặt vận động mua sắm vũ khí, tích trữ lương thực và tiếp tục chuẩn bị căn cứ kháng chiến ở vùng Trường An huyện miền núi Ba Tơ. Nơi đây, thời trước bố ông là Cử nhân Trần Thế, một nhân vật có uy tín trong Nghĩa hội Văn thân, đã khai phá ruộng đất, đặt ra những cơ sở đầu tiên². Mặt khác, với danh nghĩa đại diện phong trào Cần vương ở phía nam, Trần Du mở rộng cuộc vận động cứu nước ra Bình Định, Phú Yên.

Công việc chuẩn bị đang khẩn trương, "dân binh" bắt đầu may áo và sắm vũ khí³ thì năm 1895 quân của Pháp

¹ : Thống kê của chính quyền tỉnh Quảng Ngãi năm 1950: "Nhà Chung chiếm 16.633 mẫu ruộng đất (mẫu Trung bộ)". Phần lớn số đó vào tay nhà Chung thời gian trước 1900.

² : Ở vùng Trường An hiện còn di tích là nền nhà cũ ngài Trần Toại và đền Hiệp Cổ (tư liệu của họ Trần An-Hòa).

³ : Theo tư liệu của họ Trần An-Hòa.

và Nguyễn Thân lại tiếp tục truy lùng các cơ sở Văn thân. Đầu 1896 một số sĩ phu từ Phú Yên, Bình Định ra Quảng Ngãi bị lộ và bị địch bắt giết tại cống Chiêm Chiêm, trên đường cái quan, địa phận làng Thiết Tràng (xã Đức Tân ngày nay). Chúng chém bêu đầu trên cây mù u ven đường. Địch lùng Trần Du ráo riết. Chúng bắt bố vợ ông là cụ Phó Tám, làng Đồng Viên. Không moi được tin về Trần Du và không khuất phục được cụ Phó Tám, chúng hành hình cụ tại chợ Quán Lát (làng Kiến Khương, xã Đức Chánh)⁽¹⁾.

Ngày mồng 5 tháng 2 năm Bình thân (18.3.1896), chúng bắt ông tại làng Hùng Nghĩa (Đức Phổ)⁽²⁾. Tra tấn dã man không khuất phục được Trần Du, ngày 12 tháng 3 năm Bình thân (1896) chúng hành quyết ông tại Mỏ Cày, trên đường cái quan gần chợ Thi Phổ.

Năm ấy, ngài Trần Du 32 tuổi. Ké địch chỉ cho vợ ông mang hình (xác) về mai táng ở quê bà, làng Đồng Viên (xã Nghĩa Hiệp hiện nay). Đầu ông chúng bêu tại chỗ để thị uy với văn thân và dân chúng. Mấy ngày sau, nhờ sự giúp đỡ của binh lính và nhân dân địa phương, gia đình họ Trần đã đem được đầu ông về bí mật mai táng tại quê nhà.

Trần Du đã qua đời nhưng lịch sử và nhân dân Quảng Ngãi không bao giờ quên vị lãnh tụ đã gan góc dựng lại ngọn cờ yêu nước ngay sau ba lần khởi nghĩa Văn thân thất bại. Một Văn thân không câu nệ cái nghĩa tôn quân, đã lấy "cứu quốc - hộ dân" làm mục tiêu của cuộc vận động. Một lãnh tụ có ý đồ khắc phục khâu yếu nhất của phong

¹ : Có người bảo ở làng Bồ Đề (xã Đức Nhuận), hai nơi cách nhau khoảng 2km.

² : Cụ Trần Chi, cháu gọi ngài Trần Du bằng bác thúc bá cho biết: ngài Trần Du "bị bắt tại một cơ sở của ông Trịnh Thế ở làng Hùng Nghĩa". Ông Trịnh Thế bấy giờ làm Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nghĩa - Định.

trào Văn thân lúc bấy giờ, liên kết hoạt động giữa các tổ chức Văn thân ở nam Trung bộ. Một lãnh tụ đã nghĩ đến nhiệm vụ xây dựng căn cứ miền núi để kháng chiến lâu dài. Nhưng thời thế đã không chiều người !

Lãnh tụ cuối cùng của phong trào Văn thân đã qua đời nhưng các sĩ phu Văn thân, trí thức Nho học yêu nước Quảng Ngãi vẫn tiếp tục nhiệm vụ "cứu nước - giúp dân", phối hợp cùng giới trí thức tân học, ở các thời kỳ cách mạng tiếp theo. Điển hình cho tính liên tục lịch sử ấy là nhà họ Trần An-Hòa. Trong vòng nửa thế kỷ, tính từ Cử nhân Trần Thử đến Trần Du, anh em, con cháu luôn có mặt ở cương vị chủ chốt trong những bước ngoặt các phong trào cứu nước từ Văn thân đến trước Cách mạng tháng 8.1945.

"Nhà nghèo biết con thảo. Nước loạn biết tôi ngay". Câu ấy vẫn đúng với thời kỳ từ 1885, nước mất vào tay thực dân Pháp, cho đến hết thế kỷ XIX, thời kỳ Văn thân - Cần vương. Ở đó có cả một kho báu về lòng yêu nước và nghĩa khí của giới trí thức Nho học Quảng Ngãi đáng được tìm hiểu, khai thác, làm giàu cho đạo lý Việt Nam.

IV. NGUYỄN BÁ LOAN-MỘT TRONG NHỮNG GƯƠNG MẶT TIÊU BIỂU CỦA VĂN THÂN QUẢNG NGÃI

Nguyễn Bá Loan (Ấm Loan) lãnh tụ của khởi nghĩa Cần vương 1885 - 1888 là con thứ hai của Thượng thư Nguyễn Bá Nghi, sinh năm 1857, quê vạn Lạc Phố (Mộ Đức).

Lạc Phố xưa là một vạn ghe thuộc địa phận làng Năng An, lỵ sở huyện Mộ Hoa (đời Thiệu Trị, Mộ Hoa đổi gọi thành Mộ Đức). Năng An - Lạc Phố là tụ điểm dân cư vào

hạng sớm nhất ở hạ bán nam sông Vệ khi thành lập phủ Tư Nghĩa đời Lê Hồng Đức, là đầu mối giao lưu đường thủy qua cửa Cổ Lũy mà đến các nơi khác trong tỉnh và vào Nam ra Bắc. Dân Lạc Phố làm nghề vận tải (và buôn) đường thủy, ở ghe, nhưng có vài mẫu hương điền tọa lạc trên địa bàn làng Năng An. Hiện nay, nhà thờ họ Nguyễn Lạc Phố thờ ngài Nguyễn Bá Loan kế cận nhà thờ họ Trần Năng An, thi tổ ngài Trần Du, một lãnh tụ khác của Văn thân Quảng Ngãi.

Nguyễn Bá Nghi đỗ cử nhân năm 1831, năm sau đỗ phó bảng, khai khoa phó bảng tỉnh Quảng Ngãi, làm quan dưới 3 triều Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức. Năm 1861, Nguyễn Bá Nghi theo lệnh triều đình vào chống giữ Biên Hòa và thương thuyết với Pháp để lấy lại thành Gia Định vừa mất. Chống giữ không được, hòa hội không thành, ông bị giáng chức. Đời sau xếp ông vào phe "chủ hòa". Nhưng khi làm việc ở triều, khi làm tỉnh thần, khi vào Nam, khi ra Bắc, hai lần giáng chức, hai lần phục chức, hai lần từ quan, ông được người đương thời xem là một danh sĩ, một người yêu nước, trung trực, tiết tháo. Vua Tự Đức khen "Nguyễn Bá Nghi là người thông đạt, mẫn cán".

Nguyễn Bá Loan sinh ra và lớn lên khi quân Pháp đã hai lần đánh cửa Hàn, 6 tỉnh Nam kỳ lần lượt rơi vào tay quân Pháp, thành Hà Nội 2 lần bị hạ. Theo cha đi khắp nước, Nguyễn Bá Loan có dịp nhìn rõ tình thế lúc bấy giờ. Ông không thi để tiếp tục con đường làm quan của cha, mà gia nhập hàng ngũ kháng chiến của văn thân, hẳn đã qua nhiều suy tư và có chủ định.

Khởi nghĩa Ất Dậu thất bại. Lãnh tụ Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân hy sinh. Nguyễn Bá Loan lập tức dựng

ngọn cờ "Tiểu tặc - Trừ gian - Bình quốc loạn", hiệu triệu, tập hợp văn thân trong tỉnh, liên kết với Nghĩa hội Bình Định và Quảng Nam. Chỉ trong thời gian 4,5 tháng tổ chức lại nghĩa binh, trang bị huấn luyện lại đội ngũ, đã có thể phối hợp cùng nghĩa binh của ông Bùi Điền đánh chiếm đồn Lỗ Thục (12.1885). Lỗ Thục là đồn sơn phòng duy nhất của Bình Định do một lãnh binh chỉ huy trấn giữ con đường đi vào huyện miền núi An Lão. Đồn quản lý một khu đồn điền do lính sơn phòng canh tác và bảo vệ¹. Đánh chiếm Lỗ Thục, nghĩa binh tạo được một khu vực đứng chân tương đối vững chắc cho cả bắc Bình Định và nam Quảng Ngãi.

Hai tháng sau (2.1886), nghĩa binh Bình Định - Quảng Ngãi do Nguyễn Bá Loan và Bùi Điền, Đặng Đề (Bình Định) cùng tiến đánh đồn sơn phòng Cơ Nhất tại làng Hùng Nghĩa. Đồn này cũng do một lãnh binh chỉ huy, trấn giữ con đường vào huyện miền núi Ba Tơ, nguyên là bán doanh của Tiểu phủ sứ Nguyễn Thân.

Tháng 8 năm 1885 liên quân Bình Định - Quảng Ngãi - Quảng Nam đồng loạt đánh vào đồn sơn phòng Cơ Nhất lần thứ hai ở phía nam và vào phủ Bình Sơn ở phía bắc. Trận đánh đồn Cơ Nhất quân địch thiệt hại rất nặng; bên ta hy sinh Đề đốc Búa, Lãnh binh Tích và Lãnh binh Lự. Sau trận này Pháp phải chi viện cho Nguyễn Thân 200 súng "nạp hậu" và một vạn viên đạn để cố thủ đồn sơn phòng Cơ Nhất.

¹ : Tên gọi "Đồn điền La Vương" hay "Đổng Vương". Thời chống Pháp chính quyền kháng chiến phục hồi và mở mang thêm thành một cơ sở sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu 5 năm 1950 họp lại đây.

Trận phủ Bình Sơn do ông Trần Hoàn và Tôn Cường (người Quảng Ngãi) chỉ huy, đánh với quân Nguyễn Thân một trận dữ dội tại Cầu Cháy địa phận làng Yên Trì, giết tướng giặc là Lê Thuyết¹¹ khiến Nguyễn Thân phải đốt cầu mà chạy.

Qua những trận đánh điển hình cuối năm 1885 đến cuối năm 1886, có thể hình dung thời gian đó nghĩa binh đã tạo được căn cứ từ Lỗ Thục đến nam Đức Phổ (vùng Thanh Sơn, Lộ Bàn nay còn dấu tích), ở phía nam nối được với căn cứ miền tây Bình Định. Căn cứ Tuyên Tung phía bắc đã nối được với căn cứ nghĩa binh Quảng Nam qua vùng núi tây Tam Kỳ lên Quế Sơn.

Trong một thời gian ngắn, từ giữa năm 1885, bộ tham mưu của nghĩa binh Nguyễn Bá Loan thực hiện một khối lượng công việc to lớn. Một mặt chứng tỏ sức mạnh tinh thần của văn thân và dân chúng Quảng Ngãi nhất tâm hưởng ứng khẩu hiệu "Tiểu tặc - Trừ gian - Bình quốc loạn" của Nguyễn Bá Loan. Mặt khác cho thấy dấu ố tổ chức thực tế và tài thao lược của Nguyễn Bá Loan - người đã tính đến việc tạo ra và mở rộng căn cứ vừa để kháng chiến lâu dài, vừa bảo đảm cho tác chiến của nghĩa binh, người tổ chức việc phối hợp với nghĩa binh Bình Định, Quảng Nam và trực tiếp chỉ huy những trận phục kích, tập kích trên một chiến trường ven núi, kéo dài từ nam đến bắc Quảng Ngãi¹².

¹ : Trong *"Việt Nam - các sự kiện"*... và Nguyễn Bá Trác Phan Ngọc Liên đều chép tên tướng giặc có khác nhau. Tác giả không đi sâu vào chi tiết.

² : Sách *Tìm hiểu phong trào yêu nước*... (Sđd) của Bùi Đình và tư liệu riêng nhà họ Nguyễn Lạc Phổ có nói đến vài trận đánh khác ở Mộ Đức và vào tỉnh thành Quảng Ngãi nhưng không thẳng

Nguyễn Bá Loan trực tiếp đương đầu với Nguyễn Thân, người có trong tay ít nhất 6000 quân sơn phòng thiện chiến với 500 súng "nap hậu" (súng Mousqueton) lúc đó là đáng gờm. Nguyễn Thân khét tiếng là một con người hiếu sát, tham tàn, hiểm độc. Thủ đoạn y đối phó với nghĩa binh là dùng khủng bố, giết chóc tràn lan để "chặt vây cánh" và "triệt phá tiếp tế" làm cho nghĩa binh không duy trì được nguồn bổ sung về lương thực, quân nhu và nhân lực từ dân chúng, lực lượng phải phân tán và hao mòn.

Tháng 4 năm 1887 căn cứ kháng chiến của Bình Định bị Trần Bá Lộc phá. Tháng 6 năm 1887 căn cứ kháng chiến của Quảng Nam bị Nguyễn Thân phá. Nghĩa binh Quảng Ngãi cũng suy yếu dần. Khoảng 1888 thì tổ chức bị tan rã. Chưa thấy có tư liệu về việc nghĩa binh đánh thua, thủ lĩnh bị bắt hay đầu hàng giặc.

Nhiệm vụ kháng chiến chưa thành. Nghĩa hội Cần vương tạm thời tan rã, nhưng người văn thân vẫn còn tạm thời nương náu trong dân, tiếp tục duy trì, bảo lưu nghĩa vụ cứu nước.

Nguyễn Bá Loan rời quê đi vào phương Nam, năm ấy 31 tuổi.

Khởi nghĩa Nguyễn Bá Loan thất bại vào lúc phong trào Văn thân Cần vương Trung, Bắc kỳ suy yếu. Năm 1887, tháng 1, đồn Ba Đình bị phá; tháng 4, thủ lĩnh Nghệ An Nguyễn Xuân Ôn bị bắt; cuối năm chiến khu Bãi Sậy bị phá, thủ lĩnh Nguyễn Thiện Thuật và Tạ Hiện bị giạt. Cuối 1895, thủ lĩnh Phan Đình Phùng bị bệnh mất, căn cứ bị phá. Từ 1894 đến 1897, Hoàng Hoa Thám phải hai lần giảng hòa với Pháp. Ở Quảng Ngãi cuộc khởi nghĩa (1894) của Thái Thú và cuộc vận động phục quốc (1895 - 1896)

của Trần Du đều không thành công.

Ngày 3 tháng 11 năm 1888 vua Hàm Nghi bị bắt, 13.1.1889 bị đày sang An-giê-ri. Khâm sứ Trung kỳ và triều đình tay sai đặt vua Thành Thái lên ngôi lúc 9 tuổi, đến 1897, khi vua bắt đầu hiểu về quyền hạn và trách nhiệm thì mọi quyền hành đều bị cắt, chỉ duy còn lại quyền ban phẩm hàm và phong sắc thần mà thôi. Vua thất chí bỏ trốn. Pháp bắt lại (1907 an trí ở Vũng Tàu rồi đày ra đảo Réunion).

Năm 1886 Pháp đặt Trú sứ ở Bình Thuận, Quy Nhơn, Thanh Hóa. Sau đó lần lượt đến các tỉnh khác. Năm 1887, Pháp đặt phủ Toàn quyền Đông Dương. Cùng lúc Đông Dương Ngân hàng xuất vốn cho thực dân Pháp vay để kinh doanh công, nông, thương nghiệp. Từ 1897 đến 1902 dưới thời Toàn quyền Paul Doumer, Pháp đã hoàn thành việc chinh phục, đặt xong guồng máy cai trị và bước sang giai đoạn mới, khai thác Đông Dương: cướp đất lập đồn điền, khai mỏ, lập xưởng máy, làm đường xe lửa xuyên Đông Dương, đồng thời mở rộng mạng đường bộ ở các tỉnh tiến vào vùng sâu, vùng xa phục vụ cho việc khai thác và bình định. Ruộng đất bị cướp, thuế xâu tăng gấp nhiều lần, quá sức chịu đựng của nhân dân, là nguyên nhân trực tiếp của phong trào khất sưu Trung kỳ. Sự can thiệp quá sâu của Pháp vào cơ chế tự trị của các cộng đồng làng xã (cử Lý trưởng, Tuần vũ cũng phải hỏi ý kiến Công sứ Pháp !) làm tăng sự lo ngại và bất bình của giới hào lý, đẩy họ tham gia vào hàng ngũ dân chúng "xin xâu" sau này.

Chưa có căn cứ xác định Nguyễn Bá Loan làm gì, ở đâu trong gần 20 năm xa quê¹⁾. Điều chắc chắn là ông đã

¹ : Bùi Định (Sdd) chép: "Ông trốn tránh ở Nam kỳ...". Tư liệu nhà họ Nguyễn Lạc Phổ chép "Ông vào Bình Định, Bình Thuận, rồi vào dạy học ở Biên Hòa"...

ở Bình Thuận một thời gian dài, hoặc qua lại đó nhiều lần. Bình Thuận là vùng đất mới của Trung kỳ, nơi tỵ địa của sĩ phu Nam kỳ khi Pháp đánh chiếm miền Gia Định; nơi dừng chân của những văn thân sau thất bại ở Nam, Ngãi, Bình, Phú, nơi có thể cung cấp cho Nguyễn Bá Loan đầy đủ tin tức 3 kỳ về tình thế nước nhà, nơi cho phép Nguyễn Bá Loan liên hệ với đồng chí cũ ở Quảng Ngãi (qua cửa Phan Thiết và Cổ Lũy chẳng hạn); nơi có những con người có thể tác động vào sự chín muồi trong tư duy Nguyễn Bá Loan để chuyển từ Cần vương sang Duy tân. Đó là hai người con của nguyên Bố chánh Quảng Ngãi Nguyễn Thông¹ là Nguyễn Trọng Lợi và Nguyễn Quý Anh, hai người có công trong phong trào Duy tân ở Bình Thuận và sáng lập ra trường Dục Anh nổi tiếng. Đó là Trương Gia Mô², người giữ liên hệ mật thiết với Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh, cũng là nhân vật trọng yếu Duy tân ở Bình Thuận. Trong chuyến đi vào Nam, ba ông Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp dừng lại khá lâu ở Phan Thiết tìm bạn đồng chí, đồng tâm (tháng 4, 5.1904). Đó còn là Phan Bội Châu, người đã đến truyền bá thuyết Duy tân ở Bình Thuận trước khi trở ra Trung để đi Nhật. Phan Bội Châu năm 1884, lúc mới 17 tuổi đã viết

¹ : Nguyễn Thông (1827-1884) đỗ cử nhân. Cuối 1868 làm Bố Chánh Quảng Ngãi, năm 1871 bị vu cáo nên cách chức, nhờ bạn bè và nhất là nhân dân Quảng Ngãi minh oan mới được giải tội. Năm 1873 ông cáo quan về nghỉ ở Trại Núi nay thuộc thị xã Phan Thiết, lập thi xã, mở trường học...

² : Trương Gia Mô (1866-1930) quê Bến Tre, theo cha ra ở Bình Thuận, làm quan một thời gian rồi lữ quan, liên hệ mật thiết với Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. Ông tham gia phong trào Duy tân, bị bắt thời gian ngắn. Năm 1910, ông cùng Hồ Tá Bang, Trần Lê Chất đưa Nguyễn Tất Thành (Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này) vào Sài Gòn

hịch "Bình Tây - thu Bắc" và lập ra đội "sì tử Cần vương". Chắc Nguyễn Bá Loan có biết. Cũng có thể do đồng điệu mà chịu ảnh hưởng chăng?

Năm 1905, khi đã gần 50 tuổi, Nguyễn Bá Loan trở về Quảng Ngãi là đã có chủ định¹. Bấy giờ Cử nhân Lê Đình Cẩn, người làng La Hà, nguyên Huấn đạo huyện Mộ Đức, từ quan về cày ruộng, từng tham gia phong trào Vận động Phục quốc của Trần Du, nay đứng ra thành lập hội Duy tân. Nguyễn Bá Loan hợp tác với Lê Đình Cẩn để đến năm 1906 thì Hội Duy tân Quảng Ngãi, với 3 mục tiêu cụ thể: "*Hưng dân trí - Chấn dân khí - Hậu dân sinh*" được thành lập.

Hội Duy tân là một phong trào quần chúng yêu nước công khai đầu tiên trong lịch sử đấu tranh giành độc lập - dân chủ ở mấy tỉnh Trung kỳ, đặc biệt từ Quảng Nam đến Bình Thuận, từ sau khi Pháp đặt ách đô hộ. Công khai từ mục tiêu đấu tranh "*Hưng dân trí - Chấn dân khí - Hậu dân sinh*" đến khẩu hiệu cổ động "*Khai trí, Trị sanh*", "*Tỉnh xa - Cung kiệm*", "*Chấn hưng thổ hóa*"... và hình thức tổ chức Nông hội, Thương hội, Học hội... Phương thức vận động cũng công khai: giảng dạy lịch sử nước nhà và "*cách vật trí tri*"; hội họp, diễn thuyết, vận động mặc áo ngắn, dùng nội hóa, cắt tóc ngắn, bỏ hủ tục, mê tín... Thơ văn yêu nước của các cụ cũng rất phong phú về thể loại, đề tài và rất phổ cập trong dân chúng. Đặc biệt lần đầu tiên, dưới chế độ thực dân - phong kiến, các cụ vận động các

¹ : Bùi Đình: (Sdd) viết: "*Nguyễn Bá Loan sau nhiều năm trốn tránh ở Nam kỳ trở về*"...Không nói vì sao. Tư liệu nhà họ Nguyễn Lạc Phổ viết: "*Nguyễn Bá Loan biết có luật 'Du hân' và 'Bất hối tử' của Pháp nên lần mò về quê*". Tác giả chưa nghĩ là đã đúng với danh nhân Nguyễn Bá Loan.

tầng lớp, các địa phương (cùng có thể cả lương và giáo) đoàn kết theo cái nghĩa "đồng bào" (cùng một bọc) vừa truyền thống vừa tha thiết. Chứng tích và tài liệu được bảo lưu về phong trào Duy tân còn khá nhiều. Sách báo địa phương và trung ương, về nhiều chuyên đề đã đề cập tới nhưng chắc là chưa đủ. Cụ Phan Bội Châu có ghi lại: "Ở Quảng Nam, Quảng Nghĩa, nông hội, thương hội đã mọc lên như nấm"⁽¹⁾. Phong trào chắc ăn sâu lan rộng trong dân chúng nhiều hơn những gì ta được biết và đã ảnh hưởng sâu sắc trực tiếp đến cao trào Khất sưu từ tháng 3 đến tháng 4 năm 1908.

Khất sưu bùng nổ dây chuyền theo quy luật gia tốc của một phong trào quần chúng tự phát, ngoài dự kiến các nhà lãnh đạo Duy tân⁽²⁾. Đáng quý biết bao, khi thấy phong trào đi quá giới hạn trở thành đột xuất, có nguy cơ bị đàn áp, các nhà lãnh đạo Duy tân: Nguyễn Bá Loan, Lê Tự Khiết, Phan Long Bằng, Phạm Tuân, Phạm Mỹ, Lê Đình Cơ, Trần Kỳ Phong, Lê Ngung và các vị khác đã quyết định lao vào chủ động lãnh đạo, mở rộng diện và hạn chế tổn thất. Các ngài nêu gương sáng chói về sự nhạy cảm và dùng cảm chính trị, xác định xả thân để cứu cốt cán và quần chúng khỏi những đòn phản kích đẫm máu của địch. Chúng bắt và giết các ngài là để chặt đầu phong trào. Sự hy sinh của các ngài trở thành bất tử trong ký ức đồng bào.

Giá trị nhiều mặt của một phong trào yêu nước công khai như phong trào Duy tân không dễ định lượng. Điều

¹ : Theo "Phan Bội Châu niên biểu"

² : Theo Bùi Định - (Sđd) - Phong trào Khất sưu.

lưu ý người nghiên cứu về các nhân vật Duy tân ở Quảng Ngãi là: các vị từng bị "kết án", bị "tình nghi" đã tham gia và có uy tín trong các phong trào Văn thân chống Pháp từ trước, đến phong trào Duy tân đều có được một thời gian cần thiết ra công khai hoạt động và đều giữ được thể "hợp pháp" ở mức độ khá cao. Ngay cả các vị Lê Đình Cẩn, Nguyễn Bá Loan, Phạm Cao Chấm, Trần Kỳ Phong, Lê Ngung v.v... cũng vậy. Điều đó rất hiếm thấy nhưng có thật trong thời kỳ Duy tân, cũng như trong phong trào Mặt trận Bình dân ở Nam, Ngãi, Bình, Phú 30 năm sau.

Duy tân là đổi mới. Duy tân là một phong trào yêu nước sâu sắc, không phải là một phong trào "cải lương" như có ý kiến chụp mũ. Sự chuyển biến từ Cẩn vương qua "Duy tân" là một sự chuyển biến cơ bản về mục tiêu hành động, về phương pháp tiến hành, cần thiết và bắt buộc, có cân nhắc cẩn thận qua kiểm nghiệm thực tiễn. Không phải vì các cụ "lúng túng chưa tìm được con đường đúng đắn để tiến lên, bí quá mà phải theo con đường dân chủ tư sản nước ngoài"...¹⁾. Trái lại phong trào Duy tân đã mở ra lối thoát khỏi tình trạng bế tắc của phong trào Cẩn vương, hướng sự nghiệp giải phóng dân tộc vào một giai đoạn mới, bắt đầu bằng việc xây dựng và nâng cao mặt bằng xã hội về ba phương diện: "Dân trí - Dân khí - Dân sinh".

Phong trào Duy tân ở Quảng Ngãi tiếp thu tinh thần cơ bản về Canh tân của Phan Chu Trinh nhưng không mại mà với phương sách "ý Pháp cầu tiến bộ" của cụ. Chúng tôi không nói ý thức đó đúng hay sai, nhưng hiện

¹ : Bùi Định - (Sđd) và một số bài viết trước 1975.

tượng đó là có thật. Có lẽ có dấu ấn tinh thần của các cụ Văn thân Quảng Ngãi (trong đó có Nguyễn Bá Loan).

Nguyễn Bá Loan là người cộng tác gần gũi của lãnh tụ Lê Đình Cẩn sáng lập ra hội Duy tân, người kế tục Lê Đình Cẩn sau khi Lê Đình Cẩn bị bắt, người cùng các đồng chí hy sinh cho sự nghiệp Duy tân đất nước và phong trào nhân dân Quảng Ngãi.

Nguyễn Bá Loan cùng Lê Tự Khiết bị địch xử chém trên bãi sông Trà Khúc, địa phận làng Ba La, phía đông tỉnh thành. Đó là ngày 23 tháng 4 năm 1908 (22 tháng 3 Âm lịch). Thi hài nhà yêu nước được các đồng chí của ngài mai táng tại làng An Đại (xã Nghĩa Phương) sau đưa về cải táng tại làng Tinh Phú, nông trại ngày xưa ngài xây dựng.

Nguyễn Bá Loan là một lãnh tụ xuất sắc của hai giai đoạn đấu tranh yêu nước chống Pháp: Văn thân và Duy tân, một con người tự chuyển biến và có tác động tích cực trong việc chuyển biến lịch sử từ Cần vương qua Duy tân. Là một con người hành động, Nguyễn Bá Loan không lưu lại một tác phẩm hay bản văn nào về hai phong trào Người đã trải qua. Ở phong trào Cần vương, Người chỉ lưu lại những hành động đặc sắc trên bảy chữ đề cờ "Tiểu tặc - Trừ gian - Bình quốc loạn". Ở giai đoạn Duy tân, Người nêu gương sáng thực hành 9 chữ "Khai dân trí - Chấn dân khí - Hậu dân sinh".

Trong con người Nguyễn Bá Loan ẩn giấu một kho báu về lòng yêu nước và nghĩa khí cao thượng cần được khám phá và học tập trong thời kỳ đất nước đổi mới, nhiều thời cơ cùng nhiều thách thức khó lường.

Tháng 3 năm 1996

LVQ

NGUYỄN BÁ LOAN - MỘT LÃNH TỰ TIÊU BIỂU TRONG PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP Ở QUẢNG NGÃI CUỐI THẾ KỶ 19 ĐẦU THẾ KỶ 20

NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN
(Đại học Tổng hợp Huế)

Nói đến phong trào Cần vương Quảng Ngãi, bên cạnh cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình, còn có một cuộc khởi nghĩa khác nổ ra cùng thời và không kém phần nổi tiếng trong lịch sử dân tộc, đó là khởi nghĩa do Nguyễn Bá Loan cầm đầu.

Nguyễn Bá Loan quê ở làng Lạc Phố, huyện Mộ Đức, là con trai của cựu Tổng đốc Nguyễn Bá Nghi - một đại thần của triều Nguyễn - nên dù không đỗ đạt vẫn được ăn ẩm tập của cha và thường được gọi là Ấm Loan.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình vọng tộc quyền thế, nhưng Nguyễn Bá Loan không vì thế mà quên đi nhiệm vụ của một công dân trước sự an nguy của Tổ quốc. Với khí thế chống Pháp sôi nổi của sĩ dân Quảng Ngãi, Nguyễn Bá Loan cũng có chân trong hội Văn thân và được giao trách nhiệm xây dựng lực lượng Đoàn kiệt, phụ trách khu vực phía nam sông Trà. Do yêu cầu của đội Đoàn kiệt là tập hợp những người có am hiểu võ nghệ, nên công việc chiêu mộ, tuyển chọn của Nguyễn Bá Loan khó khăn hơn nhiều so với việc thành lập các toán Hương binh. Cùng chính vì lẽ đó, khi xảy ra sự biến kinh đô Huế, Lê Trung Đình đã có sẵn lực lượng trong tay để khởi sự, còn Nguyễn

Bá Loan thì vẫn chưa tập hợp được lực lượng.

Cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình - Nguyễn Tự Tân chỉ diễn ra chớp nhoáng trong vòng 4 ngày (từ 13.7.1885 đến 16.7.1885) rồi bị đàn áp, nên Nguyễn Bá Loan không kịp tập trung lực lượng kéo về tỉnh thành phối hợp. Nhưng liền sau đó ông đã kiên trì tiến hành tập hợp lực lượng, liên lạc với phong trào Cần vương ở Quảng Nam và Bình Định cùng chống Pháp hết sức quyết liệt.

Lúc này tại Bình Định, phong trào Cần vương phát triển khá rầm rộ. Ở huyện Phù Mỹ, Đào Doãn Dịch cầm đầu một cuộc khởi nghĩa lớn, có Bùi Điền giữ chức Đề đốc, lý trưởng Đặng Đề giữ chức Tán lý, lập đại đồn ở xứ Cây Đa. Tại huyện Bồng Sơn, Đề đốc hưu trí là Vũ Hóa tự nghĩa tự xưng là Thống suất huyện Bồng Sơn, lập đồn và kho tạm ở thôn Thanh Lương, có nhiều thủ lĩnh tham gia như Cử Tuấn, Tú Lý, Tú Tiêm, Tú Tạo, Trang trưởng Kiều, nho sĩ Phùng Đại...⁽¹⁾.

Trận đánh phối hợp giữa Nguyễn Bá Loan và lực lượng Cần vương Bình Định có quy mô lớn diễn ra đầu tiên vào tháng 12.1885. Trong cuộc tấn công này, quân Cần vương Quảng Ngãi - Bình Định đánh phá đại đồn Lão Thuộc nằm trong hệ thống sơn phòng Nghĩa - Định. Đây là một đồn lớn, trang bị nhiều súng ống, chứa nhiều lương tiền của lính triều. Nghĩa quân đã tổ chức tấn công thắng lợi,

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam thực lục*, tập 37. NXB KHXH, Hà Nội, 1977, tr.79.

² : Lão Thuộc hay Lỗ Thực là hai tên gọi của cùng một địa điểm (có lẽ do phát âm khác nhau) - chú thích của người biên tập.

bắt sống được Đề đốc sơn phòng là Đinh Hội², kẻ đã cùng Nguyễn Thân đàn áp khởi nghĩa Lê Trung Đình. Triều đình Huế phải cử một lãnh binh mang 600 quân hội cùng Tiểu phủ sứ Nguyễn Thân đến đàn áp³.

Sang đầu năm 1886, Nguyễn Bá Loan quyết tâm đánh chiếm Quảng Ngãi nên lại tiếp tục phối hợp cùng với các thủ lĩnh dưới quyền của Mai Xuân Thưởng (người tiếp nối Đào Doãn Dịch) là Bùi Điền và Đặng Đề mở một cuộc tiến công mới. Tháng 2.1886, liên quân Cần vương Quảng Ngãi - Bình Định chia làm 3 hướng đánh ra Quảng Ngãi.

Theo kế hoạch vạch sẵn, cánh tiền đạo của nghĩa quân đã từ vùng núi Thạch Tân đánh thẳng đến huyện Mộ Đức, đập tan bộ máy thống trị cấp huyện, triển khai chiếm đóng huyện lỵ và chia quân kéo ra đánh thành Quảng Ngãi. Toán quân này chưa mở trận tấn công vào thành mà chỉ tiến hành bao vây để chờ các cánh quân khác.

Cánh quân thứ hai từ đồn Lão Thuộc kéo tắt qua đồn Thanh Thủy, rồi tỏa lực lượng ra tấn công vào hệ thống sơn phòng Nghĩa - Định. Sơn phòng Tiểu phủ sứ Nguyễn Thân liền phái Lãnh binh Trần Văn Lương, Phó Lãnh binh Nguyễn Tiến Đạo đem quân chia làm hai hướng đánh lại và tự mình đốc suất quân sĩ cự chiến. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt, và mặc dầu có nhiều nỗ lực song nghĩa quân vẫn bị yếu thế nên phải rút.

Phá tan được cánh thứ hai của quân Cần vương,

² : Có người cho rằng trong trận này Đinh Hội làm nội ứng. Chú thích của người biên tập.

³ : Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam thực lục*, tập 37. NXB KHXH, Hà Nội, 1977, tr.80-81.

Nguyễn Thân liền kéo lực lượng đón đánh cánh hậu đạo của nghĩa quân từ núi Thạch Tân về chiếm chợ Trà Cầu. Cuộc giao chiến cũng hết sức ác liệt, kết quả là Nguyễn Thân thắng thế, quân Cần vương phải bỏ Trà Cầu kéo về.

Bề gãy được mũi tiến quân của cánh hậu đạo xong, Nguyễn Thân tiếp tục tiến về tái chiếm huyện Mộ Đức, cướp lại huyện thành, đẩy quân Cần vương lên ngã Thiết Trường. Tại đây, lực lượng nghĩa quân còn lại phải tiếp tục giao tranh với quân sơn phòng Nghĩa - Định, sau đó rút về phía tây Quảng Ngãi. Ngày hôm sau, với sự hỗ trợ của nhiều đồng bào thiếu số, loạn quân đó quay trở lại đánh chiếm được đồn sơn phòng Thường An, nhưng rồi lại bị các đồn khác tập trung lực lượng phản công, nên nghĩa quân đành phải bỏ đồn kéo về.

Riêng toàn quân vốn tách ra từ cánh tiền đạo sau khi chiếm được huyện Mộ Đức thì án binh bất động gần khu vực tỉnh thành Quảng Ngãi. Khi nghe được tin nghĩa quân khắp nơi bị tan vỡ, đành phải bỏ việc công thành rút về Bình Định¹.

Sau lần thất bại này, Nguyễn Bá Loan vẫn tiếp tục duy trì hoạt động trên đất Quảng Ngãi một cách bí mật, xây dựng cơ sở cho phong trào ở khắp khu vực huyện Bình Sơn, tiếp tục giữ mối liên kết cùng Nghĩa hội Quảng Nam và quân Cần vương Bình Định (tại huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đến nay vẫn còn dư âm của những dấu vết hoạt động của nghĩa quân thời đó, như Rú Quân tức là núi Mỹ Thiện, Rú Lương là địa điểm của trụ sở Ủy ban Nhân

¹ : Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam thực lục*, tập 37, NXB KHXH, Hà Nội, 1977, tr.79

dân huyện bây giờ).

Trận đánh có quy mô lớn nhất của liên quân Cần vương 3 tỉnh Nam - Ngãi - Định diễn ra trên đất Quảng Ngãi vào tháng 8.1886. Về phía nghĩa quân Bình Định, lực lượng Cần vương đã phối hợp với đồng bào dân tộc thiểu số chia làm 3 đường tiến quân (một đường từ ngã thượng đạo kéo xuống, một đường từ vùng núi Thạch Tân theo chính lộ thẳng ra, một đường dọc theo vùng biển bọc lại). Nghĩa quân vừa tiến vừa phao tin là đánh sơn phòng Nghĩa - Định, để giam chân đội quân sơn phòng không cho chúng kéo đi cứu viện nơi khác. Còn lực lượng của Nghĩa hội Quảng Nam cũng chia quân làm 5 đạo, kéo vào hợp với nghĩa quân Quảng Ngãi tấn công địch. Khi thế của liên quân 3 tỉnh hết sức dùng mãnh.

Trước sự tiến công của lực lượng Cần vương, quyền Tấn tướng Quân thứ Quảng Ngãi là Lê Uyển vội điều động binh mã để đối phó. Hai bên gặp nhau tại huyện Bình Sơn, nổ ra trận đánh hết sức dữ dội. Nghĩa quân Nam - Ngãi dùng cắm xung trận và đánh bại lực lượng của Lê Uyển, tiêu diệt tại chỗ khá nhiều binh triều, trong đó có cả những quan lại cấp cao như Lãnh binh Nguyễn Tiến Quý, Tham tá Phạm Trọng Di. Thế cùng Lê Uyển phải dẫn tàn binh chạy trốn, nghĩa quân hoàn toàn làm chủ huyện Bình Sơn.

Nhận được tin cấp báo quân Cần vương đã chiếm giữ Bình Sơn, Nguyễn Thân liền kéo đội quân tinh nhuệ của mình hợp cùng quan quân Quảng Ngãi mở cuộc phản công. Mặc dù binh lực của Nguyễn Thân đông và mạnh, nghĩa quân vẫn anh dũng chống trả đến cùng, tiêu diệt thêm một số quân giặc. Tuy nhiên nghĩa quân bị tiêu hao lực

lượng rất lớn, khoảng chừng 300 người⁽¹⁾, nên không giữ nổi Bình Sơn.

Thiệt hại ở Cầu Cháy huyện Bình Sơn buộc quân Nghĩa hội Quảng Nam phải rút về, lực lượng Cần vương Quảng Ngãi bị tan tác, chia vụn thành nhiều toán nhỏ và ngưng hoạt động. Nguyễn Thân kéo quân quay lại vùng sơn phòng tấn công các toán quân Bình Định. Nhiều thủ lĩnh quân Cần vương Bình Định như Đề đốc Búa, Lãnh binh Tích, Lãnh binh Lự và khoảng 200 nghĩa quân hy sinh trong trận đánh này⁽²⁾, số còn lại đành phải rút về Bình Định để tránh khỏi bị tiêu diệt.

Từ sau thất bại của nghĩa quân 3 tỉnh, Nguyễn Bá Loan còn bí mật hoạt động một thời gian, lúc thì liên lạc với thủ lĩnh Cần vương Bình Định là Mai Xuân Thưởng, Nguyễn Duy Cung, lúc thì qua lại với những người cầm đầu Nghĩa hội ở Quảng Nam là Nguyễn Duy Hiệu, Phan Bá Phiến. Sau khi Mai Xuân Thưởng, Nguyễn Duy Hiệu... lần lượt rơi vào tay giặc, vào đầu năm 1888, Nguyễn Bá Loan đành phải rời bỏ Quảng Ngãi lánh mặt vào Sài Gòn, đến năm 1894 mới trở lại⁽³⁾.

Trở về quê nhà trong bối cảnh phong trào Cần vương cả nước đã lụi tàn, công cuộc chống Pháp dưới ảnh hưởng của ý thức hệ phong kiến không còn phù hợp nữa, nên

¹ : Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam thực lục*, tập 37, NXB KHXH, Hà Nội, 1977, tr.184, 185.

² : Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam thực lục*, tập 37, NXB KHXH, Hà Nội, 1977, tr.185.

³ : Hải Phương - *Quảng Ngãi 1885-1945*. Tài liệu đánh máy của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Nghĩa Bình cũ.

Nguyễn Bá Loan đành phải ẩn nhẫn chờ thời.

Sang đầu thế kỷ XX, với sự chuyển biến về mặt kết cấu kinh tế - xã hội theo hướng mới, tư tưởng tư sản thông qua các "tân thư" dần dần dội ảnh hưởng vào Việt Nam, thì phong trào đấu tranh chống Pháp đã có sự thay đổi. Nguyễn Bá Loan cùng nhiều nhân sĩ Quảng Ngãi đã nghe theo tiếng gọi cải cách của cụ Phan Chu Trinh, tham gia vào cuộc vận động Duy tân. Nguyễn Bá Loan là một trong những thành viên tích cực của phong trào, và là Hội trưởng Hội Canh nông ở Quảng Ngãi. Cơ sở của Hội là trại canh nông ở khu rừng thuộc làng Tình Phú, huyện Nghĩa Hành, với diện tích canh tác chừng vài chục mẫu, chuyên trồng đậu và khoai lang. Giúp việc trong Hội Canh nông cho Nguyễn Bá Loan còn có Nguyễn Đình Nghị, Nguyễn Thượng Văn, Nguyễn Công Phương, tổng số hội viên còn có khoảng sáu, bảy chục người.

Cũng như nhiều nhân sĩ Quảng Ngãi khác, Nguyễn Bá Loan tuy hoạt động theo chủ trương cải cách duy tân của cụ Phan Chu Trinh, nhưng vẫn rất tích cực ủng hộ phong trào Đông du, tán thành chủ trương bạo động và có chân trong Duy tân hội của cụ Phan Bội Châu. Chính vì thế mà trong cuộc họp của Duy tân hội Quảng Ngãi đêm 31.3.1908 tại nhà thờ của Tú tài Phạm Huyền ở phủ Tư Nghĩa, Nguyễn Bá Loan hết lời ca ngợi cuộc đấu tranh chống thuế tự phát của những người nông dân trong tỉnh nổ ra từ 24.3.1908, và cương quyết đòi thông qua quyết định Duy tân hội phải tham gia phong trào để lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

Sau cuộc họp đêm hôm đó, Nguyễn Bá Loan là một

trong số các thành viên của Hội nằm trong Ban chỉ đạo cuộc chống thuế ở Quảng Ngãi. Ông góp phần tổ chức lại lực lượng đấu tranh của quần chúng và móc nối với các tỉnh Bình Định, Quảng Nam để phong trào chống thuế ở tỉnh nhà thêm mạnh.

Thực dân Pháp và chính quyền tay sai trong tỉnh vô cùng căm tức vì sự tham gia của Nguyễn Bá Loan và Duy tân hội, nên tiến hành khủng bố và bắt gọn Ban chỉ đạo vào ngày 7.4.1908. Cuộc đấu tranh chống thuế của nhân dân Quảng Ngãi mất đi bộ phận dẫn đường liền chuyển qua mạnh động và cuối cùng bị dập tắt vào ngày 17.4.1908.

Đối với Nguyễn Bá Loan, tờ trình của chính quyền cấp tỉnh Quảng Ngãi gửi ra triều đình Huế ngày 14.4.1908 kết tội ông rằng: "Hành động của Lê Khiết và Ấm Loan hiện nay là dụ hoặc hạt dân tụ họp tại 3 cửa ngoài thành, ngồi nằm huyền não, từ ngày 28 tháng trước đến nay, tuy nói rằng kêu thuế, mà lời lẽ khích báng, dưới mắt không người, khiến sáu viên phủ huyện đều phải về tỉnh trực hậu, những kẻ làm càn trong hạt hiếp người lấy của, tự bảo rằng quyền về nhân dân, muốn làm gì thì làm, đều do Lê Khiết và Ấm Loan xui khiến gây nên"⁽¹⁾.

Ngay cả viên Công sứ Pháp ở Quảng Ngãi là Daudet cũng gửi một tờ thông báo mật cho triều đình Huế nói rằng: "Ngày mồng 3 tháng 4 năm nay Tây lịch, quý trú sứ sức nã Bố Khiết và Ấm Loan, chúng là người thủ xướng cho nhân dân náo động, từ một năm rưỡi đến nay, thường

¹ : Bản tấu của phủ Phụ chính ngày 22.4.1908. Châu bản Triều Duy Tân

thấy chúng đi các xã xin tiền, mọi người đều sợ, không dám nói rõ tên. Ngày 7 tháng 4, quý trú sứ mời hai hưu quan nguyên Đông các Trương Quang Đản, Lê bộ Thượng thư Võ Duy Tĩnh^{*} đến tỉnh, hai đại viên này mặt nói với quý sứ rằng hai tên ấy làm bậy, đã bắt được chó thả, nếu thả thì dân sẽ loạn. Quý sứ nhân tiện hỏi tên hai người ấy, nhưng hai đại viên không dám nói rõ. Cần chánh thần (Nguyễn Thân) nói rõ đích danh là Bố Khiết và Ấm Loan^{"(1)}.

Cay cú vì Nguyễn Bá Loan vẫn đeo đuổi sự nghiệp chống Pháp và tay sai phong kiến, triều đình Huế đã cho rằng ông "là một tên phi cừ xuất thú mong được khỏi tội, cho về làm ăn... thế mà dám đem lòng quan vọng" nên khép ông vào tội danh "Khích biến lương dân" (khích động dân lành gây biến), phát lệnh đem ông về xử chém ngay tại quê nhà cùng với Lê Khiết⁽²⁾ vào giữa năm 1908.

Nguyễn Bá Loan mất đi là một tổn thất lớn cho phong trào chống Pháp ở Quảng Ngãi. Cuộc chiến đấu bền bỉ chống quân xâm lược trải từ thời kỳ Cần vương cuối thế kỷ XIX sang giai đoạn ảnh hưởng tư tưởng cách mạng tư sản đầu thế kỷ XX đã chứng tỏ lòng ái quốc vĩ đại của ông.

Từ trong thất bại của phong trào Cần vương trước đó, Nguyễn Bá Loan đã không hề tỏ ra mỏi mệt hay nản chí mà vẫn nuôi quyết tâm rửa thù nhà đền nợ nước. Việc

^{*} : Có lẽ nhầm với Võ Văn Tĩnh (Thanh), nguyên Tham tri Bộ Hộ (chủ thích của người biên tập).

⁽¹⁾ : Bản tấu của phủ Phụ chính ngày 22.4.1908. *Châu bản triều Duy Tân.

Nguyễn Bá Loan sẵn sàng đi theo đường lối của các cụ Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu không cần suy tính đã cho thấy mục tiêu giải phóng dân tộc luôn là khát vọng lớn lao của đời ông.

Cũng chính vì khát vọng giải phóng dân tộc đó mà quân thù quyết không để cho ông tiếp tục tồn tại, bởi sự hiện diện của ông có ảnh hưởng lớn đến an nguy của công cuộc thống trị của chúng. Song kẻ thù càng căm ghét Nguyễn Bá Loan chừng nào thì nhân dân địa phương nói riêng, cả nước nói chung càng kính phục, yêu thương và nhớ ơn người anh hùng xứ Quảng Nguyễn Bá Loan chừng ấy.

**LÊ TRUNG ĐÌNH, NGUYỄN TỰ TÂN,
NGUYỄN BÁ LOAN VÀ PHONG TRÀO CẦN
VƯƠNG CỨU NƯỚC SÔI NỔI, RỘNG KHẮP
Ở HUYỆN BÌNH SƠN (1883 - 1888)**

VÕ PHÚ HUNG
(Huyện Bình Sơn)

**I. VÀI NÉT VỀ VỊ TRÍ, TÌNH HÌNH XÃ HỘI Ở
HUYỆN BÌNH SƠN CUỐI THẾ KỶ 19:**

Bình Sơn là một huyện nằm cực bắc tỉnh Quảng Ngãi. Theo *Đại Nam Nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn thì tên huyện Bình Sơn có từ đời Hồng Đức thứ 2 (1471), có 6 tổng, 53 xã, chạy từ ranh giới phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam đến phía nam là cả ngạn sông Trà Nhứt. Năm 1890 đời Thành Thái, mới tách ra hai phủ Bình Sơn và Sơn Tịnh như hiện nay. Phủ lỵ Bình Sơn trước 1890 đóng ở thôn Liên Trì, xã Bình Hiệp ngày nay.

Bình Sơn là núi bằng. Cảnh quan nhìn toàn thể như một miền trung du. Tuy vậy, cũng có một số núi có độ cao trên 100m. Thời trước, còn cây cao bóng cả, rậm rạp cheo leo hiểm trở như núi Đông Tranh ở Thọ An (xã Bình An) cao 780m, núi Cà Ty - Đông Lớn, vùng giáp các xã Bình Chương, Bình Hiệp, Tịnh Trà, Tịnh Thọ cao trên 100m, đã được *Đại Nam Nhất thống chí* miêu tả: "Hình núi ba đợt xuống thấp, ba đợt nổi lên, nên tục gọi là đường trường Ba Gò. Cây cối um tùm, có cây rậm rạp, trộm cướp và hùm

beo hay núp ở đây, người đi phải đề phòng” (hiện nay nằm ở vị trí dọc theo Quốc lộ 1A từ Bình Long vào Cầu Cháy, Bình Hiệp). Đó là những cứ điểm chiến lược mà thời Quang Trung ở thế kỷ 18, cũng như phong trào Cần vương ở thế kỷ 19, đã lập nên căn cứ, chiến khu, để huấn luyện binh sĩ, rèn đúc vũ khí, dự trữ quân lương, tiến đánh kẻ thù. Bình Sơn thời ấy ở phía nam có sông Trà Khúc, ở phía bắc có sông Trà Bồng, nước chảy xuôi, ở vùng giữa có con sông Bi nhỏ hơn, từ xã Bình Phước, Bình Hòa chảy ngược lên xã Bình Thới, Bình Hiệp (chỗ Cầu Cháy - Quốc lộ 1A ở xã Bình Hiệp là cầu bắc qua sông Bi chảy ngược).

Bình Sơn là huyện giáp giới tỉnh Quảng Nam, là một tỉnh mà ngày 1.9.1858, hạm đội liên quân Pháp - Tây Ban Nha nã đại bác vào cửa khẩu Đà Nẵng, mở màn cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Quảng Nam cũng là một trong những tỉnh miền Trung có phong trào Cần vương mạnh mẽ. Điều này giải thích vì sao phong trào Cần vương Quảng Ngãi nói chung và Bình Sơn nói riêng sớm được hình thành và có sự phối hợp tác chiến với phong trào Cần vương Quảng Nam sau này.

Ở Bình Sơn, đạo Gia tô đã được truyền bá ở thế kỷ trước, số giáo dân không đông lắm, nằm rải rác một số xã, phần lớn tập trung ở làng Trung Sơn cũ, tức xã Bình Phước ngày nay. Năm 1830 (đời Minh Mạng) nhà thờ Trung Tín được xây dựng (hiện thuộc thôn Phước Thọ xã Bình Phước) là nhà thờ lớn nhất ở huyện Bình Sơn lúc bấy giờ, nằm sâu ở vùng nông thôn⁽¹⁾. Từ khi thực dân Pháp có

¹ : Nhà thờ được làm bằng gỗ, trên diện tích gần một mẫu đất, có địa thế đẹp. Sau nhiều lần bị phá hủy và xây dựng lại, năm 1965, nhà thờ bị bom Mỹ phá hoại hoàn toàn, chỉ còn lại nền đất và nhân dân đã trồng bạch đàn.

dà tâm thôn tính Trung kỳ, chúng đã lợi dụng nhà thờ này để cài cấy gián điệp, tình báo, chỉ điểm, gây bạo loạn, chia rẽ lương giáo, đánh phá phong trào Cần vương ở địa phương một cách điên cuồng dưới danh nghĩa “tử vì đạo”. Vì vậy, nó cũng là cái gai đâm vào mắt các nhà ái quốc văn thân, bắt buộc phải cảnh giác, theo dõi. Điều này sẽ lý giải một cách lý thú về những trận đánh lớn nhỏ diễn ra vùng xung quanh nhà thờ, về giai thoại cụ Nguyễn Tự Tân đánh phạt 30 roi tên gián điệp đội lốt thầy tu Đặng Đức Tuấn và những “trại đạo”, “bãi đạo”, “giếng đạo” rải rác ở các làng cù, phản ánh phần nào việc thực hiện khẩu hiệu “bình Tây sát tả” lúc bấy giờ.

Bình Sơn thời đó là quê hương của các nhà yêu nước Trương Định (1820 - 1864), Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, là những nhà yêu nước, khoa bảng nổi tiếng, có uy tín rất lớn trong cộng đồng dân cư. Điều này cắt nghĩa tại sao hầu hết các tú tài, cử nhân, thân hào, nhân sĩ, phú hào, bá hộ đều tập hợp dưới bóng cờ Cần vương và trở thành một phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân rộng rãi, sôi nổi, áp đảo bọn bán nước, phản động.

II. PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở BÌNH SƠN:

1. Diễn biến của phong trào Cần Vương:

Tiếp theo nhiều lần thăm dò, bắn phá cửa Hàn, rạng sáng ngày 1.9.1858 hạm đội Pháp - Tây Ban Nha do Rigault de Genouilly chỉ huy nã pháo vào cửa Đà Nẵng, mở màn cho cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp đối với nước ta.

Bộ máy nhà nước phong kiến của triều đình Nguyễn tại kinh đô Huế, đứng đầu là vua Tự Đức ương hèn, nội bộ

chia rẽ, năm bè bảy phái, rồi liên tục cất đất, nhượng địa, cuối cùng đi đến thỏa hiệp đầu hàng. Bọn quan lại từ trung ương đến địa phương thì hủ lậu, bảo thủ, mục nát, nhiều năm an hưởng thái bình trên giường êm, chiếu phẳng, khi nghe tiếng súng lũ ngoại xâm mới bừng mắt dậy bàn luận hòa hay chiến ! Bọn chủ hòa là bọn một dân, suốt đời ăn lộc nước nhưng khi “Quốc gia hữu sự” thì trùn chần, so vai rút cổ, để hưởng thụ cá nhân. Còn phe chủ chiến thật ra cũng đánh giặc mồm, tốn nhiều nước bọt, chứ chưa định được đường lối kháng chiến, kế sách chiến lược, chiến thuật để lãnh đạo nhân dân chống giặc ngoại xâm thắng lợi. Tình cảnh đất nước lúc bấy giờ đúng như Nguyễn Đình Chiểu đã than thở:

Hỡi quân dẹp loạn rày đâu vắng

Nỡ để dân đen mắc nạn này !

Xã hội Quảng Ngãi ở cuối thế kỷ 19 vẫn là xã hội phong kiến phương Đông. Những làng quê êm ả sau lũy tre làng, đời đời kiếp kiếp vẫn sản xuất với nền kinh tế tự cấp, tự túc. Cộng đồng dân cư sống theo làng quê vẫn còn đậm nét những tàn tích của công xã nông thôn, giờ đây đang đứng trước một tai họa lớn: Tổ quốc bị xâm lược, giang sơn xà tắc bị dày xéo. Bọn thực dân Pháp sau khi chiếm Nam kỳ, chúng đã có âm mưu đánh ra Bắc kỳ, Trung kỳ để đặt ách thống trị trên toàn cõi đất nước ta. Từ những năm sáu mươi của thế kỷ mười chín, Pháp đã tăng cường hoạt động gián điệp. Lợi dụng việc truyền đạo, bọn đội lốt thầy tu đã cài cấy, trà trộn, bọn thám báo, chỉ điểm đi sâu vào hậu phương ta, để thực hiện chiến thuật “nội công, ngoại kích” khi chiến sự xảy ra. Nhân dân Quảng Ngãi sớm có lòng yêu nước và ý chí căm thù bọn

bán nước, cướp nước nên rất nhạy bén với âm mưu của kẻ thù. Khẩu hiệu “bình Tây sát tả” lúc bấy giờ thực chất là “giết giặc, trừ gian”. Nhưng khi tiến hành khẩu hiệu đó, các nhà yêu nước vẫn thân chưa có sách lược tranh thủ, lôi kéo, phân hóa, giáo dục những giáo dân yêu nước kinh Chúa đứng về phía chính nghĩa, nên trong đối sách có phần “tả khuynh” làm cho thực dân Pháp lợi dụng, khoét sâu chia rẽ sự đoàn kết giáo - lương để thực hiện ý đồ xâm lược của chúng trong tỉnh.

2. Các lực lượng vũ trang cứu nước của phong trào Cần vương:

Sau khi chiếm đóng Bắc kỳ, bằng những thủ đoạn tấn công phối hợp các mặt quân sự, chính trị và sức ép ngoại giao, Pháp đã buộc triều đình Nguyễn ký hiệp ước Harmard 1883 và tháng 6 -1884 ký hiệp ước Patenôtre để hoàn thiện về mặt pháp lý, thừa nhận quyền thống trị của chúng trên toàn cõi đất nước ta. Trong lúc đó, tại triều đình Huế sau khi Tự Đức băng hà, Tôn Thất Thuyết đứng đầu phe chủ chiến đã giữ chức Thượng thư bộ Binh, khống chế được triều đình Huế, đưa Hàm Nghi lên ngôi vua, bố trí, sắp xếp lực lượng chủ chiến ở các tỉnh miền Trung và một số tỉnh Bắc bộ để chuẩn bị kháng chiến chống Pháp lâu dài. Ở Quảng Ngãi phong trào Cần vương dưới khẩu hiệu “phò vua cứu nước” đã được tổ chức trong bối cảnh đó.

Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan là những lãnh đạo chủ chốt của phong trào Cần vương Quảng Ngãi. Tài năng, uy tín, lòng ái quốc nhiệt tình của các ông đã tổ chức đoàn kết được các lực lượng chống Pháp một cách mạnh mẽ từ 1883 đến 1896. Lãnh tụ Lê Trung Đình xuất hiện như một ngôi sao sáng trong tỉnh. Ông là con

người vừa có tài, vừa có đức, với một phong cách sống điềm đạm lịch thiệp, nhân hậu, có khả năng đoàn kết tập hợp, có uy tín lớn trong nhân dân, khiến kẻ thù rất kính nể. Nguyễn Tự Tân là phó soái, như hình với bóng với Lê Trung Đình, dũng cảm xông pha trận mạc, văn võ toàn tài nhưng hết sức nóng nảy. Còn Nguyễn Bá Loan là một cậu ấm có phần trẻ tuổi hơn nhưng rất can đảm, mưu trí, chiến đấu hy sinh cho cách mạng đến hơi thở cuối cùng. Ba ông là linh hồn của phong trào Cần vương đất Quảng Ngãi, đã để lại cho thế hệ sau hình ảnh kiên cường, bất khuất, có sức cổ vũ ý chí chống giặc ngoại xâm, đấu tranh giành độc lập thống nhất Tổ quốc cho đến ngày toàn thắng. Các ông đã chú ý đến việc tổ chức lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị cho phong trào văn thân trong tỉnh. Cụ thể là:

Lực lượng chính trị là tổ chức Văn thân (còn gọi là Văn hội) gồm những nhà khoa bảng, các quan lại trong phe chủ chiến, các thân hào, nhân sĩ, hương lý hào mục, bá hộ ở các làng xã. Văn hội được tổ chức theo làng, xã, là tầng lớp lãnh đạo về tinh thần và vật chất.

Về lực lượng vũ trang bao gồm ba thứ quân:

a. *Vô hội*: Là những đơn vị chủ công, đặc nhiệm, bao gồm những người có bằng võ cử, võ sư, võ sĩ nổi tiếng. Nòng cốt là những “Đoàn kiệt” gồm những cá nhân rất giỏi về võ thuật, thuần thục trong việc dùng kiếm, cung, giáo mác, điều khiển giỏi ngựa chiến, voi trận, sẵn sàng lấy “da ngựa bọc thây”. Nó được tung ra để tạo những quả đấm quyết định trên chiến trường.

b. *Hương binh*: Là đội quân ở trong làng quê, được tổ chức theo đơn vị làng, xã. Nó là lực lượng vũ trang tại chỗ, có nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ quê hương khi có giặc và

sẵn sàng “ứng nghĩa”. Nó là nguồn huấn luyện bổ sung cho lực lượng Võ hội.

c. Ngoài hai lực lượng võ trang trên, các nhà lãnh đạo phong trào Cần vương Quảng Ngãi còn có kế hoạch vận động binh lính của triều đình Huế ở các cơ binh đóng trong thành Quảng Ngãi hay đội quân sơn phòng, được gọi là quân “Bạch lộ” để cùng nhau chống Pháp xâm lược.

3. Lực lượng Cần vương ở Bình Sơn:

Lực lượng Cần vương ở huyện Bình Sơn về đại thể cũng được tổ chức như phong trào chung trong tỉnh nhưng nhờ được sự gần gũi chỉ đạo trực tiếp của các lãnh tụ Cần vương trong tỉnh, nên nó đã được hình thành ở cái thể hợp pháp, do phe chủ chiến tổ chức nên ngoài những đơn vị chiến đấu rải rác ở làng xã, nó đã xây dựng được hai chiến khu Tuyên Tung và Cà Ty - Đồng Lớn, để làm căn cứ tác chiến, công, thủ lâu dài. Phong trào Văn thân ở huyện Bình Sơn sôi nổi, quyết liệt nhất kéo dài trong khoảng 4 năm 1884 đến 1888, có thể chia làm hai thời kỳ:

-1884-1885: do Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân trực tiếp lãnh đạo, tổ chức và các ông Tú Đàm Thanh (Bình Hòa), Nguyễn Tấn Kỳ (Bình Nguyên) trực tiếp chỉ huy.

-1885-1888: do Nguyễn Bá Loan, Võ Thị Đề, Thái Thú lãnh đạo.

Ở Bình Sơn trong phong trào “ứng nghĩa Cần vương” có 4 địa bàn mạnh nhất. Những làng xã đó không những là quê hương của các nhà Văn thân, Võ hội cốt cán, những đội hương binh mạnh, mà nó còn diễn ra các trận đánh lớn, nhỏ quyết liệt, giằng co, đẫm máu giữa lực lượng nghĩa quân và bọn tay sai phản động.

+ Địa bàn thứ nhất: ở các làng cũ Trung Sơn, An Lộc, Phú Long, Lệ Thủy, Nam Yên, Đông Phước, Tham Hội (hiện nay thuộc các xã Bình Phước, Bình Hòa, Bình Thanh) là quê hương của Nguyễn Tự Tân, Tú Đàm Thanh, Đàm Trăm, Tú Tích, Nguyễn Điển Vĩ, Lê Chính, Châu Khải Định, Lê Tuynh...

+ Địa bàn thứ hai: ở các làng cũ như Châu Tử, Phước Bình, Thanh Trà, Thọ An (hiện nay thuộc các xã Bình Nguyên, Bình An, Bình Khương) là quê hương của Nguyễn Tấn Kỳ, Nguyễn Tấn Cảnh, Nguyễn Tấn Trị...

+ Địa bàn thứ ba: ở các làng cũ ở An Diêm, Ngọc Trì, ấp Nam Thuận, quê hương của Võ Thị Đệ, Phạm Chuân, Chánh Ngự, Phó Tề, Hương bộ Tài) hiện là xã Bình Chương.

+ Địa bàn thứ tư: ở các làng xã Xuân Yên, Liên Trì, Long Giang (hiện nay thuộc ở các xã Bình Long, Bình Hiệp) quê hương của Hà Trung Hậu.

Trước ngày kinh đô thất thủ 13.7.1885, các đội nghĩa quân ở Bình Sơn đã phải chiến đấu liên tục với những đơn vị vũ trang của bọn bạo loạn đội lốt giáo dân. Như trên đã nói, ở Bình Sơn có nhà thờ Trung Tín được xây dựng thời Minh Mạng (1830). Để chuẩn bị cho hành động xâm lược lâu dài, từ lâu bọn thực dân đã lợi dụng nhà thờ Trung Tín để trà trộn, cài cấy gián điệp, xây dựng đơn vị vũ trang bạo loạn. Pháp đã lén lút tuần vũ khí vào nhà thờ Trung Tín, tổ chức đào hầm ngầm, xây dựng lô cốt, đào giao thông hào, đặt những ụ súng xung quanh nhà thờ, biến nhà thờ thành một đồn trại của các lực lượng vũ trang phản động, nó còn là ổ gián điệp để chống phá phong trào yêu nước trong huyện. Linh mục Đặng Đức Tuấn khoác

chiếc áo thầy tu, đã nhiều lần từ Qúi Nhơn ra nhà thờ để ngấm ngấm tổ chức những toán vũ trang bạo loạn, dưới chiêu bài khiêu khích “tử vì đạo” để chống phá nghĩa quân Cần vương một cách điên cuồng. Về phía nghĩa quân Cần vương ở Bình Sơn trong những năm 1883-1884 dưới khẩu hiệu “Bình Tây sát tả” đã đặt dưới sự chỉ huy của ông Tú Đàm Thanh (Bình Hòa), Võ Hội (Bình Chương), Nguyễn Tấn Kỳ (Bình Nguyên). Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là trấn áp, tiêu diệt bọn phản động Việt gian. Đối tượng mà các lực lượng nghĩa quân chú ý nhất là nhà thờ Trung Tín và các làng đạo Công giáo. Các nhà yêu nước đã lập các trại đạo để tập trung những phần tử giáo dân bị tình nghi, hoặc đào sẵn các “giếng đạo” để cảnh cáo. Hiện nay đi vào các xã ở Bình Sơn cũ, chúng ta vẫn còn thấy những chứng tích được lưu truyền lại về những “trại đạo”, giếng đạo”, “mả đạo”, điều này nói lên sự đấu tranh quyết liệt, đẫm máu, một mất một còn giữa các nhà yêu nước Văn thân và các lực lượng đối lập.

4. Những trận đánh lớn giữa quân Cần vương với các lực lượng đối lập 1884-1888 trên đất Bình Sơn:

a- Đánh dẹp các ổ vũ trang bạo loạn trong giáo dân được Pháp cung cấp vũ khí, huấn luyện.

Khi triều đình Huế ký hiệp ước Harmard (1883) thì ở Bình Sơn đã diễn ra nhiều trận đánh lẻ tẻ nhưng không kém phần ác liệt giữa nghĩa quân Cần vương với các ổ vũ trang chống đối bất hợp pháp xung quanh vùng Bình Phước, nơi có làng đạo Công giáo và nhà thờ Trung Tín. Nhiều lần nhà thờ Trung Tín đã bị nghĩa quân bao vây trong cả tuần lễ, bọn bạo loạn phải vứt bỏ vũ khí chạy ra

Quảng Nam hay vào Bình Định. Nghĩa quân đã tràn vào nhà thờ, san bằng các ổ chống cự, đập phá công sự. Nhưng cũng nhiều lần được Pháp trang bị vũ khí, bọn bạo loạn lại trở về chiếm đóng nhà thờ Trung Tín, tổ chức chống đối. Đầu tháng 6-1884, nghĩa quân Cần vương Bình Sơn được mật báo là bọn bạo loạn đã bí mật chuyển một số vũ khí vào nhà thờ Trung Tín. Lực lượng vũ trang của nghĩa quân Bình Sơn, do ông Tú Đàm Thanh chỉ huy, từ chiến khu Đồng Lớn (Bình Chương) giương lá cờ “Bình Tây sát tả” cấp tốc hành quân về nhà thờ Trung Tín để tiêu diệt bọn bạo loạn. Tất cả những giáo dân tình nghi đều bị bắt nhốt vào các trại giam đạo, đồng thời nghĩa quân chia nhiều mũi bao vây tấn công vào nhà thờ Trung Tín. Nhưng nhờ có công sự, lại được Pháp cung cấp nhiều vũ khí loại mới, nên nhiều đợt tấn công đều bị kẻ thù đánh bật ra. Nghĩa quân bị thiệt hại nặng, đến ngày 4.6.1883 thì bị đẩy khỏi vùng nhà thờ. Nhờ thứ vũ khí lợi hại là “giáo sào”, bọn phản loạn đã đẩy nghĩa quân ra xa hàng cây số. Một trận đánh đẫm máu, ác liệt là trận đánh giáp mặt diễn ra lúc 10h ngày 5.6.1884 tại cánh đồng và ven rừng Gò Giã ở thôn Phú Long (Bình Phước). Khói đạn mịt mù làm cho vùng Gò Giã trở nên bãi chiến trường đẫm máu. Hàng trăm thầy phoi trên đồng nội, bờ rừng. Ông Tú Đàm Thanh tổng chỉ huy ngồi trên con ngựa chiến, tả xung hữu đột, nắm ép sát xuống mình ngựa, đầy bụi bám để đốc thúc, động viên, chỉ huy nghĩa quân. Nhưng không may, bụi tóc ông bởi dài 1,5m đã bị gió bật tung ra, quẩn vào nhánh cây rừng, giật mạnh về phía sau làm cho ông mất đà, ngã ngựa. Bọn phản loạn hò hét tới đâm ông chết. Nghĩa quân sau đó bị thiệt hại nặng phải rút lui. Bọn bạo loạn chém đầu ông bêu giữa cánh đồng. Ngày hôm sau, vợ

con gia đình đem “thủ cấp” ông về an táng tại gò Nam Bình, thôn Nam Yên (xã Bình Hoà) giữa sự thương tiếc kính trọng của hàng trăm đồng bào dự đám tang buổi chiều hôm đó. Mộ ông hiện nay vẫn nằm chỗ cũ, chỉ là nấm đất bên cồn, chưa xây cất gì. Sau cách mạng tháng Tám, xã ông được mang tên xã Đàm Thanh. (Hiện nay là xã Bình Thanh, từ “thanh” đó chính là tên ông).

b- Nghĩa quân Bình Sơn tham gia khởi nghĩa, đánh chiếm thành Quảng Ngãi ngày 13.7.1885

Sau hai ngày kinh đô Huế thất thủ, ở Bình Sơn cũ, các đội Hương binh được lệnh “ứng nghĩa”, các Võ hội, Đoàn kiệt được lệnh sẵn sàng chiến đấu. Chiến khu Tuyền Tung là căn cứ địa của nghĩa quân Quảng Ngãi bỗng sôi động lạ thường. Đường lên chiến khu Thọ An thời đó còn là nơi hiểm trở, phải leo qua đèo Tuyền Tung cheo leo dốc ngược, phải qua nhiều suối sâu, rừng rậm. Ở đây hiện nay còn dấu vết lò rèn mà nghĩa quân dùng để rèn vũ khí, những bãi tập, công sự phòng ngự của nghĩa quân Văn thân. Tại căn cứ này, Lê Trung Đình được phong làm chánh tướng, các ông Nguyễn Tự Tân, Võ Hội, Nguyễn Tấn Kỳ được cử làm phó tướng, trực tiếp chỉ huy hơn 3000 nghĩa quân hành quân chiếm thành Quảng Ngãi.

Trước khi hành quân, bộ chỉ huy nghĩa quân đã tiến hành làm hai nghi thức: lễ tế cờ và lễ chém tướng. Giai thoại kể lại rằng, trong lễ tế cờ ở chiến khu Tuyền Tung, khi cờ nghĩa quân vừa kéo lên, bỗng nhiên dây kéo cờ bị đứt, cờ rơi xuống đất, làm cho quan quân ngơ ngác, dao động. Nguyễn Tự Tân phải diễn thuyết trấn an tinh thần. Sau đó nghĩa quân kéo xuống núi Bà Nhi - Rừng Miếu ở thôn Châu Tử xã Bình Nguyên làm nghi lễ chém đầu

tướng giặc. Lễ nghi được Nguyễn Tấn Kỳ tổ chức một cách trọng thể, đơm màu sắc linh thiêng. Nội dung lễ chém tướng là trên phiến đá tiên trong miếu cấm 24 ngọn đèn sáp màu đỏ. Chánh tướng Lê Trung Đình mặc bộ áo giáp tượng trưng, với nét mặt oai nghiêm, quắc thước đã được Nguyễn Tấn Kỳ quỳ xuống, dâng lên lưỡi kiếm trận. Lê Trung Đình nhận lấy kiếm, đốt hương khấn vái trời đất, vũ trụ, cầu mong cuộc hành quân thắng lợi. Rồi Lê Trung Đình múa bài kiếm thật đẹp và bắt đầu chém tượng trưng 24 ngọn nên đang bùng cháy. Nhưng đến ngọn đèn nến thứ 4, do vùng kiếm quá đà, chém mạnh xuống tảng đá, kiếm trận bị gãy đôi, làm cho buổi lễ chém tướng không vui, nét mặt quan quân ỉu xiu. Nghe nói, sau hai hiện tượng không may này, một số đội trưởng và hương binh đã đào ngũ đi tu. Nhảy bèn trước diễn biến đó, trước khi hành quân, Nguyễn Tự Tân đã đồng dục huấn thị: “Hưng vong binh thế vận, bĩ thời hệ nhân mưu, việc thành bại là do phép dụng binh, tốt xấu là do con người quyết định, các anh đừng có tin vào chuyện mê tín dị đoan”. Cuộc hành quân vào chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi vẫn tiếp tục và ngày 14.7.1885, 3000 nghĩa quân đã bao vây và chiếm thành một cách nhanh chóng. Ngày 17.7.1885, do sự phản bội của Nguyễn Thân, Nguyễn Tự Tân tử trận, Lê Trung Đình bị bắt và sau đó bị xử chém. Cuộc khởi nghĩa chiếm thành Quảng Ngãi thất bại, nghĩa quân phần lớn chạy về cơ sở cũ, tập hợp lực lượng, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới.

c. Nghĩa quân Cần vương Bình Sơn tham gia khởi nghĩa, đánh với quân Nguyễn Thân 1886-1888:

Sau khi cuộc khởi nghĩa chiếm thành Quảng Ngãi bị

thất bại (1885), một số lãnh đạo trung kiên trong nghĩa hội Cần vương Quảng Ngãi, Bình Sơn còn lại như Võ Thị Đệ, Nguyễn Bá Loan, Võ Tôn Tường, Thái Thú và các nhóm “hương binh”, “vô kiết” ở các làng cũ An Điền, Ngọc Trì (Bình Chương) Liên Trì, Xuân Yên (Bình Hiệp), Trà Bình, Khánh Mỹ (Tịnh Trà) cùng móc nối, nhen nhóm, tập hợp nghĩa quân tại chiến khu Đồng Lớn - Cà Ty dưới lời hiệu triệu: “Tiểu giặc, trừ gian, bình quốc loạn” (Diệt giặc nước, trừ bọn tay sai, đem lại bình an cho đất nước). Bấy chũ này được viết trên lá cờ đỏ, rất to, cắm trên đỉnh núi Cà Ty - Đồng Lớn, ngạo nghễ tung bay phấp phật trước gió, đứng cách xa 10 km vẫn trông thấy. Đại bản doanh của nghĩa quân đóng tại Đồng Lớn nhà ông Hương hộ Tài (họ Thái), một bá hộ giàu có, yêu nước. Hiện nay ông Hộ Tài còn người cháu đích tôn là anh Thái Văn Luận (nhà này cũng là cơ sở cách mạng trong thời kỳ tiền khởi nghĩa 1945 và trong hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm là nơi nuôi nấng, hội họp, đi lại của cán bộ tỉnh, huyện, hiện nay vẫn còn, con cháu làm ăn phát đạt). Ở xã Bình Chương hiện còn nhà thờ ông Hộ Đánh ở thôn Nam Thuận cũng là địa điểm họp hành, đi lại của các lãnh tụ Cần vương, sau này đến phong trào xin râu khất thuế, Duy tân. Từ khi có Đảng đến hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, nhà thờ này đã chứng kiến bao nhiêu cuộc họp quan trọng của các nhà yêu nước, lãnh đạo cách mạng. Hiện nay nhà thờ cổ kính này vẫn còn.

Sau khi chiếm thành Quảng Ngãi, bọn thực dân Pháp đã dùng đội quân sơn phòng của Nguyễn Thân đánh phá, tập kích các lực lượng vũ trang của nghĩa quân. Từ Bình Sơn đến Đức Phổ chúng đều lập đồn đóng quân dọc theo

quốc lộ I. Ở Bình Sơn chúng đóng đồn ở Châu Tử, Châu Ổ và Bình Hiệp, Tịnh Ấn để hỗ trợ cho chúng tổ chức bộ máy cai trị mới. Trong lúc đó nghĩa quân vẫn tiếp tục xây dựng các phòng tuyến phía bắc sông Trà, huấn luyện binh sĩ, tích lũy lương thực, vũ khí, xây dựng chiến khu Cà Ty - Đồng Lớn, địa bàn của nghĩa quân lan rộng cả một vùng Sơn Tịnh, Bình Sơn, Trà Bồng hiện nay. Đã mấy lần Nguyễn Thân tự mình cầm binh đi càn quét vùng chiến khu nhưng đều bị đánh quyết liệt phải tháo chạy. Nguyễn Thân đã phải cầu cứu xin viện binh Pháp ở Huế vào. Pháp cử tướng Ngụy là Nguyễn Thuyền hành quân theo đường biển vào càn quét tảo thanh vùng Bình Sơn nhiều lần. Tên Nguyễn Thuyền bị nghĩa quân phục kích giết chết tại vùng Tịnh Ấn Tây hiện nay^{*}.

Nghĩa quân Bình Sơn phối hợp với nghĩa quân Quảng Nam do Nguyễn Duy Hiệu (Hường Hiệu), Trần Hoàn chỉ huy tháng 8.1886 đã chủ động mở một đợt tấn công đồng loạt vào các đồn Cơ Nhất ở Châu Tử, Tri Bình, Châu Ổ và phủ Bình Sơn ở Liên Trì. Các đồn Cơ Nhất⁽¹⁾ đã bị san phẳng. Quan quân Nguyễn Thân phải tháo chạy về phía nam sông Trà Khúc. Thực dân Pháp thấy tình hình nguy khốn, chúng tăng cường binh sĩ cho Thân từ Qui Nhơn ra, cấp thêm 200 súng và hàng vạn viên đạn để chiếm lại vùng đất đã mất kéo dài từ Quảng Nam vào. Được Pháp cung cấp súng đạn, bổ sung quân lính, mùa xuân năm

* : Có tài liệu khác nói Nguyễn Thuyền bị giết ở trận Cầu Cháy - Chú thích của người biên tập.

¹ Dựa vào *Quảng Ngãi tỉnh chí* của Nguyễn Bá Trác có ý kiến cho rằng đồn Cơ Nhất ở Đức Phổ. Có lẽ ở đây tác giả tham luận đã nhầm với một đồn khác (Người biên tập).

1887, Nguyễn Thân trực tiếp chỉ huy, kéo đại quân vượt qua sông Trà, tiến công chiếm lại các đồn Cơ Nhất đã mất, đồng thời mở nhiều mũi đột phá, đánh vu hồi vào chiến khu Đồng Lớn - Cà Ty. Trận tuyến kéo dài một vùng rộng lớn theo dọc đường quốc lộ IA, từ Tịnh Ấn ra đến Bình Nguyên hiện nay. Đây là trận đánh ác liệt nhất, kéo dài, giằng co nhiều ngày giữa nghĩa quân Cần vương và bọn ngụy quân Nguyễn Thân. Gươm giáo sáng quắc, ngựa chiến, voi trận, hỏa mù, tên nổ và các loại vũ khí mới đều được đưa ra trận. Các chiến thuật du kích mai phục, đánh giáp mặt được nghĩa quân áp dụng một cách năng động, có hiệu quả. Bốn tiếng trống thúc giục liên hồi để cổ vũ binh sĩ của hai bên, tiếng đạn nổ, tiếng quân hò reo “giết giặc trừ gian” dậy đất. Bụi bặm tung bay mịt mù, những làn tên lao ra vun vút, nghĩa quân ào ào xốc tới dưới sự chỉ huy của tư lệnh mặt trận là chánh tướng Nguyễn Bá Loan, phó tướng là Võ Tôn Tường đang lướt mình trên con ngựa chiến, chiếc áo bà ba của các ông đầy cát bụi, lúc thì phi nước đại nằm rạp trên con ngựa chiến để tránh đạn, lúc thì vung gươm lên trời xanh ra lệnh cho các cánh quân. Quân lính, người ngựa của bọn giặc bị giết phơi đầy cánh đồng Tràm ở Liên Trì, máu chảy loang lổ khắp cánh đồng. Trong trận đánh này nghĩa quân đã dùng chiến thuật hỏa mù làm cho trận mạc mịt mù, quân sơn phòng rối loạn không định hướng được. Rồi nhân lúc đó, bố trí thọc sâu dưới sự chỉ huy của Thái Thú, luồn qua những tên vệ sĩ, để tiếp cận với Nguyễn Thân. Quân địch ở vào thế bị tấn công và tiêu diệt. Trong trận tuyến nghĩa quân nghe tiếng Nguyễn Thân vái lạy khóc đất cầu trời ! Lúc bấy giờ có trận gió thổi ngược lại, còn một mét nữa Thái Thú phát hiện Nguyễn Thân đang ngồi trên voi chiến. Tùy tướng

Thái Thú dồn hết lực cầm thù, vung kiếm cao sáng quắc, bổ sã vào đầu Nguyễn Thân. Nhưng con voi chiến đã giương vòi lên, lưỡi kiếm Thái Thú chỉ chém trúng vòi voi rơi xuống đất. Nguyễn Thân thoát chết thúc voi tháo chạy, nghĩa quân truy đuổi quân thù. Bí thế Nguyễn Thân ra lệnh đốt cầu để ngăn chặn sự tiến công của nghĩa quân (cầu này hiện nay là Cầu Cháy trên Quốc lộ 1A, đi qua xã Bình Hiệp). Nghĩa quân Bình Sơn - Quảng Ngãi có sự phối hợp với nghĩa quân Quảng Nam đã đánh cho quân Nguyễn Thân tơi bời, truy kích bọn giặc về phía thành Quảng Ngãi. Nghĩa quân đại thắng, thu dọn chiến trường. Hàng mấy chục con ngựa chiến, voi chiến đã bỏ mạng. Hàng ngàn xác giặc nằm ngổn ngang. Súng, dao, giáo, mác vút bừa bãi khắp trận địa. Nghĩa quân phải tổ chức chôn cất trong vài ba ngày. Vì vậy hiện nay ra miền đất từ Bình Long đến Tịnh Phong, chúng ta thấy các lớp mả nằm rải rác, có lớp mả quân, mả tướng, mả ngựa, mả voi, và mỗi lớp có chiều dài hàng trăm mét. Nhân dân địa phương cho biết, hằng năm có lệ đốt mả nghĩa trùng, đốt hương, cúng cơm vào ngày 16 tháng Giêng âm lịch cho linh hồn vô chủ.

Riêng Nguyễn Thân sau trận đại bại và chết hụt đã đã kinh hồn mất vía, khiếp đảm, hẩn về nhà thờ tổ phụ ở Mộ Đức làm lễ ăn mừng thoát chết, rồi cút vào Quy Nhơn tĩnh dưỡng và được Pháp nuôi nấng, vỗ béo, tiếp tục chỉ thị cho hẩn mưu kế đánh phá nghĩa quân Quảng Ngãi trong những năm sau.

Tuy bị nghĩa quân cho ăn no đòn nhưng Nguyễn Thân là một tên gian hùng, tay sai đắc lực cho Pháp, có nhiều mưu lược thâm hiểm trong cách dụng binh. Vì vậy, sau một năm trời ở Quy Nhơn, thu đông 1888, được Pháp cung cấp

tàu thuyền, súng đạn và mấy ngàn quân và được bọn gián điệp cung cấp tình hình nghĩa quân ở vùng nam Quảng Nam và bắc Quảng Ngãi, Nguyễn Thân lợi dụng mùa tháng 10, gió to, biển động, việc đề phòng của nghĩa quân có phần sơ hở, hấn mở cuộc hành quân theo đường biển, rồi nửa đêm thành linh đổ bộ vào bãi Ngang (chỗ bãi Khe Hai, giáp ranh hai tỉnh Nam - Ngãi ngày nay), tấn công ngay vào doanh trại của nghĩa quân Quảng Nam đang chốt ở vùng bắc Dốc Sỏi. Tuy Trần Hoàn hy sinh nhưng nghĩa quân Quảng Nam đã truy kích quân Nguyễn Thân chạy về phía Quảng Ngãi. Phối hợp với quân Quảng Nam có đội võ kiết, hương binh ở các làng Trì Bình, Châu Tử, Nước Mặn, Phú Lộc, Mỹ Thiện, Long Giang, Xuân Yên, Liên Trì, dưới sự chỉ huy của Nguyễn Bá Loan và các đội trưởng đã tổ chức mai phục, đánh giáp lá cà với kẻ thù. Nhờ sự ủng hộ của nhân dân, nghĩa quân đã đánh thắng lớn ở đồn Trì Bình, đuổi giặc chạy khỏi Châu Tử, Châu Ổ, Long Giang, làm cho quân Nguyễn Thân thiệt mạng hàng trăm tên, tháo chạy về phía nam rồi đồn lại đóng tại đồn Cầu Cháy thôn Liên Trì. Sau đó nhờ Pháp cứu viện, Nguyễn Thân mở đường thông từ Bình Hiệp đến tỉnh thành Quảng Ngãi. Hằng ngày hấn nhận được tiếp tế lương thực, quân trang quân dụng nên chúng đã củng cố, xây dựng đồn Cầu Cháy thành một cứ điểm vững chắc. Dưới sự chỉ huy trực tiếp của Nguyễn Bá Loan, Thái Thú, nghĩa quân Bình Sơn đã nhiều lần tổ chức những trận công đồn, những trận tấn công đột phá, những trận tập kích bất ngờ suốt mấy tháng liền mà không tiêu diệt được đồn, quân sĩ lại bị thiệt hại nặng. Trong lúc đó, Nguyễn Thân được bổ sung quân, mở những đợt càn quét vào chiến khu Đồng Lớn. Đến cuối 1888 lực lượng nghĩa quân Bình Sơn dần dần bị hao mòn

tan vỡ, bị quân Nguyễn Thân liên tục phản kích. Bộ chỉ huy nghĩa quân bị truy lùng ráo riết. Nguyễn Bá Loan Thái Thú lẩn tránh vào Nam, nuôi chí lớn phục thù. Bà Võ Thị Đệ bị bắt, Nguyễn Tấn Kỳ và một số tùy tùng dọ trống bỏ về quê hoặc đi tu. Phong trào Văn thân ở huyện Bình Sơn từ đó không gắng gượng được nữa, những nghĩa quân trung thành chạy vào phía nam bổ sung vào đội quân khởi nghĩa của Thái Thú ở Tư Nghĩa và Trần Du ở Đức Phổ tiếp tục chiến đấu sau này.

III. KẾT LUẬN

Phong trào Cần vương ở Bình Sơn là một bộ phận khăng khít của phong trào Cần vương Quảng Ngãi, dưới sự lãnh đạo của Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan. Thời gian đầu hoạt động công khai ở thế hợp pháp, về sau ở thế bất hợp pháp. Do vị trí, phong trào Cần vương Bình Sơn đã sớm nhen nhóm và trở thành một phong trào phổ biến, tranh thủ được mọi tầng lớp nhân dân, kể cả quần chúng lao động để “phò vua cứu nước”. Do đó tuy là giai cấp phong kiến lãnh đạo nhưng nó mang tính nhân dân đậm nét, nó đã thức tỉnh, khơi dậy, nuôi dưỡng tinh thần dân tộc “thà chết không làm nô lệ”. Nó đã nêu gương sáng ngời và nuôi dưỡng, cổ vũ các thế hệ sau đấu tranh chống giặc ngoại xâm cho đến thắng lợi cuối cùng.

Về mặt xây dựng tổ chức, nghĩa quân Bình Sơn tuy xây dựng được hai chiến khu lớn Tuyên Tung và Đồng Lớn - Cà Ty nhưng các lực lượng vũ trang, nửa vũ trang ở làng quê hoạt động tại chỗ vẫn rất mạnh mẽ, đều khắp, ở bốn địa bàn xung yếu của huyện. Nó đã để lại những di tích

bất hủ, những giai thoại truyền thuyết xung quanh cuộc khởi nghĩa và các lãnh tụ Cần vương.

Phong trào Cần vương ở tỉnh nhà do những hạn chế về quan điểm, đường lối, về thời cơ, về sự chỉ đạo thống nhất, về so sánh lực lượng nên sự thất bại của nó là điều tất nhiên nhưng bọn thực dân Pháp lần đầu tiên đặt ách nô lệ đến đất nước ta đã gặp phải một sự chống trả đấu tranh quyết liệt của miền đất Quảng Ngãi, để đến năm 1945 (Ất Dậu) dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đập tan ách nô lệ và sau đó, trong 9 năm chống Pháp xâm lược, trở thành pháo đài kháng chiến bất khả xâm phạm, không một tên Pháp nào dám bén mảng tới quê hương của Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân mà tiếng tăm “đã nổi như phao, tiếng vang như mõ” trong toàn quốc.

TRẦN DU - LÃNH TỰ CUỐI CÙNG CỦA PHONG TRÀO VĂN THÂN QUẢNG NGÃI

HOÀI HÀ

(Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi)

12 tháng 3 âm lịch hàng năm là ngày Tế Xuân của nhà thờ họ Trần - An - Hòa (xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi). Tương truyền, Tế Xuân là để che mắt chính quyền thực dân phong kiến. Thực ra đó là ngày giỗ tổ của Bình Tây Đại tướng quân Trần Du, lãnh tụ cuối cùng của phong trào Văn thân Quảng Ngãi.

Theo các sử sách đang lưu hành, đối chiếu với bài vị và "Trần thị gia phả" đặt tại Trần từ đường An - Hòa hiện nay, được biết:

Họ Trần định cư tại làng Năng An cách đây trên dưới 400 năm. Năng An là ly sở của huyện Mộ Hoa (đời Thiệu Trị đổi thành huyện Mộ Đức) tỉnh Quảng Ngãi. Đến đời thứ 6 thì một chi phái Trần tách ra định cư lần thứ hai tại ấp Trung Hòa, làng Thi Phổ Nhất, lấy hiệu tộc là "Trần - An - Hòa" (ghép từ Năng An và Trung Hòa) để con cháu nhớ nguồn gốc, tổ tiên. Đến đời thứ 9 (tức đời thứ 3 Trần An Hòa), ngài Trần Văn Nghiên sinh hạ trưởng nam là Cử nhân Trần Văn Trạch, Tú tài Trần Toại và út nam Trần Trác.

Một gia đình, 2 đời có 2 cử nhân, 2 tú tài mà không ai cộng tác, làm việc cho thực dân - phong kiến, lại tham gia

các phong trào cứu nước của Văn thân là điển hình về thái độ của sĩ phu Quảng Ngãi một thời. Hơn nữa, các thế hệ kế tiếp lại tiếp tục tham gia các phong trào yêu nước và cách mạng từ Duy tân, khất sù, Việt Nam Quang phục Hội, Tân Việt, Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội, Đảng Cộng sản tiêu biểu là Trần Toại (em con chú ruột của Trần Du) Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên 1931, Chủ tịch UBKC tỉnh Quảng Ngãi sau cách mạng tháng Tám 1945 cùng hàng loạt đảng viên trước Cách mạng như Trần Trác, Trần Cẩn, Trần Lựa, Trần Tri...

Trần Du sinh năm 1864 tại ấp Trung Hòa, làng Thi Phổ Nhất (nay là xã Đức Tân - Mộ Đức), là con trai độc nhất của Cử nhân Trần Văn Thề. Cử Thề là người học rộng, tài cao, thi đỗ cử nhân lúc 21 tuổi vào cuối thế kỷ XIX, chỉ ở nhà dạy học, tham gia phong trào Văn thân yêu nước khi có chiếu Cần vương, uy tín khắp vùng. Trần Du, lúc thiếu thời là một cậu bé thông minh, hiếu học, tính cương trực hơn người nhưng gặp phải lúc "Vong quốc, dân chúng cơ hàn", ông từ bỏ nghiệp khoa cử, nối chí cha, dẫn thân vào con đường "hộ dân - cứu quốc". Qua nhiều bước thăng trầm đến 1894, khi cuộc khởi nghĩa của lãnh tụ Thái Thú thất bại (đây là lần thứ 3 khởi nghĩa Cần vương ở Quảng Ngãi bị thất bại), các Văn thân yêu nước quanh vùng hợp nhau, cử Trần Du làm "Bình Tây Đại tướng quân", tiếp tục cuộc vận động chống Pháp cứu nước với khẩu hiệu "Cứu quốc - hộ dân".

Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt (1888) và bị lưu đày, vua bù nhìn Đồng Khánh phối hợp chặt chẽ với thực dân Pháp đàn áp các phong trào yêu nước, cho Pháp quyền "tự do khai khoáng" và dâng cho Pháp 3 thành phố lớn là Hà

Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng làm quà gọi là "nhượng địa".

Tại Quảng Ngãi, mặc dù thực dân Pháp và bè lũ tay sai ra sức chia rẽ phong trào, chia rẽ lương giáo, gây nhiều cuộc xung đột lưu huyết, song với khẩu hiệu "Cứu quốc - hộ dân", Trần Du đã nhanh chóng tập hợp lực lượng, thành lập "dân binh", rèn đúc vũ khí, xây dựng căn cứ tại làng Trường An thuộc huyện miền núi Ba Tư. Làng Trường An vốn là vùng đất được cụ Cử Thể (thân phụ của Trần Du) cùng một số Văn thân yêu nước như Trần Hành, Trần Luật khai phá và xây dựng thành căn cứ chống Pháp lâu dài từ trước. Trước khi mất, cụ Cử Thể còn dặn lại con cháu: "Trường An là đất tiến khả công, thoái khả thủ, là vùng dung thân chi địa, hãy giữ lấy mà lập nghiệp lớn lâu dài". Thực dân Pháp và bọn Việt gian phong kiến ngày càng tập trung đàn áp ráo riết các phong trào yêu nước nhằm chấm dứt thời kỳ "bình định", bước sang thời kỳ "khai hóa". Vào những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ 19, phong trào yêu nước do "Đại tướng quân Trần Du" lãnh đạo cũng bị tổn thất một số nơi. Một số cơ sở bị vỡ. Trong khi Trần Du đang liên với lực lượng Phan Đình Phùng ở chiến khu Vụ Quang (Hà Tĩnh) với danh nghĩa đại diện cho Văn thân yêu nước phía Nam thì một số thành viên của ông lại bị bắt và một số ít đã hoang mang, dao động, đầu hàng, làm tay sai cho Pháp, trở lại đánh phá phong trào. Điển hình cho số phản bội này là tên Việt gian Nguyễn Thân. Đầu năm 1895, nhiều cơ sở của Văn thân Bình Định, Phú Yên bị vỡ. Một số Văn thân ở hai tỉnh này bí mật ra Quảng Ngãi tìm gặp Đại tướng quân Trần Du để bàn biện pháp đối phó. Do có nội phản, bọn Nguyễn Thân đã phục bắt và diệt gọn nhóm Văn thân này tại cống

Chiêm Chiêm (trên đường cái quan thuộc làng Thiết Tràng, nay thuộc xã Đức Tân, Mộ Đức). Đại đa số sĩ phu này bị chúng chém, lấy đầu bêu trên các ngọn cây mù u ven đường. Sau vụ ấy, chúng càng truy lùng ráo riết thủ lĩnh Trần Du. Chúng bắt nhạc phụ của Trần Du là cụ Phó Tám (cũng là một Văn thân yêu nước) tại làng Đồng Viên, phủ Tư Nghĩa (nay thuộc xã Nghĩa Hiệp) tra tấn buộc cụ phải gọi Trần Du ra hàng. Qua mấy ngày khảo tra man rợ không khuất phục được, đầu tháng 2.1896, chúng hành quyết cụ tại Quán Lát, làng Kiến Khuơng (Mộ Đức).

Bị truy bắt ráo riết, Trần Du phải lên ẩn thân ở một cơ sở lực lượng sơn phòng Cơ nhất (Ba Tư). Ngày mồng 5 tháng 2 năm Bính thân 1896, chúng phục bắt được ông tại làng Hùng Nghĩa (Phổ Phong, Đức Phổ). Sau khi dùng nhiều hình thức tra khảo man rợ không lay chuyển được Trần Du, ngày 12 tháng 3 Bính thân 1896, chúng đã hành quyết ông tại Mỏ Cày (nay thuộc xã Đức Thạnh, Mộ Đức) lúc ông mới 32 tuổi. Chúng chỉ cho vợ ông (con gái cụ Phó Tám) đem "xác không đầu" về chôn ở Đồng Viên, Tư Nghĩa. Thủ cấp của Trần Du bị chúng bêu tại chỗ để uy hiếp, đe dọa những ai muốn đứng lên chống Pháp. Mấy ngày sau, nhờ sự giúp đỡ của binh sĩ yêu nước và nhân dân quanh vùng Mỏ Cày, thủ cấp của ông mới được bí mật gói trong bọc vải đem về mai táng tại quê ông là xã Đức Tân, huyện Mộ Đức.

Trần Du hy sinh đến nay (1996) vừa tròn 100 năm. Đó cũng là khoảng thời gian diễn ra nhiều thăng trầm, biến động trong sự nghiệp cứu nước nên nhiều tài liệu bị tổn mất. Chứng nhân trực tiếp là các thế hệ yêu nước và cách mạng thuộc tộc Trần An Hòa với biết bao người vì sự

nghiệp cứu nước ấy mà hy sinh, bị lưu đày và khi có Đảng, nhanh chóng trở thành những đảng viên trung kiên của Đảng. Thời gian 100 năm tuy chưa xa nhưng từ thực tế ấy, nhiều bậc cao niên của tộc Trần lại lần lượt qua đời nên chắc chắn người soạn bài này không thể tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được nhiều tư liệu xác đáng để bức tranh hào hùng này của lịch sử ngày càng được tái hiện đầy đủ hơn. Mong muốn duy nhất của người viết bài này là dâng lên hương hồn cụ Trần Du và tộc Trần An Hòa tấm lòng thành đối với một con người, một dòng họ đã một lòng phụng sự ý chí "cứu quốc - hộ dân"; chỉ tiếc, trong thời buổi ấy, thực tế chưa chiều được lòng người nên sự nghiệp cao cả ấy còn dở dang. Năm 1938, trong lễ trùng tu Trần từ đường An Hòa, cụ Tú Toại đã soạn và tuyên đọc bài văn tế "Cụng di tiên tổ". Để thay cho lời kết bài này, chúng tôi xin trích ra đây một đoạn trong bài văn tế ấy, thể hiện niềm tự hào của tộc Trần An Hòa :

".... Có kẻ cày mây cuốc nguyệt, phụng sự non nước dựng nghiệp nhà. Cũng có người vác giáo mác mang khiêng, xắn tay đỏ theo đòi việc nước. Trường thi lẽ chen vai không thiếu kẻ, cửa thánh hiền rạng vẻ hiếu trung..."

MỘT SỐ NHÂN VẬT TIÊU BIỂU TRONG PHONG TRÀO DUY TÂN VÀ CAO TRÀO KHẮT THUẾ CỰ SỬ CỦA NHÂN DÂN QUẢNG NGÃI (1904-1908)

NGUYỄN MANH
(Bào làng Tổng hợp Quảng Ngãi)

(...) Ở Quảng Ngãi, sau cuộc khởi nghĩa Cần vương cuối cùng của ông Trần Du bị thất bại (1896), những sĩ phu yêu nước, vốn là hội viên trong nghĩa hội Cần vương vẫn giữ liên lạc với nhau chờ thời cơ kháng Pháp.

Từ 1904-1908, do ảnh hưởng của những tư tưởng cải cách của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh, phong trào Duy tân hô hào đời sống mới, một phong trào chống sưu thuế của nhân dân Quảng Ngãi nổ ra và lan rộng một cách mãnh liệt vào năm 1908.

Những gương mặt tiêu biểu cho phong trào kháng Pháp ở Quảng Ngãi trong thời kỳ này là:

- **NGUYỄN BÁ LOAN**: sinh năm 1857 tại làng Lạc Phố, nay là xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, con trai cụ Nguyễn Bá Nghi, nguyên là trọng thần của triều đình Huế. Nguyễn Bá Loan là lãnh tụ hàng đầu trong cuộc khởi nghĩa Cần vương (1885-1888). Sau cuộc khởi nghĩa 1888 không thành, ông lánh vào vùng đồng bằng sông Cửu Long, năm 1904 trở về Quảng Ngãi cùng Lê Đình Cẩn phát động phong trào Duy tân và sau đó là phong trào cự

sưu khất thuế. Đầu năm 1908, phong trào "khất thuế cự sưu" nổi lên rầm rộ ở Quảng Ngãi khiến giặc Pháp và tay sai hoảng sợ tìm cách đàn áp.

Ngày 7.4.1908, Nguyễn Bá Loan bị giặc bắt và ngày 23 tháng 4 năm 1908 bị xử chém ở phía đông thành Quảng Ngãi cùng một số lãnh tụ khác của phong trào.

- LÊ TỰU KHIẾT: sinh năm 1857 tại làng An Ba, huyện Nghĩa Hành, thi đậu cử nhân năm 1882. Ông có hiệu là Dương Phong, tự là Huy Thanh, làm quan dưới triều Nguyễn, giữ chức Tấn tương quân vụ sơn phòng.

Năm 1885 Lê Khiết theo Nguyễn Thân đánh lại nghĩa quân Cần vương ở Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định. Chứng kiến nhiều tội ác của thực dân, ý thức nổi nhục vong quốc, lại được đọc "Việt Nam vong quốc sử" của Phan Bội Châu chửi mình, song Lê Tựu Khiết không giận, lại tỏ ra ăn năn hối lỗi.

Ông từ quan trở về và mở hiệu thuốc Quảng Tri ở cửa tây thành Quảng Ngãi để liên lạc với Duy tân hội, tham gia tích cực trong phong trào "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" và phong trào cự sưu khất thuế ở Quảng Ngãi. Đầu tháng 4 năm 1908, ông bị giặc bắt và bị xử chém cùng với Nguyễn Bá Loan ở phía đông thành Quảng Ngãi. Trước khi bị chém, Lê Tựu Khiết đã nói: "Cái vết nhơ của thân ta nửa đời trước nay được đem dòng máu ở cổ này chảy ra rửa sạch, thật là điều vinh hạnh cho ta".

Đặng Đoàn Bằng trong "Việt Nam nghĩa liệt sử" ca ngợi khí tiết của ông, Phan Bội Châu đã làm thơ viếng ông.

Sau Cách mạng tháng 8 thành công, tên ông được đặt cho trường trung học Lê Khiết - một trường học nổi tiếng của khu Trung Trung bộ. Hiện nay, một con đường và một trường trung học ở thị xã Quảng Ngãi cũng mang tên ông.

- LÊ NGUNG: sinh ngày 25 tháng 8 năm 1866 tại thôn Đông Phước, xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn, trong một gia đình khoa bảng và có truyền thống yêu nước.

Ông đỗ tú tài tại trường thi Bình Định năm 1896. Tính tình cương trực, khảng khái, lại ý thức trước nỗi nhục vong quốc nên ông xé ngay mảnh bằng khi vừa được nhận. Ông về quê mở trường dạy học và kết giao với các sĩ phu yêu nước, bàn mưu kháng Pháp.

Năm 1906, ông gia nhập Duy tân hội ở Quảng Ngãi. Ông là người văn võ toàn tài, đã cùng với các chí sĩ yêu nước làm nhiều thơ cổ xúy cho tinh thần yêu nước căm thù giặc. Năm 1907, ông được chọn đi xuất dương sang Nhật nhưng bị lộ nên ở lại.

Ngày 03.4.1908, hội nghị các nhà lãnh đạo hội Duy tân Quảng Ngãi đã phái ông và Trần Kỳ Phong ra Quảng Nam để phối hợp hành động trong phong trào khất thuế cự sưu. Ngày 06.4.1908, vì một sự sơ hở, toàn bộ chủ trương bạo động chống thuế ở Quảng Ngãi bị lộ, các chí sĩ yêu nước lần lượt sa vào tay giặc. Ông bị giặc bắt ngày 23.10.1908 ở Cửa Đại (Hội An) và bị kết án 6 năm tù giam tại nhà lao Quảng Ngãi.

Trong thời gian bị giam cầm, ông vẫn tích cực hoạt động, móc nối liên lạc với tổ chức yêu nước bên ngoài. Mùa xuân năm 1914, ông mãn hạn tù. Cùng năm này, chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ. Đây là thời cơ càng giục

giã Lê Ngung khẩn trương bắt tay vào việc thực hiện kế hoạch khởi nghĩa. Ông tập hợp được một số thanh niên yêu nước như Nguyễn Công Phương, Nguyễn Quang Mao, Lê Triết, Hứa Thọ, Mai Tân làm nòng cốt để tổ chức đội tân binh. Ông lập "Biện lương sứ" để lo việc tích trữ vũ khí, lương thảo và chỉ định bà Võ Thị Đệ (Hộ Gà) phụ trách. Đến cuối năm 1915 dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của ông, tổ chức yêu nước đã có hàng ngàn "trung nghĩa quân" ra sức tập luyện trên các chiến khu Giá Vụt, Minh Long, Ba Tơ.

Tháng 4.1916, Lê Ngung triệu tập hội nghị có các nhân vật quan trọng của Việt Nam Quang phục hội miền nam Trung bộ đến dự. Trong hội nghị này, Lê Ngung được bầu cử là tư lệnh các lực lượng ở Quảng Ngãi. Ngày 01.5.1916, Lê Ngung chuyển quân về thôn Sung Tích, xã Tịnh Long, Sơn Tịnh để chuẩn bị khởi nghĩa, nhưng do sự bất cẩn của Cai Cự, toàn bộ kế hoạch bị lộ. Cuộc khởi nghĩa bị thất bại trước khi khởi sự. Lê Ngung về nhà tuần tiết nhưng giặc Pháp vẫn không để yên cho ông, chúng đem thi thể của ông vào thành Quảng Ngãi chặt đầu và bêu đầu ông cùng với tám nghĩa sĩ khác ở cửa bắc thành Quảng Ngãi.

Hiện nay, một con đường ở thị xã Quảng Ngãi được mang tên ông.

- LÊ ĐÌNH CÁN: sinh năm 1870 trong một gia đình nông dân nghèo ở làng Hòa Vinh, nay thuộc xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành.

Năm 1903, ông đỗ cử nhân và được cử làm Huấn đạo huyện Mộ Đức, nhưng sau đó bỏ về nhà làm ruộng, dạy

học, kết giao với các sĩ phu yêu nước, bàn việc kháng Pháp.

Ông tham gia cuộc khởi nghĩa Cần vương do cụ Trần Du lãnh đạo và kế tiếp là khởi xướng phong trào Duy tân, kháng thuế, bị giặc Pháp bắt và đày ở làng Rì (Sơn Hà), sau đó chúng lại đưa về quản thúc tại Ba La, Vạn Tượng (Nghĩa Đông, Tư Nghĩa), mất năm 1914 vì trọng bệnh.

- NGUYỄN THUY: sinh năm 1888 tại làng Hồ Thanh, nay thuộc xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đậu cử nhân khoa Quý mão (1903) nhưng không ra làm quan mà tích cực tham gia Duy tân hội Quảng Ngãi, cổ xúy phong trào "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh".

Năm 1908, ông tham gia phong trào kháng thuế tại Quảng Ngãi, bị bắt và bị đày ra Côn đảo. Mãn hạn tù, năm 1916 ông lại mưu sự khởi nghĩa cùng Trần Cao Vân. Bị lộ, giặc bắt mẹ ông tra tấn, ông phải ra nộp mình cứu mẹ, giặc dùng mọi cách đều không dụ được ông hàng phục. Ngày 10.5.1916, giặc đem chém ông ở phía tây thành Quảng Ngãi.

- TRẦN KỲ PHONG: sinh năm 1872 tại làng Châu Me, xã Bình Châu, huyện Bình Sơn. Ông thi đỗ tú tài hạng ưu khoa Mậu tý (1888) năm 17 tuổi. Ông có tự là Nghĩa Bình, hiệu là Châu Khê, thường được gọi là Tú Trần. Ông tham gia Duy tân hội và hoạt động kháng Pháp liên tục cho đến cao trào chống thuế năm 1908 thì bị địch bắt, kết án 13 năm tù và bị đày đi Côn đảo. Mãn hạn ông đã cùng các học trò, bạn trẻ lập ra các tổ chức cứu nước như Hội Thiếu niên Ái quốc (1923), Công ái đảng (1925). Năm 1926, ông tham gia Thanh niên Tân Việt rồi Thanh

niên Cách mạng đồng chí Hội. Cuối năm 1929, ông bị địch bắt. Ra tù, mặc dù tuổi đã già, sức yếu, ông vẫn tích cực hoạt động, tận tụy thực hiện mọi chủ trương đường lối của Đảng như một chiến sĩ Cộng sản. Năm 1939, ông về sống ở làng Lệ Thủy (nay thuộc xã Bình Trị, huyện Bình Sơn), ông mất năm 1941.

- PHAN LONG BẰNG: sinh năm 1886 tại làng Thanh Sơn (nay thuộc xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ) có hiệu là Song Nguyệt, tác giả của các bài "Bỏ hết thói hư tật xấu", "Nợ nước đã vay thì phải trả" và "Tới ! Bước tới". Ông là thành viên đặc lực cho phong trào Duy tân và khất thuế ở Quảng Ngãi. Mùa xuân năm 1908, ông được tỉnh hội Duy tân giao nhiệm vụ dẫn đầu nhóm thanh niên tích cực ở địa phương vào chi viện cho phong trào chống thuế ở Bình Định. Ông bị địch bắt khi đang dẫn đầu đoàn biểu tình tiến vào thành Bình Định. Dù bị địch tra tấn vô cùng dã man, ông vẫn giữ vững khí tiết bất khuất của người chí sĩ yêu nước, cuối cùng chúng chém đầu ông, bêu trước cửa đông thành Bình Định.

- VÕ THỊ ĐỀ: sinh năm 1860 tại làng An Diêm (nay thuộc xã Bình Chương, huyện Bình Sơn). Bà đã tham gia các phong trào Cần vương, Duy tân, khất thuế và là người có công lớn trong việc vận động tài chính, quân nhu trong cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội (1916). Bà được tặng danh hiệu "Hộ Quốc mẫu nghi", nhân dân thường gọi và bằng cái tên thân mật là Hộ Gà (Gà là tên con đầu lòng).

Khi cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội thất bại, cả gia đình bà bị giặc Pháp cầm tù và tra tấn dã man. Sau 3 năm bị giặc giam cầm, năm 1919 bà được trả

tự do. Về sau bà vẫn tiếp tục tham gia các phong trào yêu nước kháng Pháp, lúc mất mùa, bà đem gạo, khoai phân phát cho dân đói khổ trong làng. Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, bà đã ở vào tuổi 70, song vẫn tích cực vận động ủng hộ Đảng, đóng góp cho quỹ Đảng.

- PHẠM MỸ: sinh năm 1880 tại làng An Hà (nay là xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa). Ông là một trong những người hoạt động tích cực trong phong trào Duy tân và khất thuế ở Quảng Ngãi. Trong phong trào khất thuế, ông đã được hội Duy tân cử vào ban lãnh đạo. Năm 1908, ông bị địch bắt và bị xử giáo.

- PHẠM TUÂN: sinh năm 1882 tại làng Tịnh Hòa (nay là xã Tịnh Hòa, huyện Sơn Tịnh). Ông là một trong những người hoạt động tích cực trong phong trào Duy tân và khất thuế ở Quảng Ngãi. Trong cao trào khất thuế 1908 ông bị giặc bắt và bị cầm tù. Sau ông lại tiếp tục tham gia cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Ngãi, bị bắt và bị địch xử tử năm 1916.

- NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG: sinh năm 1888 tại làng Hòa Vinh (nay thuộc xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành). Năm 1906, Nguyễn Công Phương tham gia phong trào Duy tân ở Quảng Ngãi. Năm 1908 ông hoạt động tích cực phong trào kháng thuế, ông bị địch bắt và bị giam 4 năm. Năm 1916, ông tiếp tục tham gia cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội. Cuộc khởi nghĩa thất bại, ông lánh lên miền tây Quảng Ngãi. Năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, ông được kết nạp vào Đảng, làm Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành và là "Dự bị Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi", bị giặc Pháp bắt tháng 2.1931 và đày đi nhà

lao Ban Mê Thuột, đến năm 1935, đưa về quản thúc ở địa phương. Tháng 8.1935, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi. Cuối năm 1939, Pháp lại bắt ông đày đi Trà Bồng và đến năm 1940 bị đày lên Buôn Mê Thuột lần thứ hai và vẫn giữ được vai trò lãnh đạo và hoạt động của tỉnh Đảng bộ. Cách mạng tháng Tám thành công, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng huyện Nghĩa Hành và sau đó là Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Quảng Ngãi. Ông là Ủy viên Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy viên Hội đồng cố vấn chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Ông mất ngày 21.8.1972.

- **VÕ HÀNG:** sinh năm 1877 tại thôn Tân Phước, xã Bình Minh, huyện Bình Sơn. Ông xuất thân trong một gia đình nhà nho có truyền thống yêu nước, năm 1903 đỗ tú tài tại trường thi Bình Định.

Năm 1906, ông tham gia phong trào Duy tân ở Quảng Ngãi. Năm 1908, ông hoạt động trong phong trào cự sưu, khất thuế, ông bị bắt và bị giam 8 năm. Trong thời gian bị giam cầm, ông vẫn tìm cách bắc liên lạc với tổ chức Việt Nam Quang Phục hội ở Quảng Ngãi và được tổ chức giao cho việc thảo bài hịch chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa.

Sau cuộc khởi nghĩa vũ trang của Việt Nam Quang Phục hội bị thất bại, Võ Hàng chưa hết hạn tù cũ đã bị thực dân Pháp tăng án mới. Mùa thu năm 1916, ông bị đày đi ra nhà tù Lao Bảo cùng với các nhà yêu nước khác. Năm 1926, mãn hạn tù ông trở về quê dạy học và tham

gia vào các hoạt động yêu nước. Năm 1946, ông được bầu làm Chủ tịch Hội Liên Việt tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1949, ông bị bệnh mất.

- PHẠM HÀM: sinh năm 1885, tại thôn Vĩnh Tuy, xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh. Năm 1906, ông tham gia hội Duy tân ở Quảng Ngãi, hoạt động tích cực trong phong trào khất thuế cự sưu (1908) và trong tổ chức Việt Nam Quang Phục hội. Ông bị thực dân Pháp bắt và chết trong ngục ngày 8.4.1915. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, tên ông được đặt cho xã Tịnh Hiệp (xã Phạm Hàm).

Cùng với các cuộc đấu tranh của người Kinh, những cuộc nổi dậy chống Pháp của đồng bào các dân tộc miền tây Quảng Ngãi liên tục bùng nổ và lan rộng khắp nơi. Từ những cuộc đấu tranh tự phát đầu tiên kéo dài hàng chục năm liền đến các cuộc đấu tranh rộng lớn, tiêu biểu cho ý chí bất khuất, quật cường của các dân tộc miền núi như các tráng sĩ Đinh Tâm, Đinh Mẫn, Đinh Mút, Đinh Rin... Những phong trào đó đã góp phần không nhỏ vào phong trào đấu tranh yêu nước chống Pháp của nhân dân trong tỉnh.

Phong trào Duy tân chủ yếu hoạt động trong các giới sĩ phu, quan lại yêu nước, trong thân hào nhân sĩ, địa chủ, phú nông... do những nhà nho yêu nước lãnh đạo. Tuy vậy, những phong trào dân tộc chống Pháp ở Quảng Ngãi đầu thế kỷ XIX do những sĩ phu yêu nước tiến bộ lãnh đạo đã được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tham gia, tuy

không thành công nhưng đã có tiếng vang lớn và kết quả những hoạt động đó tạo điều kiện cho các phong trào yêu nước sau đó tiếp tục tiến lên mạnh mẽ, rõ nhất là phong trào khất thuế 1908.

Những phong trào đấu tranh trong suốt những năm đó là sự biểu hiện và tiếp nối truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, trong những điều kiện lịch sử cụ thể lúc bấy giờ, do nhiều nguyên nhân, những phong trào này cuối cùng đều không thành công. Những nhiệm vụ mà lịch sử đề ra vẫn còn tồn tại để giải quyết: đánh đuổi thực dân Pháp giành lại độc lập dân tộc, cải cách xã hội tiến lên chế độ dân chủ. Những vấn đề lịch sử ấy sẽ được giải quyết bằng những phương hướng cách mạng mới.

BƯỚC ĐẦU SƯU TẦM NHỮNG DI TÍCH LIÊN QUAN ĐẾN PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG NGÃI

CAO THỊ HỒNG HANH
(Bảo tàng Tổng hợp Quảng Ngãi)

Có thể nói trong khoảng thời gian từ 1885 đến 1897 phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi phát triển mạnh, rầm rộ và xuất hiện những lãnh tụ nghĩa quân kiệt xuất như Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan, Thái Thú, Trần Du v.v... và đã để lại cho đời sau những trang sử vàng chói lọi. Về phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi đã có một số tác giả đề cập, song các di tích liên quan đến phong trào lại chưa được nghiên cứu cụ thể, đầy đủ. Chúng tôi, những người làm công tác bảo tồn bảo tàng, trong thời gian qua đã cố gắng sưu tầm được một số di tích để bổ khuyết. Song đây là một công việc không dễ dàng, bởi từ đó đến nay trải qua bao binh lửa, sự tàn phá của kẻ thù và thời gian nên các tư liệu lịch sử tản mát, xáo trộn rất khó tìm hiểu. Vì vậy có thể còn nhiều di tích liên quan đến phong trào Cần vương trên đất Quảng Ngãi chúng tôi chưa thống kê đầy đủ.

Nhân cuộc hội thảo này, chúng tôi xin được giới thiệu về các di tích phong trào Cần vương gắn liền với những nhân vật và sự kiện nổi bật mà chúng tôi đã sưu tầm được.

I. PHẦN MỘ CÁC NHÂN VẬT

1. Phần mộ Lê Trung Đình

Lê Trung Đình hiệu Long Cang, người làng Phú Nhơn xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh, đỗ cử nhân năm Giáp thân (1884), năm 1885 hưởng ứng phong trào Cần vương. Ông đã dựng cờ khởi nghĩa chống Pháp cùng Nguyễn Tự Tân đánh chiếm thành Quảng Ngãi (13.7.1885). Sau đó do sự phản bội của tên Việt gian Nguyễn Thân, cuộc khởi nghĩa thất bại. Cuối cùng ông bị bắt và bị xử chém tại phía bắc thành Quảng Ngãi vào ngày 11.6 âm lịch năm Ất Dậu tức ngày 23.7.1885. Sau đó gia đình ông đã đem thi hài về chôn cất tại thôn Bình Đăng, xã Tịnh Ấn Đông, huyện Sơn Tịnh. Mộ Lê Trung Đình nay được con cháu trong dòng họ xây dựng và tôn tạo. Năm 1992 Bảo tàng tổng hợp lập hồ sơ và được UBND tỉnh ra quyết định công nhận bảo vệ di tích này.

2. Phần mộ Nguyễn Tự Tân (1848-1885)

Nguyễn Tự Tân người làng Trung Sơn, nay là thôn Phước Thọ, xã Bình Phước, huyện Bình Sơn, đỗ tú tài năm Đinh mão (1867), tham gia phong trào Cần vương của Lê Trung Đình và làm phó tướng Nghĩa hội. Ngày 13.7.1885 ông cùng Lê Trung Đình chỉ huy nghĩa quân đánh chiếm thành Quảng Ngãi. Cuộc khởi nghĩa không thành, Nguyễn Tự Tân hy sinh một cách ngoan cường giữa trận tiền vào ngày 17.7.1885 tức ngày 5.6 Ất Dậu.

Sau khi ông hy sinh, người vợ thứ của ông đã đem thi hài ông về chôn cất ở quê cha, đất tổ tại làng Trung Sơn. Trải qua bao năm tháng phôi pha, phần mộ ông vẫn là nấm đất bên đồi, chưa được xây dựng gì. Hiện nay con

cháu ông hằng năm lo việc cúng giỗ, tảo mộ vào ngày 5.6 âm lịch.

3. Phần mộ Nguyễn Bá Loan (1857-1908)

Nguyễn Bá Loan còn gọi là Ấm Loan, con trai Phó bảng Nguyễn Bá Nghi, người làng Lạc Phố (nay thuộc xã Đức Nhuận - Mộ Đức). Sau khi cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình bị đàn áp, Nguyễn Bá Loan đã tập hợp nghĩa quân của Lê Trung Đình, liên kết với phong trào Cần vương ở Quảng Nam, Bình Định để đánh Pháp và phong kiến tay sai. Cuộc khởi nghĩa của ông kéo dài được 3 năm (1886-1888) thì thất bại, ông lánh nạn về Nam bộ, năm 1901 lại trở về Quảng Ngãi rồi thời gian sau cùng Lê Đình Cẩn phát động phong trào Duy tân trong tỉnh. Năm 1908 ông cùng Lê Khiết lãnh đạo phong trào kháng thuế cự sưu ở Quảng Ngãi, bị thực dân Pháp bắt xử chém tại thành Quảng Ngãi vào ngày 23.4.1908.

Sau khi thực dân Pháp xử chém, thi hài của nhà chí sĩ yêu nước được những đồng chí thân tín còn lại như Lê Viết Hòa, Nguyễn Công Phương đem về chôn cất tại trại canh nông Tĩnh Phú, xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành. Hơn trăm năm qua mộ Nguyễn Bá Loan nay vẫn là ngôi mộ đất chưa được xây dựng. Năm 1988 con cháu trong dòng họ đã cùng nhau dựng bia để ghi nhớ ông, việc thờ tự do người cháu nội ở thôn Tĩnh Phú đảm nhiệm.

4. Phần mộ Thái Thú (1870-1894)

Thái Thú người trấn Thu Xà (nay thuộc xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa), là bộ tướng của Nguyễn Bá Loan. Ông cùng Cử nhân Nguyễn Vĩnh làng An Phú (nay thuộc xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh) đã bí mật tổ chức lực lượng yêu

nước, liên kết với phong trào Cần vương do Phan Đình Phùng lãnh đạo nổi dậy khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa đêm ngày 7 rạng ngày 8 tháng 12 năm Giáp Ngọ (1894) do Thái Thú chỉ huy bùng nổ, nghĩa quân đã tiêu diệt đồn Cổ Lũy, sau đó tiến đánh thành Quảng Ngãi nhưng kế hoạch bị lộ, Thái Thú bị bắt và bị thực dân Pháp xử chém ngày 24.12.1894.

Để tưởng nhớ công lao của người chiến sĩ yêu nước, nhân dân Cổ Lũy đã lập miếu thờ Thái Thú. Nhưng về sau do thời gian và sự tàn phá của chiến tranh, miếu thờ không còn nữa.

Mộ Thái Thú trước kia tọa lạc ngoài khu đất gần trường cấp II hợp tác xã Tây Hòa - xã Nghĩa Hòa - Tư Nghĩa. Đến năm 1988 UBND xã Nghĩa Hòa tổ chức dời mộ Thái Thú về nghĩa trang liệt sĩ của xã, mộ ông nay đã được xây dựng khang trang và đã được dựng bia ghi công lao của ông.

5. Phần mộ Trần Du (1864 - 1896)

Trần Du người xóm Trung Hòa, làng Thi Phổ Nhất (nay thuộc xã Đức Tân, huyện Mộ Đức), là người lãnh đạo cuối cùng của phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi. Sau cuộc khởi nghĩa của Thái Thú thất bại, Trần Du tiếp tục mở một cuộc vận động chống Pháp cứu nước mới ở Quảng Ngãi. Cuộc vận động đang tiến triển tốt đẹp thì tan vỡ do sự phản bội của chánh tổng Hoàn. Ngày 15 tháng 12 năm Ất Mùi (1895) Trần Du và một số người lãnh đạo khác bị bắt và bị xử tử tại bãi sông Trà Khúc vào ngày 5

tháng 2 năm Bính thân (tức ngày 18.3.1896)*. Mộ Trần Du nay tọa lạc tại Gò Sắt thuộc thị trấn Mộ Đức - Mộ chưa được xây dựng gì từ khi Trần Du hy sinh đến nay.

II. DI TÍCH DIỄN RA CÁC SỰ KIỆN LỊCH SỬ:

1. Căn cứ Tuyền Tung:

Tuyền Tung thuộc thôn Thọ An, huyện Bình Sơn. Đây là một vùng bán sơn địa, có nhiều suối khe, đồi gò, núi đá bao quanh tựa thành lũy, lại xa trung tâm tỉnh lỵ. Năm 1885 Lê Trung Đình và Nguyễn Tự Tân đã chọn nơi đây làm căn cứ chiêu mộ nghĩa quân, xây dựng lực lượng, rèn đúc vũ khí chuẩn bị khởi nghĩa đánh chiếm thành Quảng Ngãi vào ngày 13.7.1885.

Hơn 100 năm đã qua căn cứ Tuyền Tung nay vẫn còn dấu tích cổng thành Thọ An cổ kính, một số đoạn đường thành đã đổ nát và nhà Hội - nơi các tướng lĩnh của phong trào Cần vương hội họp để bàn việc quân.

Di tích căn cứ Tuyền Tung đã được Bảo tàng Tổng hợp Quảng Ngãi lập hồ sơ trình UBND tỉnh ra quyết định bảo vệ từ năm 1992.

2. Lò Thổi (hay còn gọi là lò nấu quặng)

Lò Thổi thuộc thôn Trà Lâm, xã Bình Khương, huyện Bình Sơn. Để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Quảng Ngãi, Nguyễn Tự Tân (phó tướng) đã chỉ huy nghĩa quân khai thác quặng sắt tại thôn Trà Lâm để rèn đúc khí giới trang bị cho nghĩa quân.

Dấu tích Lò Thổi nay vẫn còn, những ụ xỉ quặng sắt

* : Về ngày bị bắt và bị xử chém của Trần Du vẫn còn nhiều điểm khác nhau. Chúng tôi xin ghi lại để tiện tra khảo (biên tập).

chất chống phân bố trong khu vực rộng lớn của thôn Trà Lâm. Di tích Lò Thổi đã được UBND tỉnh ra quyết định bảo vệ.

3. Núi Cà Ty:

Núi Cà Ty thuộc thôn Khánh Mỹ, xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh, tiếp giáp với căn cứ Tuyên Tung. Đây cũng là một trong những căn cứ tập luyện của nghĩa quân Lê Trung Đình, Nguyễn Bá Loan chuẩn bị tiến về đánh chiếm thành Quảng Ngãi.

4. Bãi sông Trà Khúc:

Nằm trước đồn Văn Thánh, thuộc làng Phú Nhơn, thị trấn Sơn Tịnh. Nơi đây ngày 13.7.1885 (tức 1.6 Ất Dậu) nghĩa quân Cần vương dưới sự chỉ huy của chánh tướng Lê Trung Đình và phó tướng Nguyễn Tự Tân đã làm lễ tế cờ, xuất binh đánh chiếm thành Quảng Ngãi.

5. Cầu Cháy:

Cầu Cháy nằm trên Quốc lộ 1A, thuộc thôn Liên Trì, xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn. Nơi đây hơn một trăm năm trước (tháng 8.1886) nghĩa quân Cần vương Quảng Ngãi-Quảng Nam phối hợp tấn công quân Nguyễn Thân nam huyện lỵ Bình Sơn. Trong trận này quân của Nguyễn Thân bị thiệt hại nặng. Tại Liên Trì, nghĩa quân đã giết được tướng giặc Nguyễn Thuyên, buộc Nguyễn Thân phải đốt cầu mà chạy.

6. Bãi Trận:

Bãi Trận là chiến trường xưa - nơi xảy ra trận đánh giữa nghĩa quân Cần vương Quảng Nam - Quảng Ngãi với quân của Nguyễn Thân (1886). Trong trận này nghĩa quân

Cần vương đã thu được nhiều thắng lợi, buộc quân của Nguyễn Thân phải bỏ chạy về phía nam huyện Bình Sơn. Chiến trường xưa nơi xảy ra trận đánh này được gọi là Bãi Trận thuộc thôn Châu Tử, xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi.

7. Dốc Mội:

Dốc Mội thuộc xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ - Nơi đây năm 1886 nghĩa quân Cần vương Bình Định do Bùi Diễn, Trần Cang chỉ huy phối hợp với quân Cần vương Quảng Ngãi do Nguyễn Bá Loan chỉ huy chặn đánh quân của Nguyễn Thân. Trận đánh diễn ra ác liệt. Nghĩa quân đã giành được thắng lợi, buộc quân của Nguyễn Thân phải bỏ chạy. Trong trận này nghĩa quân Cần vương hy sinh khá nhiều. Sau trận đánh những nghĩa quân tử trận đã được chôn cất tại đây, được dân quanh vùng gọi là Dốc Mội.

8. Đồn Cổ Lũy:

Đồn Cổ Lũy thuộc thôn Cổ Lũy, xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa. Năm 1890 thực dân Pháp đã tổ chức xây dựng một đồn Thương Chánh tại Cổ Lũy, có quân triều đình nhà Nguyễn bảo vệ. Đêm ngày 7 rạng ngày 8 tháng 12 năm 1894 cuộc khởi nghĩa đánh Pháp của Thái Thú bùng nổ, Thái Thú trực tiếp chỉ huy nghĩa quân đánh chiếm đồn Cổ Lũy, giết chết tên Reynard, chủ sự Thương chánh người Pháp, làm lễ tế cờ, sau đó tiến về đánh chiếm thành Quảng Ngãi.

Hiện nay di tích đồn Cổ Lũy không còn nữa, chỉ còn lại nền đồn cũ. Năm 1992, Bảo tàng tổng hợp Quảng Ngãi đã lập hồ sơ trình UBND tỉnh ra quyết định bảo vệ di tích lịch sử này.

9. Núi An Đại:

Sau khi kế hoạch "nội công ngoại kích" đánh chiếm thành Quảng Ngãi ngày 18.12.1894 không thực hiện được, Thái Thú cùng Nguyễn Vĩnh cho nghĩa quân rút về núi An Đại thuộc làng An Đại, phủ Tư Nghĩa, cách tỉnh thành Quảng Ngãi 7 km về phía tây nam (nay thuộc xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa). Bị dịch vây hãm hai ngày tại núi An Đại, lương thực cạn dần, nghĩa quân tan rã, Thái Thú và Nguyễn Vĩnh bị bắt và bị xử tử.

Núi An Đại nay vẫn còn đó. Song những dấu tích lịch sử oai hùng đó đã bị thời gian và chiến tranh làm mai một.

Trên đây là một số di tích có liên quan đến phong trào Cần vương trên đất Quảng Ngãi mà trong thời gian qua chúng tôi đã sưu tầm được. Còn nhiều di tích mộ nghĩa quân, các trận đánh và một số căn cứ khác chúng tôi sẽ tiếp tục sưu tầm trong thời gian tới để bổ sung đầy đủ.

Để góp phần giáo dục tuyên thống cho thế hệ hôm nay và mai sau, chúng tôi xin được phép nêu lên mấy ý kiến đề nghị như sau:

- Trùng tu tôn tạo những di tích đã được UBND tỉnh ra quyết định bảo vệ để phát huy giá trị của di tích, giáo dục cho thế hệ trẻ lòng yêu quê hương đất nước, lòng kính trọng và biết ơn các bậc tiền nhân.

- Cần xây dựng bia bản cho các ngôi mộ của những chí sĩ yêu nước và nghĩa quân trong phong trào Cần vương.

- Tiếp tục sưu tầm tư liệu, đánh giá, sắp xếp và viết thành sách tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng nhân dân về những nhân vật kháng Pháp kiệt xuất trong phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi.

MỘT BƯỚC TIẾN QUAN TRỌNG TRONG VIỆC NGHIÊN CỨU CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG KHÁNG PHÁP Ở QUẢNG NGÃI CUỐI THẾ KỶ XIX

(Do PTS. TRẦN HỮU ĐÌNH (Viện Sử học)
thay mặt ban chủ trì hội thảo - trình bày)

Đối với một tỉnh miền Trung, lại là tỉnh mới được tái lập như tỉnh Quảng Ngãi, việc tổ chức một cuộc hội thảo khoa học lịch sử với sự tham gia của nhiều chuyên gia, nhiều nhà khoa học trên khắp cả nước, từ Hà Nội đến Huế, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh... là một cố gắng lớn về nhiều mặt.

Suốt hai ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, vừa trình bày, vừa thảo luận, có khi tranh luận rất sôi nổi, cuộc hội thảo đã đánh dấu một cái mốc rất quan trọng trong quá trình nghiên cứu, nhận thức, đánh giá, làm sáng tỏ nhân vật lịch sử Lê Trung Đình và cuộc khởi nghĩa do ông lãnh đạo nói riêng, cũng như toàn bộ phong trào Cần vương kháng Pháp của nhân dân Quảng Ngãi cuối thế kỷ XIX nói chung.

Mặc dầu còn có những ý kiến khác nhau và việc tiếp tục nghiên cứu để làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề vẫn được đặt ra một cách nghiêm túc, nhưng với cuộc hội thảo này, giới sử học đã đưa ra một cách nhìn thống nhất về nhiều vấn đề liên quan đến tính chất, đặc điểm, quy mô,

nội dung và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và phong trào Cần vương kháng Pháp ở Quảng Ngãi cuối thế kỷ XIX.

Chúng tôi không nhắc lại tất cả những ý kiến đã phát biểu trong hội thảo, trong đó nhiều ý kiến đã phân tích một cách sâu sắc, đúng đắn và xác đáng về những sự kiện lịch sử mà chúng ta đang quan tâm.

Ở đây, chúng tôi chỉ xin nói rõ thêm và nhấn mạnh một số vấn đề liên quan đến tính chất, đặc điểm và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi nhằm xác định rõ vị trí của các sự kiện lịch sử này trong toàn bộ lịch sử phong trào đấu tranh vũ trang chống xâm lược Pháp của dân tộc ta cuối thế kỷ XIX.

1. Về tính chất của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình:

Nhiều tham luận tại cuộc hội thảo đã phân tích khá sâu sắc *tính chất yêu nước* của cuộc khởi nghĩa do Lê Trung Đình và những đồng chí của ông lãnh đạo. Điều đó chắc không có gì phải bàn cãi. Tuy nhiên, vấn đề được nhiều người đặt ra và có sự băn khoăn là cuộc khởi nghĩa này diễn ra trước khi nhận được chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi và mục tiêu chiến đấu là lật đổ quyền cai trị của quan lại triều đình tại Quảng Ngãi, vì vậy nó có nằm trong phạm trù của phong trào Cần vương kháng Pháp cuối thế kỷ XIX không?

Như chúng ta đều biết, sau khi đưa xa giá vua Hàm Nghi ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị), ngày 13.7.1885, Tôn Thất Thuyết thay mặt nhà vua, ban bố chiếu Cần

vương, kêu gọi nhân dân cả nước đứng lên phò vua đánh giặc cứu nước. Cũng ngay ngày hôm đó đã nổ ra cuộc khởi nghĩa tại Quảng Ngãi do Lê Trung Đình lãnh đạo.

Trong điều kiện kỹ thuật và phương tiện thông tin lúc bấy giờ, điều dễ dàng nhận thấy là chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi chưa kịp đến với quân khởi nghĩa ở Quảng Ngãi. Vậy, Lê Trung Đình dựa vào đâu và lấy danh nghĩa nào để quyết định hành động?

Chúng ta biết rằng, ngay sau khi triều đình Huế ký với Pháp hiệp ước Patenotre 1884, đặt cơ sở lâu dài và chủ yếu cho quyền đô hộ của thực dân Pháp ở Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của phái chủ chiến trong triều do Tôn Thất Thuyết đứng đầu, công cuộc chuẩn bị toàn dân kháng chiến đã được phát động trong khắp cả nước.

Cũng như nhiều tỉnh miền Trung khác, các văn thân Quảng Ngãi sớm tiếp nhận tinh thần kháng chiến của những người cầm đầu phái chủ chiến. Hàng loạt các tổ chức “Hương binh, đoàn kiệt”⁽¹⁾ đã được nhanh chóng thành lập. Một trong những lãnh tụ của phong trào “Hương binh, đoàn kiệt” ở Quảng Ngãi lúc bấy giờ là Cử nhân Lê Trung Đình. Mặc dầu còn rất trẻ - chỉ mới 21 tuổi đời - Cử Đình đã sớm được các văn thân trong tỉnh tín nhiệm và tôn phong làm người lãnh tụ phong trào nhờ những phẩm chất và tính cách của một người anh hùng trẻ tuổi.

Do đã chuẩn bị từ trước, ngay sau khi nhận được tin cấp báo về sự thất thủ ở kinh thành Huế, Lê Trung Đình

¹ : Đây là một tổ chức đoàn kết của dân binh trong các làng xã.

cùng Tú tài Nguyễn Tự Tân đã nhanh chóng tập hợp lực lượng hương binh phát cờ khởi nghĩa. Tất cả các đội hương binh từ khắp các làng xã trong tỉnh kéo về tụ nghĩa dưới sự lãnh đạo thống nhất của Cử nhân Lê Trung Đình. Nghĩa quân đã tôn Lê Trung Đình làm Chánh quản và Nguyễn Tự Tân làm Phó Chánh quản để chỉ huy lực lượng hương binh Bình Sơn tiến hành khởi nghĩa. Lê Trung Đình cũng liên lạc với Nguyễn Bá Loan ở Mộ Đức đang gây dựng lực lượng ở phía nam tỉnh để phối hợp hành động.

Dưới sự lãnh đạo của Lê Trung Đình, nghĩa quân kéo về thành Quảng Ngãi, yêu cầu quan cai trị ở tỉnh cung cấp lương thực, khí giới cho lực lượng hương binh và có kế hoạch phối hợp đánh Pháp. Nhưng quan lại ở tỉnh lúc bấy giờ đã tìm cách thoái thác, án binh bất động và tỏ thái độ chờ thời, không theo chủ trương kháng Pháp của phái chủ chiến.

Thấy rõ nếu không tiêu diệt những phần tử có tư tưởng đầu hàng Pháp thì sẽ bỏ lỡ thời cơ và không thể phát triển cuộc khởi nghĩa được, Lê Trung Đình và các đồng chí của ông quyết định tấn công thành Quảng Ngãi, giành lấy chính quyền và chủ động tổ chức đánh giặc, cứu nước.

Đúng ngày 13.7.1885, trong khi ở Quảng Trị, Tôn Thất Thuyết ban bố chiếu Cần vương thì lực lượng nghĩa quân do Lê Trung Đình lãnh đạo đã tấn công vào phủ lý Tư Nghĩa, quan quán triều đình ở Quảng Ngãi đầu hàng. Nghĩa quân nhanh chóng làm chủ thành Quảng Ngãi, bắt giam các quan đầu lĩnh thân Pháp, triển khai công cuộc

chuẩn bị đánh Pháp.

Như vậy, cuộc khởi nghĩa do Lê Trung Đình lãnh đạo đã diễn ra cùng một thời điểm với việc ban bố chiếu Cần vương. Phong trào Cần vương thực chất là phong trào đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp xâm lược của toàn thể nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của các văn thân, sĩ phu yêu nước.

Rõ ràng, cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình không phải là cái gì khác mà chính là một cuộc nổi dậy giành quyền, chủ động tổ chức phong trào vũ trang chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi. Bởi vậy, cuộc khởi nghĩa đó không những thuộc phạm trù của phong trào Cần vương kháng Pháp của nhân dân ta cuối thế kỷ XIX mà còn là cuộc khởi nghĩa nổ ra sớm nhất trong phong trào đó.

2. Về ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi:

Thắng lợi của nghĩa quân Quảng Ngãi hết sức nhanh chóng, nhưng sự tồn tại của cuộc khởi nghĩa do Lê Trung Đình lãnh đạo cũng rất ngắn ngủi, chỉ không đầy hai tuần sau thì một phần tử thân Pháp triệt để là Nguyễn Thân đã đưa quân đến đánh chiếm lại thành. Trong sự tàn sát và truy lùng đẫm máu của kẻ thù, Lê Trung Đình và nhiều chiến sĩ của nghĩa quân đã bị bắt, bị giết hại. Nhưng ảnh hưởng và tác động của cuộc khởi nghĩa là hết sức rõ ràng và nhanh chóng.

Tại Quảng Ngãi lúc đó hình thành một tình thế đặc biệt: thành tỉnh đặt dưới quyền viên quan đầu tỉnh thân

Pháp, các khu Công giáo được quân Pháp bảo vệ, còn lại là thuộc quyền kiểm soát của nghĩa hội. Tình hình đặc biệt của Quảng Ngãi lúc đó với tất cả các yếu tố bi kịch của nó đã nhanh chóng có ảnh hưởng tới phong trào các tỉnh nam Trung kỳ. Ở các tỉnh Quảng Nam phía bắc, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận phía nam, phong trào bùng nổ chậm hơn chút ít, và tùy từng địa phương mà có một số biểu hiện khác nhau, nhưng về đại thể tiến trình phát triển phong trào giống nhau. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, rốt cuộc phong trào Cần vương ở nam Trung kỳ và cuối cùng là phong trào Cần vương trong cả nước thất bại và bị chìm trong biển máu, nhiều chỉ huy nghĩa quân kiên cường, bất khuất như Lê Trung Đình, Mai Xuân Thưởng, Nguyễn Duy Hiệu... tiếp bước nhau ra pháp trường, các toán nghĩa quân tan rã, nhưng có một sự thực hiển nhiên mà chính kẻ thù là thực dân Pháp cũng phải thừa nhận, đó là dù cho bị đánh bại, phong trào dân tộc vẫn tồn tại mạnh mẽ trong toàn xứ đến mức đã quyết định thái độ của các nhà cầm quyền Pháp. Giáo sư Đinh Xuân Lâm cho biết, trong công văn gửi Thống đốc Nam kỳ Filippini ngày 6.5.1887, Khâm sứ Trung kỳ Bilhourd viết: "Vào lúc này mà thúc đẩy nhanh tinh thần yêu nước của đa số nhân dân An Nam, đây là tước bỏ đi của vua An Nam chút ít uy tín còn sót lại của ông ta"¹.

Đánh giá ý nghĩa và tác động của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình, có lẽ tất cả chúng ta đều đồng tình với nhận định của Giáo sư Đinh Xuân Lâm trình bày tại cuộc Hội

¹ : Xem bài tham luận của Giáo sư Đinh Xuân Lâm tại cuộc Hội thảo.

thảo này: "... có thể khẳng định trong sự bùng nổ mạnh mẽ của phong trào Cần vương nam Trung kỳ sau sự biến kinh thành Huế tháng 7.1885, Quảng Ngãi đã đóng vai trò *châm ngòi* và *khởi động* đầu tiên cho cả một chuỗi dài các cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh cùng lúc bùng nổ làm cho kẻ thù và tay sai hốt hoảng lo sợ. Cuối cùng dù rằng thất bại, điều đó cũng dễ hiểu trong lực lượng so sánh đôi bên quá ư chênh lệch có lợi cho kẻ thù được phong kiến tay sai cung tận tụy giúp sức, phong trào đấu tranh vũ trang yêu nước chống xâm lược Pháp của nhân dân Quảng Ngãi và các tỉnh nam Trung bộ vẫn để lại một số bài học quý về xác định mục tiêu đấu tranh, về yêu cầu tăng cường khối đoàn kết dân tộc, về xu thế của cuộc đấu tranh trong tình hình mới. Trên cơ sở đó, phong trào chỉ tạm lắng xuống, bề ngoài tưởng đâu ngọn lửa yêu nước chống kẻ thù cướp nước và bán nước đã tắt, nhưng nó vẫn âm ỉ trong tâm khảm mọi người, chỉ chờ thời cơ mới xuất hiện là sẽ cháy bùng lên để thiêu rụi bè lũ cướp nước và bán nước !"

Thiết nghĩ không cần phải bàn thêm gì nhiều. Nếu cần nói thêm thì chúng ta phải khẳng định rằng, trong lịch sử cận - hiện đại Việt Nam, kể từ khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta (1858) cho đến ngày cả dân tộc ta giành được độc lập và thống nhất hoàn toàn (1975), trước những biến cố lớn nhất của lịch sử phong trào giải phóng dân tộc, Quảng Ngãi hầu như luôn luôn khởi động và châm ngòi đầu tiên mà cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình đã tạo ra tiền lệ. Từ khởi nghĩa Lê Trung Đình đến khởi nghĩa Ba Tơ, Cách mạng Tháng Tám, khởi nghĩa Trà

Bông... là cả một chuỗi dài nối tiếp của một truyền thống, của một đặc tính: Quảng Ngãi.

Từ diễn đàn cuộc hội thảo, giới sử học đã nhất trí trong việc đánh giá người anh hùng trẻ tuổi Lê Trung Đình và cuộc khởi nghĩa do ông lãnh đạo. Trong các tác phẩm sử học chính thức của nước nhà cần ghi đậm hơn tên tuổi của ông và cuộc khởi nghĩa do ông lãnh đạo.

Mong rằng, thành công của cuộc Hội thảo sẽ nhanh chóng được công bố rộng rãi, làm tài liệu giáo dục truyền thống cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Quảng Ngãi, tháng 8.1996

DIỄN VĂN BẾ MẠC VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ TỪ HỘI THẢO KHOA HỌC "LÊ TRUNG ĐÌNH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG NGÃI" CỦA BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

Thưa các đồng chí đại biểu,

Kính thưa các nhà nghiên cứu khoa học,

Hội thảo khoa học "Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi" đã diễn ra trong 2 ngày qua, trong một bầu không khí đoàn kết, cởi mở, hăng hái với những trao đổi, những tham luận phong phú, sâu sắc và thú vị.

Như chúng ta đã biết, hội thảo nhận được 43 tham luận khoa học của các nhà nghiên cứu, các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu ở nhiều nơi trong cả nước như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, An Giang, Huế, Quảng Nam - Đà Nẵng, Bình Định, Nha Trang... Trong cuộc hội thảo này đã có nhiều báo cáo được trình bày và nhiều ý kiến tranh luận sôi nổi. Như trong báo cáo tổng kết hội thảo đã nói, hội thảo đã đạt được những kết quả quan trọng, tạo nên một dấu ấn, một bước ngoặt trong nghiên cứu về Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi. Ý nghĩa của Hội thảo là đã *tập hợp được một khối lượng tư liệu khá nhiều, khá công phu* về thân thế, tính cách, sự nghiệp cứu nước của Lê Trung Đình và làm rõ được phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi. Hội thảo cũng đặt ra *nhiều cách tiếp cận* về nhân vật lịch sử Lê Trung Đình, từ cách tiếp cận tài liệu chính sử của triều Nguyễn đến cách tiếp cận bằng những truyện kể, thơ ca dân gian, đến những tư liệu lưu trữ của Pháp, tư liệu của Thiên Chúa giáo... Các báo cáo khoa học tại hội thảo cũng đặt ra nhiều vấn đề về *mặt quan điểm, về phương pháp và cách nhìn nhận* đánh giá về con người và hoạt động của Lê Trung Đình cũng như về phía phản diện là tên bán nước cầu vinh Nguyễn Thân.

Các báo cáo tại hội nghị cũng đặt cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình trong bối cảnh của các cuộc khởi nghĩa của phong trào Cần vương ở nam Trung bộ và tìm hiểu linh cách con người Lê Trung Đình qua gia đình và quê hương Quảng Ngãi.

Nói chung các báo cáo đều cùng *nhận định* linh tiên phong, cao cả của cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình và Hương binh Quảng Ngãi, linh cách anh dũng và lẫm lẫm xả thân vì nước của Cử nhân Lê Trung Đình và các chiến sĩ của ông, khẳng định cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình là một trong những cuộc khởi nghĩa sớm và có tiếng vang của phong trào Cần vương ở nam Trung bộ và mối liên kết giữa các cuộc khởi nghĩa Nam - Ngãi - Đình.

Thế nhưng cuộc Hội thảo này cũng gợi ra nhiều vấn đề mà các nhà khoa học cũng như cơ quan văn hóa - thông tin của tỉnh nhà cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, trước hết là cần chính xác hóa các tài liệu đã được công bố về Lê Trung Đình như: ngày sinh, năm thi đỗ cử nhân, ngày khởi nghĩa, ngày bị xử chém, hành trạng của Lê Trung Lương và các nhân sĩ khác... Những vấn đề đặt ra thật thú vị và cho thấy việc nghiên cứu về Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi còn cần được tiếp tục.

Chúng ta cũng thống nhất với nhau về vai trò và vị trí của Lê Trung Đình và cuộc khởi nghĩa Cần vương trong lịch sử, chúng ta phấn khởi về những tư liệu và thành quả đạt được trong hội thảo, nhưng chúng ta cũng thấy rằng hội thảo đã đặt ra một nhiệm vụ nặng nề là cần phải tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, cần có những phân tích mới mẻ hơn với những tư liệu chính xác hơn về Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi.

Thông qua hội nghị, các đại biểu thống nhất kiến nghị các vấn đề sau:

- Một là *kiến nghị các nhà nghiên cứu* ở các trường đại học, các viện nghiên cứu, các trung tâm sử học, các nhà nghiên cứu ở các tỉnh liên quan gần gũi với Quảng Ngãi và các cán bộ văn hóa của tỉnh Quảng

Ngãi tiếp tục suy nghĩ, lăm lăm, nghiền cứu về những vấn đề đặt ra, những tư liệu được gợi mở từ trong cuộc hội thảo này. Chúng ta đều biết, tư liệu về Lê Trung Đình để lại rất ít ỏi và nhiều điểm chưa được chính xác, nên đây là một nhiệm vụ trọng tâm và là một đòi hỏi khách quan khoa học, nghiêm túc đối với lịch sử và đối với nhân dân Quảng Ngãi cũng như đối với cả nước.

Đề nghị ngành văn hóa tỉnh Quảng Ngãi chú ý sưu tầm thơ ca dân gian, chuyện kể, giai thoại, các tư liệu còn rải rác trong nhân dân về Lê Trung Đình và các sĩ phu khác ở Quảng Ngãi trong các giai đoạn lịch sử cận hiện đại.

- Hai là kiến nghị với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cho phép biên tập và *xuất bản tập kỷ yếu Lê Trung Đình và phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi*, cho phép sưu tầm, biên soạn bộ *Danh nhân Quảng Ngãi, Lịch sử địa phương* để giữ gìn vốn lịch sử văn hóa ở tỉnh nhà và có kế hoạch giảng dạy lịch sử địa phương trong nhà trường để giáo dục truyền thống, giáo dục lịch sử văn hóa địa phương cho thế hệ trẻ.

- Ba là đề nghị ngành văn hóa, bảo tồn bảo tàng *tu sửa phần mộ, nhà thờ các nhà yêu nước tiêu biểu trong phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi* trở thành những di tích lịch sử văn hóa. Đề nghị tỉnh và Nhà nước cho đặt tên Lê Trung Đình và các nhà yêu nước Cần vương ở Quảng Ngãi cho các con đường, các công trình giáo dục, văn hóa... ở tỉnh, ở thủ đô và các thành phố khác. Đề nghị Bộ Văn hóa công nhận di tích cấp Quốc gia cho di tích mộ phần và nhà thờ họ Lê - Trung cũng như cho các di tích lịch sử, cách mạng khác của tỉnh chưa được xếp hạng.

Những điều nhận được từ kết quả cuộc hội thảo này thật to lớn và vô cùng quý giá, xin cho phép tôi thay mặt Tỉnh ủy, UBND, Sở Văn hóa thông tin cùng Ban tổ chức Hội thảo, xin trân trọng cảm ơn Viện Sử học Việt Nam, Trung tâm nghiên cứu Lịch sử Viện Khoa học xã hội tại TP. Hồ Chí Minh, các trường đại học ở Huế và Hà Nội cùng các nhà nghiên cứu, các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ, các nhà nghiên cứu lịch sử và văn hóa của tỉnh Quảng Ngãi đã nhiệt tình gửi bài tham luận và tham

gia cuộc hội thảo này. Xin chân thành cảm ơn các đại biểu từ các tỉnh bạn Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam - Đà Nẵng, Bình Định, Nha Trang... đã về góp tiếng nói làm phong phú thêm cho hội thảo. Tôi xin cảm ơn các đồng chí lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ, các đồng chí cách mạng lão thành, đại diện các cơ quan liên quan, UBND, phòng VH TT các huyện, thị, Đài THVN thường trú tại Đà Nẵng, các phóng viên thông tấn báo chí của TW và của tỉnh đã đến dự, động viên, đưa tin về hội thảo này. Với tấm lòng trân trọng và biết ơn họ tộc Lê Trung Đình, một họ tộc đã làm rạng danh quê hương Quảng Ngãi và chân thành cảm ơn sự hiện diện của cụ Lê Trung Nguyên, cháu nội của nhà yêu nước Lê Trung Đình. Chân thành cảm ơn các đồng chí trong Ban Tổ chức, Văn phòng UBND thị xã, Nhà khách UBND tỉnh đã tích cực thực hiện và giúp đỡ để hội thảo thành công.

Một lần nữa xin cảm ơn tất cả các đại biểu và xin phép được bế mạc hội thảo, chúc đại biểu sức khỏe.

M ụ c l ụ c

□ LỜI NÓI ĐẦU	3
□ BẢO CÁO ĐỂ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC VỀ LỄ TRUNG ĐÌNH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG NGÃI	5
● NSƯT. TÀ HIẾN MINH	
□ VAI Y KIẾN BAN ĐẦU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NGHĨA HỘI QUẢNG NAM VÀ CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA LỄ TRUNG ĐÌNH Ở QUẢNG NGÃI	14
● NGUYỄN THANH VÂN	
□ VỀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG VÀ CUỘC KHỞI NGHĨA LỄ TRUNG ĐÌNH Ở QUẢNG NGÃI	18
● GS. PHAN NGỌC LIÊN	
□ VỀ VIỆC NGHIÊN CỨU LỄ TRUNG ĐÌNH, KHỞI NGHĨA LỄ TRUNG ĐÌNH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG NGÃI	25
● PGS. PTS. NGHIÊM ĐÌNH VỸ - PTS. TRINH TÙNG	
□ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI - ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA PHONG TRÀO NAM TRUNG KỲ HỐI ĐẦU THẾ KỲ THỨ XX	36
● GS. ĐINH XUÂN LÂM	
□ KHỞI NGHĨA LỄ TRUNG ĐÌNH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG NGÃI (1885)	45
● PTS. ĐỖ ĐỨC HÙNG	
□ NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ ĐÃ DIỄN RA NGAY TRONG ĐÊM HỒM TRƯỚC CUỘC KHỞI NGHĨA LỄ TRUNG ĐÌNH NGÀY 1.6 NĂM ẤT DẬU 1885	53
● PTS. NGUYỄN VĂN DIỆU	
□ CHIẾU HAY DỤ CẦN VƯƠNG ?	60
● TRẦN VIỆT NGẠC	
□ VỀ PHÂN KỲ TRIỀU NGUYỄN VÀ MỘT NGUYÊN NHÂN THẤT BẠI CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG QUẢNG NGÃI	69
● LÊ HỒNG KHÀNH	
□ LỄ TRUNG ĐÌNH QUA MỘT SỐ SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN	85
● TRẦN MANH TIẾN	

□ LỄ TRUNG ĐÌNH QUA CÁI NHÌN CỦA SỬ GIA TRIỀU NGUYỄN ● TRẦN MINH TÂN - NGUYỄN THU VÂN	91
□ THÁI ĐỘ CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ ĐỐI VỚI CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG NGÃI ● CHẾ LINH	98
□ VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH Ở QUẢNG NGÃI ● LÊ VĂN SÁCH - NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN	107
□ LÊ TRUNG ĐÌNH - NHÀ AI QUỐC TRẺ TUỔI CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CUỐI THẾ KỶ XIX ● NGUYỄN ĐẮC XUÂN	115
□ VỀ TÍNH TIỀN PHONG CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH ● PTS. ĐÌNH VĂN LIÊN	122
□ LÊ TRUNG ĐÌNH - LÃNH TỰ TIỀN PHONG CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CHỐNG PHÁP Ở KHU VỰC TRUNG - NAM TRUNG BỘ ● NGUYỄN THỊ HUYỀN MAI	127
□ MỘT CHÂNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ HAI NHÂN VẬT - HAI THÁI ĐỘ: LÊ TRUNG ĐÌNH - NGUYỄN THẦN ● QUÁCH THU NGUYỆT	132
□ VÀI SUY NGHĨ VỀ LÊ TRUNG ĐÌNH VỚI PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CHỐNG PHÁP ● HỒNG NHÂN	137
□ MẤY NHẬN XÉT VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH ● PTS. PHẠM QUANG TRUNG - BÙI THỊ THU HẠ	144
□ CHỈ SĨ LÊ TRUNG ĐÌNH VỚI PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG ● THÁI NHÂN HÓA	151
□ KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG KHÁNG PHÁP Ở CÁC TỈNH TRUNG BỘ VIỆT NAM VÀO NỬA CUỐI CỦA NĂM 1885 LỊCH SỬ ● ANH THƯ	156
□ GÓP PHẦN TÌM HIỂU PHONG TRÀO VĂN THÂN QUẢNG NGÃI VÀ CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH ● NGUT. NHUYỄN ĐÌNH THẮNG	161
□ CUỘC KHỞI NGHĨA CẦN VƯƠNG DO LÊ TRUNG ĐÌNH LÃNH ĐẠO TRONG PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CUỐI THẾ KỶ XIX ● TRẦN VĂN THẬN	173

- | | | |
|---|---|-----|
| □ | CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH TRONG PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CHỐNG THỰC DÂN PHÁP CUỐI THẾ KỶ XIX
● GS. PHAN NGOC LIÊN - TRƯỞNG CÔNG HUỲNH KỶ | 189 |
| □ | CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH: NHỮNG NGUYÊN NHÂN ĐƯA ĐẾN THẤT BẠI
● ĐỖ HỮU NGHIỆM | 205 |
| □ | MẤY SUY NGHĨA VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG NGÃI: THÀNH CÔNG VÀ THẤT BẠI
● TRƯƠNG QUANG VÂN | 210 |
| □ | NHÂN ĐỌC TIỂU SỬ LÊ TRUNG ĐÌNH NGHĨ TỚI MẤY CÂU THƠ NỔI TIẾNG CỦA VĂN THIÊN TƯỜNG
● PTS. NGUYỄN MINH TƯỜNG | 217 |
| □ | GÓP PHẦN TÌM HIỂU TẤM VỐC LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH
● PTS. NGUYỄN TUẤN TRIẾT | 223 |
| □ | LÊ TRUNG ĐÌNH - MỘT NGÔI SAO RẠNG NGỜI NGHĨA KHÍ TỪ ĐẤT CẨM THÀNH
● NGUYỄN HỒNG SINH | 228 |
| □ | LÊ TRUNG ĐÌNH - NGƯỜI MANG TÍNH ĐẶC TRƯNG CỦA SĨ PHU QUẢNG NGÃI VỚI PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG
● PHẠM NHỚ | 243 |
| □ | MỘT VÙNG VĂN HIẾN "TRÁI MẶT VỚI NON SÔNG"
● TRƯƠNG LƯU | 249 |
| □ | THỦ PHÁC HỌA CHÂN DUNG LÊ TRUNG ĐÌNH QUA MỘT SỐ GIAI THOẠI
● CAO CHU | 257 |
| □ | MỘT NHÂN VẬT CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CẦN ĐƯỢC GHI RÕ NÉT HƠN TRONG CÁC SÁCH LỊCH SỬ
● PHẠM HỒNG VIỆT | 265 |
| □ | SỰ PHỐI HỢP CHIẾN ĐẤU GIỮA NGHĨA QUÂN QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI VÀ BÌNH ĐỊNH TRONG PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CHỐNG PHÁP CUỐI THẾ KỶ XIX
● PTS. NGUYỄN ĐÌNH LÊ - PTS. NGUYỄN NGỌC CƠ | 271 |

- LỤC LƯƠNG CẦN VƯƠNG QUẢNG NGÃI - BÌNH ĐỊNH TRONG VIỆC PHỐI HỢP CHIẾN ĐẤU CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1885-1887) 285
● PHAN VĂN CẢNH
- VĂN THÂN - CẦN VƯƠNG KHO BÀU VỀ LÒNG YẾU NƯỚC VÀ NGHĨA KHÍ CỦA TRÍ THỨC NHO HỌC QUẢNG NGÃI 293
● LÊ VĂN QUAT
- NGUYỄN BÁ LOAN - MỘT LÃNH TỰ TIÊU BIỂU TRONG PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP Ở QUẢNG NGÃI CUỐI THẾ KỶ 19 ĐẦU THẾ KỶ 20 315
● NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN
- LÊ TRUNG ĐÌNH NGUYỄN TỰ TÂN, NGUYỄN BÁ LOAN VÀ PHONG TRAO CẦN VƯƠNG CỨU NƯỚC SÓI NỔI RỘNG KHẮP Ở HUYỆN BÌNH SƠN (1883 - 1888) 325
● VÕ PHU HÙNG
- TRẦN DU - LÃNH TỰ CUỐI CÙNG CỦA PHONG TRÀO VĂN THÂN QUẢNG NGÃI 344
● HOAI HÀ
- MỘT SỐ NHÂN VẬT TIÊU BIỂU TRONG PHONG TRÀO DUY TÂN VÀ CAO TRAO KHẮT THUẾ CU SƯU CỦA NHÂN DÂN QUẢNG NGÃI (1904-1908) 349
● NGUYỄN MẠNH
- BƯỚC ĐẦU SƯU TẦM NHỮNG DI TÍCH LIÊN QUAN ĐẾN PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG NGÃI 359
● CAO THỊ HỒNG HẠNH
- MỘT BƯỚC TIẾN QUAN TRỌNG TRONG VIỆC NGHIÊN CỨU CUỘC KHởi NGHĨA LÊ TRUNG ĐÌNH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG KHÁNG PHÁP Ở QUẢNG NGÃI CUỐI THẾ KỶ XIX 367
● PTS. TRẦN HỮU ĐÌNH
- DIỄN VĂN BẾ MẠC VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ TỪ HỘI THẢO KHOA HỌC "LÊ TRUNG ĐÌNH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG NGÃI" CỦA BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO 375

Chịu trách nhiệm xuất bản :

TẠ HIỂN MINH

Biên tập : **CAO CHƯ**

Bìa : **NGUYỄN HỮU HIẾU**

Trình bày : **MINH TUỆ**

In 500 bản khổ 14,5 x 20,5 tại Xí nghiệp in Quảng Ngãi .

Giấy phép xuất bản số : 69 /XBNT ngày 19/8/1997 của Sở VH TT
Quảng Ngãi In xong và nộp lưu chiểu tháng 10/1997



DCN.000793

